

THIẾT BỊ LƯU TRỮ VIDEO MẠNG

Hướng dẫn sử dụng

THIẾT BỊ LƯU TRỮ VIDEO MẠNG

Sách hướng dẫn sử dụng

Bản quyền

©2025 Hanwha Vision Co., Ltd. Tất cả các quyền được bảo hộ.

Nhãn hiệu

Mọi nhãn hiệu trong tài liệu này đều được đăng ký. Tên của sản phẩm này và các nhãn hiệu khác được đề cập trong sách hướng dẫn này là nhãn hiệu được đăng ký của công ty tương ứng.

Hạn chế

Bản quyền của tài liệu này được bảo hộ. Trong mọi trường hợp, không được sao chép, phân phối hay thay đổi, dù là một phần hay toàn bộ, tài liệu này khi chưa có sự cho phép chính thức.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Hanwha Vision nỗ lực hết mình để xác minh tính toàn vẹn và chính xác của các nội dung trong tài liệu này, nhưng hãng không đưa ra bất cứ bảo đảm chính thức nào. Việc sử dụng tài liệu này và kết quả sau đó sẽ hoàn toàn thuộc trách nhiệm của người dùng.

Hanwha Vision bảo lưu quyền được thay đổi nội dung của tài liệu này mà không có thông báo trước.

❖ Thiết kế và thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo trước.

Bạn có thể tải xuống phiên bản mới nhất từ trang web của Hanwha Vision. (www.HanwhaVision.com)

❖ ID quản lý mật khẩu không đúng cách gây ra. ban đầu là "admin" và nên đặt mật khẩu khi đăng nhập lần đầu.

Hãy thay đổi mật khẩu của bạn ba tháng một lần để bảo vệ an toàn cho thông tin cá nhân và tránh bị thiệt hại do ăn trộm thông tin.

Hãy lưu ý rằng người dùng chịu trách nhiệm về vấn đề an ninh và bất cứ vấn đề nào khác mà do quản lý mật khẩu không đúng cách gây ra.

Hanwha Vision Co., Ltd. là nhà sản xuất camera giám sát cung cấp thiết bị thông tin dạng video với nhiều chức năng khác nhau. Người dùng phải tuân thủ luật pháp địa phương khi sử dụng thiết bị của chúng tôi. Người dùng tự chịu trách nhiệm cho mọi hành vi sử dụng bất hợp pháp các sản phẩm của chúng tôi.

HƯỚNG DẪN AN TOÀN QUAN TRỌNG

- Đọc kỹ hướng dẫn vận hành này trước khi sử dụng thiết bị.
- Thực hiện theo mọi chỉ dẫn an toàn nêu bên dưới.
- Giữ hướng dẫn vận hành này ở nơi tiện tham khảo sau này.
- 1) Đọc hướng dẫn này.
 - 2) Giữ lại hướng dẫn này.
 - 3) Chú ý tới tất cả các cảnh báo.
 - 4) Thực hiện theo mọi chỉ dẫn.
 - 5) Không sử dụng thiết bị này gần nước.
 - 6) Vệ sinh vùng bị nhiễm bẩn trên bề mặt sản phẩm bằng một mảnh vải mềm, khô hoặc một mảnh vải ẩm. (Không sử dụng chất tẩy rửa hay mỹ phẩm chứa cồn, dung môi hay hoạt chất bề mặt hay thành phần chứa dầu bởi chúng có thể gây biến dạng hoặc làm hỏng sản phẩm.)
 - 7) Không được chặn bất cứ khe thông khí nào. Lắp đặt theo chỉ dẫn của nhà sản xuất.
 - 8) Không được lắp đặt gần bất cứ nguồn nhiệt nào như bộ tản nhiệt, công-tơ nhiệt, lò nung hay các thiết bị khác (bao gồm cả bộ khuếch đại) có sinh ra nhiệt.
 - 9) Không được vô hiệu hóa tính năng an toàn của loại phích cắm phân cực hay nối đất. Phích cắm phân cực có hai lá, một lá rộng hơn lá còn lại. Phích cắm nối đất có hai lá và một chạc nối đất thứ ba. Mục đích của lá rộng hay chạc thứ ba là để đảm bảo an toàn. Nếu phích cắm cung cấp không vừa với ổ điện của bạn, hãy tham vấn thợ điện để thay thế ổ điện cũ.
 - 10) Bảo vệ dây nguồn để không bị dẫm lên hay kẹp, nhất là ở chỗ phích cắm, hốc cắm tiện nghi và điểm chỗ dây ra khỏi thiết bị.
 - 11) Chỉ sử dụng phụ tùng/phụ kiện do nhà sản xuất quy định.
 - 12) Chỉ sử dụng xe đẩy, giá cán, giá ba chân, bệ hay bàn do nhà sản xuất quy định hoặc được bán kèm với thiết bị. Khi sử dụng xe đẩy, hãy thận trọng khi di chuyển cụm xe đẩy/thiết bị để tránh bị thương do xe lật đè.



- 13) Rút phích cắm của thiết bị này khi trời có sấm sét, mưa bão hay khi không sử dụng trong khoảng thời gian dài.
- 14) Mọi tác vụ bảo trì phải do nhân viên bảo trì có trình độ thực hiện. Yêu cầu bảo trì bất cứ khi nào hỏng thiết bị, chẳng hạn như dây nguồn hay phích cắm bị hỏng, tràn chất lỏng hay có đồ vật đổ vào thiết bị, thiết bị tiếp xúc với nước mưa hay hơi ẩm, không vận hành bình thường hoặc bị đánh rơi.

MÔ TẢ VỀ TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SẢN PHẨM

- Tài liệu này là hướng dẫn sử dụng cho sản phẩm Thiết bị lưu trữ Wisenet. Trước khi sử dụng sản phẩm này, vui lòng đọc kỹ tài liệu này để sử dụng sản phẩm đúng cách.
- Hướng dẫn sử dụng này giải thích cách sử dụng sản phẩm dựa trên cài đặt mặc định và màn hình mặc định của sản phẩm này.
 - Nội dung của hướng dẫn này có thể thay đổi tùy thuộc vào các bản cập nhật phần mềm của sản phẩm và chính sách của công ty. Nội dung này có thể thay đổi một phần mà không cần thông báo trước cho người dùng.

ĐỐI TƯỢNG HƯỚNG TỚI

Hướng dẫn sử dụng này chứa nội dung dành cho người dùng Thiết bị lưu trữ Wisenet.

CÁCH SỬ DỤNG SẢN PHẨM

- Người dùng sản phẩm này có thể thực hiện những việc sau:
- Giám sát các camera đã đăng ký với Thiết bị lưu trữ Wisenet trong thời gian thực
 - Tìm kiếm hoặc phát video được lưu trong Thiết bị lưu trữ Wisenet
 - Giám sát dữ liệu văn bản truyền đến thiết bị POS được kết nối với Thiết bị lưu trữ Wisenet trong thời gian thực
 - Tìm kiếm dữ liệu văn bản từ thiết bị POS được kết nối với Thiết bị lưu trữ Wisenet
 - Giám sát các sự kiện thời gian thực xảy ra trong Thiết bị lưu trữ Wisenet, cảm biến và camera hoặc tìm kiếm trong nhật ký
- Trước khi sử dụng sản phẩm này, hãy kiểm tra xem phiên bản mới nhất của phần mềm này đã được cài đặt chưa. Truy cập trang web của Hanwha Vision (www.HanwhaVision.com) để kiểm tra phiên bản phần mềm và tải xuống các tệp cần thiết.

tổng quan

CÁC CHỨC NĂNG ĐƯỢC MODEL HỖ TRỢ

Tên model		XRN-815S	XRN-420S	QRN-1630S	QRN-830S	QRN-430S
Chức năng						
Quạt		O	X	O	X	X
P2P		O	O	O	O	O
Cần điều khiển		O	X	O	O	X
Màn hình mở rộng		O	X	O	X	X
Xử lý chương ngại vật		O	O	O	O	O
Bảo động		O	O	O	X	X
RAID		X	X	X	X	X
Ghi phân tán		X	X	X	X	X
iSCSI		X	X	X	X	X
Chức năng tương thích AI	Tìm kiếm bằng AI	O	O	X	X	X
Chức năng nhận diện bằng AI	Phát hiện đối tượng	X	X	X	X	X
	Tìm kiếm LPR	X	X	X	X	X
Nguồn điện dự phòng		X	X	X	X	X
PoE		O	O	O	O	O
Điều chỉnh uốn cong		X	X	X	X	X

TỔNG QUAN

3

- 3 Hướng dẫn an toàn quan trọng
- 3 Mô tả về tài liệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm
- 3 Đối tượng hướng tới
- 3 Cách sử dụng sản phẩm
- 4 Các chức năng được model hỗ trợ
- 5 Nội dung

BẮT ĐẦU

9

- 9 Khởi động hệ thống
- 9 Trình hướng dẫn cài đặt
- 12 Bảng cài đặt camera
- 14 Tắt hệ thống
- 14 Khởi động lại hệ thống
- 14 Đăng nhập

TRỰC TIẾP

15

- 15 Bố cục màn hình trực tiếp
 - 16 Kiểm tra trạng thái hệ thống
 - 17 Kiểm tra danh sách camera
 - 18 Menu màn hình trực tiếp
 - 18 Biểu tượng trên Màn hình trực tiếp
 - 19 Hiển thị thông tin OSD
 - 20 Hiển thị thông tin kênh
 - 20 Kiểm tra trạng thái camera
 - 22 Cài đặt kênh
 - 22 Tự động sắp xếp màn hình theo trình tự
 - 22 Thay đổi tùy chọn cố định tỉ lệ hình ảnh kênh tổng thể
 - 23 Chế độ toàn màn hình
- 23 Thiết lập bố cục trực tiếp
 - 23 Kiểm tra danh sách bố cục
 - 24 Thêm bố cục và đặt tên
 - 24 Xóa bố cục
 - 24 Thay đổi kênh và tên của bố cục
 - 24 Bố cục động
 - 26 Phát trình tự bố cục

26 Giám sát sự kiện thời gian thực

- 26 Kiểm tra danh mục sự kiện
- 27 Tìm kiếm sự kiện
- 28 Trình xem sự kiện tức thì
- 28 Dừng thông báo đầu ra

28 Kiểm soát video camera

- 28 Lấy thủ công
- 29 Trình xem tức thì
- 29 Chế độ phát hiện nhiệt độ
- 30 Chế độ PTZ
- 30 Phóng to
- 30 Âm thanh
- 31 Văn bản hiển thị
- 31 Thay đổi tùy chọn cố định tỉ lệ hình ảnh kênh
- 32 Điều chỉnh uốn cong

32 Kiểm soát PTZ

- 32 Bắt đầu với hoạt động PTZ
- 32 Menu kiểm soát PTZ
- 33 Sử dụng chức năng PTZ kỹ thuật số (D-PTZ)
- 33 Thiết lập sẵn
- 34 Chạy thiết lập sẵn
- 34 Chạy Xoay (xoay tự động), Nhóm (quét), Tour hoặc Dõi vết (mẫu hình)

34 Xuất video đã quay

TÌM KIẾM

36

- 36 Bố cục màn hình Tìm kiếm
- 36 Tìm kiếm thời gian
- 37 Tìm kiếm sự kiện
- 37 Tìm kiếm văn bản
- 38 Tìm kiếm xuất
- 38 Tìm kiếm ARB
- 39 Tìm kiếm dấu trang
- 39 Tìm kiếm thông minh

TÌM KIẾM BẰNG AI

40

- 40 Bố cục màn hình Tìm kiếm bằng AI
- 40 Tìm kiếm người
- 41 Tìm kiếm khuôn mặt
- 41 Tìm kiếm xe
- 42 Tìm kiếm bằng LP
- 42 Tìm kiếm LPR

PHÁT

43

- 43 Bố cục màn hình Phát
- 44 Phát kết quả tìm kiếm
 - 44 Điều chỉnh dòng thời gian
 - 44 Mở kênh dòng thời gian
 - 44 Tên và chức năng của nút phát
- 45 Xuất kết quả tìm kiếm

THIẾT LẬP

46

- 46 Bố cục màn hình Thiết lập
- 46 Cài đặt camera
 - 46 Cài đặt kênh
 - 50 Cài đặt chức năng camera
 - 51 Cài đặt hồ sơ
 - 54 Cài đặt mật khẩu camera
- 55 Cài đặt ghi
 - 55 Lịch ghi
 - 55 Thiết lập ghi
 - 56 Tùy chọn ghi
- 56 Cài đặt sự kiện
 - 56 Công cụ AI
 - 57 Thiết lập sự kiện
 - 59 Thiết lập quy tắc sự kiện
 - 61 Nhập thông báo
 - 61 Cài đặt ONVIF
 - 62 Lịch
- 62 Cài đặt thiết bị
 - 62 Thiết bị lưu trữ
 - 67 Màn hình
 - 68 Văn bản

70 Cài đặt mạng

- 70 IP & cổng
- 71 DDNS & P2P
- 73 Lọc IP & MAC
- 74 HTTPS
- 75 802.1x
- 75 FTP
- 76 E-mail
- 77 SNMP
- 77 Máy chủ DHCP
- 78 Xử lý chương ngại vật

79 Cài đặt hệ thống

- 79 Ngày/Giờ/Ngôn ngữ
- 80 Người dùng
- 83 Quản lý hệ thống
- 84 Nhật ký

TRÌNH XEM WEB KHỞI ĐẦU

86

- 86 Trình xem web là gì?
 - 86 Tính năng sản phẩm
 - 86 Yêu cầu hệ thống
- 86 Kết nối trình xem web
- 87 Đặt mật khẩu thiết bị lưu trữ
- 87 Trình hướng dẫn cài đặt
- 89 Bảng cài đặt camera

TRÌNH XEM TRỰC TIẾP

90

- 90 Bố cục màn hình Trình xem trực tiếp
- 91 Kiểm tra trạng thái hệ thống
- 91 Kiểm tra ID người dùng
- 91 Kiểm tra danh sách camera
- 92 Kiểm tra trạng thái của tất cả camera
 - 92 Trạng thái trực tiếp
 - 92 Trạng thái ghi
 - 92 Trạng thái mạng
 - 92 Trạng thái PoE

- 93 Thay đổi mẫu màn hình chia
- 93 Thay đổi tùy chọn cố định tỉ lệ hình ảnh kênh tổng thể
- 94 Chế độ toàn màn hình
- 94 Thiết lập bố cục trực tiếp
 - 94 Kiểm tra danh sách bố cục
 - 94 Thêm bố cục và đặt tên
 - 95 Thay đổi kênh và tên của bố cục
 - 95 Xóa bố cục
- 95 Giám sát sự kiện thời gian thực
 - 95 Kiểm tra danh mục sự kiện
 - 96 Tìm kiếm sự kiện
 - 97 Trình xem sự kiện tức thì
 - 97 Dừng thông báo đầu ra
- 97 Menu màn hình trực tiếp
- 98 Kiểm soát video camera
 - 98 Lấy thủ công
 - 98 Chụp
 - 98 Ghi PC
 - 98 Trình xem tức thì
 - 98 Đầu ra micro
 - 99 Chế độ PTZ
 - 99 Phóng to
 - 99 Âm thanh
 - 99 Xoay ảnh
 - 100 Cố định tỉ lệ hình ảnh kênh
- 100 Kiểm soát PTZ
 - 100 Menu kiểm soát PTZ
 - 101 Sử dụng chức năng PTZ kỹ thuật số (D-PTZ)
 - 101 Thiết lập sẵn
 - 101 Chạy thiết lập sẵn
 - 101 Chạy Xoay (xoay tự động), Nhóm (quét), Tour hoặc Dõi vết (mẫu hình)
- 102 Xuất video

TRÌNH XEM TÌM KIẾM

103

- 103 Bố cục màn hình Trình xem tìm kiếm
- 103 Tìm kiếm thời gian
- 104 Tìm kiếm sự kiện
- 104 Tìm kiếm văn bản
- 105 Tìm kiếm dấu trang
- 105 Xuất kết quả tìm kiếm

TRÌNH XEM TÌM KIẾM AI

106

- 106 Bố cục màn hình Trình xem tìm kiếm bằng AI
- 106 Tìm kiếm người
- 107 Tìm kiếm khuôn mặt
- 107 Tìm kiếm xe
- 108 Tìm kiếm LP
- 108 Tìm kiếm LPR
- 109 Xuất kết quả tìm kiếm

PHÁT

110

- 110 Phát kết quả tìm kiếm
 - 110 Cách điều chỉnh dòng thời gian
- 110 Xuất video bằng cách thiết lập khoảng
 - 111 Tên và chức năng của nút phát

TRÌNH XEM THIẾT LẬP

112

- 112 Bố cục màn hình Trình xem thiết lập
- 112 Cài đặt camera
 - 112 Thiết lập kênh
 - 112 Cài đặt camera
 - 113 Thiết lập hồ sơ
 - 114 Mặt khẩu camera
- 114 Cài đặt ghi
 - 114 Lịch ghi
 - 114 Thiết lập ghi
 - 115 Tùy chọn ghi
- 115 Cài đặt sự kiện
 - 115 Công cụ AI
 - 115 Thiết lập sự kiện
 - 117 Thiết lập quy tắc sự kiện
 - 117 Nhập thông báo
 - 118 Cài đặt ONVIF
 - 118 Lịch
- 118 Cài đặt thiết bị
 - 118 Thiết bị lưu trữ
 - 119 Màn hình
 - 120 Văn bản
- 120 Cài đặt mạng
 - 120 IP & cổng
 - 121 DDNS & P2P
 - 121 Lọc IP & MAC
 - 121 HTTPS
 - 121 802.1x
 - 122 FTP
 - 122 E-mail
 - 123 SNMP
 - 123 Máy chủ DHCP
- 124 Cài đặt hệ thống
 - 124 Ngày/giờ/ngôn ngữ
 - 124 Người dùng
 - 125 Quản lý hệ thống
 - 125 Nhật ký

TRÌNH XEM XUẤT

127

- 127 Trình xem sao lưu SEC
 - 127 Yêu cầu hệ thống để xuất
 - 127 Bố cục màn hình Trình xem sao lưu

PHỤ LỤC

129

- 129 Sử dụng cần điều khiển
- 129 Sử dụng bàn phím ảo
- 130 Khắc phục sự cố

bắt đầu

KHỞI ĐỘNG HỆ THỐNG


1. Cắm cáp nguồn của thiết bị lưu trữ vào ổ cắm trên tường.
2. Bạn sẽ thấy màn hình khởi tạo.

Quá trình khởi tạo sẽ kéo dài khoảng 2 phút. Nếu bạn cài đặt HDD mới, quá trình khởi tạo có thể lâu hơn.



3. Màn hình trực tiếp xuất hiện với một tiếng bíp.

Bạn có thể thấy các dấu hiệu sau khi khởi động hệ thống.

- Nếu số HDD hiển thị ở cuối màn hình cùng với  > trong khi sản phẩm đang khởi động nghĩa là HDD đang được phục hồi và vì vậy, quá trình khởi động có thể diễn ra lâu hơn.



- Nếu tiến trình dừng lại khi ở trạng thái  > nghĩa là HDD có vấn đề. Hãy đến trung tâm dịch vụ khách hàng gần nhất để kiểm tra HDD.



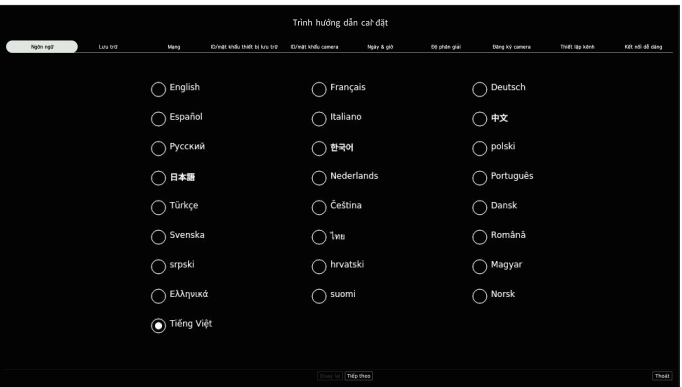
TRÌNH HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT

Như minh họa bên dưới, hãy tiến hành từng bước của <Trình hướng dẫn cài đặt>.

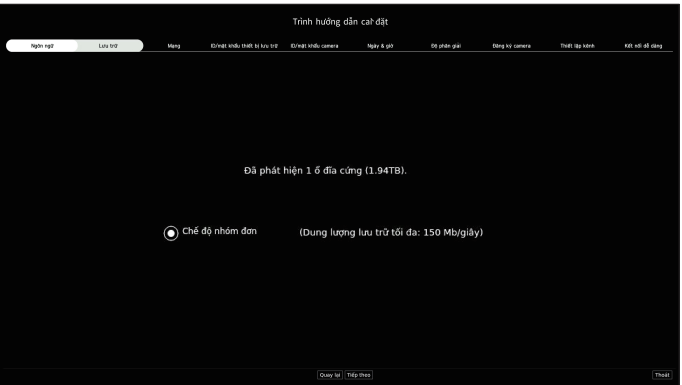
Chỉ có thể truy cập Trình hướng dẫn Cài đặt khi khôi phục cài đặt gốc. Nếu bạn không muốn tiếp tục, nhấn vào <Thoát>.

- Việc này sẽ tự động thay đổi độ phân giải thành độ phân giải màn hình tối ưu và chạy trình hướng dẫn cài đặt.
- Nếu trình hướng dẫn cài đặt không chạy, hãy tháo kết nối màn hình khỏi phía sau thiết bị lưu trữ, khởi động lại thiết bị lưu trữ và kết nối lại màn hình.

1. Trên màn hình <Ngôn ngữ>, chọn ngôn ngữ rồi nhấn vào nút <Tiếp theo>.



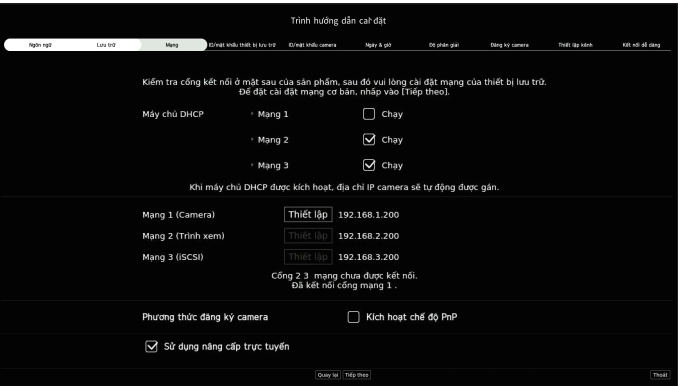
2. Đặt phương thức ghi video trên màn hình <Lưu trữ>, sau đó nhấn vào <Tiếp theo>.



- Chế độ phân tán: Chức năng này chỉ khả dụng cho các sản phẩm hỗ trợ ghi phân tán. Có thể chọn <**Chế độ phân tán**> khi có hai ổ đĩa cứng trở lên. Chế độ này phân tán và lưu dữ liệu sau khi ổ đĩa cứng được định dạng.
- Chế độ RAID: Chức năng này chỉ khả dụng cho các sản phẩm hỗ trợ RAID. <**Chế độ RAID**> lưu dữ liệu bằng cách cấu hình ổ đĩa cứng ở định dạng RAID.
- Chế độ nhóm đơn: Lưu dữ liệu trên một ổ đĩa cứng. Nếu ổ đĩa cứng được nhận dạng là không sử dụng được trong thiết bị lưu trữ, có thể lưu dữ liệu sau khi định dạng ổ đĩa cứng.

bắt đầu

3. Đặt loại kết nối mạng và môi trường kết nối trên màn hình <Mạng>, sau đó nhấp vào <Tiếp theo>.



Thiết lập máy chủ DHCP

Nếu bạn thiết lập máy chủ DHCP thành <Chạy>, địa chỉ IP sẽ tự động được gán cho camera của bạn.

Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt mạng > Máy chủ DHCP**" trong Mục lục.




Tùy thuộc vào trạng thái mà có thể camera không tự động được gán IP. Sau khi thoát khỏi trình hướng dẫn cài đặt, hãy chuyển đến menu để gán IP cho DHCP hoặc đặt IP theo cách thủ công.

Thiết lập mạng

Mỗi sản phẩm hỗ trợ một số cổng mạng khác nhau. Nếu sản phẩm hỗ trợ hai cổng mạng trở lên, bạn có thể đặt mạng cho từng chức năng như sau. Nhấp vào <Thiết lập> của mạng được kết nối với thiết bị lưu trữ.

- Mạng 1 (Camera): Có thể sử dụng làm cổng kết nối camera. Nếu bạn kết nối camera thì video của camera sẽ được truyền.
- Mạng 2 (Trình xem): Có thể sử dụng làm cổng truyền video đến trình xem web. Nếu bạn truy cập thông tin mạng trên trình duyệt thì bạn có thể giám sát video từ xa trong trình xem web.
- Mạng 3 (iSCSI): Có thể sử dụng làm cổng kết nối iSCSI.
 - Chỉ được cung cấp cho các sản phẩm hỗ trợ Mạng 3.
- Mạng (Tất cả): Có thể sử dụng làm cổng chung để kết nối camera, trình xem web và iSCSI.
 - Loại IP: Cho phép bạn chọn loại truy cập mạng.
 - Địa chỉ IP, Mật nạ mạng phụ, Cổng, DNS
 - Thủ công: Có thể nhập trực tiếp địa chỉ IP, mật nạ mạng phụ, cổng và DNS.
 - DHCP: Có thể đặt tự động địa chỉ IP, mật nạ mạng phụ, cổng và DNS.

- 
- Nếu cáp LAN không kết nối với cổng, nút <Thiết lập> sẽ không được kích hoạt để sử dụng. Kiểm tra kết nối cáp LAN. (Trong trường hợp sản phẩm PoE, Mạng 1 sẽ được kích hoạt.)
 - Máy chủ DHCP tích hợp trong Thiết bị lưu trữ sẽ tự động bật ở giai đoạn 1. Ở giai đoạn này, việc sử dụng máy chủ DHCP hiện có trong cùng một mạng có thể gây ra sự cố, vì hai máy chủ DHCP sẽ hoạt động đồng thời.
 - Một sản phẩm có nhiều cổng mạng không thể sử dụng một bảng thông duy nhất cho tất cả cổng mạng.

Ví dụ:

- Cổng 1: 192.168.100.199 / Cổng 2: 192.168.100.198 (X)
- Cổng 1: 192.168.100.199 / Cổng 2: 192.168.101.198 (O)

Cài đặt phương thức đăng ký camera

Chức năng này chỉ sẵn có với các sản phẩm hỗ trợ PoE. Đối với các sản phẩm hỗ trợ PoE, hãy tham khảo trang "**Các chức năng được model hỗ trợ**".

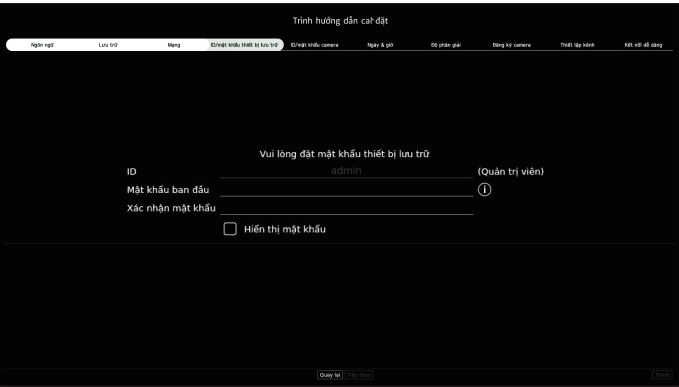
- Kích hoạt chế độ PnP: Camera kết nối với cổng PoE của sản phẩm sẽ tự động được đăng ký cho từng kênh theo thứ tự số cổng.
 - Khi camera đặt lại về cài đặt gốc mặc định, ID và mật khẩu sẽ được đặt về ID và mật khẩu mặc định trong bước <ID/mật khẩu camera>. Nếu ID và mật khẩu camera không được đặt thì ID và mật khẩu thiết bị lưu trữ sẽ được đặt tự động.
 - Nếu ID và mật khẩu của camera đã được đặt, thông tin khớp với ID và mật khẩu đã đặt trong bước <ID/mật khẩu camera> sẽ được đăng ký (tối đa 3 bộ). Nếu bạn muốn đăng ký camera sử dụng IP thủ công thì bằng thông của camera phải khớp với bằng thông của IP Mạng 1.
 - Nếu sử dụng chế độ thủ công, nó sẽ tự động phát hiện và đăng ký các camera được kết nối với cổng PoE của thiết bị lưu trữ và các camera được kết nối với một nguồn riêng biệt.

Nâng cấp trực tuyến

Bạn có thể nhận được thông báo về phần mềm điều khiển mới khi kết nối thiết bị với mạng.

4. Đặt mật khẩu quản trị viên trên màn hình <ID/mật khẩu thiết bị lưu trữ> và nhấp vào <Tiếp theo>.

Nhấp vào <?> để xem hướng dẫn cơ bản về cách đặt mật khẩu. Tham khảo quy tắc cài đặt mật khẩu.



5. Đặt mật khẩu camera khi khôi phục cài đặt gốc trên màn hình <ID/mật khẩu camera>.
- Nếu ID/mật khẩu đã được đặt trong camera, hãy đăng ký ID/mật khẩu rồi nhấn vào <Tiếp theo>.

- Khi mật khẩu ở dạng khôi phục cài đặt gốc, bạn có thể thay đổi và quản lý mật khẩu hàng loạt.
- Có thể đăng ký tối đa 3 bộ ID camera có mật khẩu và mật khẩu.
- Bạn có thể thay đổi mật khẩu của tất cả camera được đăng ký cùng lúc trong menu "**Thiết lập > Camera > Mật khẩu camera**".
- Bạn không thể thay đổi mật khẩu cho các camera được đăng ký bằng ONVIF và RTSP.

6. Đặt ngày, giờ, múi giờ tiêu chuẩn và thời gian tiết kiệm ánh sáng trên màn hình <Ngày & giờ>, rồi nhấn vào <Tiếp theo>.

- Thiết lập múi giờ tiêu chuẩn có thể khác nhau tùy thuộc vào khu vực phát hành sản phẩm.

7. Để đặt độ phân giải khuyến cáo trên màn hình <Độ phân giải>, nhấn <Áp dụng> sau đó nhấn nút <Tiếp theo>.

- Chức năng này không được hỗ trợ trong một số model.

8. Trên màn hình <Đăng ký camera>, chọn camera cần đăng ký từ danh sách camera được tìm kiếm và nhấn vào <Đăng ký>.

Chọn camera cần đăng ký từ danh sách, rồi nhấn vào <Thay đổi IP>.

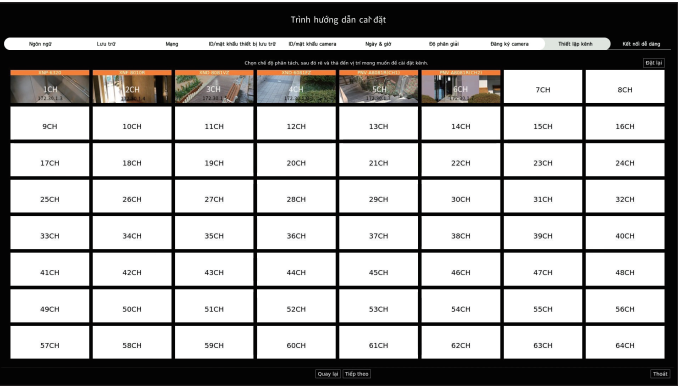
Sau khi đăng ký camera xong, nhấn vào <Tiếp theo>.

- Sau khi nhập ID và mật khẩu đã đặt trong camera, bạn phải hoàn tất việc kiểm tra kết nối để đăng ký thành công.

bắt đầu

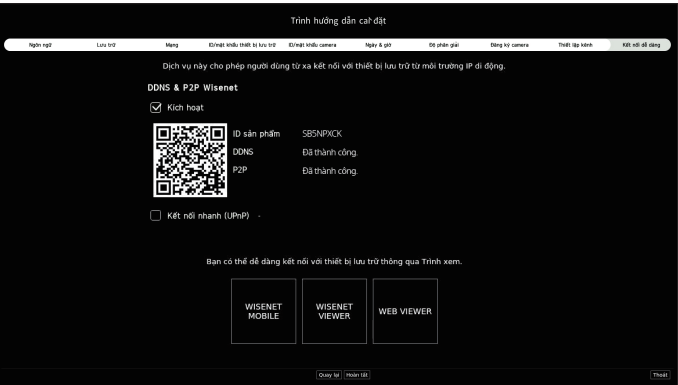
9. Trên màn hình <Thiết lập kênh>, bạn có thể xem các video camera đã đăng ký cho từng kênh dưới dạng hình thu nhỏ cùng với thông tin hình thu nhỏ. Để thay đổi vị trí video camera, hãy chọn video rồi kéo và thả video vào vị trí bạn muốn.

Sau khi hoàn tất thiết lập kênh, nhấp vào <Tiếp theo>.



10. Trên màn hình <Kết nối dễ dàng> người dùng từ xa có thể nối mạng một thiết bị lưu trữ trong hệ thống IP động. Nhấp vào <Kích hoạt> để kiểm tra kết nối xem liệu có thể kết nối thiết bị lưu trữ hiện tại từ xa hay không. Khi kết nối thành công, mã QR sẽ được tạo.

Để kết nối một thiết bị lưu trữ qua trình xem, hãy chọn trình xem bạn muốn sử dụng. Bạn có thể kiểm tra phương thức kết nối của trình xem đã chọn trong cửa sổ bật lên.



■ Nó kết nối với Wisenet DDNS trước tiên. Nếu không kết nối với DDNS, nó sẽ tự động kết nối với P2P.

11. Nhấp vào <Hoàn tất> để hoàn thành Trình hướng dẫn cài đặt.

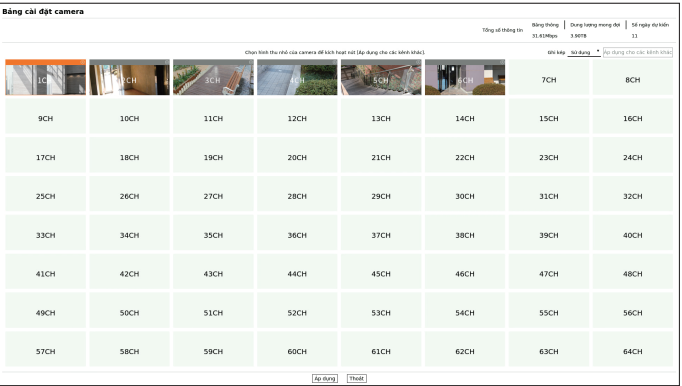
BẢNG CÀI ĐẶT CAMERA

Khi trình hướng dẫn cài đặt đóng, màn hình bảng cài đặt camera tự động xuất hiện.

Dựa trên thông tin hồ sơ ghi của camera đã đăng ký, bạn có thể kiểm tra tổng băng thông, dung lượng mong đợi và số ngày dự kiến.

Bạn có thể thay đổi cài đặt camera và lịch ghi, đồng thời áp dụng cài đặt tương tự cho các kênh khác.

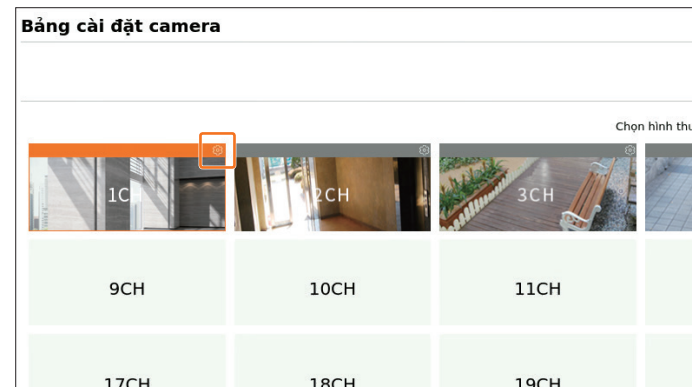
■ Màn hình bảng cài đặt camera cũng được hiển thị khi đăng ký camera lần đầu tiên trong menu "Thiết lập > Camera > Thiết lập kênh".



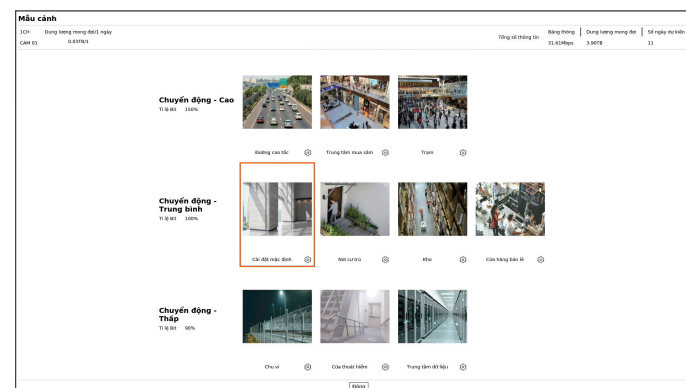
- Bảng thông/Dung lượng mong đợi/Số ngày dự kiến: Hiển thị tổng băng thông, dung lượng mong đợi và số ngày dự kiến của camera đã đăng ký.
(Điều này có thể khác với nội dung ghi thực tế.)
- Ghi kép: Bạn có thể chọn có sử dụng ghi kép hay không.
- Áp dụng cho các kênh khác: Bạn có thể áp dụng cài đặt của kênh đã chọn cho các kênh khác theo cách tương tự. Chọn kênh mong muốn trong cửa sổ xác nhận "**Áp dụng cho các kênh khác**" và nhấp vào <Ok>.
 - Chỉ áp dụng cho các kênh đã đăng ký với cùng model camera.
- Áp dụng: Tính năng phát hiện chuyển động được kích hoạt cho camera và thiết bị lưu trữ.
 - Nếu khu vực phát hiện chuyển động không được đặt trên camera, nó sẽ được tạo với kích thước tối đa có thể đặt.
 - Tính năng phát hiện chuyển động có thể không khả dụng tùy thuộc vào cài đặt camera.
- Thoát: Kết thúc chức năng của bảng cài đặt camera.
Bạn có thể kích hoạt tính năng phát hiện chuyển động bằng cách nhấp vào <Áp dụng>. Nếu bạn nhấp vào <Thoát> mà không nhấp vào <Áp dụng>, tính năng phát hiện chuyển động sẽ không được kích hoạt.

Cấu hình Môi trường Video

Chọn hình thu nhỏ của kênh mà bạn muốn thay đổi cài đặt và nhấp vào <⚙️>. Màn hình ví dụ được hiển thị theo môi trường cài đặt camera. Màn hình ví dụ cung cấp các cài đặt camera phù hợp với môi trường.



Bạn có thể chọn các mục liên quan đến kênh của mình. Một video với nhiều chuyển động hơn có thể có tốc độ bit cao hơn, dẫn đến dung lượng mong đợi lớn hơn và số ngày dự kiến ít hơn.



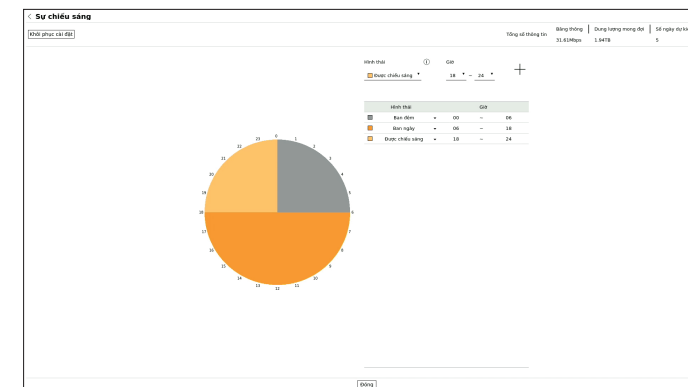
Bạn có thể nhấp vào <⚙️> để thay đổi cài đặt mà bạn muốn.



- Dung lượng mong đợi/1 ngày: Hiển thị dung lượng mong đợi dựa trên một ngày.
- Khôi phục cài đặt: Khôi phục về cài đặt đã được đặt trước khi người dùng sửa đổi chúng.

Cấu hình sự chiếu sáng

Bạn có thể nhấp vào <Thiết lập> để thay đổi cài đặt mà bạn muốn.

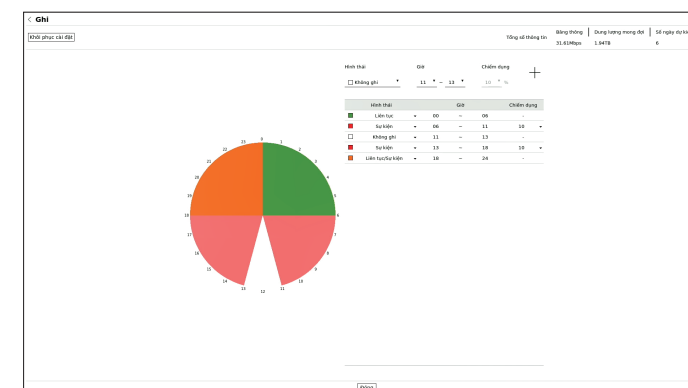


Thiết lập loại và thời gian mong muốn.

- Tốc độ bit cao hơn theo thứ tự sau: **Ban đêm** > **Được chiếu sáng** > **Ban ngày**.
- Khôi phục cài đặt: Khôi phục về cài đặt đã được đặt trước khi người dùng sửa đổi chúng.

Cài đặt ghi

Bạn có thể nhấp vào <Thiết lập> để thay đổi cài đặt mà bạn muốn.



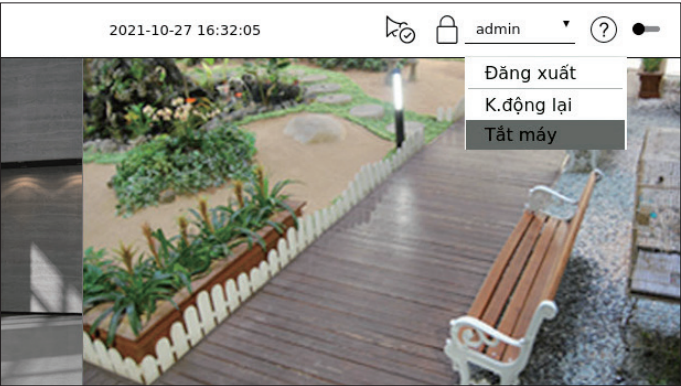
Thiết lập loại và thời gian mong muốn.

- Không ghi: Không ghi cho thời gian đã đặt.
- Liên tục, Liên tục/Sự kiện: Tiến hành ghi cho thời gian đã đặt.
- Sự kiện: Khi một sự kiện xảy ra vào thời gian đã đặt, sẽ tiến hành ghi. Bạn có thể đặt lượng chiếm dụng (10 đến 90) thể hiện tần suất di chuyển.
- Khôi phục cài đặt: Khôi phục về cài đặt đã được đặt trước khi người dùng sửa đổi chúng.

bắt đầu

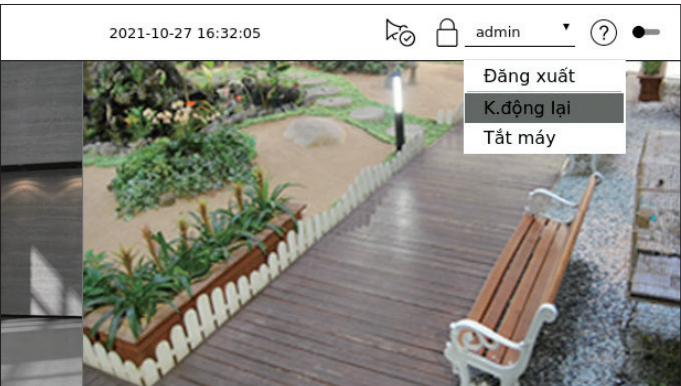
TẮT HỆ THỐNG

1. Chọn <**Tắt máy**> ở trên cùng bên phải của màn hình.
2. Cửa sổ <**Tắt máy**> sẽ xuất hiện.
3. Nhấp vào <**Ok**>.
Hệ thống sẽ tắt.



KHỞI ĐỘNG LẠI HỆ THỐNG

1. Chọn <**K.động lại**> ở trên cùng bên phải của màn hình.
2. Cửa sổ <**K.động lại**> sẽ xuất hiện.
3. Nhấp vào <**Ok**>.
Hệ thống sẽ khởi động lại.

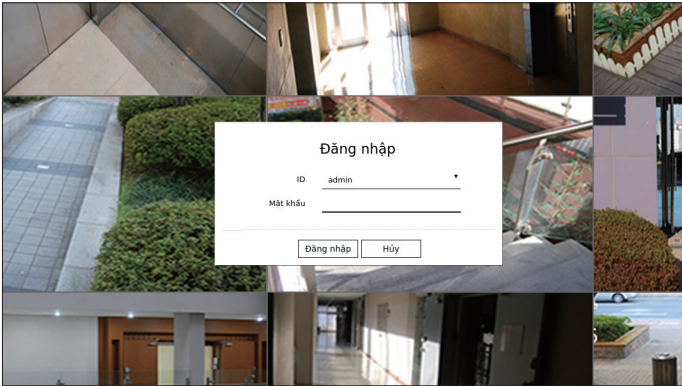


- Chỉ người dùng có quyền "**K.động lại/Tắt máy**" mới có thể tắt hoặc khởi động lại hệ thống.
- Để quản lý Thiết lập quyền, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt hệ thống > Người dùng**" trong Mục lục.

ĐĂNG NHẬP

Để sử dụng menu Thiết bị lưu trữ, bạn phải đăng nhập với tư cách là người dùng được phép truy cập menu đó.

1. Chọn <**Đăng nhập**> ở trên cùng bên phải của màn hình.
2. Cửa sổ <**Đăng nhập**> sẽ xuất hiện.
3. Nhập ID người dùng và mật khẩu, sau đó nhấp <**Đăng nhập**>.



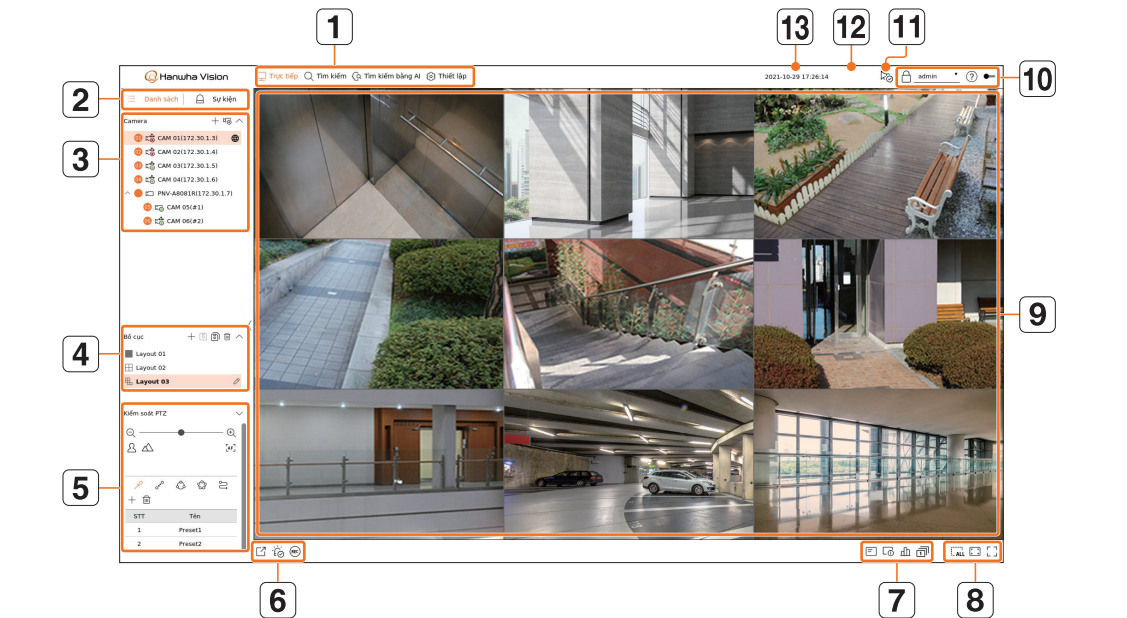
- ID quản trị viên ban đầu là "**admin**" và bạn sẽ cần định cấu hình mật khẩu trong trình hướng dẫn cài đặt.
- Vui lòng thay đổi mật khẩu ba tháng một lần để bảo vệ thông tin cá nhân an toàn và ngăn chặn thiệt hại do trộm cắp thông tin. Lưu ý rằng người dùng chịu trách nhiệm về việc bảo mật và mọi vấn đề khác xảy ra do quản lý mật khẩu không đúng cách.
- Để biết thêm thông tin về quyền truy cập giới hạn, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt hệ thống > Người dùng**" trong Mục lục.

trực tiếp

Hiển thị video của camera kết nối với thiết bị lưu trữ. Ngoài ra, bạn có thể điều chỉnh camera và kiểm tra trạng thái truyền mạng.

BỐ CỤC MÀN HÌNH TRỰC TIẾP

Màn hình trực tiếp được xây dựng như sau.



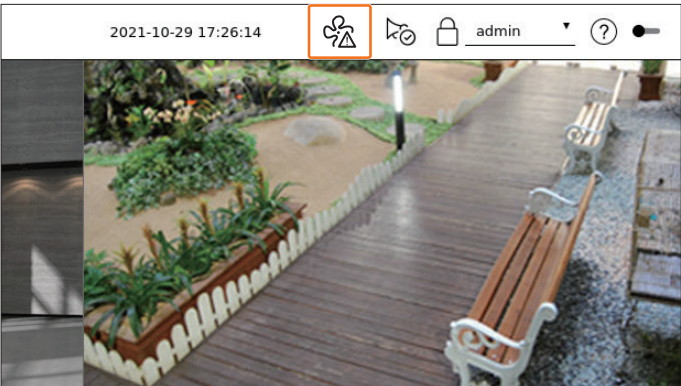
Mục	Mô tả
1	Menu Nhấp vào từng menu để truy cập vào màn hình menu tương ứng.
2	Danh sách/Sự kiện <ul style="list-style-type: none">Danh sách: Chọn để kiểm tra danh sách camera.Sự kiện: Chọn để kiểm tra danh mục sự kiện
3	Danh sách camera Hiển thị danh sách các camera được đăng ký trong thiết bị lưu trữ. Bạn cũng có thể đăng ký camera theo cách thủ công hoặc tự động. <ul style="list-style-type: none">+: Đăng ký camera theo cách thủ công.🔍: Tìm kiếm và đăng ký camera kết nối với thiết bị lưu trữ theo cách tự động.🌐: Biểu tượng <🌐> được hiển thị khi bạn di chuột qua danh sách camera. Nhấp vào biểu tượng để truy cập trang web camera. Để truy cập trang web camera, bạn phải có quyền đặt camera, hồ sơ và sự kiện và đặt <Video> thành <Sử dụng> trong menu "Thiết lập > Camera > Thiết lập kênh". Danh mục sự kiện Hiển thị danh sách các sự kiện đã xảy ra trên thiết bị.
4	Danh sách bố cục Hiển thị bố cục mặc định và danh sách các bố cục đã tạo. Bạn cũng có thể đặt và phát một trình tự danh sách bố cục.
5	Kiểm soát PTZ Kiểm soát camera PTZ kết nối.

Mục	Mô tả
6	 Lưu video đã ghi của kênh đã chọn vào đường dẫn được chỉ định.
7	 Xóa báo động trong danh sách sự kiện và dừng âm thanh báo động/bíp cho trạng thái hệ thống khi nó phát ra.
8	 Kích hoạt chức năng ghi thủ công của thiết bị lưu trữ.
9	 Hiển thị thông tin của màn hình OSD trên cửa sổ video.
10	 Hiển thị thông tin kênh.
11	 Hiển thị trạng thái của tất cả camera kết nối với thiết bị lưu trữ.
12	 Video được đăng ký theo bố cục đã chọn sẽ tự động được chuyển cho từng kênh. Nhấp vào <🔄> lần nữa để ngừng tự động xếp theo trình tự và quay lại bố cục ban đầu.
13	 Xóa tất cả màn hình khỏi cửa sổ video.
14	 Hiển thị video ở tỷ lệ khung hình gốc hoặc toàn màn hình.
15	 Thao tác này chuyển từ chế độ chia hiện tại thành toàn màn hình.
16	Cửa sổ video Hiển thị video của camera kết nối với thiết bị lưu trữ. <ul style="list-style-type: none">Bạn có thể chuyển sang màn hình đơn bằng cách nhấp đúp vào video mong muốn ở chế độ Phân chia. Để chuyển đến video trước đó hoặc video tiếp theo, hãy nhấp vào nút < hoặc > xuất hiện khi bạn di chuột qua tâm bên trái hoặc bên phải của video.Nếu bạn nhấp đúp vào video trong màn hình đơn, nó sẽ chuyển sang màn hình phân chia.
17	 Hiển thị địa chỉ IP và trạng thái xác thực hai chiều của trình xem nhận video từ thiết bị lưu trữ. <ul style="list-style-type: none">: Kết nối Xác thực hai chiều sử dụng các chứng chỉ thiết bị WISENET: Kết nối Xác thực hai chiều không sử dụng chứng chỉ thiết bị WISENET-: Kết nối mà không có xác thực hai chiềuKhông có kết nối trình xem: Hiển thị khi không có trình xem được kết nối với thiết bị lưu trữ.
18	admin Hiển thị ID của người dùng kết nối. Menu <Đăng xuất/Khởi động lại/Tắt máy> sẽ xuất hiện khi bạn nhấp vào.
19	 Hiển thị mã QR để tải xuống hướng dẫn sử dụng.
20	 Thay đổi chủ đề màu của màn hình.
21	 Dừng âm thanh báo động/bíp cho trạng thái hệ thống khi nó phát ra.
22	Khu vực hiển thị trạng thái hệ thống Hiển thị trạng thái hệ thống, đĩa cứng và mạng.
23	2021-10-29 17:26:14 Hiển thị ngày và giờ hiện tại.

! Nếu tốc độ khung hình của camera được đặt thành 60 fps, hiện tượng giảm tốc độ khung hình có thể xảy ra trên màn hình trực tiếp tùy thuộc vào môi trường người dùng.

Kiểm tra trạng thái hệ thống

Biểu tượng ở đầu màn hình cho biết trạng thái của hệ thống.



Mục	Mô tả
	Biểu tượng này hiển thị khi có sự cố với quạt. <ul style="list-style-type: none">Chỉ cung cấp cho các sản phẩm hỗ trợ quạt. (Tham khảo trang "Các chức năng được model hỗ trợ".)
	Biểu tượng này hiển thị phát sinh vấn đề với nguồn điện. <ul style="list-style-type: none">Chỉ cung cấp cho các sản phẩm hỗ trợ nguồn điện dự phòng. (Tham khảo trang "Các chức năng được model hỗ trợ".)
	Hiển thị khi dữ liệu ghi không được lưu đúng cách.
	Hiển thị khi HDD đầy và Thiết bị lưu trữ không đủ dung lượng để ghi.
	Hiển thị khi không có HDD hoặc HDD không được phát hiện.
	Hiển thị khi cần kiểm tra kỹ thuật cho HDD.
	Hiển thị khi RAID chứa HDD trực trực hoặc không sử dụng được do HDD trực trực. <ul style="list-style-type: none">Chỉ được cung cấp cho các sản phẩm hỗ trợ RAID. (Tham khảo trang "Các chức năng được model hỗ trợ".)
	Hiển thị khi phục hồi sau Lỗi RAID. <ul style="list-style-type: none">Chỉ được cung cấp cho các sản phẩm hỗ trợ RAID. (Tham khảo trang "Các chức năng được model hỗ trợ".)
	Xuất hiện khi tốc độ nhập dữ liệu trên mỗi kênh vượt quá giới hạn tốc độ dữ liệu đã chỉ định.
	Hiển thị khi bị ngắt kết nối với thiết bị iSCSI. <ul style="list-style-type: none">Chỉ được cung cấp cho các sản phẩm hỗ trợ iSCSI. (Tham khảo trang "Các chức năng được model hỗ trợ".)
	Hiển thị khi mạng quá tải. <ul style="list-style-type: none">Tình trạng này xảy ra khi vượt quá mức cho phép nhận tối đa, gây quá tải cho CPU. Biểu tượng sẽ biến mất khi bạn sửa đổi mục Xóa camera hoặc Đặt camera để giảm tốc độ dữ liệu.

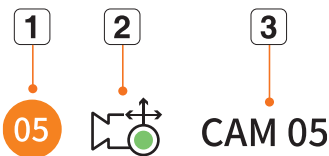
Mục	Mô tả
	Hiển thị khi cần cập nhật phần mềm điều khiển cho máy chủ.
	Hiển thị khi hệ thống quá tải. <ul style="list-style-type: none">Giới hạn số lượng người dùng được Trình xem Web hoặc VMS giám sát từ xa hoặc kiểm soát số lượng sự kiện hiển thị trong danh mục sự kiện của thiết bị lưu trữ.
	Hiển thị khi ghi video theo cách thủ công trong lúc kích hoạt hạn chế quyền truy cập dừng ghi. Chỉ người dùng có quyền dừng ghi mới được phép dừng ghi.
	Hiển thị khi xuất video đã ghi ở chế độ trực tiếp.
	Hiển thị khi cần cập nhật phần mềm trên camera.
	Hiển thị khi phát trình tự bố cục.
	Hiển thị khi chạy tính năng tự động chuyển đổi màn hình chia.
	Hiển thị khi xảy ra lỗi ở bộ nhớ trong.






Thông tin về lỗi

- Nếu HDD tích hợp không kết nối, biểu tượng "NO HDD" (KHÔNG CÓ HDD) () sẽ hiển thị. Trong trường hợp này, hãy liên hệ với trung tâm dịch vụ vì các chức năng ghi, phát, xuất và năng cấp không hoạt động.
- Nếu bạn không định dạng HDD đã mua ở định dạng hỗ trợ Thiết bị lưu trữ, biểu tượng "NO HDD" (KHÔNG CÓ HDD) () sẽ hiển thị. Nếu biểu tượng "Không có HDD" hiển thị, hãy kiểm tra trạng thái kết nối đĩa cứng trong "[Thiết lập > Thiết bị > Thiết bị lưu trữ](#)" và định dạng đĩa cứng.
- Nếu sản phẩm có quạt không hoạt động hoặc có sự cố với quạt, <[Cửa sổ thông tin về quạt](#)> sẽ xuất hiện và biểu tượng quạt bị trục trặc () sẽ hiển thị. Trong trường hợp này, hãy kiểm tra quạt bên trong sản phẩm. Nếu quạt bị lỗi, tuổi thọ sản phẩm sẽ giảm, vì vậy hãy đảm bảo bạn liên hệ với trung tâm dịch vụ ở gần.
 - Nếu biểu tượng quạt bất thường () hoặc biểu tượng "NO HDD" (KHÔNG CÓ HDD) (), biểu tượng HDD FAIL (HDD HỎNG) () hiển thị, hãy liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng của chúng tôi.

Kiểm tra danh sách camera

Hiển thị loại, trạng thái và tên camera đã đăng ký trong thiết bị lưu trữ.

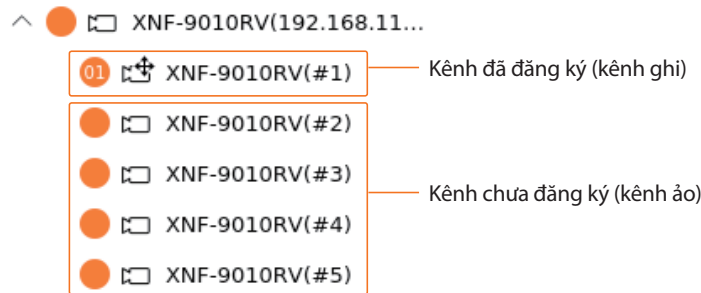


Mục		Mô tả	
1	Thông tin kênh	Hiển thị thông tin kênh (số kênh, chỉ định của số video và chỉ báo màu).	
2	Loại camera		Hiển thị camera thường.
			Hiển thị một camera hỗ trợ tính năng PTZ.
	Trạng thái camera		Ghi video sự kiện.
			Ghi video thông thường.
			Hiển thị trạng thái lỗi camera.
3	Tên camera	Hiển thị tên đã đặt cho camera.	

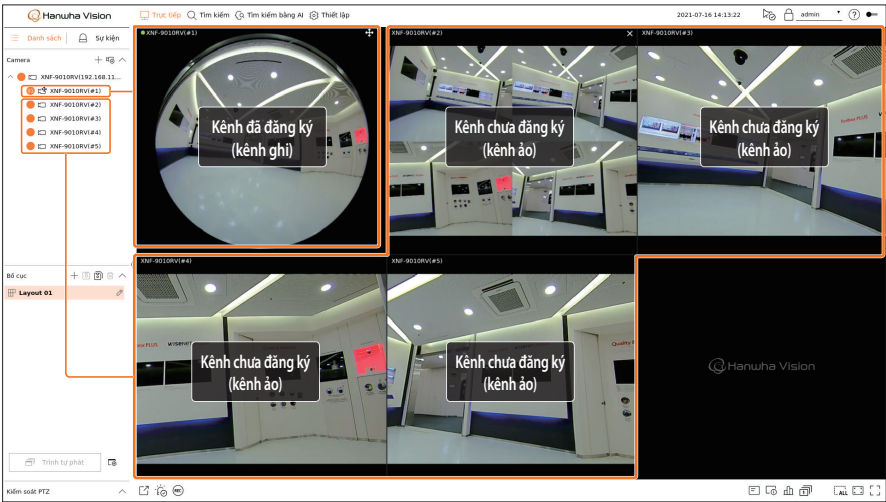
- Nếu xảy ra lỗi kết nối camera, camera này sẽ bị vô hiệu hóa trong danh sách này.
- Thông tin hiển thị trạng thái camera thay đổi theo trạng thái và cài đặt kết nối mạng.

Kiểm tra Danh sách Camera Đa kênh

Đối với các camera đa kênh được đăng ký với giao thức Wisenet, thông tin kênh sẽ được hiển thị dưới tên model của camera đa kênh.



Đối với camera đa kênh, bạn chỉ có thể đăng ký một kênh chính để ghi.
Bạn không cần phải đăng ký các kênh phụ không yêu cầu ghi trên thiết bị lưu trữ vì chúng có thể được giám sát theo thời gian thực. Tuy nhiên, tính năng tiếp nhận sự kiện, ghi và cài đặt camera không khả dụng.

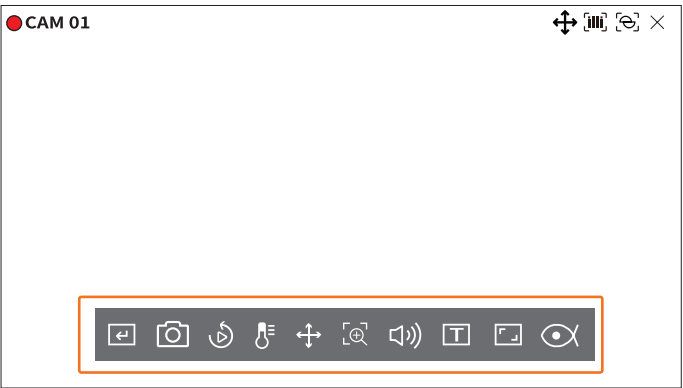


Menu màn hình trực tiếp

Sau khi chọn kênh bạn muốn trên chế độ chia, hãy lần con trỏ chuột trên màn hình để xem menu màn hình trực tiếp.

Nội dung hiển thị của menu màn hình trực tiếp sẽ khác nhau tùy thuộc vào trạng thái hoạt động của thiết bị lưu trữ hoặc loại camera được đăng ký.

- Mỗi chức năng có thể bị hạn chế tùy thuộc vào loại camera và quyền của người dùng.
- Để biết thêm thông tin chi tiết về từng chức năng, hãy tham khảo mục "Trực tiếp > Kiểm soát video camera" trong mục lục.

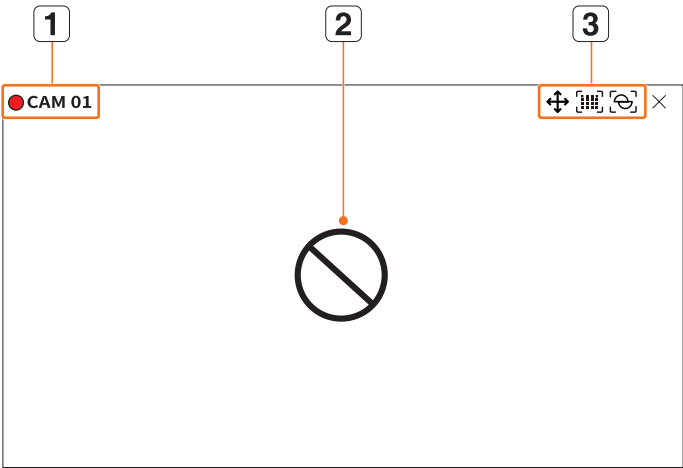


Mục		Mô tả
	Lấy thủ công	Nếu hành động sự kiện cho <Lấy thủ công> được thiết lập cho kênh đã chọn, tên quy tắc sự kiện sẽ hiển thị khi bạn di chuột qua <Lấy thủ công>. Nhấp vào <Lấy thủ công> để kích hoạt sự kiện đã thiết lập.
	Chụp	Bạn có thể chụp ảnh màn hình kênh đã chọn.
	Trình xem tức thì	Bạn có thể tua lại 30 giây trong khi giám sát video.
	Phát hiện nhiệt độ	Đối với hình ảnh hỗ trợ chức năng camera chụp ảnh nhiệt, bạn có thể nhấp vào điểm bạn muốn để kiểm tra thông tin nhiệt độ.
	Kiểm soát PTZ	Nếu camera mạng kết nối với kênh đã chọn hỗ trợ chức năng PTZ, chế độ sẽ chuyển thành kiểm soát PTZ.
	Phóng to	Bạn có thể phóng to và thu nhỏ video.
	Âm thanh	Bật hoặc tắt âm thanh khi có kết nối âm thanh.
	Văn bản hiển thị	Bật hoặc tắt đầu ra văn bản.
	Cố định tỉ lệ hình ảnh kênh	Hiển thị video theo tỷ lệ thực tế.
	Điều chỉnh uốn cong	Vào chế độ cài đặt để điều chỉnh uốn cong camera mắt cá. <ul style="list-style-type: none">Nó chỉ hoạt động khi độ phân giải video là 1:1. Một số model không hỗ trợ chức năng này.












Biểu tượng trên Màn hình trực tiếp

Bạn có thể kiểm tra trạng thái hoặc hoạt động bằng các biểu tượng trên màn hình trực tiếp.

- Các biểu tượng hiển thị trên màn hình có thể khác nhau tùy thuộc vào loại camera và quyền của người dùng.




Mục		Mô tả
1	Trạng thái ghi và tên camera	Hiển thị tên và trạng thái ghi của camera. <ul style="list-style-type: none">● : Hiển thị hoạt động ghi sự kiện.● : Hiển thị hoạt động ghi thường.
2	Trạng thái đầu vào video	Hiển thị khi không có đầu vào trong lúc camera đang bật.
		Hiển thị khi độ phân giải của video trực tiếp vượt quá phạm vi được hỗ trợ trong lúc camera đang bật.
		Hiển thị khi bạn không có quyền xem trực tiếp.
		Được hiển thị khi camera chưa đăng ký. Nếu bạn đặt thiết lập kênh thành <Covert2>, màn hình trực tiếp sẽ không hiển thị gì. Nếu bạn đặt thiết lập kênh thành <Covert1>, màn hình trực tiếp sẽ không hiển thị video mà chỉ hiển thị OSD.

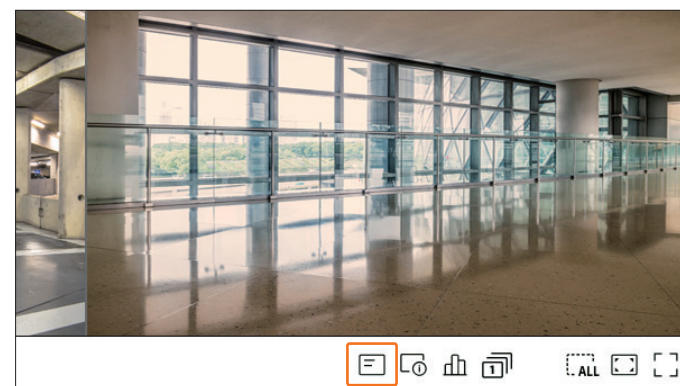
Mục		Mô tả
3	Khu vực hiển thị sự kiện	Các sự kiện từ thiết bị lưu trữ và camera được hiển thị dưới dạng biểu tượng. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang " Thiết lập > Cài đặt sự kiện > Thiết lập quy tắc sự kiện " trong Mục lục.
	Khu vực hiển thị trạng thái	 Biểu tượng này hiển thị trên các kênh có thể kích hoạt chế độ PTZ.
		 Hiển thị Sử dụng/Ko.sd ÂM THANH. Biểu tượng này sẽ không hiển thị khi chọn <Ko.sd> âm thanh trong thiết lập kênh.
		 Nếu đã đặt báo động, biểu tượng sẽ hiển thị trên kênh được kết nối khi nhận tín hiệu bên ngoài.
		 Nếu đã đặt tính năng phát hiện sự kiện cho từng kênh, biểu tượng sẽ hiển thị khi sự kiện camera xảy ra.
		 Hiển thị khi hệ thống không giải mã được tất cả các khung hình do hiệu suất giải mã bị hạn chế và trong trường hợp này, chỉ Khung hình - I được giải mã.
		 Hiển thị khi có (văn bản) sự kiện POS xảy ra.
		 Hiển thị khi xảy ra lỗi với thẻ SD.
		 Hiển thị khi dung lượng thẻ SD đầy.
		 Hiển thị khi xảy ra sự kiện defocus.
		 Hiển thị khi sự kiện cảm biến sương mù xảy ra.
		 Hiển thị khi chứng chỉ của camera Wisenet hợp lệ.



- Hồ sơ 'Live4NVR' được thêm tự động khi đăng ký tự động camera mạng và các cài đặt có thể thay đổi theo môi trường của người dùng.
- Tùy thuộc vào thông số kỹ thuật của camera, có thể bạn không được thêm hồ sơ hoặc nếu bạn có cấu hình PLUGINFREE, bạn sẽ không thể thêm hồ sơ Live4NVR.
- Khi hệ thống quá tải và hiệu suất giảm, camera mạng có thể chỉ phát khung hình chính (Khung hình - I).
- Để đặt hồ sơ, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt camera > Cài đặt hồ sơ**" trong Mục lục.

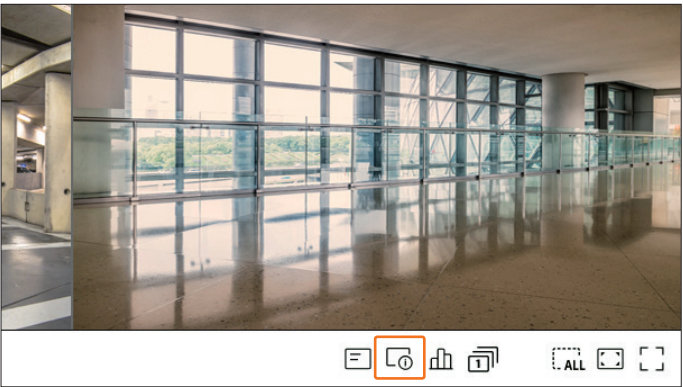
Hiển thị thông tin OSD

Bạn có thể hiển thị hoặc ẩn trạng thái ghi, trạng thái camera, màn hình hiển thị sự kiện, v.v. trong cửa sổ video. Để hiển thị hoặc ẩn thông tin OSD, hãy nhấp vào <  > ở cuối màn hình.



Hiển thị thông tin kênh

Bạn có thể kiểm tra thông tin của video đang được ghi với từng camera.
Để kiểm tra thông tin kênh, hãy nhấp vào <📺> ở cuối màn hình.



Thông tin của video hiện tại hiển thị trên video trực tiếp đang được giám sát.

CAM 01

800x448 (H.264)

S/I/D 25/24/24

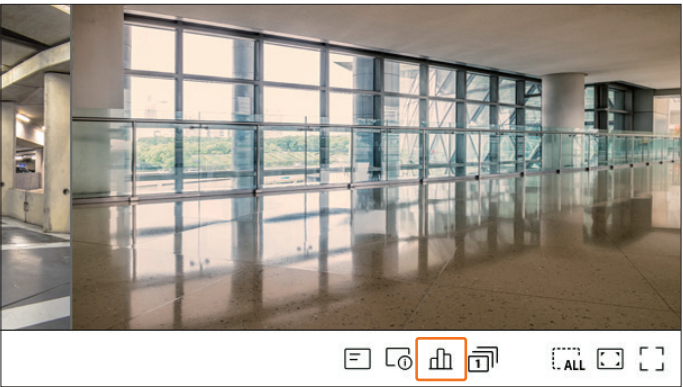
XNV-6081Z(S)

- 800x448: Hiển thị độ phân giải của video.
- H.264: Hiển thị codec video.
- S/I/D 25/24/24: Hiển thị tỉ lệ khung hình (FPS) của video. (S: Cài đặt, I: Đầu vào video, D: Hiển thị video)
- XNV-6081Z: Hiển thị tên model của camera.
- K1: Đối với camera đa kênh, số kênh sẽ hiển thị. Số kênh có thể không hiển thị, tùy thuộc vào camera.
- S: Hiển thị giao thức mạng được sử dụng khi đăng ký camera.
 - S và V đại diện cho giao thức mạng Wisenet trong khi O đại diện cho ONVIF.
 - Khi kết nối bằng giao thức mạng RTSP, sẽ chỉ có RTSP được hiển thị mà không có tên sản phẩm.

🔒 ARB chỉ hiển thị khi xảy ra tình huống ARB.

Kiểm tra trạng thái camera

Bạn có thể kiểm tra trạng thái của tất cả camera kết nối với thiết bị lưu trữ.
Để kiểm tra trạng thái camera, hãy nhấp vào <📊> ở cuối màn hình.



Trạng thái trực tiếp

Chọn <Trực tiếp> trong menu <Trạng thái> để kiểm tra dữ liệu truyền từ camera mạng kết nối với mỗi kênh.

Trạng thái						
Trực tiếp	Ghi	Mạng	PoE			
K	Model	Trạng thái	Địa chỉ IP	Codec	Độ phân giải	Tốc độ khung hình
1	XND-6081FZ	Kết nối	172.30.1.3	H.264	640X360	15Fps
2	XND-8081VZ	Kết nối	172.30.1.4	H.264	640X360	15Fps
3	XNF-8010R	Kết nối	172.30.1.5	H.264	640X640	15Fps
4	XNP-6320	Kết nối	172.30.1.6	H.264	1920X1080	30Fps
5	PNW-A8081R	Kết nối	172.30.1.7	H.264	640X480	15Fps
6	PNW-A8081R	Kết nối	172.30.1.7	H.264	640X360	15Fps
7	—	—	—	—	—	—
8	—	—	—	—	—	—

Ok

- Model: Hiển thị tên model của camera kết nối với mỗi kênh.
- Trạng thái: Hiển thị trạng thái kết nối của camera được đặt cho mỗi kênh.
- Địa chỉ IP: Hiển thị địa chỉ IP của camera được đặt cho mỗi kênh.
- Codec: Hiển thị thông tin codec hỗ trợ trực tiếp cho camera được đặt cho mỗi kênh.
- Độ phân giải: Hiển thị độ phân giải hỗ trợ trực tiếp của camera được đặt cho mỗi kênh.
- Tốc độ khung hình: Hiển thị tốc độ truyền hỗ trợ trực tiếp cho camera được đặt cho mỗi kênh.

Trạng thái ghi

Nếu chọn <Ghi> trong menu <Trạng thái>, bạn có thể kiểm tra hồ sơ, loại hình lưu trữ, tốc độ khung hình (Đầu vào/Ghi) và tốc độ bit (Giới hạn/Đầu vào/Ghi) cho mỗi kênh.

Trạng thái

Trực tiếp

Ghi

Mạng

PoE

Tổng tốc độ bit (Ghi/Tối đa): 17.7/100.0Mbps

Hiện tại Tối đa

K	Hồ sơ	Hình thái	Khung hình	Tỉ lệ khung hình (fps)			Tốc độ bit (bps)		
				Nhận	Ghi	Giới hạn	Nhận	Ghi	Nhận/giới hạn
1	H.264	Liên tục	TỔAN BỘ	30.0	30.0	12.5M	1.6M	1.6M	12.8%
2	H.264	Liên tục	TỔAN BỘ	30.0	30.0	12.5M	0.5M	0.5M	4.0%
3	FisheyeView	Liên tục	TỔAN BỘ	25.0	25.0	12.5M	6.8M	6.8M	54.4%
4	H.264	Liên tục	TỔAN BỘ	24.0	24.0	12.5M	5.0M	5.0M	40.0%
5	H.264	Liên tục	TỔAN BỘ	30.0	30.0	12.5M	2.5M	2.5M	20.0%
6	H.264	Liên tục	TỔAN BỘ	30.0	30.0	12.5M	1.3M	1.3M	10.4%
7	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Vượt quá dữ liệu nhận

Lỗi hồ sơ

Vượt quá dung lượng HDD

Dung lượng HDD (trống/tổng): 2693/3971 GB

Ghi (trống/tổng): 13 Ngày 12 Giờ / 19 Ngày 22 Giờ

Ghi đề: Chưa ghi đề vì bạn còn đủ dung lượng HDD.

Thiết lập ghi

Ok

- Tổng tốc độ bit (Ghi/Tối đa): Mục Ghi hiển thị lượng dữ liệu hiện đang được ghi và mục Tối đa hiển thị lượng dữ liệu đã ghi được phép cho thiết bị lưu trữ.
- Hiện tại: Hiển thị thông tin trạng thái ghi của dữ liệu hiện được truyền.
- Tối đa: Hiển thị thông tin ghi của dữ liệu ghi lớn nhất trong số các bản ghi sự kiện và tiêu chuẩn đã định cấu hình.
- : Tải lại thông tin ghi.
- Hồ sơ: Hiển thị hồ sơ video được định cấu hình cho mỗi kênh.
- Ghi: Xem loại hình lưu trữ theo bản ghi thông thường hoặc bản ghi sự kiện.
- Tỉ lệ khung hình (fps): Hiển thị các khung hình nhận/ghi mỗi giây cho mỗi kênh.
- Tốc độ bit (bps)
 - Giới hạn/Nhận/Ghi: Hiển thị số lượng dữ liệu giới hạn/nhận/ghi cho mỗi kênh.
 - Nhận/giới hạn: Hiển thị tỷ lệ dữ liệu của dữ liệu thực tế được truyền từ camera và mức tối đa được phép đo người dùng xác định.
- Thiết lập ghi: Bạn có thể đặt cài đặt ghi chi tiết.
Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt ghi > Thiết lập ghi**" trong Mục lục.

- Nếu xảy ra lỗi trong quá trình ghi, cột hồ sơ của kênh sẽ chuyển sang màu vàng.
Lỗi hồ sơ này cho biết rằng khi hệ thống không thể sử dụng hồ sơ ghi để nhận video từ camera, hồ sơ thay thế sẽ được sử dụng để ghi video. Khi hồ sơ ghi tiếp tục, video camera có thể ghi bằng cách sử dụng hồ sơ ghi đã đặt.
 - Nếu Thiết bị lưu trữ vượt quá giới hạn ghi thì chỉ khung hình chính được ghi. Trong trường hợp đó, một cửa sổ mới và một biểu tượng về ghi hạn chế sẽ xuất hiện. Cửa sổ mới về ghi hạn chế chỉ xuất hiện một lần. Nếu bạn thay đổi cài đặt camera và thiết lập ghi, cửa sổ mới về ghi hạn chế có thể xuất hiện một lần nữa để xác nhận trạng thái.
Nếu bạn không muốn cửa sổ này xuất hiện nữa, hãy chọn Không hiển thị lại thông báo này trong cửa sổ mới.
Để biết số bản ghi tối đa cho phép, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt ghi > Thiết lập ghi**" trong Mục lục.
 - Đối với ghi kép, tỉ lệ bit hiển thị là tổng của hồ sơ ghi và hồ sơ từ xa.
Tuy nhiên, bạn phải chọn ô <**Cho phép ghi kép**> trong menu "**Ghi > Tùy chọn ghi**".
Hồ sơ ghi và cấu hình từ xa có thể được đặt trong menu "**Camera > Thiết lập hồ sơ**".

Trạng thái mạng

Chọn <Mạng> trong menu <Trạng thái> để kiểm tra trạng thái của bảng thông mạng hiện đang được nhận/truyền.

Trạng thái

Trực tiếp

Ghi

Mạng

PoE

Thời gian cập nhật cuối cùng 04:46:51

Mạng	Nhận (bps)	Gửi (bps)
Mạng 1	0.0 M	0.0 M
Mạng 2	15.7 M	0.2 M

Ok

- Mỗi sản phẩm hỗ trợ một số cổng mạng khác nhau.

Trạng thái PoE

Chức năng này chỉ sẵn có với các sản phẩm hỗ trợ PoE. Đối với các sản phẩm hỗ trợ PoE, hãy tham khảo trang "**Các chức năng được model hỗ trợ**".

Chọn <PoE> trong menu <Trạng thái> để kiểm tra trạng thái PoE hiện tại của mỗi cổng.

Trạng thái

Trực tiếp

Ghi

Mạng

PoE

Cổng	Lượng tiêu thụ (W)	Kích hoạt	Thông tin chi tiết
1	0	<div></div>	-
2	0	<div></div>	-
3	0	<div></div>	-
4	0	<div></div>	-
5	0	<div></div>	-
6	0	<div></div>	-
7	0	<div></div>	-
8	0	<div></div>	-

Tổng điện năng tiêu thụ (W) : 0.0W

Ok

- Lượng tiêu thụ (W): Hiển thị mức tiêu thụ điện năng trong PoE.
 - 0: Không có thiết bị nào được kết nối với cổng hoặc thiết bị đang sử dụng nguồn điện riêng.
 - : Lỗi cổng (Thông tin về lỗi được hiển thị trong Thông tin chi tiết.)

- Nếu vượt quá tổng công suất của cổng hoặc công suất tối đa của mỗi cổng, tất cả các cổng sẽ lần lượt bị tắt nguồn.
Để biết lượng tiêu thụ điện năng PoE của mỗi sản phẩm, hãy tham khảo trang "**Các chức năng được model hỗ trợ**".

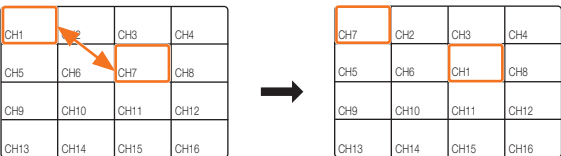
trực tiếp

- Kích hoạt: Bật/tắt nguồn điện cho camera.
 - Được đánh dấu (☑): Có nguồn điện
 - Không được đánh dấu (☐): Nguồn điện bị hạn chế
- Thông tin chi tiết: Nếu có vấn đề với nguồn điện, thông tin sẽ được mô tả ở đây. Sự cố về nguồn điện bao gồm vượt quá công suất (Hạng 1 đến 4) và lỗi điện áp.
- Tổng điện năng tiêu thụ (W): Hiển thị tổng điện năng tiêu thụ của tất cả các cổng.

Cài đặt kênh

Bạn có thể hiển thị kênh ở khu vực bạn muốn trong màn hình chia.
Để chuyển đổi vị trí của một kênh, hãy giữ kênh, rồi kéo và thả kênh đó vào vị trí bạn muốn.

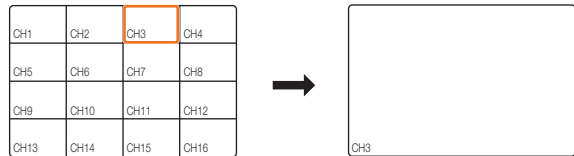
Ví dụ: Nếu chuyển đổi K 1 sang K 7



Chuyển đổi sang Chế độ đơn

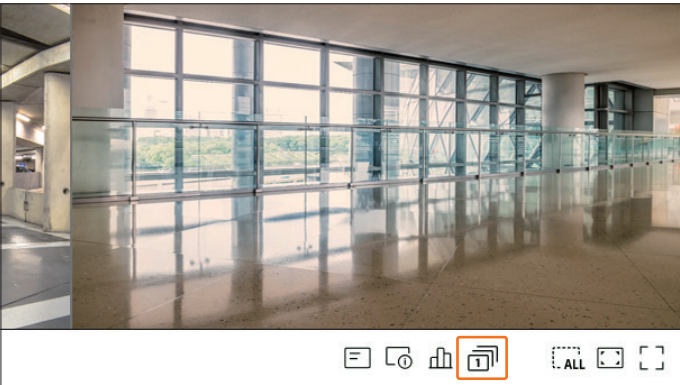
Khi ở chế độ chia, hãy chọn và nhấp đúp vào kênh bạn muốn để chuyển đổi sang Chế độ đơn.

Ví dụ: Nếu bấm đúp vào K 3



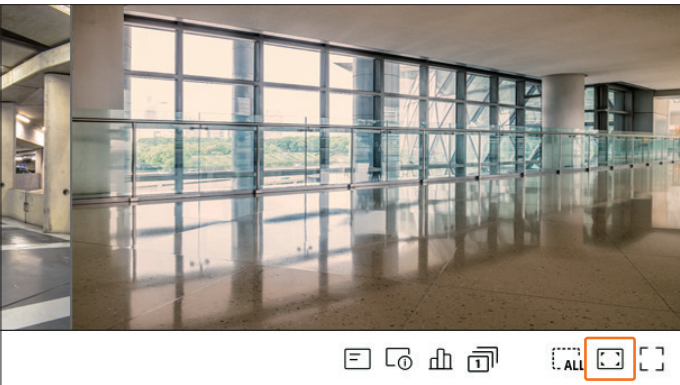
Tự động sắp xếp màn hình theo trình tự

Bạn có thể tự động chuyển sang video của từng camera được đăng ký theo bố cục đã chọn.
Nhấp vào <⏮> ở cuối màn hình.
Nhấp vào <⏮> lần nữa để ngừng tự động xếp theo trình tự và quay lại bố cục ban đầu.



Thay đổi tùy chọn cố định tỉ lệ hình ảnh kênh tổng thể

Bạn có thể thay đổi tỷ lệ màn hình video của tất cả các kênh trong chế độ chia trực tiếp.
Nhấp vào <⏮> ở cuối màn hình. Tỷ lệ sẽ thay đổi thành tỷ lệ thực tế của video.




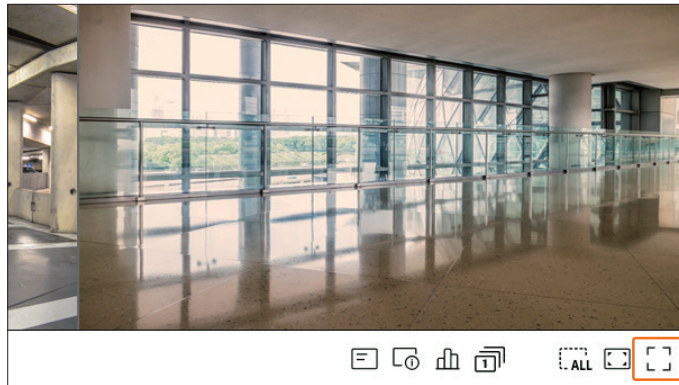
Nhấp vào <⏮> để quay lại tỷ lệ khung hình trước đó.



■ Bạn có thể thay đổi tỷ lệ khung hình của từng kênh. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang "**Trực tiếp > Kiểm soát video camera > Thay đổi tùy chọn cố định tỉ lệ hình ảnh kênh**" trong Mục lục.

Chế độ toàn màn hình

Bạn có thể chuyển sang chế độ toàn màn hình, không có vùng trên/dưới/trái/phải của màn hình trực tiếp. Nhấp vào <  > ở cuối màn hình.



Chuyển sang chế độ toàn màn hình.

- Để thoát khỏi chế độ toàn màn hình, hãy di con trỏ chuột qua vùng cuối chế độ toàn màn hình và nhấp vào <  >.





THIẾT LẬP BỐ CỤC TRỰC TIẾP

Phần này trình bày cách chọn một loạt kênh dựa trên mục đích/khả năng tiếp cận của chúng và cách giám sát chúng trong một bố cục duy nhất.

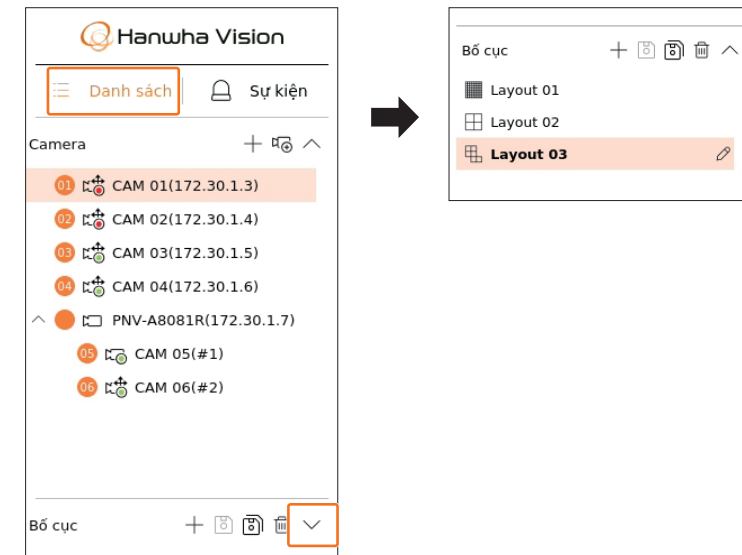
Ví dụ: Bố cục "Lobby" - Camera sảnh 1, Camera sảnh 2, Camera cổng trước 2
Bố cục "VIP" - Phòng họp giám đốc 1, Phòng họp giám đốc 2, Phòng chờ của giám đốc 1, Camera hành lang trên tầng 7








-  Bố cục đã thiết lập trước đó có thể bị thay đổi sau khi phần mềm nâng cấp. Đặt lại bố cục và trình tự.

Kiểm tra danh sách bố cục



Nhấp vào <  **Danh sách** > ở trên cùng bên trái của màn hình trực tiếp, rồi nhấp vào <  > để hiển thị danh sách bố cục.


- Thông số kỹ thuật hoạt động có thể khác nhau tùy thuộc vào model thiết bị lưu trữ.




-  : Tạo bố cục mới.
-  : Lưu bố cục đã thay đổi.
-  : Lưu bố cục đã chọn bằng một tên khác.
-  : Xóa bố cục đã thêm.
-  /  : Mở hoặc đóng danh sách bố cục.
-  : Thay đổi tên của bố cục.

Thêm bố cục và đặt tên

1. Nhấp vào <  > để thêm bố cục.
2. Nhấp vào <  > để đặt tên cho bố cục đã thêm.
3. Nhấp đúp hoặc kéo và thả một kênh từ danh sách camera để hiển thị kênh đó trên màn hình bố cục. Kênh đã chọn sẽ được hiển thị trong cửa sổ video.

■ Bạn có thể gán đồng thời nhiều kênh liên tiếp từ danh sách camera vào cửa sổ video. Kéo các kênh mong muốn từ danh sách camera và thả chúng lên cửa sổ video. Tùy thuộc vào vị trí thả và số lượng kênh, vùng trống hoặc bố cục hiện tại sẽ được mở rộng để gán video.
4. Nhấp vào <  > để lưu bố cục đã đặt.

 ■ Mỗi bố cục được lưu riêng theo người dùng.



■ Bố cục được đặt trên màn hình trực tiếp cũng có thể dùng để tìm kiếm theo thời gian và có thể được tìm kiếm theo thứ tự kênh và tổ hợp kênh do người dùng đặt. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang "**Tìm kiếm > Tìm kiếm thời gian**" trong Mục lục.

Xóa bố cục

Nhấp vào <  > sau khi chọn bố cục cần xóa.

-  ■ Bạn không thể xóa bố cục mặc định.

Thay đổi kênh và tên của bố cục

1. Nhấp vào <  > sau khi chọn bố cục.
2. Thêm hoặc xóa kênh hoặc đổi tên bố cục.
3. Nhấp vào <  > để lưu cài đặt đã thay đổi.

Bố cục động

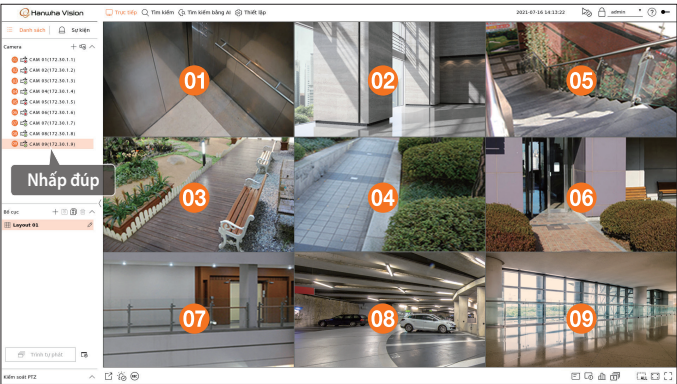
Bạn có thể đặt kích thước và vị trí của video đã gán vào bố cục theo ý muốn.

-  ■ Chỉ có thể đặt chức năng bố cục động trên màn hình chính.

Gán một kênh

Nhấp đúp hoặc kéo và thả một kênh từ danh sách camera để hiển thị kênh đó trên màn hình bố cục. Video được gán vào vùng trống hoặc tùy thuộc vào vị trí thả, bố cục hiện tại sẽ được mở rộng để gán video.

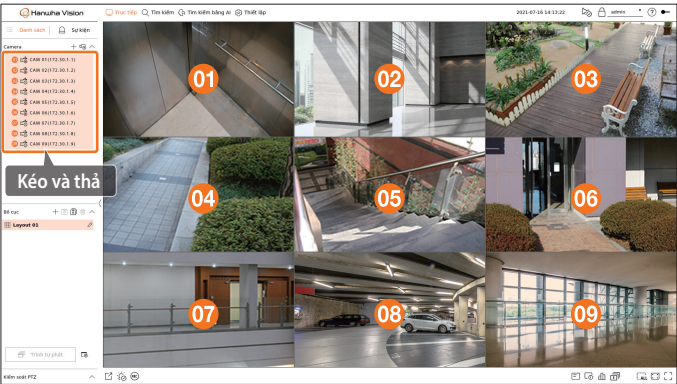
Ví dụ) Khi gán 9 kênh vào một bố cục mới, các kênh được sắp xếp theo thứ tự bên dưới.



Gán nhiều kênh cùng lúc

Kéo nhiều kênh liên tiếp từ danh sách camera và thả chúng vào trong cửa sổ video. Tùy thuộc vào vị trí thả và số lượng kênh, các video sẽ được gán vào các vùng trống hoặc bố cục hiện tại sẽ được mở rộng để gán video.

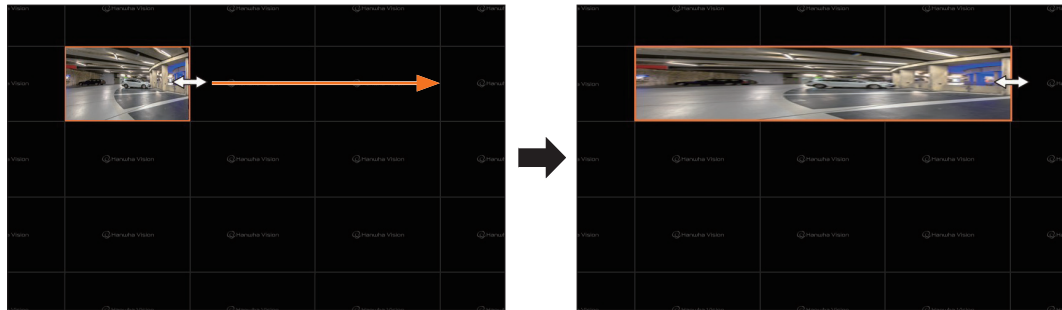
Ví dụ) Khi gán 9 kênh liên tiếp vào một bố cục mới, các kênh được sắp xếp theo thứ tự bên dưới.



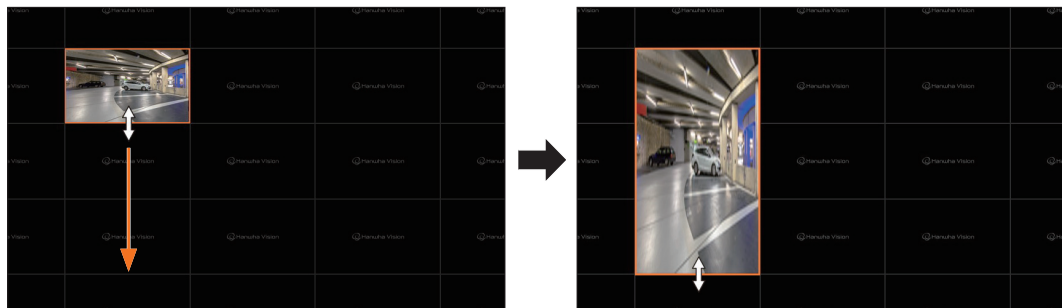
Phóng to và Thu nhỏ Video

Bạn có thể phóng to hoặc thu nhỏ video bằng cách kéo một góc hoặc đỉnh của video theo hướng mong muốn. Nếu bạn nhấp đúp vào góc hoặc đỉnh của vùng video được phóng to, video sẽ được thu nhỏ từng bước. Có thể phóng to video nếu xung quanh video có một vùng trống mở rộng được.

Thu phóng theo chiều ngang



Thu phóng theo chiều dọc



Thu phóng theo đường chéo

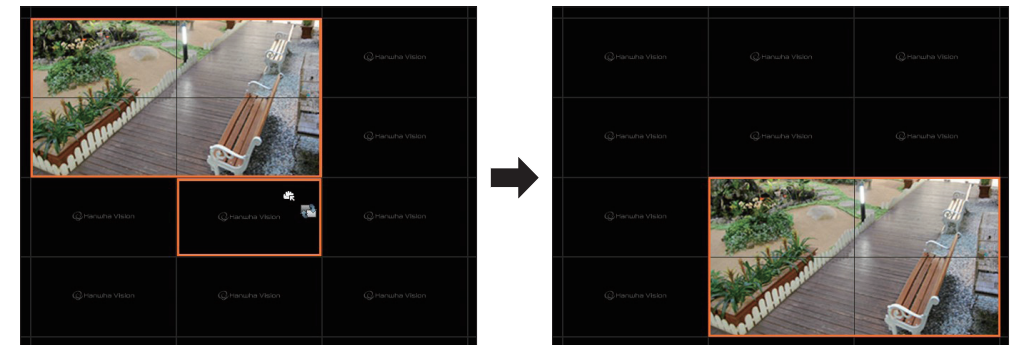


Di chuyển video

Để di chuyển video, nhấp vào video, sau đó kéo và thả nó vào vị trí mong muốn. Mở rộng vùng bố cục bằng cách kéo video ra ngoài vùng bố cục.




Chỉ có thể di chuyển video được phóng to khi có một vùng trống bằng kích thước của video.

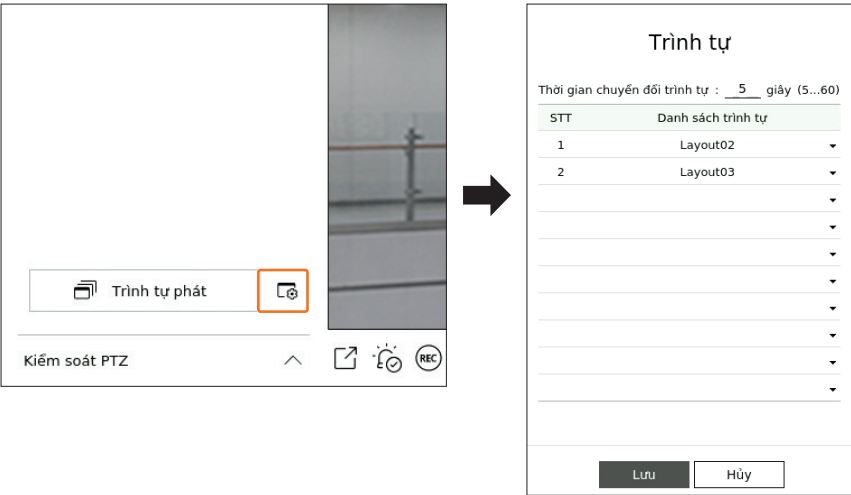


Phát trình tự bố cục

Bạn có thể tự động chuyển đổi danh sách bố cục sang khoảng thời gian đã đặt để xem.


Cài đặt trình tự

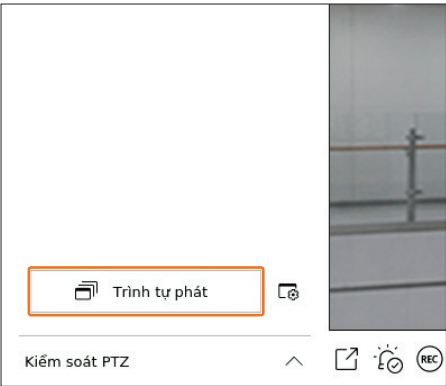
Nhấp vào <  > ở cuối danh sách bố cục để đặt trình tự.



- Thời gian chuyển đổi trình tự: Đặt thời gian chuyển đổi của danh sách bố cục.
- Danh sách trình tự: Đặt thứ tự phát lại trình tự bố cục. Bạn có thể thêm một bố cục nhiều lần.

Phát trình tự bố cục

Nhấp vào <  **Trình tự phát** > ở cuối danh sách bố cục để tự động chuyển đổi bố cục theo cài đặt trình tự.




- < **Trình tự phát** > chỉ hoạt động khi có trình tự được thiết lập.

GIÁM SÁT SỰ KIỆN THỜI GIAN THỰC

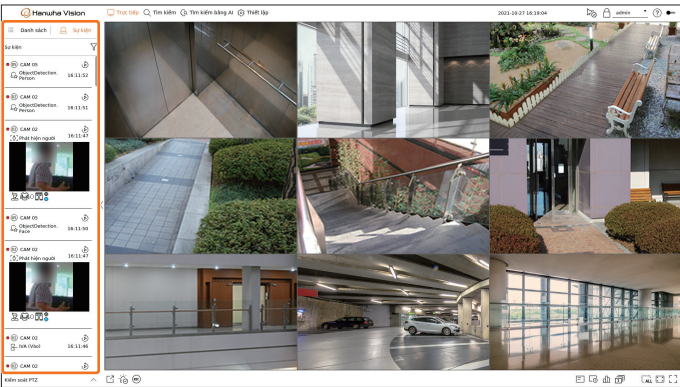
Bạn có thể kiểm tra các sự kiện thời gian thực đã xảy ra trên thiết bị trong cửa sổ video trực tiếp và danh mục sự kiện.



- Chức năng này không được hỗ trợ trong một số model.
- Các sự kiện tìm kiếm AI chỉ sẵn có với các sản phẩm hỗ trợ AI.
- Các sự kiện AI chỉ hiển thị sau khi đặt các quy tắc sự kiện. Chức năng tìm kiếm sự kiện AI có thể có các cài đặt và thông số kỹ thuật hoạt động khác nhau tùy thuộc vào thiết bị lưu trữ hoặc camera.

Kiểm tra danh mục sự kiện

Nhấp vào <  **Sự kiện** > ở phía bên trái của màn hình trực tiếp để hiển thị danh mục sự kiện thời gian thực.

- Khi xảy ra sự kiện mới, danh mục sự kiện sẽ được cập nhật tương ứng.
- Các kênh và sự kiện đã chỉ định sẽ hiển thị trong danh sách theo cách thiết lập quy tắc sự kiện.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt sự kiện > Thiết lập quy tắc sự kiện**" trong Mục lục.




- : Duyệt sự kiện theo điều kiện bạn muốn.
- : Phát video tại thời điểm diễn ra sự kiện.

- Khi có đầu ra báo động, nếu bạn đã đặt tính năng ghi sự kiện cũng như thời gian trước sự kiện và sau sự kiện thì hoạt động ghi sự kiện sẽ được thực hiện trước hoặc sau sự kiện theo phương thức ghi đã đặt. Để biết thêm thông tin về cài đặt ghi sự kiện, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt ghi > Thiết lập ghi**" trong Mục lục.

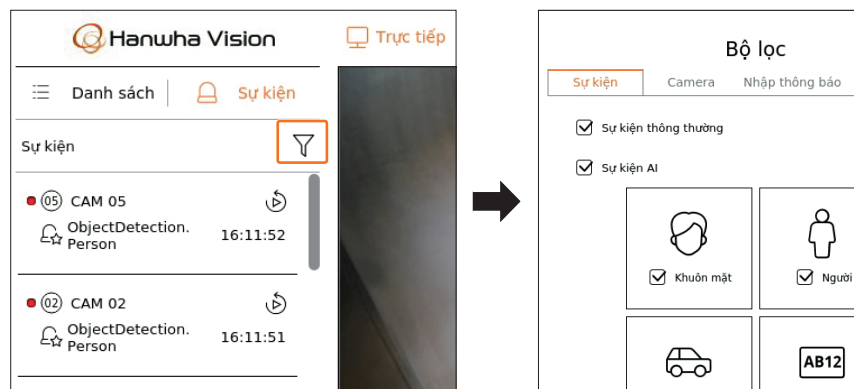
- ! ■ Video có thể bị trễ, tùy theo tình trạng mạng.
- Đầu ra sự kiện có thể bị trễ vì việc truyền sự kiện báo động từ camera mạng sẽ mất nhiều thời gian.

Tìm kiếm sự kiện

Bạn có thể tìm kiếm các sự kiện theo camera, đầu vào báo động (thiết bị lưu trữ) và loại sự kiện.
Để tìm kiếm sự kiện cụ thể, hãy nhấp vào <  > để chọn loại sự kiện, camera và đầu vào báo động cần tìm kiếm.

Bộ lọc sự kiện

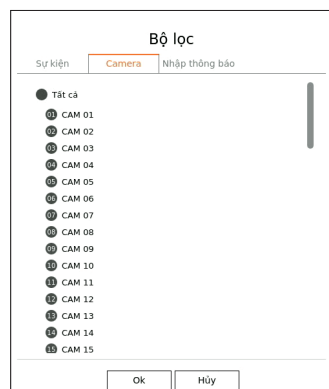
Chỉ hiển thị các sự kiện đã chọn trong danh mục sự kiện.



- Sự kiện thông thường: Tìm kiếm các loại sự kiện đã xảy ra trong camera nói chung, chẳng hạn như cảm biến chuyển động và IVA.
- Sự kiện AI: Tìm kiếm các loại sự kiện AI như khuôn mặt, người và xe.
 - Sự kiện AI chỉ được kích hoạt khi kết nối camera AI.
 - Các sự kiện AI chỉ hiển thị sau khi đặt quy tắc sự kiện. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Đặt sự kiện > Công cụ AI**" trong Mục lục.

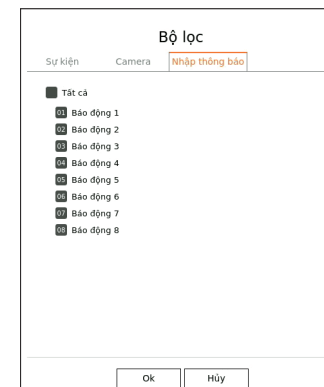
Bộ lọc camera

Chỉ hiển thị sự kiện từ camera đã chọn.



Bộ lọc đầu vào báo động

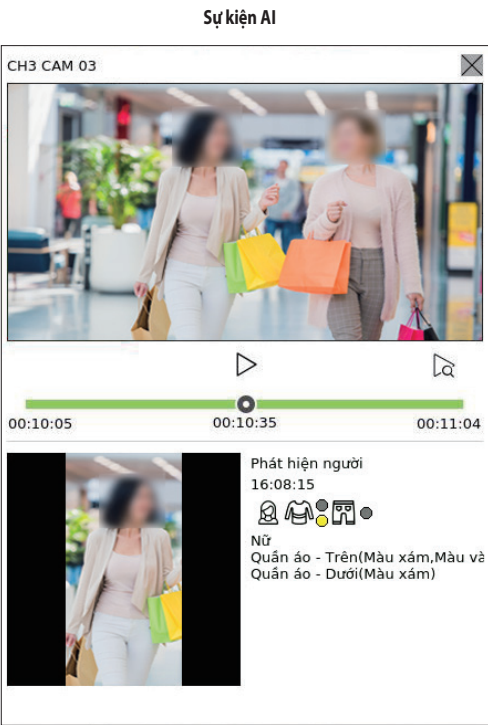
Hiển thị các sự kiện duy nhất cho các số đầu vào báo động của thiết bị lưu trữ đã chọn.



Trình xem sự kiện tức thì

Chọn một sự kiện để kiểm tra từ danh mục sự kiện, rồi nhấp vào <🔍> để phát video đã ghi tại thời điểm sự kiện xảy ra.

- Trình xem tức thì có thể phát video sự kiện trong 1 phút.
- Đối với các sự kiện AI, hình ảnh rõ nét nhất và chi tiết của sự kiện đã xảy ra sẽ hiển thị.
- ✍️ ■ Chức năng nhận diện sự kiện AI có thể có các cài đặt và thông số kỹ thuật hoạt động khác nhau tùy thuộc vào model thiết bị lưu trữ hoặc camera.
- Để xem các sự kiện AI, hãy đặt bất kỳ tùy chọn nào sau đây nếu cần: Xem trang liên quan để biết phương thức thiết lập chi tiết.
 - Thiết lập > Sự kiện > Công cụ AI
 - Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > Đối tượng
 - Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > Nhận diện bằng AI
 - Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > Khẩu trang
 - Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > IVA
 - Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập quy tắc sự kiện



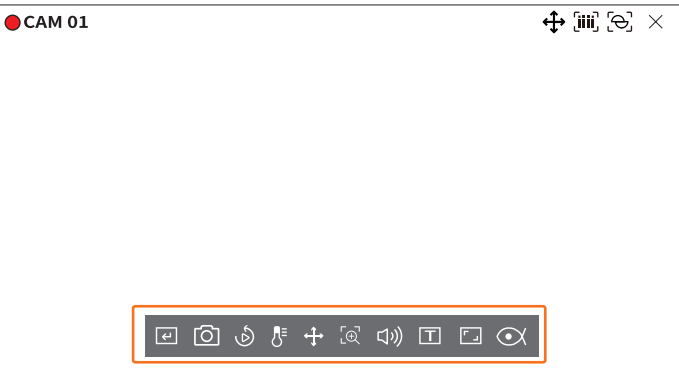
- ▷/||: Phát/tạm dừng video.
- 🔍: Chuyển đến màn hình phát lại.
- ✕: Dừng phát lại Trình xem tức thì.

Dừng thông báo đầu ra

Khi xảy ra sự kiện, có thể có báo động. Nhấp vào <🔔> ở cuối màn hình để dừng đầu ra báo động nếu cần. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "Thiết lập > Cài đặt sự kiện > Thiết lập quy tắc sự kiện" trong Mục lục.

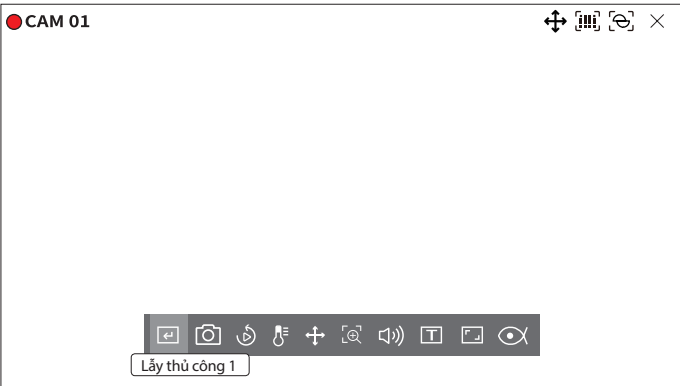
Kiểm soát video camera

Bằng cách sử dụng biểu tượng chức năng của cửa sổ video, bạn có thể dễ dàng sử dụng các chức năng chụp, thu phóng video, camera PTZ và camera ảnh nhiệt. Khi bạn di chuột lên cửa sổ video, menu màn hình trực tiếp sẽ xuất hiện.



Lấy thủ công

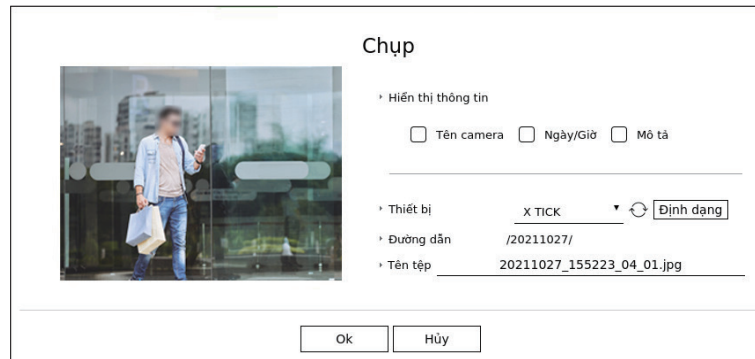
Nếu hành động sự kiện cho <Lấy thủ công> được thiết lập cho kênh đã chọn trong menu "Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập quy tắc sự kiện", tên quy tắc sự kiện sẽ hiển thị khi bạn di chuột qua <🔍>. Nhấp vào <🔍> để kích hoạt sự kiện đã thiết lập.



Chụp

Bạn có thể chụp ảnh màn hình video hiện tại của một kênh cụ thể được chọn trên màn hình trực tiếp.

1. Chọn kênh để chụp lại video và nhấp vào <📷>.
2. Chọn thông tin đầu ra sẽ hiển thị trên màn hình đã chụp.



3. Đặt thiết bị lưu tệp ảnh chụp màn hình và tên tệp.
 - Nếu bạn nhấp vào <Định dạng>, cửa sổ xác nhận định dạng sẽ xuất hiện. Nhấp vào <Có> để định dạng thiết bị lưu trữ đã chọn.
4. Hoàn tất việc cài đặt và nhấp vào <Ok>, sau đó hình ảnh chụp từ màn hình sẽ được lưu vào thiết bị đã chọn.

📌 ■ Màn hình camera lớn hơn 2 megapixel được chụp ở kích thước Full HD.

Trình xem tức thì

Bạn có thể tua video quay lại 30 giây và phát video trong khi giám sát trực tiếp. Trình xem tức thì phát video từ 30 giây đến 1 phút tính từ thời điểm hiện tại.

Chọn kênh bạn muốn và nhấp vào <🔍>.
Màn hình Trình xem tức thì sẽ xuất hiện.



- ▶/||: Phát/tạm dừng video.
- 🔍: Chuyển đến màn hình phát lại.
- ✕: Dừng phát lại Trình xem tức thì.

Chế độ phát hiện nhiệt độ

Đối với hình ảnh hỗ trợ chức năng camera chụp ảnh nhiệt, bạn có thể nhấp vào điểm bạn muốn để kiểm tra thông tin nhiệt độ.

Chọn kênh bạn muốn và nhấp vào <🌡️>.

Khi bạn di chuột qua video, con trỏ chuột sẽ chuyển thành hình dạng nhiệt kế, sau đó khi bạn nhấp vào một vị trí cụ thể trên video, nhiệt độ tại vị trí đó sẽ hiển thị bên cạnh con trỏ chuột.



- ↩️: Thoát khỏi chế độ cảm biến nhiệt độ.
- 🌡️: Màu sắc của video thay đổi theo lựa chọn màu nhiệt độ.

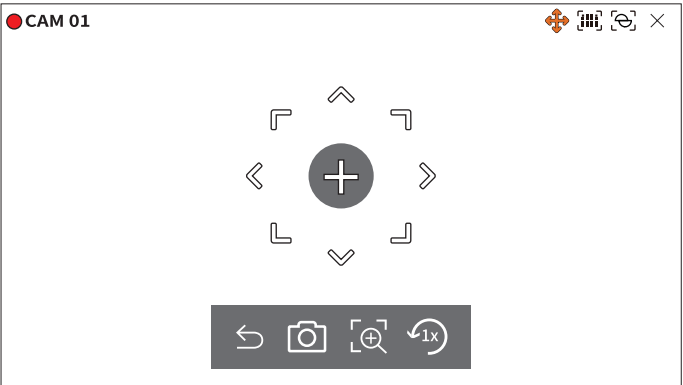
Chế độ PTZ

Bạn có thể chạy kiểm soát PTZ của kênh đã chọn.

Chọn kênh bạn muốn và nhấp vào <📡>.

Vào chế độ kiểm soát PTZ.

📝 ■ Tùy thuộc vào camera, chức năng kiểm soát PTZ và tốc độ có thể khác nhau.



- ↶ : Đóng chế độ PTZ.
- 📷 : Quay video ở trạng thái hiện tại.
- 🔍 : Sau khi nhấp vào biểu tượng thu phóng kỹ thuật số, bạn có thể sử dụng các nút <⊕/⊖> để phóng to hoặc thu nhỏ video.
- ↶1x : Quay lại màn hình thu phóng 1x.

Điều chỉnh hướng camera

Khi bạn di chuột đến <📡>, phím 8 chiếu sẽ xuất hiện và khi chuột rời khỏi khu vực của phím hướng, phím hướng sẽ biến mất. Bạn có thể tinh chỉnh hướng camera bằng cách nhấp vào phím 8 hướng một lần. Tiếp tục nhấp vào các phím mũi tên để di chuyển theo hướng bạn muốn và thả chuột để dừng.

Để nhanh chóng điều chỉnh hướng của camera, hãy nhấp vào <📡> và kéo. Màn hình sẽ di chuyển nhanh chóng theo hướng bạn muốn. Bạn có thể điều chỉnh tốc độ di chuyển của màn hình theo khoảng cách kéo.

Di chuyển đến giữa màn hình

Nhấp vào một vị trí cụ thể trên màn hình để di chuyển video tại vị trí đó vào giữa màn hình.

Thu phóng khu vực đã chọn

Kéo một khu vực cụ thể của màn hình để di chuyển khu vực đã chọn vào giữa màn hình rồi phóng to.

Thu phóng hình ảnh

Bạn có thể phóng to hoặc thu nhỏ bằng con lăn chuột. Nhấp vào <↶1x> để quay lại kích thước gốc.

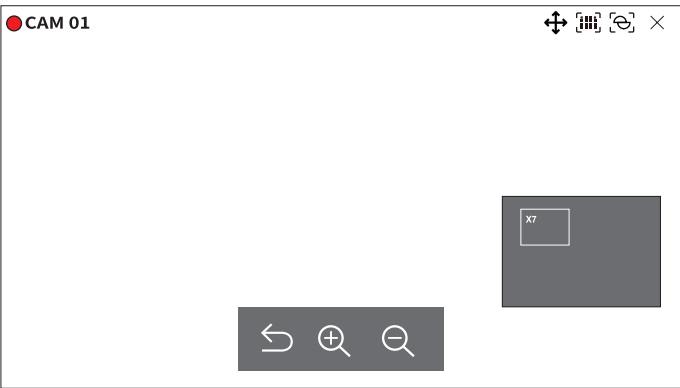
Phóng to

Bạn có thể phóng to hoặc thu nhỏ video thông qua thu phóng kỹ thuật số.

Chọn kênh bạn muốn và nhấp vào <🔍>.

Vào chế độ thu phóng kỹ thuật số.

📝 ■ Ở chế độ PTZ, nhấp vào <🔍> để thực hiện thu phóng kỹ thuật số.



- ↶ : Thoát chế độ thu phóng kỹ thuật số.
- ⊕/⊖ : Phóng to hoặc thu nhỏ video.
- Bản đồ thu nhỏ: Khi video được phóng to 10%, bản đồ thu nhỏ sẽ hiển thị. Bạn có thể nhanh chóng kiểm tra vị trí bạn muốn trong video phóng lớn thông qua bản đồ thu nhỏ.

Âm thanh

Bạn có thể bật/tắt âm thanh tương ứng với kênh ở Chế độ trực tiếp.


Chọn kênh bạn muốn và nhấp vào <🔊>.

Bạn chỉ có thể bật đầu ra âm thanh trong một kênh. Đầu ra âm thanh của các kênh khác sẽ tự động bị tắt.

- 📝 ■ Nếu bạn đã định cấu hình cài đặt đầu ra âm thanh đúng cách nhưng âm thanh hoặc giọng nói không được phát ra, hãy kiểm tra xem camera mạng được kết nối có hỗ trợ tín hiệu âm thanh hay không và liệu bạn đã định cấu hình cài đặt âm thanh phù hợp hay chưa. Biểu tượng âm thanh có thể hiển thị nếu tín hiệu âm thanh không phát ra mà chỉ có tiếng ồn.
- Chỉ kênh đặt <Âm thanh> thành <Sử dụng> trong "Thiết lập > Camera > Thiết lập kênh" mới hiển thị biểu tượng âm thanh (🔊) ở Chế độ trực tiếp cho bạn bật/tắt âm thanh.

Văn bản hiển thị

Bạn có thể giám sát văn bản liên quan đến bản ghi bán hàng nhận được từ POS trong thời gian thực.

-  Bạn có thể thực hiện điều này khi kết nối với thiết bị nhận tin.
- Thiết bị lưu trữ có thể hiển thị văn bản trên màn hình trực tiếp khi đã đặt thiết bị nhận tin. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt thiết bị > Văn bản**" trong Mục lục.

Chọn kênh bạn muốn và nhấp vào **< T >**.

Khi thông tin văn bản xuất hiện, thông tin đó sẽ hiển thị trong cửa sổ video tương ứng.

Ngoài ra, khi một văn bản sự kiện đã đặt diễn ra, phần tương ứng của văn bản sẽ hiển thị ở một màu riêng biệt.

CAM 01

Onions	3,59
CHIP	2,37
Apple	2,69
Goat	0,79
Peppers red, loose	0,59
2 x 0,79	1,18
Pasta	0,59
2 x 0,59	1,18
=====+	
TOTAL	3,63

< + > xuất hiện khi thông tin văn bản đi qua màn hình. Nhấp vào **< + >** để hiển thị cửa sổ mới nơi bạn có thể xem toàn bộ nội dung.

Text

LIDL – IE9513674T

=====

Onions CHIP

Apple

Goat Cheese

Onions

Peppers red, loose

2 x 0.79

Pasta

2 x 0.59

Onions CHIP

Apple

Goat Cheese

Onions

Peppers red, loose

Ok

Thay đổi tùy chọn cố định tỉ lệ hình ảnh kênh

Bạn có thể thay đổi tùy chọn tỷ lệ khung hình của từng kênh.

Chọn kênh bạn muốn và nhấp vào **< R >**.

Tỷ lệ sẽ chuyển thành tỷ lệ thực tế của video.



Điều chỉnh uốn cong

Bạn có thể sửa các hình ảnh bị méo từ camera mắt cá bằng cách chạy điều chỉnh uốn cong.
Chọn kênh mà bạn muốn và nhấp vào <👁>.
Việc này sẽ mở chế độ cài đặt cho điều chỉnh uốn cong.

- ❏ Chức năng này không được hỗ trợ trong một số model.
- ❏ Chức năng này chỉ hoạt động khi độ phân giải video là 1:1.
- ❏ Khi thay đổi bố cục, chế độ điều chỉnh uốn cong đã đặt sẽ bị xóa, vì vậy bạn hãy đặt lại.
- ❏ Điều chỉnh uốn cong sẽ chỉ được áp dụng cho kênh đã chọn.
- ❏ Trong chế độ điều chỉnh uốn cong, tốc độ khung hình của video bị giới hạn tùy thuộc vào độ phân giải (3-30 fps).



- ⏮ : Chế độ điều chỉnh uốn cong được đóng.
- 🖼 : Bạn có thể chọn chế độ xem từ <Đơn>, <Xem Quad>, <Toàn cảnh đơn> và <Toàn cảnh đôi>.
 - Đơn, Xem Quad: Bạn có thể sử dụng chức năng PTZ bằng cách kéo chuột lên/xuống/trái/phải hoặc bằng cách sử dụng con lăn chuột.
 - Toàn cảnh đơn: Bạn có thể chọn khi chế độ gắn là <Tường>
 - Toàn cảnh đôi: Bạn có thể chọn khi chế độ gắn là <Mặt đất> hoặc <Trần nhà>. Bạn có thể sử dụng chức năng PAN bằng cách kéo chuột sang trái hoặc phải.
- 🔄 : Bạn có thể chọn chế độ gắn trong số các lựa chọn <Mặt đất>, <Tường> và <Trần nhà>.

Kiểm soát PTZ

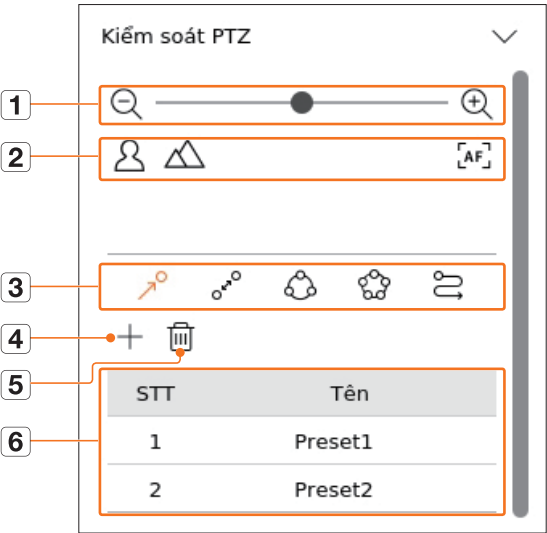
Với Thiết bị lưu trữ này, bạn có thể định cấu hình cài đặt của camera PTZ cũng như camera thương mại trên thị trường theo sở thích của bạn.
Tính năng này chỉ hoạt động nếu kênh mà camera PTZ kết nối được chọn.

Bắt đầu với hoạt động PTZ

- Camera PTZ sẽ chỉ được kích hoạt nếu kênh của camera PTZ được chọn. Sau khi chọn kênh bạn muốn, hãy nhấp vào <⬆⬇⬆> trên menu màn hình trực tiếp.
- ❏ Tính năng này chỉ sẵn có nếu camera PTZ được kết nối và biểu tượng <⬆⬇⬆> hiển thị trên màn hình.
 - ❏ Ngay cả khi camera mạng được kết nối không hỗ trợ các hoạt động PTZ, bạn cũng có thể định cấu hình cài đặt kiểm soát PTZ (nếu có thể) bằng cách cài đặt trình điều khiển PTZ (thiết bị vật lý).
 - ❏ Tính năng này chỉ hỗ trợ camera mạng có chức năng PTZ của Hanwha Vision và camera đã đăng ký trong ONVIF.

Menu kiểm soát PTZ

Bạn có thể sử dụng một camera PTZ duy nhất để thực hiện các thao tác Lia, Nghiêng và Thu phóng nhằm giám sát nhiều địa điểm, cũng như định cấu hình cài đặt tùy chỉnh của các thiết lập sẵn ở chế độ bạn muốn.
Nhấp vào <Kiểm soát PTZ ^> ở phía dưới bên trái của màn hình trực tiếp để hiển thị menu kiểm soát camera PTZ như hình dưới đây.



Mục		Mô tả
1		Thu nhỏ/Phóng to Kích hoạt hoạt động Thu phóng của camera PTZ.
2		Gần/Xa Bạn có thể điều chỉnh tiêu điểm theo cách thủ công.
		Điều chỉnh tiêu điểm tự động Bạn có thể điều chỉnh tiêu điểm theo cách tự động.
3		Thiết lập sẵn Đặt vị trí thiết lập sẵn để di chuyển camera, sau đó chọn vị trí thiết lập sẵn bạn muốn để di chuyển đến vị trí đã đặt.
		Xoay Xoay là chức năng giám sát di chuyển giữa hai điểm thiết lập sẵn và cho phép bạn đổi vết chuyển động.
		Nhóm Chức năng nhóm cho phép bạn nhóm các giá trị thiết lập sẵn khác nhau trước khi gọi chúng theo trình tự.
		Tour Lần lượt giám sát tất cả các nhóm do người dùng tạo.
		Dõi vết Hoạt động theo dõi sẽ ghi nhớ dấu vết của các chuyển động mà bạn đã hướng dẫn và tái tạo để tham chiếu.
4		Thiết lập sẵn bạn đã đặt sẽ được lưu và hiển thị trong danh sách.
5		Xóa danh sách thiết lập sẵn đã chọn.
6	Danh sách thiết lập sẵn Hiển thị danh sách các thiết lập sẵn đã lưu.	

- Dấu PTZ hoạt động (hiện hoạt) có thể được kích hoạt ngay cả khi hoạt động PTZ không sẵn có ở chế độ thông thường. Vì vậy, hãy đảm bảo rằng bạn đã hoàn tất cài đặt PTZ trước khi tiếp tục.
- Một số camera có thể khác nhau về tiêu đề menu và hoạt động liên quan đến Xoay, Nhóm, Tour và Dõi vết.
- Ngay cả khi camera mạng của bạn hỗ trợ chức năng này, bạn chỉ có thể sử dụng chức năng nếu nút được kích hoạt trong trình khởi chạy kiểm soát PTZ.

Sử dụng chức năng PTZ kỹ thuật số (D-PTZ)

- Đăng ký camera hỗ trợ hồ sơ D-PTZ.
 - Đối với các camera hỗ trợ hồ sơ D-PTZ, bạn có thể sử dụng chức năng D-PTZ.
- Cả camera hỗ trợ PTZ thông thường và camera hỗ trợ D-PTZ đều có thể kiểm soát hình ảnh trực tiếp bằng cách sử dụng một số menu chức năng <**Kiểm soát PTZ**>.
 - Để biết thêm thông tin về các chức năng được hỗ trợ, vui lòng tham khảo hướng dẫn sử dụng camera.

Thiết lập sẵn

Thiết lập sẵn là một tập hợp dữ liệu đã lưu chỉ định vị trí của camera PTZ. Một camera PTZ có thể lưu tối đa 300 vị trí.

- Số lượng cài đặt sẵn tối đa có thể thay đổi tùy thuộc vào số lượng cài đặt sẵn mà camera hỗ trợ.

Cách thêm thiết lập sẵn

- Chọn kênh bạn muốn và nhấp vào <>.
- Sử dụng các phím mũi tên để điều chỉnh camera hướng tới điểm.
- Nhấp vào <>.
- Nếu bạn nhấp vào <>, cửa sổ <**Cài đặt thiết lập trước đó**> sẽ xuất hiện.

Cài đặt thiết lập trước đó


STT 3
Tên

LƯU Hủy

- Nhấp vào < > để chọn đặt Thứ tự thiết lập sẵn.
 - Nhập tên Thiết lập sẵn.
 - Nhấp vào <**Lưu**>.
- Cài đặt thiết lập sẵn sẽ được lưu.

- Nếu bạn thay thế camera lưu cài đặt thiết lập sẵn của bạn bằng một camera khác, bạn phải định cấu hình lại cài đặt thiết lập sẵn.


Cách xóa thiết lập sẵn đã đăng ký

1. Nhấp vào <  >.
2. Nhấp vào <  >. Cửa sổ <Xóa thiết lập sẵn> sẽ xuất hiện.




3. Nhấp vào < 1: Preset1 > để chọn thiết lập sẵn cần xóa.
4. Nhấp vào <Xóa>. Thiết lập sẵn đã chọn sẽ bị xóa.

Chạy thiết lập sẵn

1. Nhấp vào <  >.
2. Nhấp vào thiết lập sẵn bạn muốn chạy từ danh sách. Ống kính camera sẽ di chuyển đến vị trí đã đặt.


Chạy Xoay (xoay tự động), Nhóm (quét), Tour hoặc Dõi vết (mẫu hình)

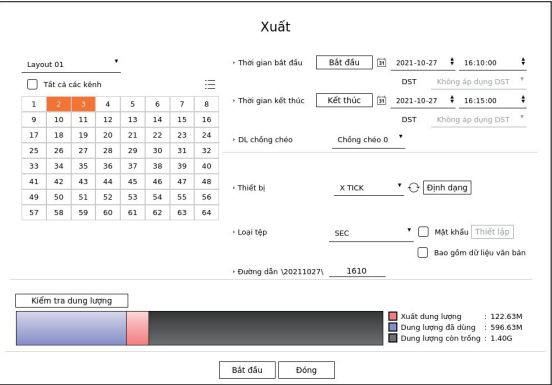
Phương thức chạy của mỗi chức năng tương tự như phương thức hoạt động của thiết lập sẵn. Để biết chi tiết về cách sử dụng, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng của camera.

- 
- Tùy thuộc vào chức năng của camera, có thể chỉ một số tính năng sẵn có với người dùng.

XUẤT VIDEO ĐÃ QUAY

Bạn có thể tìm kiếm thiết bị lưu trữ cần xuất và xuất video đã quay trong thời gian bạn muốn theo bố cục hoặc kênh.

1. Nhấp vào <  > ở cuối màn hình.
2. Màn hình thiết lập xuất sẽ xuất hiện.



- Chọn bố cục: Chọn bố cục bạn muốn từ danh sách bố cục.
- Kênh: Chọn kênh để xuất.
 - Bạn có thể chọn nhiều kênh. Nếu bạn chọn <Tất cả các kênh>, tất cả các kênh sẽ được chọn.
- Phạm vi xuất: Đặt thời gian <Bắt đầu> và <Kết thúc> để chạy nội dung xuất được chọn.
 - Bắt đầu: Bạn có thể đặt thời gian bắt đầu xuất theo thời gian bạn muốn. Nhấp vào <Bắt đầu> để đặt thời gian bắt đầu xuất là lần đầu tiên quay video.
 - Kết thúc: Bạn có thể đặt thời gian kết thúc xuất theo thời gian bạn muốn. Nhấp vào <Kết thúc> để đặt thời gian kết thúc xuất là lần quay video gần đây nhất.
- DL chống chéo: Hiển thị danh sách dữ liệu chống chéo trên cùng một thời điểm theo số lượng dữ liệu. Tính năng này được hiển thị khi có dữ liệu trùng lặp trong cùng một kênh do thay đổi về thời gian hoặc múi giờ tiêu chuẩn.
 - Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo trang "Thiết lập > Cài đặt hệ thống > Ngày/Giờ/Ngôn ngữ" trong Mục lục.
- Thiết bị: Chọn thiết bị cần xuất trong số các thiết bị được tìm kiếm.
- Định dạng: Nếu bạn nhấp vào <Định dạng>, cửa sổ xác nhận định dạng sẽ xuất hiện. Nhấp vào <Có> để định dạng thiết bị lưu trữ đã chọn.
- Loại tệp: Chọn định dạng xuất.
 - SEC: Bạn có thể xuất ở định dạng tệp của riêng mình và có thể phát trực tiếp trên PC. Bạn có thể phát bằng trình xem có trong thư mục xuất.
 - Nếu chọn định dạng SEC, bạn có thể chọn đưa vào "Mật khẩu Thiết lập" và "Bao gồm dữ liệu văn bản".
 - Thiết bị lưu trữ: Bạn có thể xuất sang tệp chỉ phát được trên thiết bị lưu trữ.
 - AVI: Bạn có thể xuất sang định dạng AVI tương thích với các trình phát phương tiện phổ biến.
- Đường dẫn: Hiển thị vị trí thư mục lưu tệp xuất. Bạn không thể thay đổi thư mục lưu trữ mà chỉ có thay đổi tên tệp được lưu.
- Kiểm tra dung lượng: Bạn có thể kiểm tra dung lượng xuất đã chọn và dung lượng hiện tại, cũng như dung lượng còn lại của thiết bị xuất.

3. Sau khi thiết lập xuất xong, hãy chọn <**Bắt đầu**>.

- Nếu không có thiết bị để xuất, nút <**Bắt đầu**> sẽ không được kích hoạt.
- Nếu bạn nhấn vào <**Dừng**> trong tiến trình xuất thì tiến trình xuất sẽ bị hủy.

4. Nhấn vào <**Ok**> trên cửa sổ xác nhận hoàn thành xuất để hoàn tất.



- Không thể bắt đầu xuất khi cắm một USB không đủ dung lượng trống vào.
Hãy định dạng thẻ nhớ hoặc xóa một số dữ liệu trên thẻ nhớ để đảm bảo có dung lượng lưu trữ thích hợp.
- Tốc độ hoạt động của sản phẩm có thể giảm trong quá trình xuất.
- Bạn có thể chuyển sang màn hình menu trong tiến trình xuất, nhưng sẽ không thể phát lại dữ liệu.
- Nếu quá trình xuất không thành công, hãy kiểm tra dung lượng và trạng thái hiện tại để xem liệu ổ đĩa cứng có được kết nối đúng cách hay không trong menu "**Thiết bị** > **Thiết bị lưu trữ**".

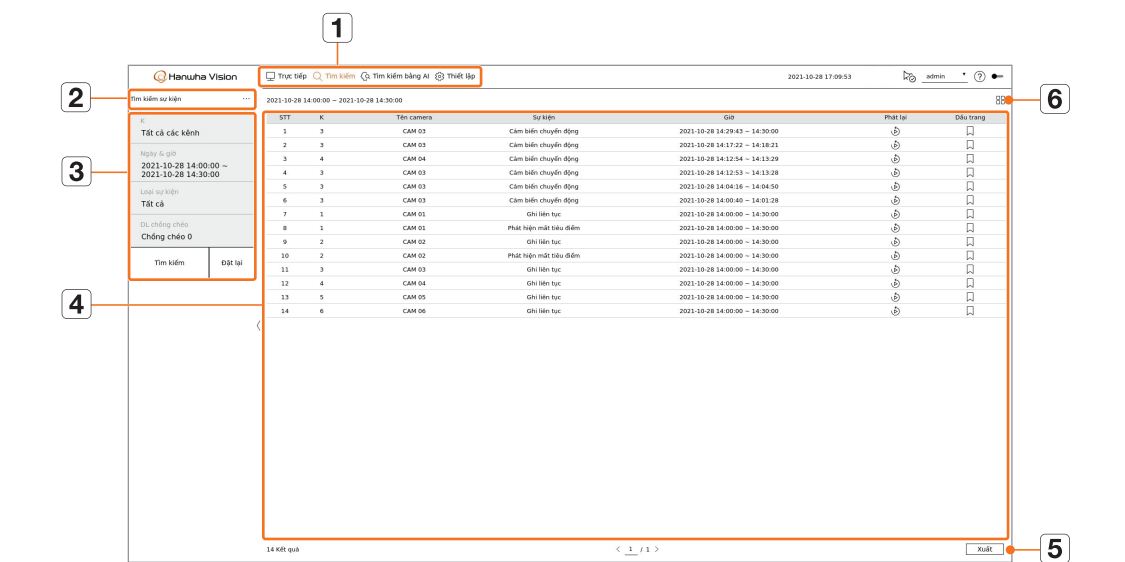


- Nếu bạn chọn <**Ấn**> trong khi quá trình xuất đang diễn ra, màn hình sẽ chuyển sang menu phía trên, nhưng quá trình xuất sẽ vẫn tiếp tục.

tìm kiếm

Bạn có thể tìm kiếm video đã quay theo nhiều điều kiện khác nhau như thời gian, sự kiện và xuất.

BỐ CỤC MÀN HÌNH TÌM KIẾM



Mục	Mô tả
1	Menu Nhấp vào từng menu để truy cập vào màn hình menu tương ứng.
2	Tab menu tìm kiếm Nhấp vào tab menu để hiển thị menu tìm kiếm chi tiết. Nhấp vào menu Tìm kiếm để chuyển đến màn hình Tìm kiếm tương ứng.
3	Điều kiện tìm kiếm Bạn có thể đặt các điều kiện tìm kiếm khác nhau, chẳng hạn như ngày/giờ/sự kiện.
4	Kết quả tìm kiếm Hiển thị kết quả tìm kiếm.
5	Xuất Xuất kết quả tìm kiếm thành tệp.
6	Hiển thị kết quả tìm kiếm dưới dạng danh sách hoặc hình thu nhỏ.

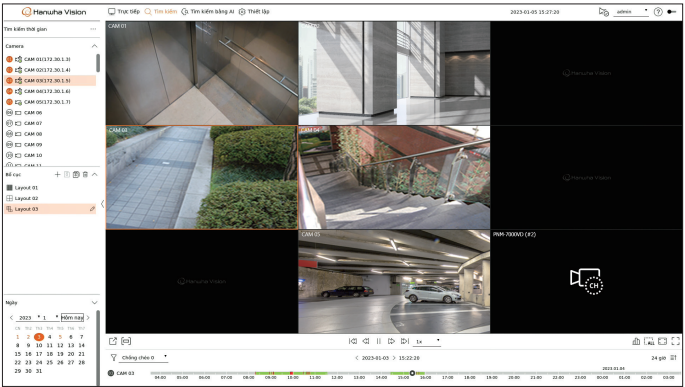
- Nhấp vào <Đặt lại> để khởi tạo các điều kiện và kết quả tìm kiếm.
- Nhấp đúp vào mục bạn muốn trong danh sách kết quả tìm kiếm để chuyển đến màn hình phát. Khi bạn nhấp vào Phát lại (↺), video sẽ được phát trong trình xem tức thì.
- Bạn có thể chỉ định dấu trang bằng cách nhấp vào dấu trang (📌) trong danh sách kết quả tìm kiếm. Bạn có thể kiểm tra video được chỉ định đó trong menu tìm kiếm dấu trang.
- Nếu kết quả tìm kiếm nằm trong nhiều trang <> bạn có thể nhấp để chuyển đến trang trước/tiếp theo. Hoặc, bạn có thể nhấp vào số trang hiện tại và nhập trang bạn muốn để di chuyển.

TÌM KIẾM THỜI GIAN

Bạn có thể tìm kiếm dữ liệu đã ghi theo điều kiện ngày và giờ bạn muốn.



- Thời gian được hiển thị sẽ dựa trên múi giờ tiêu chuẩn và múi giờ áp dụng thời gian tiết kiệm ánh sáng (DST), do đó, thời gian có thể hiển thị khác nhau tùy thuộc vào việc có ghi đồng thời múi giờ dữ liệu và có áp dụng thời gian tiết kiệm ánh sáng (DST) hay không.



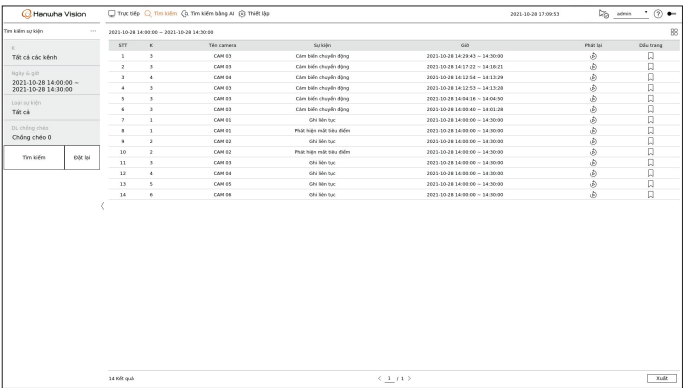
- Chọn <Tìm kiếm thời gian> trong menu <Tìm kiếm>.
- Chọn kênh để tìm kiếm.
- Chọn bố cục.
- Nhấp vào <> trong cửa sổ chọn ngày để chọn năm và tháng cần tìm kiếm. Ngày có dữ liệu sẽ hiển thị bằng màu cam và ngày hiện tại sẽ hiển thị trong vòng tròn màu cam.
- Chọn ngày để tìm kiếm từ lịch. Video đầu tiên của dữ liệu được tìm kiếm trong ngày sẽ hiển thị trong cửa sổ video và dữ liệu sẽ hiển thị trong dòng thời gian.
 - Nhấp vào <Hôm nay> để tìm kiếm ngày hôm nay. Ngày hôm nay sẽ được chọn.
 - Nếu bạn nhấp vào <Chồng chéo>, bạn có thể kiểm tra dòng thời gian bằng cách đặt phần chồng chéo theo thời gian thay đổi.
 - Màu hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại dữ liệu ghi.
 - Màu xanh lục nhạt: Video ghi thường
 - Màu đỏ: Quay video sự kiện
- Nhấp đúp vào thời gian của kênh bạn muốn để phát video đã ghi vào thời gian đó.



- Đối với các kênh chưa đăng ký (kênh ảo), cửa sổ video sẽ hiển thị biểu tượng 🚫 và bạn không thể ghi hay phát lại.

TÌM KIẾM SỰ KIỆN

Bạn có thể tìm kiếm các sự kiện khác nhau theo kênh.



1. Chọn <Tìm kiếm sự kiện> trong menu <Tìm kiếm>.

2. Chọn kênh để tìm kiếm.

- Nếu chọn kênh để tìm kiếm, bạn có thể thay đổi chế độ hiển thị kênh bằng cách nhấp vào <[icon]>. Bạn có thể chọn kênh bạn muốn bằng cách nhấp hoặc kéo kênh đó từ bảng kênh rồi nhấp vào kênh trong danh sách kênh.

3. Chọn ngày và giờ để tìm kiếm.

- Chức năng tìm kiếm chỉ chạy tối đa 1 phút, vì vậy có thể không tìm được các sự kiện nếu phần tìm kiếm sự kiện dài. Trong trường hợp này, hãy đặt lại phần và tìm kiếm lại.

4. Vui lòng chọn loại sự kiện. Khi bạn nhấp vào mục, cửa sổ lựa chọn loại sự kiện sẽ xuất hiện.

- Tùy chọn loại sự kiện: cảm biến chuyển động, IVA, cảm biến khuôn mặt, theo dõi tự động, cảm biến giả mạo, phát hiện mất tiêu điểm, cảm biến sương mù, cảm biến audio, phân loại nguồn âm thanh, đầu vào báo động (camera), ghi liên tục, ghi thủ công
- Các tùy chọn loại sự kiện có thể khác nhau tùy thuộc vào model camera.

5. Chọn phần DL chống chéo.

Phần chống chéo sẽ hiển thị khi có dữ liệu chống chéo trong một kênh do có thay đổi về thời gian hoặc múi giờ tiêu chuẩn tại thời điểm đã chọn.

6. Nhấp vào nút <Tìm kiếm>.

Danh sách kết quả tìm kiếm sẽ được hiển thị.

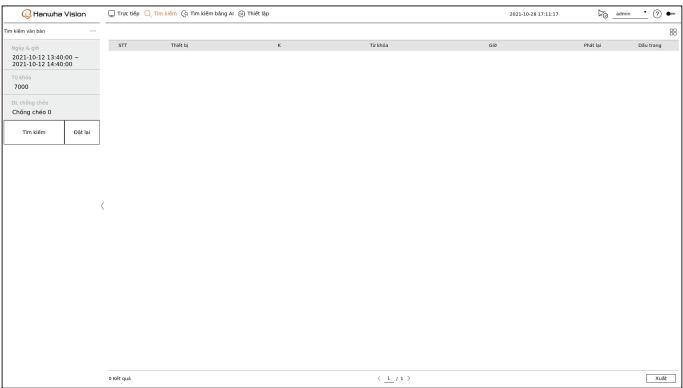
- Để dừng tìm kiếm, nhấp vào <Dừng> trong cửa sổ tìm kiếm bật lên. Bạn có thể kiểm tra kết quả tìm kiếm cho đến lúc này.

- K: Hiển thị kênh nơi sự kiện đã xảy ra.
- Tên camera: Hiển thị tên camera.
- Sự kiện: Hiển thị loại sự kiện của video đã quay.
- Giờ: Hiển thị thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc của video đã quay.
- Phát lại: Phát video đã quay bằng trình xem tức thì.
- Dấu trang: Chỉ định dấu trang cho video đã quay.

7. Nếu bạn nhấp đúp vào mục để phát trong danh sách tìm kiếm, video đã quay sẽ được phát.

TÌM KIẾM VĂN BẢN

Bạn có thể tìm kiếm đầu vào dữ liệu cho thiết bị POS được kết nối với thiết bị lưu trữ.



1. Chọn <Tìm kiếm văn bản> trong menu <Tìm kiếm>.

2. Chọn ngày và giờ để tìm kiếm.

3. Đặt mục từ khóa. Khi bạn nhấp vào mục, cửa sổ cài đặt từ khóa sẽ xuất hiện.

- Bạn có thể tìm kiếm với phạm vi hẹp hơn bằng cách nhập các ký tự cụ thể.
- Từ khóa tìm kiếm văn bản: Nhập văn bản cần tìm.
- Đồng nhất chữ hoa/chữ thường: Khi chọn, các ký tự đã nhập sẽ được tìm kiếm có phân biệt chữ hoa/chữ thường.
- Đồng nhất toàn bộ từ: Khi chọn, chỉ dữ liệu khớp chính xác với ký tự đã nhập mới được tìm kiếm.
- Từ khóa sự kiện: Bạn có thể tìm kiếm văn bản với các từ khóa sự kiện thiết lập sẵn. Để biết thêm thông tin về cài đặt từ khóa sự kiện, hãy tham khảo trang "<Thiết lập> <Cài đặt thiết bị> <Văn bản> <Cài đặt văn bản sự kiện>" trong Mục lục.

4. Chọn phần DL chống chéo.

Phần chống chéo sẽ hiển thị khi có dữ liệu chống chéo trong một kênh do có thay đổi về thời gian hoặc múi giờ tiêu chuẩn tại thời điểm đã chọn.

5. Nhấp vào nút <Tìm kiếm>.

Danh sách kết quả tìm kiếm sẽ được hiển thị.

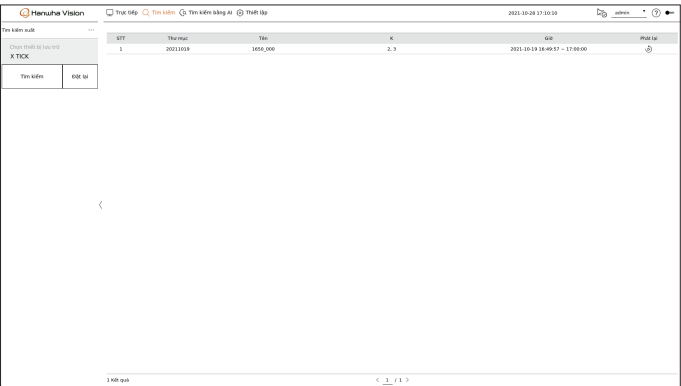
- Để dừng tìm kiếm, nhấp vào <Dừng> trong cửa sổ tìm kiếm bật lên. Bạn có thể kiểm tra kết quả tìm kiếm cho đến lúc này.
- Thiết bị: Hiển thị tên của thiết bị POS được kết nối với thiết bị lưu trữ.
- K: Hiển thị kênh nơi sự kiện đã xảy ra.
- Từ khóa: Hiển thị văn bản được tìm kiếm.
- Giờ: Hiển thị thời gian bắt đầu của video đã quay.
- Phát lại: Phát video đã quay bằng trình xem tức thì.
- Dấu trang: Chỉ định dấu trang cho video đã quay.

6. Nếu bạn nhấp đúp vào mục để phát trong danh sách tìm kiếm, video đã quay sẽ được phát.

tìm kiếm

TÌM KIẾM XUẤT

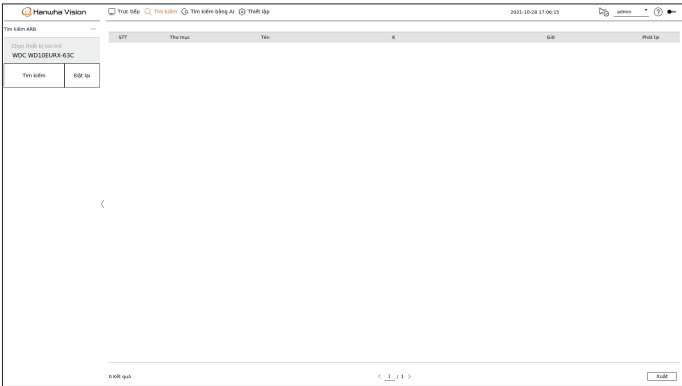
Bạn có thể tìm kiếm dữ liệu đã xuất trên phương tiện lưu trữ được kết nối. Chỉ dữ liệu được lưu ở định dạng tệp thiết bị lưu trữ khi xuất mới được truy xuất.



1. Chọn **<Tìm kiếm xuất>** trong menu **<Tìm kiếm>**.
2. Khi bạn nhấp vào lựa **<Chọn thiết bị lưu trữ>**, cửa sổ tìm kiếm thiết bị sẽ hiển thị. Nhấp vào **<↺↻>** để tìm kiếm Phương tiện lưu trữ.
3. Nhấp vào **<Tìm kiếm>**.
Thông tin tệp đã xuất sẽ hiển thị.
 - Thư mục: Hiển thị thư mục lưu trữ tệp.
 - Tên: Hiển thị thư mục lưu trữ các tệp (được đặt tên theo thời gian).
 - K: Hiển thị kênh của video đã quay.
 - Giò: Hiển thị thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc của video đã xuất.
 - Phát lại: Phát video đã xuất bằng trình xem tức thì.
4. Nếu bạn nhấp đúp vào mục để phát trong danh sách tìm kiếm, video đã quay sẽ được phát.

TÌM KIẾM ARB

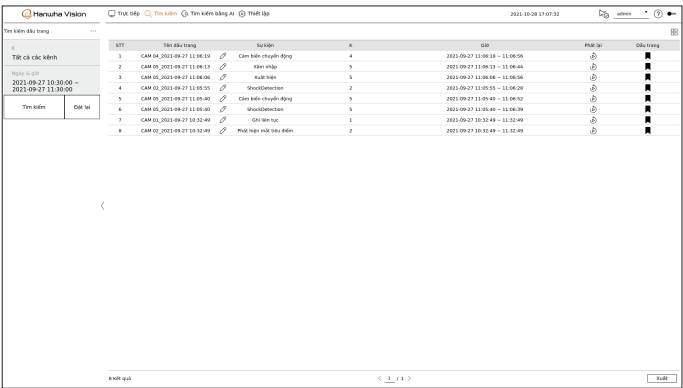
Bạn có thể tìm kiếm dữ liệu sao lưu tự động khôi phục được lưu trữ trên thiết bị lưu trữ ARB.



1. Chọn **<Tìm kiếm ARB>** trong menu **<Tìm kiếm>**.
 - Để biết thêm thông tin về tìm kiếm ARB, hãy tham khảo mục "**Thiết lập > Cài đặt thiết bị > Thiết bị lưu trữ**" trong Mục lục.
2. Khi bạn nhấp vào lựa **<Chọn thiết bị lưu trữ>**, cửa sổ tìm kiếm thiết bị sẽ hiển thị. Nhấp vào **<↺↻>** để tìm kiếm thiết bị sao lưu.
Tên model của thiết bị lưu trữ ARB sẽ hiển thị.
3. Nhấp vào **<Tìm kiếm>**.
Thông tin tệp ARB được lưu trữ trên thiết bị sẽ hiển thị.
 - Thư mục: Hiển thị thư mục lưu trữ dữ liệu ARB.
 - Tên: Hiển thị tên tệp được lưu trữ trên thiết bị ARB.
 - K: Hiển thị kênh đã ghi.
 - Giò: Hiển thị thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc quay video đã sao lưu.
 - Phát lại: Phát video đã quay bằng trình xem tức thì.
4. Nếu bạn nhấp đúp vào mục để phát trong danh sách tìm kiếm, video đã quay sẽ được phát.

TÌM KIẾM DẤU TRANG

Bạn có thể tìm kiếm dữ liệu được đánh dấu trang.



1. Chọn <Tìm kiếm dấu trang> trong menu <Tìm kiếm>.

- Để tìm kiếm dấu trang, bạn cần chỉ định chúng bằng cách nhấp vào dấu trang (🔖) trong trình xem tức thì hoặc kết quả tìm kiếm. Nếu không có dấu trang nào được chỉ định, kết quả tìm kiếm sẽ không hiển thị.

2. Chọn kênh để tìm kiếm.

- Nếu chọn kênh để tìm kiếm, bạn có thể thay đổi chế độ hiển thị kênh bằng cách nhấp vào <📺>. Bạn có thể chọn kênh bạn muốn bằng cách nhấp hoặc kéo kênh từ tủ bảng kênh rồi nhấp vào kênh trong danh sách kênh.

3. Chọn ngày và giờ để tìm kiếm.

4. Nhấp vào <Tìm kiếm>.

Danh sách kết quả tìm kiếm sẽ được hiển thị.

- Tên dấu trang: Hiển thị tên dấu trang bạn đã đặt.
- Sự kiện: Hiển thị loại sự kiện của video đã quay.
- K: Hiển thị kênh đã ghi.
- Giờ: Hiển thị thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc của video đã quay.
- Phát lại: Phát video đã quay bằng trình xem tức thì.
- Dấu trang: Hiển thị tình trạng chỉ định dấu trang.

5. Nếu bạn nhấp đúp vào mục để phát trong danh sách tìm kiếm, video đã quay sẽ được phát.

- Hình ảnh đã đánh dấu sẽ được lưu trữ và không bị ghi đè trong quá trình ghi lặp lại. Tuy nhiên, khi cài đặt xóa tự động, hình ảnh đó sẽ bị xóa dựa theo khoảng thời gian đã đặt.
- Khi dấu trang được gỡ bỏ, video sẽ không được lưu. Nếu cần, bạn hãy xuất video trước khi gỡ bỏ dấu trang.
- Bạn có thể chỉ định tối đa 100 dấu trang.

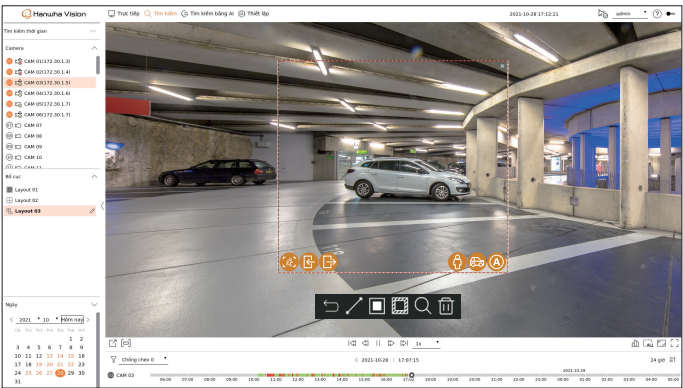
TÌM KIẾM THÔNG MINH

Bạn có thể tìm kiếm các sự kiện bằng cách chọn khu vực quan tâm, khu vực loại trừ hoặc một đường ảo từ video đã quay tại một thời điểm cụ thể.

- Để sử dụng tính năng tìm kiếm thông minh, bạn cần đặt vùng “**Cảm biến chuyển động**” hoặc “**IVA**” của camera thành toàn bộ vùng. Tuy nhiên, nếu bạn muốn tìm kiếm các camera sau dòng Wisenet X, bạn phải chọn “**Kích hoạt**” trong “**Thiết lập sự kiện > IVA**” của camera. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang “**Thiết lập > Cài đặt sự kiện > Thiết lập sự kiện**” trong Mục lục.

1. Nhấp vào <🔍> trên menu cửa sổ video.

2. Đặt khu vực tìm kiếm thông minh trong cửa sổ video.



- Đường ảo (📏): Phát hiện sự di chuyển của một đối tượng dựa trên đường và hướng ảo được thiết lập trên hình ảnh. Nhấp và kéo điểm đầu và điểm cuối của đường ảo đến vị trí bạn muốn bằng chuột.
 - Đường ảo có thể được đặt theo một hướng hoặc cả hai hướng. Nếu bạn chọn tùy chọn hướng của đường ảo ở cả hai phía, đường ảo sẽ phát hiện tất cả các đối tượng đi qua theo cả hai hướng trên một đường ảo.
- Khu vực quan tâm (📏): Sử dụng toàn bộ màn hình làm vùng không phát hiện và chỉ định một khu vực cụ thể làm vùng cảm biến chuyển động. Kéo chuột qua hình ảnh hoặc lấy một đỉnh để đặt vùng phát hiện ở vị trí bạn muốn.
 - Khi bạn đặt một vùng, một biểu tượng tùy chọn sự kiện/đối tượng sẽ được hiển thị ở cuối vùng. Nhấp vào biểu tượng để loại trừ sự kiện/đối tượng khỏi tìm kiếm.
 - Xâm nhập (👤): Phát hiện và tìm kiếm các đối tượng chuyển động trong khu vực do người dùng thiết lập.
 - Nhập (👤): Tìm kiếm bằng cách phát hiện chuyển động từ bên ngoài vào bên trong khu vực do người dùng thiết lập.
 - Thoát (👤): Tìm kiếm bằng cách phát hiện chuyển động từ trong ra ngoài khu vực do người dùng thiết lập.
 - Người (👤): Tìm kiếm các sự kiện có người trong khu vực do người dùng thiết lập.
 - Xe (🚗): Tìm kiếm các sự kiện có xe trong khu vực do người dùng thiết lập.
 - Tất cả đối tượng (👤): Tìm kiếm các sự kiện bao gồm tất cả đối tượng trong khu vực do người dùng thiết lập.
- Khu vực loại trừ (📏): Sử dụng toàn bộ màn hình làm vùng phát hiện và chỉ định vùng không phát hiện để loại trừ việc phát hiện một vùng cụ thể. Kéo chuột qua hình ảnh hoặc lấy một đỉnh để chỉ định vùng không phát hiện ở vị trí bạn muốn.


3. Đặt phạm vi ngày và giờ để thực hiện tìm kiếm vùng ảo và nhấp vào <🔍>.

4. Khi bạn nhấp vào mục để phát trên dòng thời gian, video đã quay tương ứng sẽ phát.

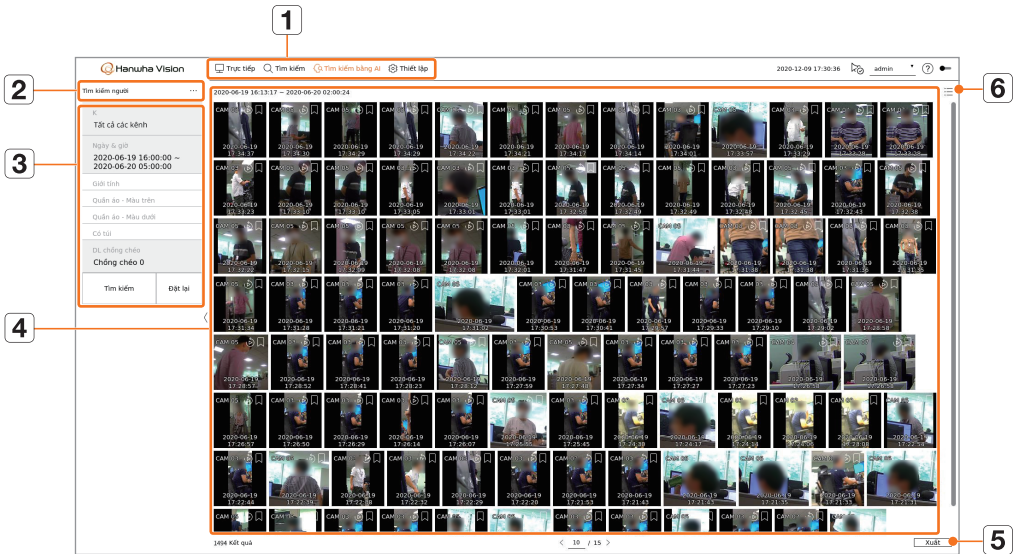
- Bạn có thể thiết lập tối đa 3 khu vực quan tâm, loại trừ và đường ảo.
- Nhấp vào Xóa (🗑️) để xóa tất cả các khu vực đã đặt.


Tìm kiếm bằng AI


Nếu có dữ liệu AI được camera quay lại, bạn có thể tìm kiếm hình ảnh trong các điều kiện khác nhau như người, khuôn mặt và xe.

- 
- Chức năng này không được hỗ trợ trong một số model.
 - Đối với các sản phẩm hỗ trợ chức năng Tìm kiếm bằng AI, hãy tham khảo trang "[Các chức năng được model hỗ trợ](#)".

BỐ CỤC MÀN HÌNH TÌM KIẾM BẰNG AI

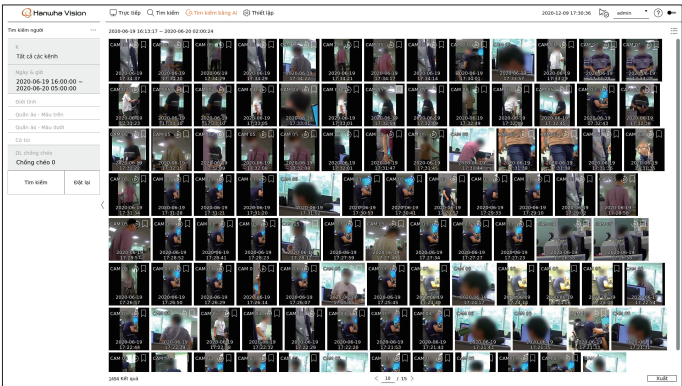



Mục	Mô tả
1	Menu Nhấp vào từng menu để truy cập vào màn hình menu tương ứng.
2	Tab menu tìm kiếm Nhấp vào tab menu để hiển thị menu tìm kiếm chi tiết. Nhấp vào menu Tìm kiếm để chuyển đến màn hình Tìm kiếm tương ứng.
3	Điều kiện tìm kiếm Bạn có thể đặt các điều kiện tìm kiếm khác nhau, chẳng hạn như ngày/giờ/giới tính.
4	Kết quả tìm kiếm Hiển thị kết quả tìm kiếm.
5	Xuất Xuất kết quả tìm kiếm thành tệp.
6	 Hiển thị kết quả tìm kiếm dưới dạng danh sách hoặc hình thu nhỏ.

- 
- Các tùy chọn tìm kiếm bạn đã đặt sẽ được lưu và nhấp vào **<Đặt lại>** để đặt lại điều kiện tìm kiếm.
 - Nhấp đúp vào mục bạn muốn trong danh sách kết quả tìm kiếm để chuyển đến màn hình phát. Khi bạn nhấp vào Phát lại (↺), video sẽ được phát trong trình xem tức thì.
 - Bạn có thể chỉ định dấu trang bằng cách nhấp vào dấu trang (📌) trong danh sách kết quả tìm kiếm. Bạn có thể kiểm tra video được chỉ định đó trong menu tìm kiếm dấu trang.

TÌM KIẾM NGƯỜI

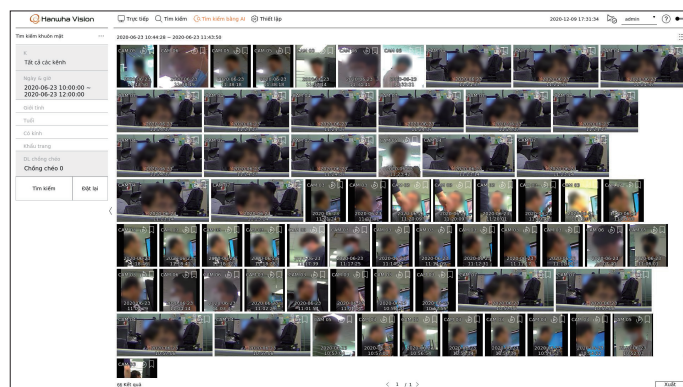
Trong dữ liệu đã ghi, bạn có thể tìm kiếm một người theo bất kỳ điều kiện nào bạn muốn, chẳng hạn như giới tính, màu sắc trên/dưới.




- Chọn **<Tìm kiếm người>** trong menu **<Tìm kiếm bằng AI>**.
- Chọn kênh để tìm kiếm.
 - Nếu chọn kênh để tìm kiếm, bạn có thể thay đổi chế độ hiển thị kênh bằng cách nhấp vào . Bạn có thể chọn kênh bạn muốn bằng cách nhấp hoặc kéo kênh đó từ bảng kênh rồi nhấp vào kênh trong danh sách kênh.
- Chọn ngày và giờ để tìm kiếm.
- Chọn tùy chọn tìm kiếm chi tiết.
 - Các tùy chọn tìm kiếm người: **Giới tính, Quần áo - Màu trên, Quần áo - Màu dưới, Có túi**
 - Nhấp vào tùy chọn để hiển thị cửa sổ lựa chọn tùy chọn. Chọn tùy chọn tìm kiếm bạn muốn.
 - Nếu không có chi tiết nào được đặt, tất cả các điều kiện sẽ được chọn và tìm kiếm.
- Chọn phần DL chống chéo.
Phần chống chéo sẽ hiển thị khi có dữ liệu chống chéo trong một kênh do có thay đổi về thời gian hoặc múi giờ tiêu chuẩn tại thời điểm đã chọn.
- Nhấp vào nút **<Tìm kiếm>**.
Danh sách kết quả tìm kiếm sẽ được hiển thị.
 - Để dừng tìm kiếm, nhấp vào **<Dừng>** trong cửa sổ tìm kiếm bật lên. Bạn có thể kiểm tra kết quả tìm kiếm cho đến lúc này.
 - K: Hiển thị kênh đã ghi.
 - Tên camera: Hiển thị tên camera.
 - Thuộc tính: Hiển thị các thuộc tính kết quả tìm kiếm được ghi nhận.
 - Giờ: Hiển thị thời gian bắt đầu của video đã quay.
 - Phát lại: Phát video đã quay bằng trình xem tức thì.
 - Dấu trang: Chỉ định dấu trang cho video đã quay.
- Nếu bạn nhấp đúp vào mục để phát trong danh sách tìm kiếm, video đã quay sẽ được phát.

TÌM KIẾM KHUÔN MẶT

Từ dữ liệu đã ghi, bạn có thể tìm kiếm khuôn mặt theo các điều kiện bạn muốn như giới tính và tuổi tác.



1. Chọn **<Tìm kiếm khuôn mặt>** trong menu **<Tìm kiếm bằng AI>**.
2. Chọn kênh để tìm kiếm.
 - Nếu chọn kênh để tìm kiếm, bạn có thể thay đổi chế độ hiển thị kênh bằng cách nhấp vào . Bạn có thể chọn kênh bạn muốn bằng cách nhấp hoặc kéo kênh đó từ bảng kênh rồi nhấp vào kênh trong danh sách kênh.
3. Chọn ngày và giờ để tìm kiếm.
4. Chọn tùy chọn tìm kiếm chi tiết.
 - Các tùy chọn tìm kiếm khuôn mặt: **Giới tính, Tuổi, Có kính, Khẩu trang**
 - Nhấp vào tùy chọn để hiển thị cửa sổ lựa chọn tùy chọn. Chọn tùy chọn tìm kiếm bạn muốn.
 - Nếu không có chi tiết nào được đặt, tất cả các điều kiện sẽ được chọn và tìm kiếm.
5. Chọn phần DL chống chéo.

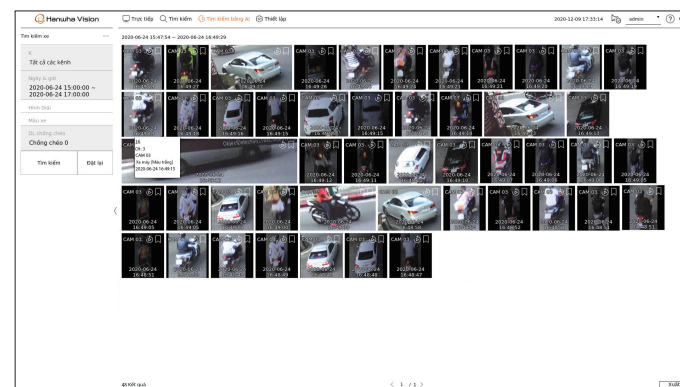
Phần chống chéo sẽ hiển thị khi có dữ liệu chống chéo trong một kênh do có thay đổi về thời gian hoặc múi giờ tiêu chuẩn tại thời điểm đã chọn.
6. Nhấp vào nút **<Tìm kiếm>**.


Danh sách kết quả tìm kiếm sẽ được hiển thị.

 - Để dừng tìm kiếm, nhấp vào **<Dừng>** trong cửa sổ tìm kiếm bật lên. Bạn có thể kiểm tra kết quả tìm kiếm cho đến lúc này.
 - K: Hiển thị kênh đã ghi.
 - Tên camera: Hiển thị tên camera.
 - Thuộc tính: Hiển thị các thuộc tính kết quả tìm kiếm được ghi nhận.
 - Giờ: Hiển thị thời gian bắt đầu của video đã quay.
 - Phát lại: Phát video đã quay bằng trình xem tức thì.
 - Dấu trang: Chỉ định dấu trang cho video đã quay.
7. Nếu bạn nhấp đúp vào mục để phát trong danh sách tìm kiếm, video đã quay sẽ được phát.

TÌM KIẾM XE

Bạn có thể tìm kiếm xe bằng cách đặt điều kiện loại xe và màu sắc từ dữ liệu đã ghi.



1. Chọn **<Tìm kiếm xe>** trong menu **<Tìm kiếm bằng AI>**.
2. Chọn kênh để tìm kiếm.
 - Nếu chọn kênh để tìm kiếm, bạn có thể thay đổi chế độ hiển thị kênh bằng cách nhấp vào . Bạn có thể chọn kênh bạn muốn bằng cách nhấp hoặc kéo kênh đó từ bảng kênh rồi nhấp vào kênh trong danh sách kênh.
3. Chọn ngày và giờ để tìm kiếm.
4. Chọn tùy chọn tìm kiếm chi tiết.
 - Tùy chọn tìm kiếm xe: **Hình thái, Màu xe**
 - Nhấp vào tùy chọn để hiển thị cửa sổ lựa chọn tùy chọn. Chọn tùy chọn tìm kiếm bạn muốn.
 - Nếu không có chi tiết nào được đặt, tất cả các điều kiện sẽ được chọn và tìm kiếm.
5. Chọn phần DL chống chéo.

Phần chống chéo sẽ hiển thị khi có dữ liệu chống chéo trong một kênh do có thay đổi về thời gian hoặc múi giờ tiêu chuẩn tại thời điểm đã chọn.
6. Nhấp vào nút **<Tìm kiếm>**.

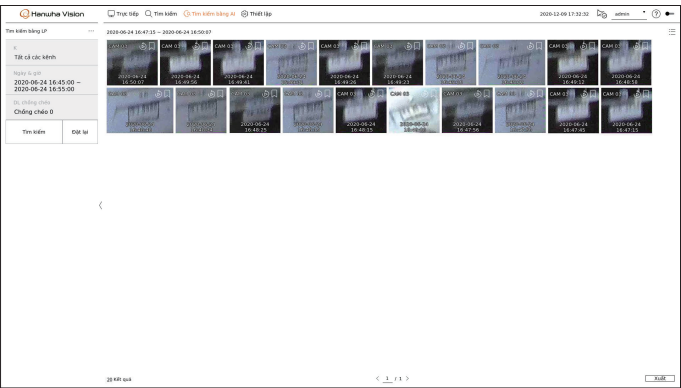
Danh sách kết quả tìm kiếm sẽ được hiển thị.

 - Để dừng tìm kiếm, nhấp vào **<Dừng>** trong cửa sổ tìm kiếm bật lên. Bạn có thể kiểm tra kết quả tìm kiếm cho đến lúc này.
 - K: Hiển thị kênh đã ghi.
 - Tên camera: Hiển thị tên camera.
 - Thuộc tính: Hiển thị các thuộc tính kết quả tìm kiếm được ghi nhận.
 - Giờ: Hiển thị thời gian bắt đầu của video đã quay.
 - Phát lại: Phát video đã quay bằng trình xem tức thì.
 - Dấu trang: Chỉ định dấu trang cho video đã quay.
7. Nếu bạn nhấp đúp vào mục để phát trong danh sách tìm kiếm, video đã quay sẽ được phát.

Tìm kiếm bằng AI

TÌM KIẾM BẰNG LP

Bạn có thể tìm kiếm biển số xe trong dữ liệu đã ghi.

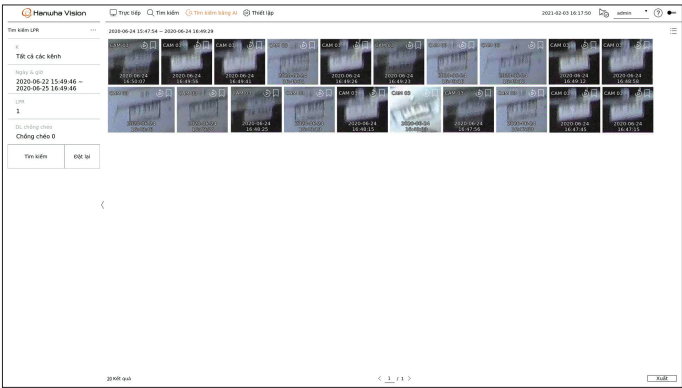


1. Chọn <**Tìm kiếm bằng LP**> trong menu <**Tìm kiếm bằng AI**>.
2. Chọn kênh để tìm kiếm.
 - Nếu chọn kênh để tìm kiếm, bạn có thể thay đổi chế độ hiển thị kênh bằng cách nhấp vào <[icon]>. Bạn có thể chọn kênh bạn muốn bằng cách nhấp hoặc kéo kênh đó từ bảng kênh rồi nhấp vào kênh trong danh sách kênh.
3. Chọn ngày và giờ để tìm kiếm.
4. Chọn phần DL chống chéo.
Phần chống chéo sẽ hiển thị khi có dữ liệu chống chéo trong một kênh do có thay đổi về thời gian hoặc múi giờ tiêu chuẩn tại thời điểm đã chọn.
5. Nhấp vào nút <**Tìm kiếm**>.
Danh sách kết quả tìm kiếm sẽ được hiển thị.
 - Để dừng tìm kiếm, nhấp vào <**Dừng**> trong cửa sổ tìm kiếm bật lên. Bạn có thể kiểm tra kết quả tìm kiếm cho đến lúc này.
 - K: Hiển thị kênh đã ghi.
 - Tên camera: Hiển thị tên camera.
 - Giờ: Hiển thị thời gian bắt đầu của video đã quay.
 - Phát lại: Phát video đã quay bằng trình xem tức thì.
 - Dấu trang: Chỉ định dấu trang cho video đã quay.
6. Nếu bạn nhấp đúp vào mục để phát trong danh sách tìm kiếm, video đã quay sẽ được phát.

TÌM KIẾM LPR

Bạn có thể tìm kiếm biển số xe được nhận diện trong dữ liệu đã ghi.

- Tìm kiếm bằng LPR chỉ sẵn có trên các model thiết bị lưu trữ hỗ trợ nhận diện bằng AI.

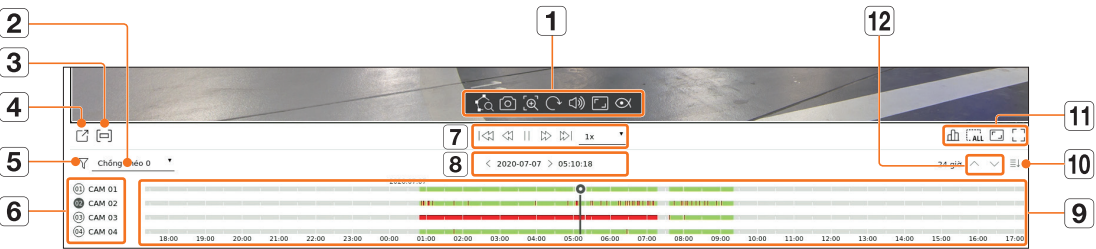


1. Chọn <**Tìm kiếm LPR**> trong menu <**Tìm kiếm bằng AI**>.
2. Chọn kênh để tìm kiếm.
 - Nếu chọn kênh để tìm kiếm, bạn có thể thay đổi chế độ hiển thị kênh bằng cách nhấp vào <[icon]>. Bạn có thể chọn kênh bạn muốn bằng cách nhấp hoặc kéo kênh đó từ bảng kênh rồi nhấp vào kênh trong danh sách kênh.
3. Chọn ngày và giờ để tìm kiếm.
4. Nhập số xe để tìm kiếm.
 - Nhấp vào <[icon]> để xem hướng dẫn tìm kiếm số xe.
 - Tùy chọn của trường nhập số xe chỉ có trong các model thiết bị lưu trữ có hỗ trợ tìm kiếm LPR.
5. Chọn phần DL chống chéo.
Phần chống chéo sẽ hiển thị khi có dữ liệu chống chéo trong một kênh do có thay đổi về thời gian hoặc múi giờ tiêu chuẩn tại thời điểm đã chọn.
6. Nhấp vào nút <**Tìm kiếm**>.
Danh sách kết quả tìm kiếm sẽ được hiển thị.
 - Để dừng tìm kiếm, nhấp vào <**Dừng**> trong cửa sổ tìm kiếm bật lên. Bạn có thể kiểm tra kết quả tìm kiếm cho đến lúc này.
 - K: Hiển thị kênh đã ghi.
 - Tên camera: Hiển thị tên camera.
 - LPR: Hiển thị số xe đã xác định.
 - Giờ: Hiển thị thời gian bắt đầu của video đã quay.
 - Phát lại: Phát video đã quay bằng trình xem tức thì.
 - Dấu trang: Chỉ định dấu trang cho video đã quay.
7. Nếu bạn nhấp đúp vào mục để phát trong danh sách tìm kiếm, video đã quay sẽ được phát.

phát

Bạn có thể phát dữ liệu đã ghi và xuất video bạn muốn trong khi phát lại.

BỐ CỤC MÀN HÌNH PHÁT



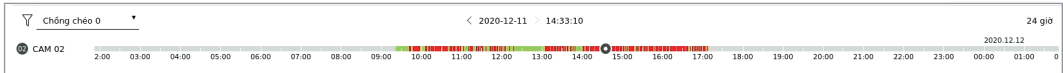
Mục	Mô tả
1	Điều khiển video <p>Bạn có thể sử dụng chức năng điều khiển video.</p> <ul style="list-style-type: none">🔍: Chạy tìm kiếm thông minh bằng cách chỉ định khu vực trong cửa sổ video.📷: Lưu màn hình video dưới dạng hình ảnh.🔍: Phóng to khu vực đã chọn trên màn hình. Tính năng này chỉ chạy trên một màn hình chia duy nhất.🔄: Hiện thị hình ảnh được xoay 90 độ. (Chức năng này không được hỗ trợ trong một số model.)🔊: Bật hoặc tắt âm thanh.📺: Thay đổi tỷ lệ hiển thị video.👁️: Vào chế độ cài đặt để điều chỉnh uốn cong camera mắt cá. <p>Nó chỉ hoạt động khi độ phân giải video là 1:1. Một số model không hỗ trợ chức năng này.</p>
2	Chống chéo <p>Danh sách sẽ hiển thị theo số lượng dữ liệu chống chéo trong cùng một múi giờ tiêu chuẩn.</p> <p>Xuất hiện khi video bị chống chéo trong một kênh do thời gian hoặc múi giờ tiêu chuẩn thay đổi tại thời điểm đã chọn.</p>
3	Phạm vi xuất <p>Bật hoặc tắt cài đặt phạm vi xuất. Bạn có thể chọn thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc để xuất.</p>
4	Xuất <p>Bạn có thể xuất video của kênh bạn đang phát.</p>
5	Bộ lọc <p>Bạn có thể lọc các mục sự kiện để xem dòng thời gian.</p>
6	Kênh <p>Kênh và tên camera sẽ hiển thị.</p>

Mục	Mô tả
7	Điều khiển phát lại <p>Bạn có thể điều khiển việc phát lại video.</p>
8	Ngày/Giờ <p>Đặt ngày/giờ.</p>
9	Dòng thời gian <p>Di chuyển vị trí phát lại và hiển thị dữ liệu sự kiện.</p>
10	Hiện thị/Ẩn kênh <p>Bạn có thể thay đổi số kênh hiển thị trong dòng thời gian.</p> <ul style="list-style-type: none">Bạn có thể hiển thị tối đa 4 kênh trên dòng thời gian.
11	Trạng thái <p>Bạn có thể kiểm tra trạng thái trực tiếp, ghi và mạng.</p>
	Xóa tất cả ô <p>Xóa tất cả màn hình khỏi cửa sổ video.</p>
	Cố định tỉ lệ toàn bộ hình ảnh <p>Thay đổi tỷ lệ hiển thị video.</p>
12	Toàn màn hình <p>Hiện thị hình ảnh được phóng lớn toàn màn hình.</p>
	Kênh trước đó/tiếp theo <p>Bạn có thể kiểm tra dòng thời gian của kênh trước đó/tiếp theo.</p>

PHÁT KẾT QUẢ TÌM KIẾM

Điều chỉnh dòng thời gian

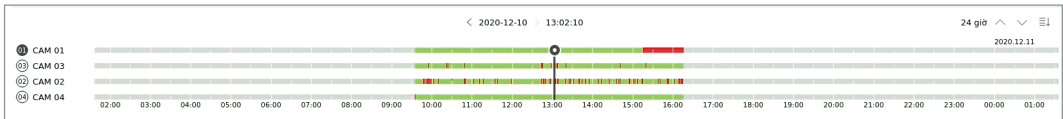
Bạn có thể di chuyển vị trí phát lại và phóng to/thu nhỏ dòng thời gian.



- Nhấp vào vị trí phát bạn muốn trong dòng thời gian.
Vị trí bắt đầu phát lại sẽ được di chuyển.
 - Nhấp vào điểm bắt đầu ở bên trái dòng thời gian để di chuyển vị trí phát lại đến điểm bắt đầu của video đầu tiên.
 - Di chuột lên dòng thời gian để xem hình thu nhỏ tương ứng của video đã quay.
- Nhấp vào đường thời gian và sử dụng con lăn chuột để phóng to hoặc thu nhỏ thang thời gian.
Thang thời gian sẽ thay đổi theo thứ tự 24 giờ-12 giờ-6 giờ-3 giờ-1 giờ-30 phút-15 phút-5 phút-1 phút.
 - Độ phóng đại dòng thời gian sẽ được hiển thị ở trên cùng bên phải của dòng thời gian.
- Để xem dòng thời gian trước hoặc sau được phóng to, hãy phóng to rồi kéo dòng thời gian sang trái hoặc phải.

Mở kênh dòng thời gian

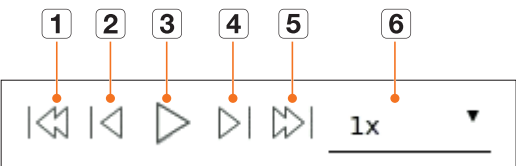
Bạn có thể hiển thị dòng thời gian của nhiều kênh.



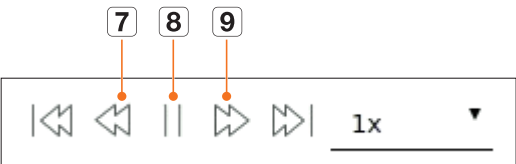
- Bạn có thể nhấp vào <≡↑>, <≡↓> để hiển thị 1 đến 4 kênh trong dòng thời gian. Dòng thời gian sẽ hiển thị nhiều kênh như đã chọn.
- Nhấp vào <^> <v> để chuyển sang kênh trước đó hoặc kênh tiếp theo.
- Di chuột lên dòng thời gian để xem hình thu nhỏ tương ứng của video đã quay.

Tên và chức năng của nút phát

Trạng thái tạm dừng



Trạng thái phát lại



Mục		Mô tả
1	Sự kiện trước	Đi đến video sự kiện trước.
2	Khung hình trước	Di chuyển lùi về khung hình chính (I-frame).
3	Phát lại	Phát video.
4	Khung hình tiếp theo	Di chuyển về phía trước một hoặc nhiều khung hình.
5	Sự kiện tiếp theo	Đi đến video sự kiện tiếp theo.
6	Tốc độ	Chọn tốc độ phát lại video. Tốc độ: x1/8, x1/4, x1/2, x1, x2, x4, x8, x16, x32, x64, x128, x256
7	Tốc độ phát ngược nhanh	Nút này được sử dụng để phát ngược lại. Tốc độ: -x1/8, -x1/4, -x1/2, -x1, -x2, -x4, -x8, -x16, -x32, -x64, -x128, -x256 <ul style="list-style-type: none">Tùy thuộc vào màn hình chia, tốc độ tối đa có thể bị giới hạn.
8	Tạm dừng	Tạm dừng video.
9	Tua nhanh	Nút này được sử dụng để tua nhanh. Tốc độ: x1/8, x1/4, x1/2, x1, x2, x4, x8, x16, x32, x64, x128, x256 <ul style="list-style-type: none">Tùy thuộc vào màn hình chia, tốc độ tối đa có thể bị giới hạn.

XUẤT KẾT QUẢ TÌM KIẾM

Bạn có thể xuất kết quả tìm kiếm thành tệp.

- Nhấp vào nút <📎>.
- Chọn bố cục và kênh để xuất.

- Chọn ngày/giờ bắt đầu và ngày/giờ kết thúc.
 - Nếu bạn đã thay đổi múi giờ tiêu chuẩn của thiết bị, hãy chọn có áp dụng DST hay không.
- Chọn phần DL chống chéo.

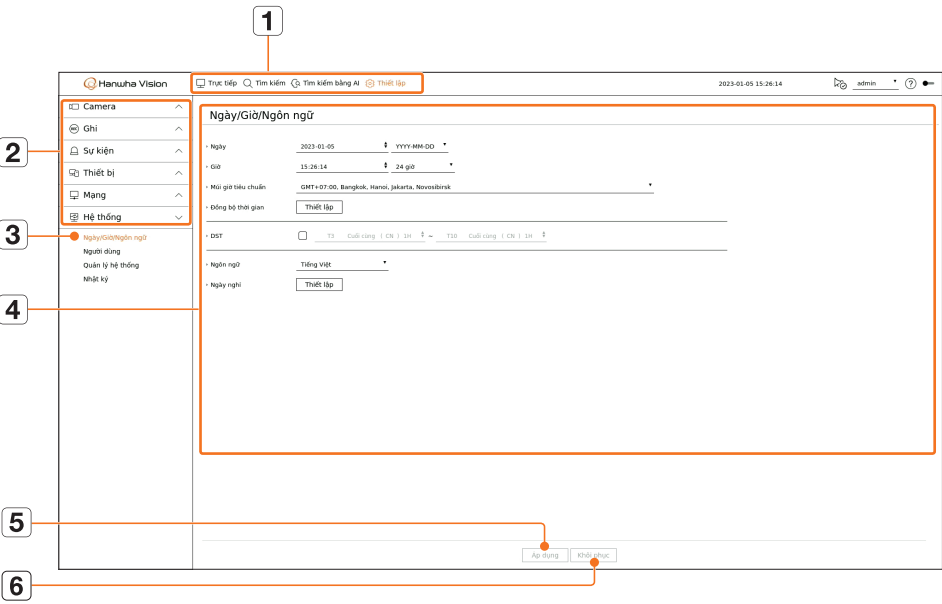
Phần chống chéo sẽ hiển thị khi có dữ liệu chống chéo trong một kênh do có thay đổi về thời gian hoặc múi giờ tiêu chuẩn tại thời điểm đã chọn.
- Nhấp vào <🔄> để chọn thiết bị lưu trữ.
 - Nếu bạn nhấp vào <**Định dạng**>, cửa sổ xác nhận định dạng sẽ xuất hiện. Nhấp vào <**Có**> để định dạng thiết bị lưu trữ đã chọn.
- Vui lòng chọn loại tệp lưu trữ.
 - SEC: Bạn có thể xuất ở định dạng tệp của riêng mình và có thể phát trực tiếp trên PC. Bạn có thể phát bằng trình xem có trong thư mục xuất.
 - Nhấp vào <**Thiết lập**> để đặt mật khẩu cho video đã xuất.
 - Nếu chọn <**Bao gồm dữ liệu văn bản**>, bạn có thể lưu dữ liệu văn bản trong video đã xuất.
 - Thiết bị lưu trữ: Bạn có thể xuất sang tệp chỉ phát được trên thiết bị lưu trữ.
 - AVI: Bạn có thể xuất sang định dạng AVI tương thích với các trình phát phương tiện phổ biến.
- Kiểm tra đường dẫn để lưu tệp sẽ xuất. Chỉ có thể thay đổi tên tệp được lưu.
- Nhấp vào <**Kiểm tra dung lượng**> để kiểm tra dung lượng lưu trữ.
- Nhấp vào <**Bắt đầu**>.

Khi quá trình xuất hoàn tất, cửa sổ xác nhận sẽ hiển thị.
- Nhấp vào <**Ok**> để thoát.
 - Nếu bạn nhấp vào <**Dừng**> trong tiến trình xuất thì tiến trình xuất sẽ bị hủy.

thiết lập

Đặt môi trường camera, ghi, sự kiện, thiết bị, mạng và hệ thống.

BỐ CỤC MÀN HÌNH THIẾT LẬP



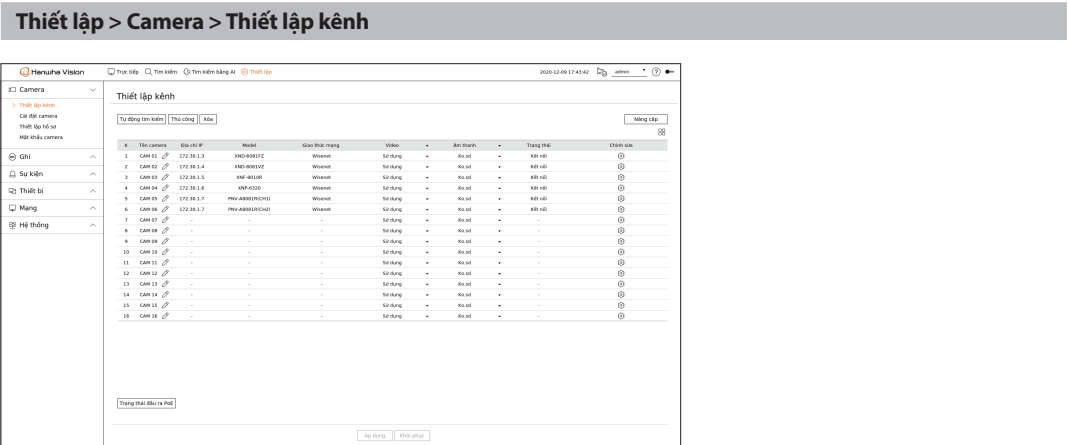
	Mục	Mô tả
1	Menu	Nhấp vào từng menu để chuyển đến màn hình menu.
2	Danh sách menu trên cùng	Định cấu hình cài đặt hoặc chọn mục gốc để thay đổi cài đặt hiện tại.
3	Danh sách menu phụ	Trong các menu phụ của menu gốc đã chọn, hãy chọn mục bạn muốn đặt.
4	Menu chi tiết	Nhấp vào trường nhập của mục bạn muốn thay đổi và nhập giá trị bạn muốn.
5	Áp dụng	Áp dụng cài đặt đã sửa đổi.
6	Khôi phục	Khôi phục về cài đặt đã sử dụng trước khi thay đổi.

CÀI ĐẶT CAMERA


Bạn có thể truy cập vào mục thiết lập kênh, cài đặt camera và hồ sơ cũng như cài đặt liên quan đến mật khẩu camera.

Cài đặt kênh

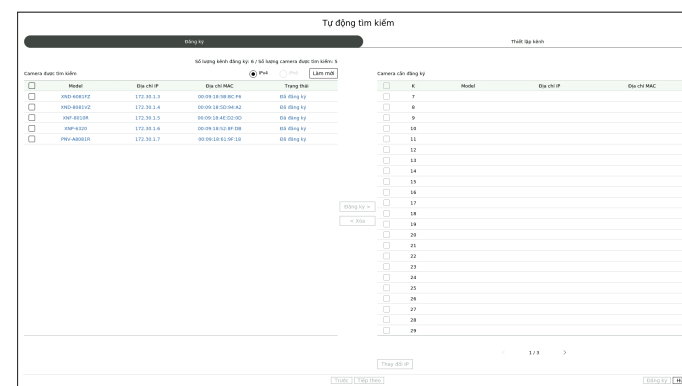
Bạn có thể đăng ký camera mạng cho từng kênh và kết nối giữa các kênh.






- Khi bạn đăng ký camera lần đầu tiên trong menu "**Thiết lập > Camera > Thiết lập kênh**", màn hình cài đặt camera sẽ được hiển thị. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "**Bắt đầu > Bảng cài đặt camera**" của mục lục.
- **Hiển thị camera của kênh tương ứng dưới dạng danh sách hoặc hình thu nhỏ.**
 - **Tên camera:** Cung cấp tên camera. Bạn có thể nhập tối đa 15 chữ cái bao gồm cả khoảng trắng.
 - **Địa chỉ IP:** Hiển thị địa chỉ IP của camera mạng.
 - **Model:** Hiển thị tên model camera.
 - **Giao thức mạng:** Hiển thị thông tin giao thức mạng của camera mạng được đăng ký.
 - **Video**
 - **Sử dụng/Ko.sd:** Bạn có thể BẬT/TẮT camera của kênh đã chọn. Nếu video camera bị tắt, màn hình trống sẽ hiển thị.
 - **Covert1:** Hiển thị thông tin khác ngoài video của kênh đã chọn. Để bảo vệ quyền riêng tư, tính năng này không hiển thị video trong khi đang ghi.
 - **Covert2:** Không hiển thị gì ngoài màn hình trống trong khi đang ghi.
 - Nếu kênh được đặt thành chế độ **<Covert1>** hoặc **<Covert2>**, kênh sẽ không phát ra âm thanh. Tuy nhiên, âm thanh của kênh sẽ được ghi lại nếu cài đặt Âm thanh của kênh được đặt thành **<Sử dụng>**, ngay cả khi không có âm thanh phát ra trong Chế độ trực tiếp.

- Âm thanh
 - Nếu đặt thành <**Sử dụng**>, bạn có thể BẬT/TẮT âm thanh của kênh trên Màn hình trực tiếp.
 - Nếu đặt thành <**Ko.sd**>, âm thanh của kênh sẽ bị tắt trên Màn hình trực tiếp và không được ghi lại.
 - Trạng thái: Hiển thị trạng thái kết nối.
 - Chỉnh sửa: Bạn có thể thay đổi thông tin kết nối của camera.
 - Nâng cấp: Bạn có thể kiểm tra phiên bản, phiên bản nâng cấp, trạng thái của camera và nâng cấp phiên bản camera.
 - Trạng thái đầu ra PoE: Đối với các sản phẩm hỗ trợ PoE, mục này hiển thị trạng thái hiện tại của PoE kết nối. Đối với các sản phẩm hỗ trợ PoE, hãy tham khảo trang "**Các chức năng được model hỗ trợ**".
-  ■ Nếu bạn không thể đăng ký camera sau khi khởi tạo hệ thống, hãy kiểm tra cài đặt mạng. Khi hệ thống được khởi tạo và cài đặt mạng được đặt lại, bảng thông mạng của camera sẽ khác với bảng thông mạng của sản phẩm, do đó sẽ không thể đăng ký camera.

Đăng ký camera mạng tự động



1. Trong trường <**Thiết lập kênh**>, nhấp vào nút <**Tự động tìm kiếm**>.
2. Cửa sổ <**Tự động tìm kiếm**> xuất hiện.
 - Nhấp vào  trong danh sách thiết bị trên màn hình trực tiếp để tự động tìm kiếm và đăng ký camera.
3. Chọn camera cần đăng ký trong danh sách <**Camera được tìm kiếm**> và nhấn vào nút <**Đăng ký**>. Bạn có thể kiểm tra camera đã chọn trong danh sách <**Camera cần đăng ký**>.
 - Camera đã đăng ký sẽ được đánh dấu màu xanh lam trong danh sách.
 - Nếu bạn tìm kiếm lại camera hoặc nếu IP là IP cũ không được máy chủ DHCP chỉ định (chẳng hạn như 192.168.1.100), hãy nhấn nút <**Làm mới**> để kiểm tra xem IP mới đã được gán hay chưa.
 - <**Trạng thái**> hiển thị trạng thái xác thực camera. Trong trạng thái <**Xác thực thất bại**>, nhấp vào  để nhập ID và mật khẩu camera.
 - Nhấp vào tiêu đề ở đầu danh sách để sắp xếp danh sách theo tiêu đề đó.
4. Để thay đổi địa chỉ IP của camera, hãy chọn camera bạn muốn từ danh sách <**Camera cần đăng ký**> và nhấn nút <**Thay đổi IP**>.
5. Nhấp vào <**Tiếp theo**> ở cuối màn hình để đặt kênh camera được đăng ký.
6. Nhấn nút <**Đăng ký**> ở phía dưới bên phải của màn hình để đăng ký camera đã chọn.

-  ■ Nếu bạn đăng ký camera bằng tài khoản người dùng—không phải tài khoản quản trị viên—thì các tính năng của camera có thể bị hạn chế.
- Khi bạn thay đổi ID/mật khẩu camera trong trình xem web camera, nếu camera đã được đăng ký trong Thiết bị lưu trữ, bạn cũng phải thay đổi thông tin ID/mật khẩu camera đã đăng ký trong Thiết bị lưu trữ.
 - Khi camera được khôi phục cài đặt gốc, ID và mật khẩu của camera sẽ được đặt về ID và mật khẩu trong "**Thiết lập > Camera > Mật khẩu camera**".
 - Nếu ID và mật khẩu của camera đã được đặt, thông tin đăng ký sẽ khớp với ID và mật khẩu được đặt trong "**Thiết lập > Camera > Mật khẩu camera**". (tối đa 3 bộ)
 - Camera Wisenet được đăng ký qua giao thức mạng Wisenet, còn camera của bên thứ ba được đăng ký qua giao thức mạng ONVIF.
 - Không bao giờ được kết nối thiết bị chạy máy chủ DHCP với cổng PoE hoặc cổng cài đặt camera. (ví dụ: bộ định tuyến)
 - Nếu camera của bạn sử dụng bộ cấp nguồn riêng, bạn cần đăng ký theo cách thủ công hoặc tự động đăng ký camera.
 - Đối với các sản phẩm hỗ trợ PoE, hãy tham khảo trang "**Các chức năng được model hỗ trợ**".

Đăng ký camera mạng thủ công

Đăng ký thủ công

K

Ch 2

Giao thức mạng

Wisenet

ONVIF

RTSP

Model

Wisenet Camera

Loại địa chỉ

Tĩnh (IPv4)

Địa chỉ IP

172.30.1

Cổng thiết bị

4520 (TIS đa 65535)

HTTP

80 (TIS đa 65535)

TLS

ID

admin

Mật khẩu

Chi tiết

Áp dụng

Hủy

1. Trong trường <Thiết lập kênh>, nhấp vào nút <Thủ công>.

2. Cửa sổ <Đăng ký thủ công> xuất hiện.

- Bạn có thể đăng ký camera theo cách thủ công bằng cách nhấp vào <+> từ danh sách thiết bị trên màn hình trực tiếp.

3. Chọn kênh và giao thức mạng được sử dụng để kết nối với camera. Các mục đầu vào có thể khác nhau tùy thuộc vào giao thức mạng đã chọn.

- Wisenet: Có thể sử dụng giao thức mạng của camera Wisenet.
- ONVIF: Có nghĩa là camera hỗ trợ giao thức mạng ONVIF. Khi kết nối camera không có tên trong danh sách, hãy chọn <ONVIF>.

- Khi camera được đăng ký với ONVIF, nếu thời gian hệ thống giữa camera và thiết bị lưu trữ chênh lệch 2 phút trở lên, bạn sẽ không thể đăng ký camera đó. Trong trường hợp này, hãy đồng bộ hóa thời gian của camera và thiết bị lưu trữ.

- RTSP: Tuân thủ RFC 2326, một "Giao thức truyền trực tuyến thời gian thực (RTSP)" để phát trực tuyến trong thời gian thực.

4. Nếu bạn chọn <Wisenet>, hãy đặt các mục sau.

- Model: Chọn model camera.
 - Không xác định: Chọn khi không xác định được model camera.
 - Wisenet Camera: Bạn có thể đăng ký camera và bộ mã hóa của Hanwha Vision.
 - Wisenet Multi-Channel: Bạn có thể đăng ký camera đa hướng và camera đa hình ảnh của Hanwha Vision. Camera đa kênh là camera có nhiều mô-đun camera trong một thân máy. Việc tự động đăng ký camera của bạn với Thiết bị lưu trữ cho phép bạn đăng ký nhiều kênh cùng một lúc. Tuy nhiên, nếu muốn đăng ký thủ công, bạn cần phải đăng ký từng kênh một.

- Loại địa chỉ: Chọn loại địa chỉ của camera.
 - Loại địa chỉ được hỗ trợ có thể khác nhau tùy thuộc vào loại sản phẩm kết nối.
 - IPv4/IPv6: Được sử dụng để cung cấp địa chỉ IP của camera theo cách thủ công.
 - Wisenet DDNS: Chỉ sẵn có nếu camera được đăng ký với máy chủ Wisenet DDNS (ddns.hanwha-security.com). Cung cấp miền đã đăng ký cho ID DDNS.
Ví dụ: http://ddns.hanwha-security.com/snb5000; cung cấp "snb5000" cho Wisenet DDNS
 - URL: Được sử dụng cho đầu vào địa chỉ URL.

- Bạn có thể xem thông số kỹ thuật DDNS được mỗi camera hỗ trợ trong hướng dẫn sử dụng của camera đó.

- Địa chỉ IP: Cung cấp địa chỉ IP của camera.
- Cổng thiết bị: Cung cấp cổng thiết bị của camera.
 - Tùy thuộc vào loại camera, một số cổng thiết bị sẽ không được hỗ trợ.
- HTTP/HTTPS: Cung cấp cổng HTTP/HTTPS của camera.
 - Nếu TLS được kích hoạt, bạn có thể đặt cổng HTTPS.
- TLS: Bạn có thể đặt sử dụng TLS hay không.
- ID: Cung cấp ID của camera bạn muốn đăng ký.
- Mật khẩu: Nhập mật khẩu của camera cần đăng ký.
- Chi tiết: Bạn có thể đặt chế độ phát trực tuyến.

5. Nếu bạn chọn <ONVIF>, hãy đặt các mục sau.

- Loại IP: Chọn loại IP của camera.
- Địa chỉ IP: Nhập địa chỉ IP của camera.
- HTTP/HTTPS: Nhập số cổng khi loại địa chỉ là IPv4 hoặc IPv6.
 - Nếu TLS được kích hoạt, bạn có thể đặt cổng HTTPS.
- TLS: Bạn có thể đặt sử dụng TLS hay không.
- Kênh: Nhập kênh để đăng ký camera.
- ID: Nhập ID camera.
- Mật khẩu: Nhập mật khẩu camera.
- Chi tiết: Bạn có thể cấu hình chế độ xác thực và chế độ phát trực tuyến.

6. Nếu bạn chọn <RTSP>, hãy đặt các mục sau.

- URL: Nhập địa chỉ truy cập RTSP của bạn. Để biết thêm thông tin, hãy xem hướng dẫn sử dụng camera.
- ID: Nhập ID camera.
- Mật khẩu: Nhập mật khẩu camera.
- Chi tiết: Bạn có thể đặt chế độ phát trực tuyến.

- Nếu giao thức mạng ONVIF hoặc RTSP được chọn, bạn có thể đặt chế độ phát trực tuyến trong phần Chi tiết.
 - TCP: Kết nối với camera mạng hoạt động ở chế độ RTP qua TCP.
 - UDP: Kết nối với camera mạng hoạt động ở chế độ RTP qua UDP.
 - HTTP: Kết nối với camera mạng hoạt động ở chế độ RTP qua TCP (HTTP).
 - HTTPS: Kết nối với camera mạng hoạt động ở chế độ RTP qua TCP (HTTPS).

Nếu bạn muốn kiểm tra chi tiết lỗi của đăng ký camera

Nếu bạn không đăng ký được camera, lý do lỗi sẽ hiển thị.

- **Kết nối thất bại do lỗi không xác định:** Thông báo này xuất hiện nếu không đăng ký được camera do trạng thái kết nối không xác định.
- **Do tài khoản camera bị khóa, truy cập không thành công:** Khi bạn nhập sai ID/mật khẩu đăng nhập vào tài khoản camera 5 lần, thông báo này sẽ hiển thị.
Cố gắng đăng nhập lại sau 30 giây. Nếu thông báo tương tự xuất hiện, bạn có thể phải kiểm tra xem có ai đang cố truy cập tài khoản camera của bạn từ bên ngoài hay không.
- **Đã kết nối thành công:** Thông báo này xuất hiện nếu camera kết nối thành công.
- **Thông tin model không chính xác. Cung cấp thông tin model chính xác:** Thông báo này xuất hiện nếu thông tin model được cung cấp để đăng ký camera không chính xác.
- **Xác thực đã thất bại:** Thông báo này xuất hiện nếu ID hoặc mật khẩu được cung cấp để đăng ký camera không chính xác.
- **Kết nối không thành công do quá nhiều người dùng đồng thời:** Thông báo này xuất hiện nếu số lượng người dùng đồng thời vượt quá giới hạn trên.
- **Kết nối không thành công do thông tin cổng HTTP không chính xác:** Thông báo này xuất hiện nếu số cổng HTTP của camera không hợp lệ.
- **Kết nối không thành công. Trạng thái truy cập không xác định:** Thông báo này xuất hiện nếu không kết nối được camera do lỗi không xác định.
- **Sửa đổi model người dùng:** Khi đăng ký một camera mới, camera đó sẽ được đặt tên theo cài đặt mặc định của thiết bị nếu người dùng đặt model thành <Camera Wisenet>. Trong trường hợp đăng ký tự động không thành công, người dùng có thể thay đổi tên model camera đã đăng ký.

Cách chỉnh sửa hồ sơ camera

Để thay đổi hồ sơ, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt camera > Cài đặt hồ sơ**" trong Mục lục.

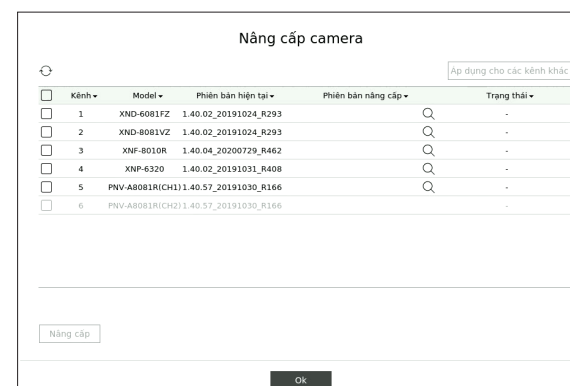


- Trong trường hợp Thiết bị lưu trữ, nếu bạn đặt 3 hồ sơ khác nhau cho hồ sơ trực tiếp, ghi và mạng, một camera sẽ tạo ra các luồng video tương ứng, có các định dạng luồng khác nhau. Đặc biệt, lưu ý rằng hồ sơ trực tiếp có thể thay đổi tùy thuộc vào chế độ chia màn hình được sử dụng.
- Đối với camera, nếu chỉ áp dụng với một hồ sơ, tốc độ khung hình được tạo ra sẽ cố định như hồ sơ chỉ định; nếu được áp dụng với nhiều hồ sơ, tốc độ khung hình của luồng video đã tạo sẽ không được đảm bảo. Ví dụ: Nếu áp dụng với 2 hồ sơ 30fps, camera có thể truyền luồng ở 20fps.

Xóa camera mạng

1. Nhấp vào <Xóa> trong trường <Thiết lập kênh>.
2. Khi cửa sổ xóa xuất hiện, hãy chọn kênh camera cần xóa.
 - Nhấp vào <Tất cả các kênh> để chọn camera cho tất cả các kênh.
3. Nhấp vào <Ok> để xóa camera của kênh đã chọn.

Nâng cấp phần mềm điều khiển của camera mạng



- Kênh: Hiển thị thông tin kênh.
- Model: Hiển thị thông tin model của camera.
- Phiên bản hiện tại: Hiển thị phiên bản phần mềm điều khiển hiện tại của camera.
- Phiên bản nâng cấp: Hiển thị phiên bản phần mềm điều khiển để nâng cấp.
 - Nhấn nút <Q> để chọn phần mềm điều khiển theo cách thủ công trong USB.
 - <🖥> thể hiện hoạt động nâng cấp thông qua máy chủ từ xa.
- Trạng thái: Hiển thị trạng thái của hoạt động nâng cấp đang diễn ra (đang nâng cấp, thành công, không thành công).

1. Nhấn vào nút <Nâng cấp> trong trường <Thiết lập kênh>.

2. Hiện thị danh sách kênh có thể nâng cấp trong các camera kết nối.

- Nếu có phần mềm điều khiển mới hơn trên máy chủ từ xa, phiên bản nâng cấp sẽ hiển thị và hộp kiểm được chọn tự động.
- Nếu không thấy phiên bản nâng cấp, bạn có thể nhấn nút <↺> để nhận thông tin phiên bản nâng cấp từ máy chủ.
- Kết nối camera USB chứa phần mềm điều khiển camera với thiết bị và nhấn nút <Q> để kiểm tra và chọn tệp phần mềm điều khiển trong USB.
- Chọn kênh và nhấn nút <Áp dụng cho các kênh khác> để áp dụng phần mềm điều khiển cho các kênh khác kết nối cùng lúc với một model.

3. Chọn hộp của kênh bạn muốn nâng cấp.

4. Nhấp vào nút <Nâng cấp>. Quá trình nâng cấp phần mềm điều khiển của camera bắt đầu.

- Bạn có thể chuyển đến menu khác trong khi nâng cấp.
- Bạn có thể dừng nâng cấp bằng cách nhấp vào nút <Dừng> trong quá trình nâng cấp.
- Khi nâng cấp xong, bạn có thể xem kết quả trong cửa sổ mới.



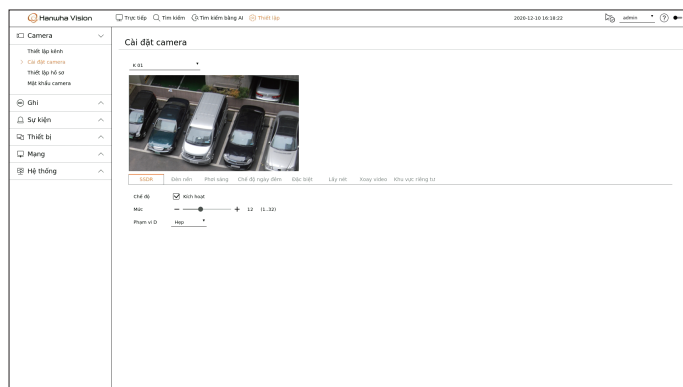
- Chức năng nâng cấp phần mềm điều khiển chỉ sẵn có trong các kênh kết nối với giao thức Wisenet và tài khoản quản trị viên của camera.
- Nếu phiên bản nâng cấp không hiển thị mặc dù phần mềm điều khiển của camera đã lỗi thời, hãy kiểm tra cài đặt mạng.
- Nếu có hơn 50 tệp phần mềm điều khiển trong thư mục USB cao nhất, tệp có thể không được quét.
- Hệ thống có thể khởi động lại nếu USB bị ngắt kết nối khỏi thiết bị trong quá trình nâng cấp qua USB.
- Dữ liệu video của kênh kết nối với camera cần nâng cấp có thể không được ghi.
- Không định dạng HDD cho đến khi quá trình nâng cấp hoàn tất. Hoạt động nâng cấp có thể không thành công.

thiết lập

Cài đặt chức năng camera

Bạn có thể đặt camera trong khi xem video trực tiếp của camera đã chọn.

Thiết lập > Camera > Cài đặt camera



- Bạn có thể sử dụng tính năng này trong các trường hợp sau:
 1. Camera kết nối với giao thức mạng Wisenet.
 2. Camera kết nối với đặc quyền của quản trị viên.
- Để biết thêm chi tiết về cài đặt camera, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng camera. Cài đặt và thông số hoạt động khác nhau tùy thuộc vào từng camera.
- Chức năng này không được hỗ trợ trong một số model.

SSDR

Nếu có sự khác biệt đáng kể giữa vùng tối và vùng sáng, hãy tăng độ sáng của vùng tối để duy trì mức độ sáng của toàn bộ vùng.

Ban có thể đặt Chế độ, Mức và Phạm vi D.

Đèn nền

Bạn có thể xem cả vùng sáng và vùng tối.

Bạn có thể đặt chế độ, Mức WDR, Mức đen WDR và Mức trắng WDR.

Phơi sáng

Bạn có thể điều chỉnh độ phơi sáng của camera.

Bạn có thể đặt độ sáng, màn trập, SSNR, Sens-up, iris/ống kính và AGC.

- **Độ sáng:** Điều chỉnh độ sáng bằng cách đặt giá trị phơi sáng.
- **Màn trập:** Điều chỉnh độ sáng bằng cách điều khiển tốc độ màn trập của camera. Nếu bạn chọn màn trập, bạn có thể đặt các mục bên dưới.
 - **Tự động:** Điều chỉnh độ sáng tự động, điều khiển tốc độ màn trập của camera.
 - **ESC (Điều khiển màn trập điện tử):** Điều chỉnh độ sáng tự động, điều khiển tốc độ màn trập theo độ sáng xung quanh.
 - **Thủ công:** Điều chỉnh độ sáng bằng cách chọn thủ công tốc độ màn trập tối đa/tối thiểu của camera.
 - **Chống rung:** Giảm rung trong video khi xảy ra hiện tượng nhòe màn hình do ánh sáng và tần suất chú ý khác nhau. Không thể đặt tốc độ màn trập khi chọn tần số chống rung.

- SSNR: Điều chỉnh độ sáng bằng cách giảm nhiễu và giảm thiểu dư ảnh ngay cả ở những nơi tối.
- Sens-up: Tự động điều chỉnh tốc độ màn trập theo độ sáng của ánh sáng hiện tại.
- IRIS/Ống kính: Điều chỉnh độ sáng bằng cách điều chỉnh tự động hoặc thủ công IRIS và ống kính của camera.
- AGC: Điều chỉnh độ sáng bằng cách khuếch đại tín hiệu điện của camera khi hình ảnh được chụp trong bóng tối.

Chế độ ngày đêm

Bạn có thể thay đổi chế độ để điều chỉnh màu sắc và độ tương phản.

Bạn có thể đặt Chế độ, Thời gian chuyển, Màu âm, Thời gian tiến hành, Nhập thông báo, Thay đổi độ sáng, Lấy nét đơn giản sau ngày/đêm và Thời gian khởi động hình ảnh màu.

- Bạn có thể chọn chế độ hiển thị video ngày/đêm trong <**Chế độ**>.
 - Màu: Hình ảnh luôn được hiển thị có màu.
 - Đ.tr: Hình ảnh luôn được hiển thị ở màu đen trắng
 - Tự động: Video sẽ được hiển thị có màu trong môi trường bình thường và ở màu đen trắng vào ban đêm.
 - Bên ngoài: Hiển thị video có màu hoặc đen trắng bằng cách liên kết camera hồng ngoại bên ngoài với báo động trong thiết bị đầu cuối. Đặt báo động trong mục khi chọn <**Bên ngoài**>.
 - Lịch: Kiểm soát chế độ đầu ra video bằng cách nhập trực tiếp thời gian kích hoạt video màu. Nhấp vào <**Thiết lập**> và nhập thời gian kích hoạt.

Đặc biệt

Bạn có thể đặt mức DIS (Ổn định hình ảnh kỹ thuật số), Khử sương và Mức loại bỏ sương mù.

Lấy nét

Bạn có thể điều chỉnh hoạt động lấy nét của video trên camera của mình.

Bạn có thể đặt Lấy nét, Phóng to, Lấy nét đơn giản và Khởi tạo lấy nét.

Xoay video

Bạn có thể đặt chế độ lật/gương và chế độ hành lang.

Khu vực riêng tư

Bạn có thể đặt khu vực bị ẩn trong phạm vi hình ảnh của camera để bảo vệ quyền riêng tư. Sau khi chọn sử dụng hoặc không sử dụng cài đặt quyền riêng tư, bạn có thể thiết lập tối đa 32 vùng tùy thuộc vào model camera.



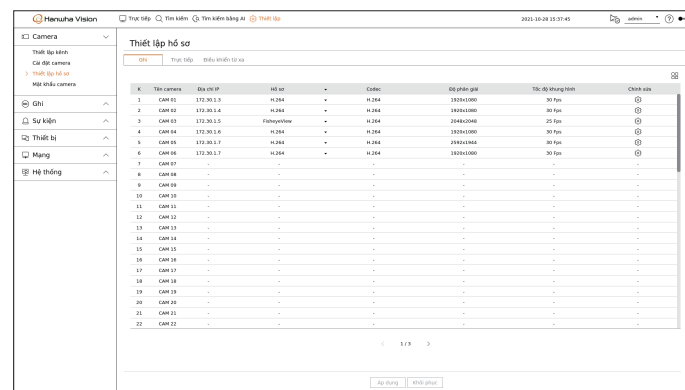
- Với camera PTZ, không thể định cấu hình cài đặt và khi được phép, khu vực cài đặt có thể không chính xác.


Cài đặt hồ sơ


Cài đặt hồ sơ ghi

Bạn có thể định cấu hình cài đặt hồ sơ video dùng để hướng dẫn camera mạng (được kết nối với từng kênh) để thực hiện ghi.

Thiết lập > Camera > Thiết lập hồ sơ > Ghi



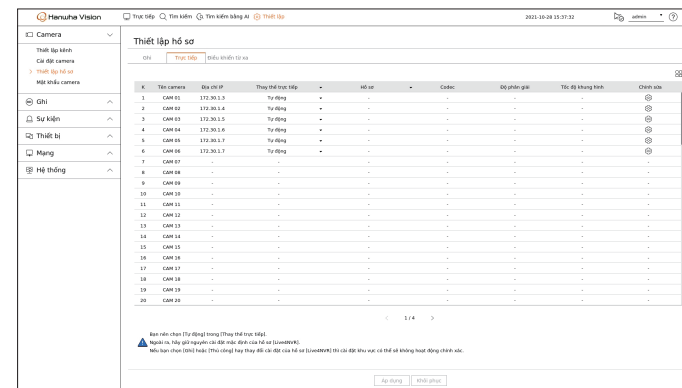
-  ■ Bạn chỉ có thể định cấu hình cài đặt cho các hồ sơ được camera hỗ trợ.
- Nếu hồ sơ được sử dụng cho mạng và ghi khác nhau, nguồn cấp dữ liệu video của camera có thể không tuân thủ tốc độ khung hình như được chỉ định trong camera.
- Bạn nên đặt codec giống nhau cho cấu hình Ghi/Trực tiếp/Từ xa khi cài đặt hồ sơ camera.


-  ■ Hiển thị camera của kênh tương ứng dưới dạng danh sách hoặc hình thu nhỏ.
- Tên camera: Hiển thị tên camera.
- Địa chỉ IP: Hiển thị địa chỉ IP của camera.
- Hồ sơ: Bạn có thể chọn hồ sơ ghi cho kênh đã chọn.
- Codec: Bạn có thể kiểm tra codec cho kênh đã chọn.
- Độ phân giải: Bạn có thể chọn độ phân giải cho kênh đã chọn.
- Tốc độ khung hình: Bạn có thể đặt tốc độ khung hình cho hồ sơ ghi đã chọn.
- Chỉnh sửa: Bạn có thể thêm, thay đổi và xóa hồ sơ camera.

Cài đặt hồ sơ trực tiếp

Bạn có thể thay đổi cài đặt truyền trực tiếp của camera mạng.

Thiết lập > Camera > Thiết lập hồ sơ > Trực tiếp

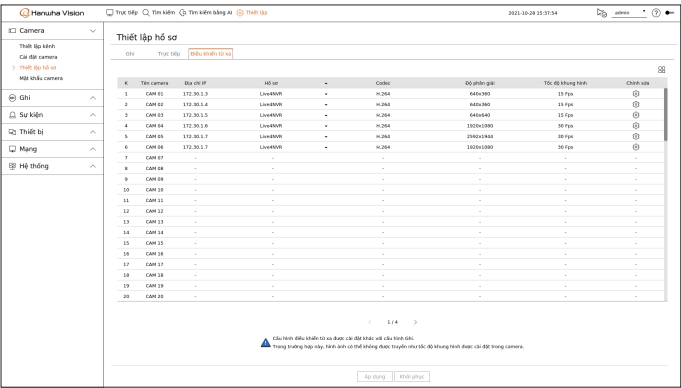



-  ■ Hiển thị camera của kênh tương ứng dưới dạng danh sách hoặc hình thu nhỏ.
- Tên camera: Hiển thị tên camera.
- Địa chỉ IP: Hiển thị địa chỉ IP của camera.
- Thay thế trực tiếp: Bạn có thể chọn chế độ thiết lập hồ sơ trực tiếp.
Nếu bạn chọn <**Thủ công**>, các mục thiết lập hồ sơ sẽ được kích hoạt và bạn có thể thay đổi cài đặt theo cách thủ công.
 - Tự động: Đối với hồ sơ giám sát trực tiếp, hồ sơ được tối ưu hóa cho từng chế độ chia sẽ hiển thị, cùng với hồ sơ '**Live4NVR**' được tạo tự động tại thời điểm đăng ký camera.
 - Thủ công: Thực hiện giám sát trực tiếp với hồ sơ do người dùng chọn từ hồ sơ camera đã đăng ký.
 - Ghi: Thực hiện giám sát trực tiếp với hồ sơ được đặt để ghi.
- Hồ sơ: Bạn có thể đặt hồ sơ camera.
- Codec: Hiển thị codec của hồ sơ được chọn.
- Độ phân giải: Hiển thị độ phân giải của hồ sơ được chọn.
- Tốc độ khung hình: Hiển thị tốc độ khung hình của hồ sơ được chọn.
- Chỉnh sửa: Bạn có thể thêm, thay đổi và xóa hồ sơ camera.

Cài đặt hồ sơ điều khiển từ xa

Bạn có thể đặt hồ sơ video được truyền vào mạng.

Thiết lập > Camera > Thiết lập hồ sơ > Điều khiển từ xa



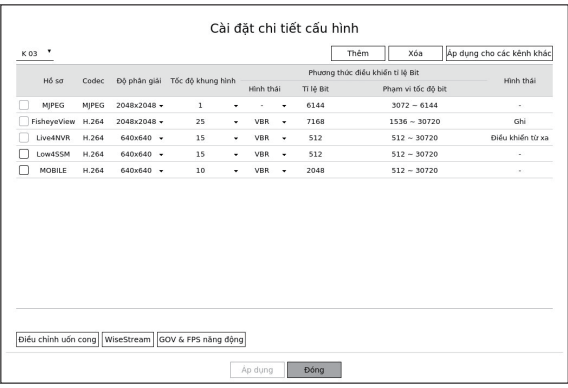
-  Hiển thị camera của kênh tương ứng dưới dạng danh sách hoặc hình thu nhỏ.
- Tên camera: Hiển thị tên camera.
- Địa chỉ IP: Hiển thị địa chỉ IP của camera.
- Hồ sơ: Chọn hồ sơ mạng cho camera kết nối.
- Codec: Hiển thị thông tin codec cho hồ sơ mạng được chọn.
- Độ phân giải: Hiển thị độ phân giải cho hồ sơ mạng đã chọn.
- Tốc độ khung hình: Hiển thị tốc độ khung hình của hồ sơ mạng đã chọn.
- Chỉnh sửa: Bạn có thể thêm, thay đổi và xóa hồ sơ camera.

 Nếu hồ sơ được sử dụng cho mạng và ghi là khác nhau, nguồn cấp dữ liệu video của camera có thể không tuân thủ tốc độ khung hình như được chỉ định trong camera.


Chỉnh sửa hồ sơ

Bạn có thể thay đổi cài đặt video của camera mạng được đăng ký cho từng kênh.

Thiết lập > Camera > Thiết lập hồ sơ



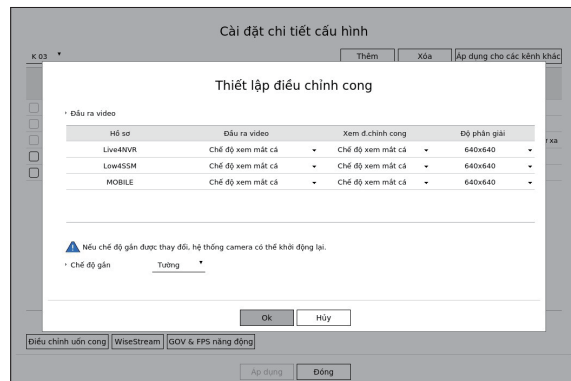
- Chọn kênh: Bạn có thể chọn kênh camera để thay đổi cài đặt truyền video của các kênh đó.
- Thêm: Bạn có thể thêm hồ sơ camera. Nhấp vào nút **<Thêm>** để khởi chạy cửa sổ bổ sung. Nhập thông tin và nhấp vào nút **<Ok>** để thêm hồ sơ vào danh sách.
- Xóa: Bạn có thể xóa hồ sơ đã chọn khỏi danh sách.
- Áp dụng cho các kênh khác: Nếu bạn chọn **<Áp dụng cho các kênh khác>**, cửa sổ xác nhận **“Áp dụng cho các kênh khác”** sẽ xuất hiện. Sau khi chọn các kênh mà cài đặt sẽ được áp dụng, nhấp vào **<Ok>** để áp dụng cho các kênh đã chọn.
- Hồ sơ: Bạn có thể kiểm tra hồ sơ video của camera kết nối trong cài đặt camera.
- Codec: Bạn có thể kiểm tra codec của kênh đã chọn.
- Độ phân giải: Bạn có thể thay đổi độ phân giải của kênh đã chọn.
- Tốc độ khung hình: Bạn có thể thay đổi tốc độ khung hình của kênh đã chọn.
- Phương thức điều khiển tỉ lệ Bit: Bạn có thể thay đổi tỉ lệ bit của kênh đã chọn.
- Hình thái: Hiển thị hồ sơ hiện được áp dụng.

 Nếu bạn thay đổi cài đặt hồ sơ cụ thể cho từng sản phẩm, phạm vi thiết lập của tốc độ khung hình có thể bị thay đổi. Ví dụ: Nếu bạn đặt tốc độ khung hình cho hồ sơ đầu tiên là 30 fps thì phạm vi cài đặt cho hồ sơ thứ hai có thể được thay đổi thành 15 fps.

- Bất kỳ cài đặt nào ngoài codec, độ phân giải và tốc độ khung hình đều có thể được thay đổi trong menu cài đặt của trình xem camera trên web. Đối với trình xem camera trên web, tham khảo trang **"Thiết lập trình xem > Cài đặt camera > Thiết lập camera"** trong Mục lục. Nhấp vào nút **<Trình xem camera trên web>** để kết nối.
- Nếu bạn thay đổi cài đặt hồ sơ hiện tại, bạn có thể gặp phải tình trạng phát lại bị gián đoạn trên màn hình ghi hoặc màn hình trực tiếp trong một thời gian nhất định.
- Những thay đổi được thực hiện trong trang thiết lập camera của bạn sẽ được áp dụng ngay lập tức. Nhưng có thể mất đến 3 phút để áp dụng bất kỳ thay đổi nào được thực hiện thông qua trang web trực tuyến của camera.
- Không hỗ trợ cài đặt tỉ lệ bit cho camera ONVIF.

Thiết lập điều chỉnh cong

Nhấn nút <**Điều chỉnh uốn cong**> ở cuối cửa sổ <**Cài đặt chi tiết cấu hình**> để chuyển đến cửa sổ mới thiết lập sửa méo cho mỗi kênh.



- Hổ sơ: Hiện thị loại hổ sơ.
- Đầu ra video/Chế độ xem khử cong: Bạn có thể đặt <**Đầu ra video**> và <**Chế độ xem khử cong**> cho từng loại hổ sơ.
 - Chế độ xem mắt cá: Nếu bạn chọn <**Chế độ xem mắt cá**> từ <**Đầu ra video**>, <**Chế độ xem mắt cá**> sẽ tự động được chọn cho <**Chế độ xem khử cong**>.
 - Chế độ xem khử cong: Nếu chọn <**Chế độ xem khử cong**> từ <**Đầu ra video**>, bạn có thể đặt <**Xem Quad**>, <**Tòan cảnh**> hoặc <**Xem quad 1 - 4**> cho <**Chế độ xem khử cong**>.
 - Bạn có thể chọn chế độ xem được camera hỗ trợ.
- Độ phân giải: Bạn có thể đặt độ phân giải cho hổ sơ.
- Chế độ gắn: Bạn có thể thay đổi kiểu lắp đặt mắt cá. Bạn có thể chọn trong số các chế độ xem trần nhà/mặt đất/tường tùy thuộc vào vị trí lắp đặt.

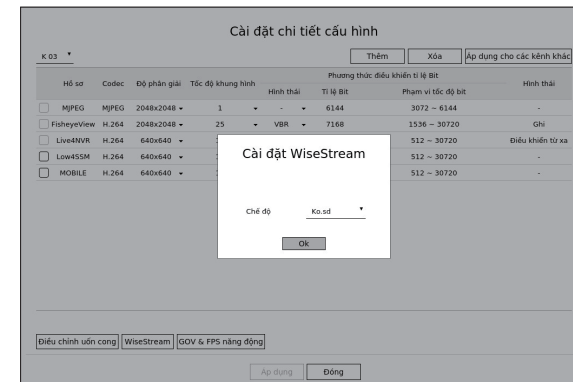


- Nếu không có camera nào được đăng ký trong Thiết bị lưu trữ hỗ trợ chế độ xem mắt cá, Thiết lập điều chỉnh cong sẽ không sẵn có.

Cách đặt WiseStream

Chức năng phân tích độ phức tạp của video và giảm kích thước dữ liệu một cách hiệu quả mà vẫn duy trì chất lượng. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trợ giúp của camera hoặc hướng dẫn sử dụng sản phẩm.

Nhấn nút <**WiseStream**> ở cuối màn hình <**Cài đặt chi tiết cấu hình**> để chuyển đến cửa sổ mới Thiết lập WiseStream cho kênh.



- Chế độ: Bạn có thể chọn mức độ nén video. Bạn có thể chọn <**Ko.sd**>, <**Thấp**>, <**Trung bình**> hoặc <**Cao**>.

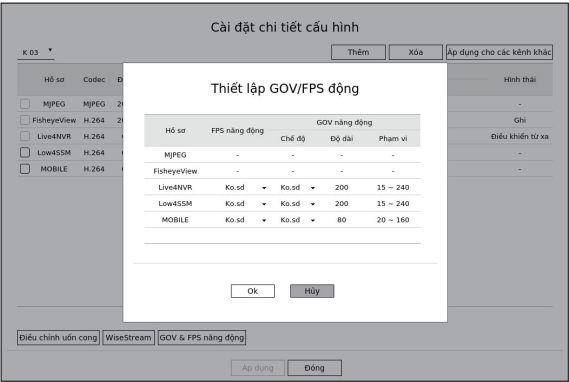


- Thiết lập WiseStream không thể thực thi nếu không có camera nào được đăng ký trong Thiết bị lưu trữ hỗ trợ WiseStream.


Thiết lập GOV/FPS động

GOV năng động có thể được sử dụng để tự động thay đổi độ dài của GOV tùy thuộc vào điều kiện video. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trợ giúp của camera hoặc hướng dẫn sử dụng sản phẩm.

Ở cuối màn hình <Cài đặt chi tiết cấu hình>, nhấn nút <GOV & FPS năng động> để mở cửa sổ mới Thiết lập GOV/FPS động cho kênh.



- Hỗ trợ: Hiển thị hỗ trợ video của cài đặt camera kết nối.
- FPS năng động: Tự động điều chỉnh tốc độ khung hình (khung hình/giây) dựa trên điều kiện video.
- GOV năng động
 - Chế độ: Đặt độ dài GOV để thay đổi tự động.
 - Độ dài: Nhập giá trị độ dài GOV tối đa sẽ được áp dụng khi không có chuyển động trong video. Có thể đặt giá trị GOV tối thiểu trên trang web camera.
 - Phạm vi: Hiển thị phạm vi giá trị đầu vào của <Độ dài>.

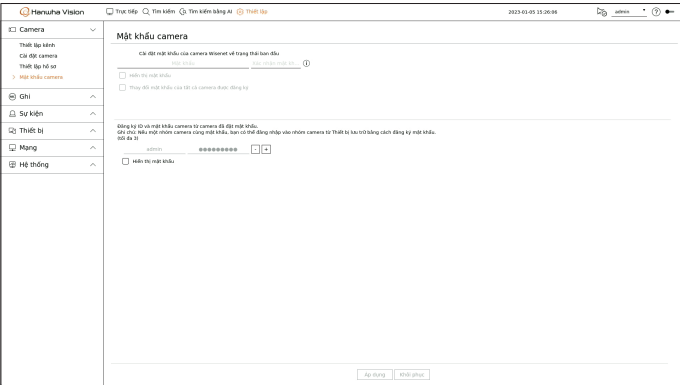
 ■ Bất kỳ hồ sơ nào không được hỗ trợ với cài đặt GOV/FPS động đều được đánh dấu bằng '-'.


Cài đặt mật khẩu camera

Bạn có thể thay đổi mật khẩu của tất cả camera được đăng ký cùng lúc.

Bạn có thể đăng ký ID và mật khẩu của camera.

Thiết lập > Camera > Mật khẩu camera



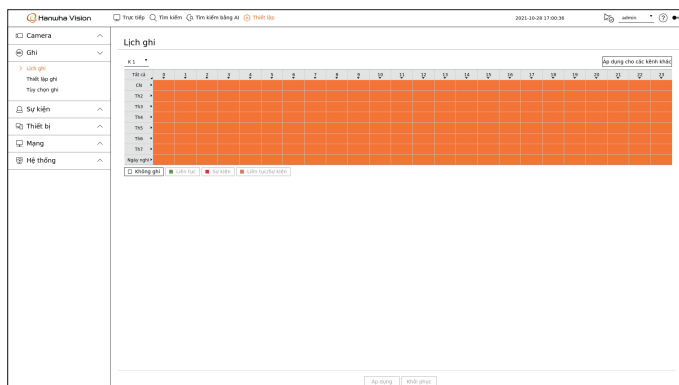
- Mật khẩu: Nhập mật khẩu mới cho camera mặc định ban đầu theo quy tắc cài đặt mật khẩu. Phải nhập mật khẩu ban đầu cho camera.
- Xác nhận mật khẩu: Nhập lại mật khẩu mới.
- ID: Nhập ID của camera đã đặt ID và mật khẩu.
- Mật khẩu: Nhập mật khẩu của camera đã đặt ID và mật khẩu.
-  ■ Khi mật khẩu được khôi phục cài đặt gốc, có thể thay đổi và quản lý mật khẩu cùng nhau.
- Nếu bạn nhấp vào < ⓘ >, hướng dẫn cài đặt mật khẩu cơ bản sẽ hiển thị.
- Nếu bạn chọn <Hiển thị mật khẩu>, mật khẩu hiện tại sẽ hiển thị dưới dạng các ký tự đầu vào thực tế.
- Nếu bạn chọn <Thay đổi mật khẩu của tất cả camera được đăng ký>, mật khẩu của tất cả các camera sẽ được thay đổi thành mật khẩu đã nhập.
- Bạn có thể đăng ký tối đa 3 bộ ID camera với mật khẩu và đăng ký mật khẩu. Bạn có thể sử dụng ID/mật khẩu camera đã đăng ký để tự động phát hiện và đăng ký camera từ màn hình "<Thiết lập kênh > Tự động tìm kiếm".
- Không thể thay đổi mật khẩu camera đã đăng ký với ONVIF và RTSP.

CÀI ĐẶT GHI

Bạn có thể thiết lập ghi theo lịch trình, ghi sự kiện và các cài đặt liên quan đến ghi khác.

Lịch ghi

Nếu bạn đặt lịch ghi vào một ngày và giờ cụ thể, quá trình ghi sẽ bắt đầu tại thời gian được chỉ định.





Thiết lập > Ghi > Lịch ghi

- **Kênh:** Chọn kênh bạn muốn đặt.
- **Tất cả:** Toàn bộ khoảng thời gian (từ Thứ hai đến Chủ nhật kể cả ngày nghỉ, 0 AM - 23 PM) sẽ được bảo lưu với cùng lịch ghi.
- **Áp dụng cho các kênh khác:** Nếu bạn chọn **<Áp dụng cho các kênh khác>**, cửa sổ xác nhận **"Áp dụng cho các kênh khác"** sẽ xuất hiện.
Sau khi chọn các kênh mà cài đặt sẽ được áp dụng, nhấp vào **<Ok>** để áp dụng cho các kênh đã chọn.



- Hoạt động ghi sự kiện và ghi theo lịch trình bắt đầu khoảng 3 giây trước sự kiện/lịch để đảm bảo ghi.

Cài đặt ghi theo màu

Màu	Chức năng	Mô tả
Trắng ()	Không ghi	Không phải bản ghi đã lên lịch/sự kiện
Màu xanh lục ()	Liên tục	Chỉ ghi sự kiện theo lịch trình
Màu đỏ ()	Sự kiện	Chỉ ghi sự kiện
Màu cam ()	Liên tục/Sự kiện	Cả bản ghi sự kiện/theo lịch trình

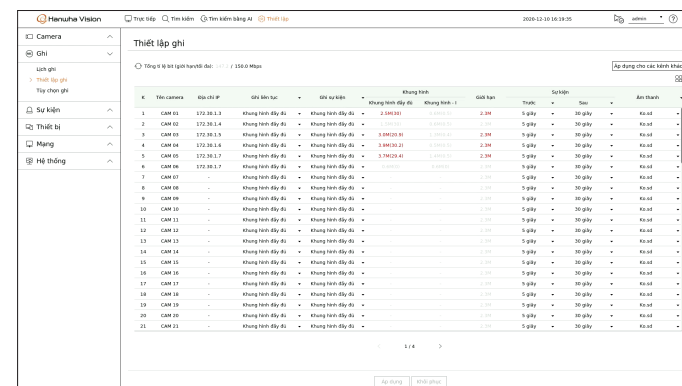
- Mỗi lần nhấn vào một ô được chọn, tùy chọn sẽ chuyển qua <**Không ghi**>-<**Liên tục**>-<**Sự kiện**>-<**Liên tục/Sự kiện**>.


Thiết lập ghi

Bạn có thể đặt độ phân giải và số lượng bản ghi cho mỗi kênh khi sự kiện xảy ra hoặc trong quá trình ghi thường.

Bạn có thể kiểm tra tốc độ khung hình và dung lượng truyền dữ liệu của bản ghi Khung hình đầy đủ và Khung hình chính cho từng kênh rồi đặt giới hạn truyền cho bản ghi.

Thiết lập > Ghi > Thiết lập ghi



- Áp dụng cho các kênh khác: Nếu bạn chọn <**Áp dụng cho các kênh khác**>, cửa sổ xác nhận “**Áp dụng cho các kênh khác**” sẽ xuất hiện.
Sau khi chọn các kênh mà cài đặt sẽ được áp dụng, nhấp vào <**Ok**> để áp dụng cho các kênh đã chọn.
- : Hiển thị camera của kênh tương ứng dưới dạng danh sách hoặc hình thu nhỏ.
- Tên camera: Hiển thị tên camera.
- Địa chỉ IP: Hiển thị địa chỉ IP của camera.
- Ghi liên tục/Ghi sự kiện: Đặt phương thức ghi để Ghi liên tục hoặc Ghi sự kiện.
 - Khung hình đầy đủ: Ghi tất cả khung hình được cấp bởi camera.
 - Khung hình - I: Chỉ ghi các khung hình chính được cấp bởi camera. Phụ thuộc vào cài đặt camera.
 - Ko.sd: Không thực hiện ghi.
- Khung hình
 - Khung hình đầy đủ: Hiển thị dung lượng dữ liệu cho tất cả bản ghi cảnh.
 - Khung hình - I: Hiển thị dung lượng dữ liệu cho các bản ghi cảnh chính.
- Giới hạn: Đặt dung lượng dữ liệu được phép với đầu vào của mỗi kênh.
- Sự kiện: Khi xảy ra một sự kiện, bạn có thể đặt điểm bạn sẽ bắt đầu hoặc dừng ghi.
 - Trước: Khi xảy ra một sự kiện, thiết bị sẽ bắt đầu ghi bất kể thời gian được đặt.
Nếu bạn đặt thời gian là năm giây, quá trình ghi sẽ bắt đầu trước khi sự kiện xảy ra năm giây.
 - Sau: Khi xảy ra một sự kiện, thiết bị sẽ tiếp tục ghi sau thời gian được đặt.
Nếu bạn đặt thời gian là năm giây, thiết bị sẽ tiếp tục ghi sau khi kết thúc sự kiện năm giây.
- Âm thanh: Quy định xem có ghi âm thanh nhận được từ camera hay không.

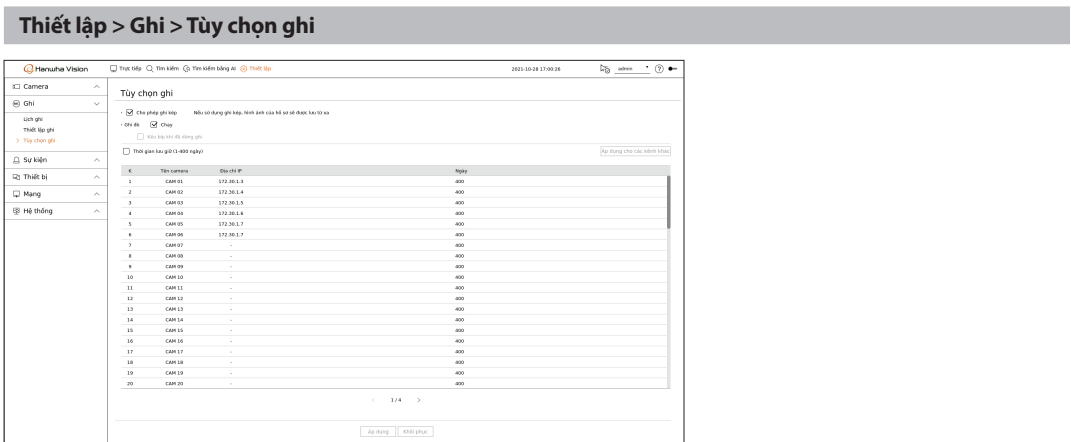
thiết lập



- Nếu hoạt động truyền dữ liệu của kênh vượt quá giới hạn cho phép thì hoạt động truyền có thể gây ảnh hưởng đến các kênh khác và có thể bị buộc chuyển sang chế độ ghi <Khung hình - I> ngay cả khi kênh được cài đặt chế độ ghi <Khung hình đầy đủ>. Với các kênh ghi Khung hình chính, biểu tượng ghi giới hạn xuất hiện ở phía trên cùng của màn hình trực tiếp. Nhưng nếu tổng giới hạn vẫn dưới giới hạn tối đa, bạn có thể nhận được toàn bộ các khung hình dù vượt quá tỉ lệ bit cho phép với từng kênh.
- Kênh có màu vàng cho biết camera đang không truyền dữ liệu đã ghi và việc ghi được tạm thời thực hiện bằng cách sử dụng một hồ sơ khác trên camera. Kiểm tra thông tin kênh để xem hồ sơ áp dụng cho kênh có màu vàng. Kênh có màu cam cho biết lượng dữ liệu nhập lớn hơn lượng dữ liệu cho phép. Trong trường hợp này, thiết bị không thể ghi lại tất cả khung hình nhận được. Thay vào đó, thiết bị chỉ có thể ghi lại một số khung hình (1 hoặc 2 khung hình/giây). Để giải quyết vấn đề này, bạn phải đặt dung lượng dữ liệu cho phép lớn hơn dung lượng dữ liệu nhập vào. Tham khảo trang "[Trực tiếp > Chế độ màn hình trực tiếp > Kiểm tra trạng thái camera](#)" trong Mục lục.

Tùy chọn ghi

Khi dung lượng HDD đầy, bạn có thể đặt dừng ghi hay bắt đầu ghi đè.



- Cho phép ghi kép: Chọn mục này nếu bạn muốn ghi đồng thời hồ sơ ghi và hồ sơ từ xa. "Cho phép ghi kép" có thể được áp dụng làm hồ sơ thích hợp cho chế độ chia trong khi phát lại.
- Ghi đè: Chọn phương thức ghi khi dung lượng lưu trữ của đĩa cứng đã đầy.
 - Đã kiểm tra (☒): Nếu HDD đầy, lựa chọn này sẽ ghi đè lên dữ liệu hiện có và tiếp tục ghi.
 - Chưa kiểm tra (☐): Nếu HDD đầy, hồ sơ này sẽ tự động ngừng ghi.
- Kêu bíp khi đã dừng ghi: Nếu chưa đặt <Ghi đè>, nút này sẽ được kích hoạt. Chỉ định có sử dụng tiếng bíp hay không khi quá trình ghi trên HDD kết thúc. Nếu bạn chọn mục này, tiếng bíp sẽ phát ra khi đĩa đầy và quá trình ghi sẽ dừng lại.
- Thời gian lưu giữ: Nếu bạn chọn tùy chọn này, hộp danh sách khoảng thời gian sẽ hoạt động và bạn có thể đặt khoảng thời gian xóa tự động. Chỉ định khoảng thời gian xóa để xóa bất kỳ dữ liệu nào sớm hơn ngày đã chỉ định. Tuy nhiên, bạn có thể tìm kiếm dữ liệu từ giờ hiện tại đến ngày đã chọn.
 - Nếu <Ghi đè> được đặt, nút này sẽ được kích hoạt.
 - Bạn có thể chọn kênh và đặt thời gian tiến hành ghi khác nhau cho mỗi kênh.
- Áp dụng cho các kênh khác: Nếu bạn chọn <Áp dụng cho các kênh khác>, cửa sổ xác nhận "**Áp dụng cho các kênh khác**" sẽ xuất hiện. Sau khi chọn các kênh mà cài đặt sẽ được áp dụng, nhấp vào <Ok> để áp dụng cho các kênh đã chọn.



- Nếu bạn nhấn vào <Thời gian lưu giữ> khi đã hoàn thành cài đặt, tất cả dữ liệu hiện có trước khoảng thời gian được chỉ định sẽ tự động bị xóa. Nếu bạn cần giữ lại dữ liệu cũ, hãy xuất dữ liệu đó trước.

CÀI ĐẶT SỰ KIỆN

Bạn có thể đặt cài đặt liên quan đến sự kiện, chẳng hạn như có phát hiện sự kiện cho mỗi kênh và có báo động hay không

Hướng dẫn thiết lập chức năng AI

Để sử dụng chức năng AI, hãy đặt bất kỳ tùy chọn nào sau đây nếu cần: Xem trang liên quan để biết phương thức thiết lập chi tiết.

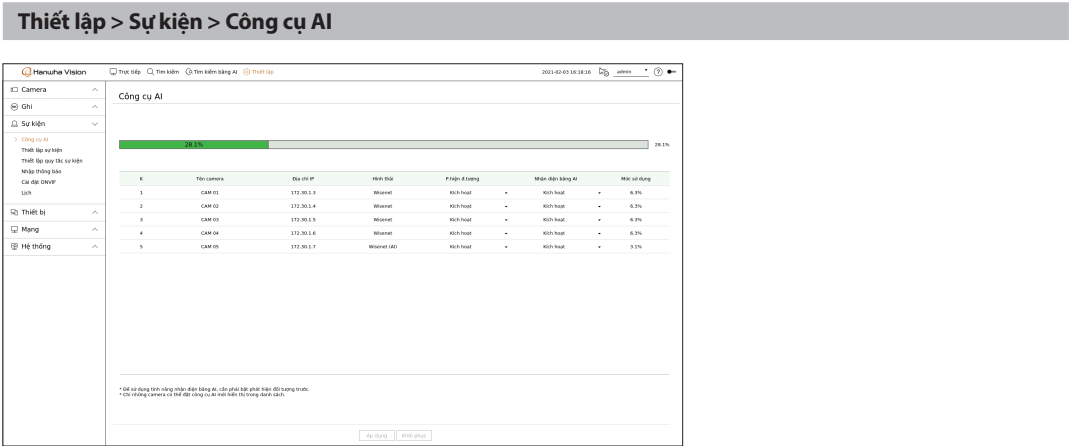
- Thiết lập > Sự kiện > Công cụ AI
- Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > Đối tượng
- Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > Nhận diện bằng AI
- Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > Khẩu trang
- Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > IVA
- Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập quy tắc sự kiện



- Chức năng nhận diện bằng AI có thể có các cài đặt và thông số kỹ thuật hoạt động khác nhau tùy thuộc vào model thiết bị lưu trữ và camera.

Công cụ AI

Bạn có thể chọn sử dụng các sự kiện AI (phát hiện đối tượng, nhận diện bằng AI) từ camera và kiểm tra mức sử dụng công cụ AI.



- Trạng thái công cụ AI: Hiển thị trạng thái mức sử dụng công cụ AI.
 - Nếu dung lượng công cụ AI đã đầy thì bạn sẽ không thể thực hiện cài đặt thêm. Để đặt các chức năng AI bổ sung, hãy vô hiệu hóa chức năng phát hiện đối tượng và nhận diện bằng AI từ kênh đã đặt trước đó.
- Tên camera: Hiển thị tên camera.
- Địa chỉ IP: Hiển thị địa chỉ IP của camera.
- Loại: Hiển thị loại camera.
- Phát hiện đối tượng: Chọn có kích hoạt phát hiện đối tượng cho camera hay không.
- Nhận diện bằng AI: Chọn có kích hoạt nhận diện bằng AI cho camera hay không.
 - Nhận diện bằng AI chỉ hoạt động khi tùy chọn phát hiện đối tượng được đặt thành <Kích hoạt>.
- Mức sử dụng: Hiển thị mức sử dụng công cụ AI của camera.



- Chức năng công cụ AI này chỉ sẵn có trên các sản phẩm hỗ trợ AI. Đối với các sản phẩm hỗ trợ chức năng Tìm kiếm bằng AI, hãy tham khảo trang "[Các chức năng được model hỗ trợ](#)".

Thiết lập sự kiện

Bạn có thể cấu hình phát hiện các sự kiện do camera gửi cho từng kênh và cấu hình cài đặt chi tiết hay không.

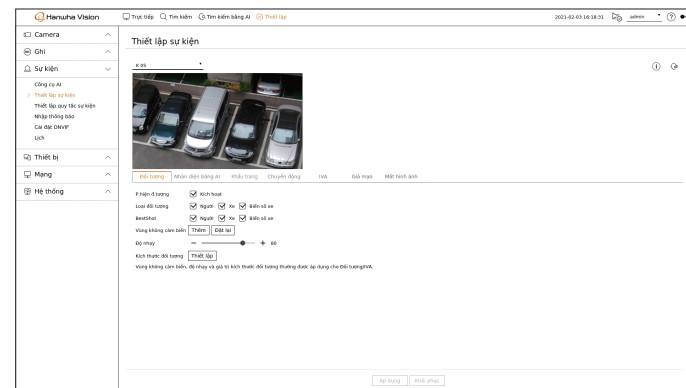
Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện

- **Đối tượng:** Bạn có thể đặt cài đặt chi tiết cho chức năng phát hiện đối tượng của camera kết nối.
- **Nhận diện bằng AI:** Đặt cài đặt chi tiết cho chức năng phát hiện bằng AI của camera được kết nối.
- **Khẩu trang:** Đặt cài đặt chi tiết cho chức năng phát hiện khẩu trang của camera được kết nối.
- **Chuyển động:** Bạn có thể đặt cảm biến chuyển động chi tiết cho camera kết nối.
- **IVA:** Bạn có thể thiết lập phân tích video thông minh của camera kết nối.
- **Giả mạo:** Bạn có thể thực hiện cài đặt chi tiết cho chức năng cảm biến giả mạo, chẳng hạn như khi màn hình của camera kết nối bị che khuất hoặc vị trí camera bị thay đổi.
- **Mất hình ảnh:** Bạn có thể cấu hình cài đặt chi tiết phát hiện mất video trên camera được kết nối.

- Cài đặt P.hiện đ.tượng có thể thay đổi tùy thuộc vào model thiết bị lưu trữ hoặc kết nối của camera AI Wisenet.

Đối tượng

Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > Đối tượng



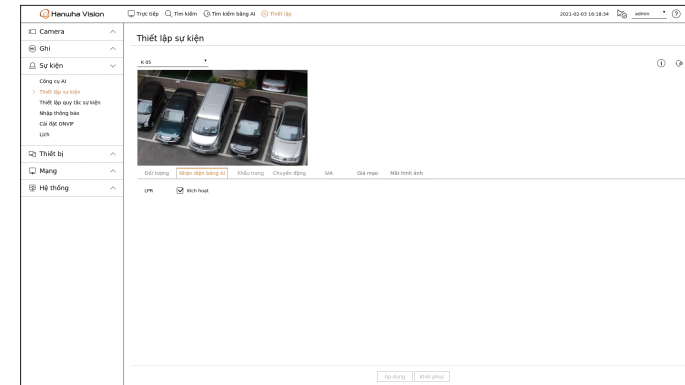
- **Ph hiện đ.tượng:** Bạn có thể đặt có kích hoạt phát hiện đối tượng hay không.
- **Loại đối tượng:** Bạn có thể chọn loại đối tượng để phát hiện.
 - Các mục đối tượng có thể khác nhau tùy thuộc vào model camera.
- **BestShot:** Bạn có thể đặt đối tượng để hiển thị các mục bestshot.
 - Đặt giống với mục đã chọn trong <Loại đối tượng> để hiển thị hình ảnh rõ nét nhất khi phát hiện sự kiện.
- **Vùng không cảm biến:** Bạn có thể đặt vùng loại trừ cho chức năng phát hiện đối tượng AI. Nhấp vào <Thêm> để đặt vùng không cảm biến trên màn hình xem trước.
- **Độ nhạy:** Đặt độ nhạy phát hiện đối tượng.
 - Đặt mức độ nhạy cao sẽ làm tăng tỷ lệ phát hiện đối tượng nhưng cũng tăng tỷ lệ lỗi phát hiện.
- **Kích thước đối tượng:** Bạn có thể đặt kích thước của đối tượng để nhận biết chuyển động.
 - Nhấp vào <Thiết lập> để chọn kích thước tối thiểu/tối đa và đặt kích thước đối tượng trên màn hình xem trước.

- Nếu lỗi phát hiện thường xuyên xảy ra, hãy đặt vùng không cảm biến hoặc giảm độ nhạy phát hiện đối tượng.

Nhận diện bằng AI

Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > Nhận diện bằng AI

- Chức năng nhận diện bằng AI chỉ khả dụng cho các model thiết bị lưu trữ hỗ trợ chức năng công cụ AI.



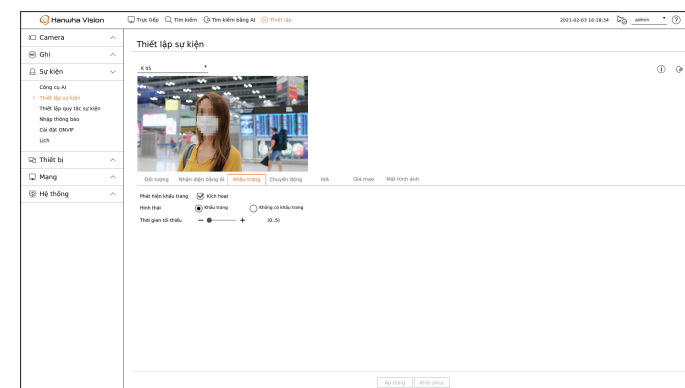
- **LPR:** Chọn có kích hoạt chức năng nhận diện số xe hay không.

- Chức năng nhận diện bằng AI có thể có các cài đặt và thông số kỹ thuật vận hành khác nhau tùy theo model và camera của thiết bị lưu trữ.
- Nhấp vào < i > ở trên cùng bên phải của màn hình để xem hướng dẫn cài đặt camera AI.

Khẩu trang

Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > Khẩu trang

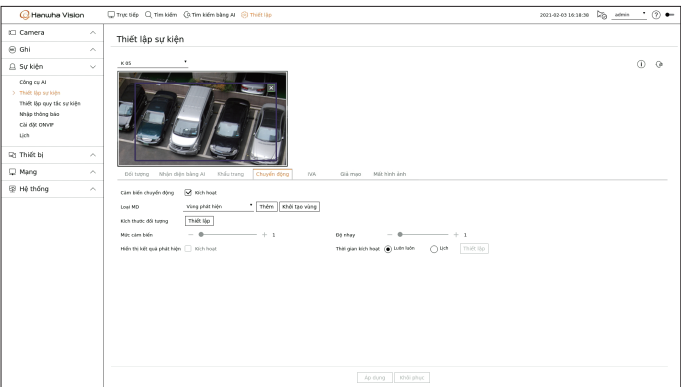
- Cài đặt Phát hiện mặt nạ có thể khác nhau tùy thuộc vào model của thiết bị lưu trữ hoặc kết nối của camera AI Wisenet.



- **Phát hiện khẩu trang:** Chọn có sử dụng chức năng phát hiện khẩu trang hay không.
- **Loại:** Bạn có thể chọn loại phát hiện khẩu trang.
- **Thời gian tối thiểu:** Đặt thời gian quan sát tối thiểu trong lúc phát hiện khẩu trang.

Chuyển động

Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > Chuyển động

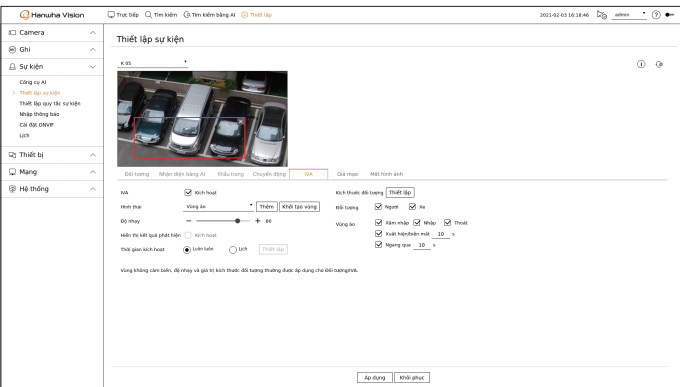


- Cảm biến chuyển động: Bạn có thể đặt có kích hoạt cảm biến chuyển động hay không.
- Loại MD: Bạn có thể đặt vùng phát hiện và vùng không phát hiện.
 - Vùng phát hiện: Đặt vùng phát hiện chuyển động.
 - Vùng không cảm biến: Đặt vùng không phát hiện chuyển động.
 - Thêm: Sau khi chọn mục vùng bạn muốn, hãy đặt vùng trên màn hình xem trước.
 - Khởi tạo vùng: Bạn có thể xóa tất cả các vùng đã đặt.
- Kích thước đối tượng: Bạn có thể đặt kích thước của đối tượng để nhận biết chuyển động.
 - Nhấp vào <**Thiết lập**> để chọn kích thước tối thiểu/tối đa và đặt kích thước đối tượng trên màn hình xem trước.
- Mức cảm biến: Bạn có thể đặt mức cơ bản cần thiết để cảm biến chuyển động. Có thể đặt giá trị mức cho mỗi vùng phát hiện được đặt trong <**Loại MD**>. Nếu giá trị chuyển động lớn hơn mức đã đặt, sự kiện cảm biến chuyển động sẽ được tạo.
- Hiển thị kết quả phát hiện: Bạn có thể chồng (overlay) vùng phát hiện lên video.
- Độ nhạy: Bạn có thể đặt độ nhạy cảm biến chuyển động cho từng vùng. Đặt độ nhạy thấp hơn cho môi trường có thể phân biệt rõ ràng nền và đối tượng và độ nhạy cao hơn cho môi trường không phân biệt rõ nền và đối tượng.
- Thời gian kích hoạt: Bạn có thể đặt thời gian kích hoạt cho cảm biến chuyển động.
 - Luôn luôn: Phát hiện chuyển động bất kể thời gian.
 - Lịch: Chỉ phát hiện chuyển động trong khoảng thời gian đã đặt. Nhấp vào <**Thiết lập**> để đặt lịch phát hiện.

 ■ Mỗi sản phẩm camera hỗ trợ các tính năng khác nhau. Để biết thêm thông tin, hãy xem hướng dẫn sử dụng camera hoặc trợ giúp.

IVA

Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > IVA

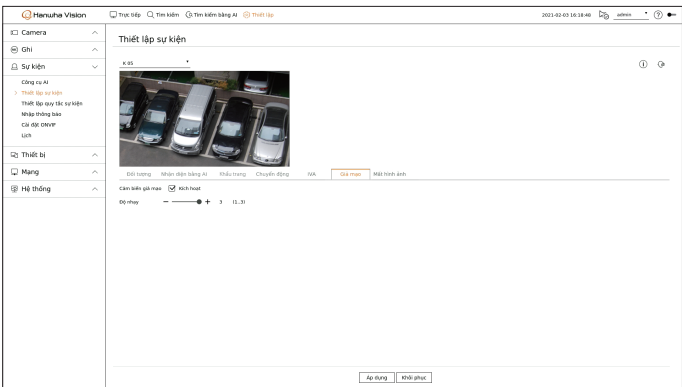



- IVA: Bạn có thể đặt có kích hoạt phân tích video thông minh hay không.
- Hình thái: Bạn có thể đặt đường ảo, vùng ảo và vùng không cảm biến.
 - Đường ảo: Đặt đường ảo để kích hoạt phân tích video thông minh.
 - Vùng ảo: Đặt vùng để kích hoạt phân tích video thông minh. Bạn có thể thiết lập chi tiết của vùng ảo cho phù hợp với mục đích của mình.
 - Xâm nhập: Tạo sự kiện khi phát hiện chuyển động của đối tượng trong vùng được chỉ định.
 - Nhập: Tạo sự kiện khi một đối tượng di chuyển đi vào vùng mục tiêu từ bên ngoài.
 - Thoát: Tạo sự kiện khi đối tượng di chuyển ra khỏi vùng mục tiêu.
 - Xuất hiện/biến mất: Khi một đối tượng không tồn tại bên trong vùng do người dùng chỉ định xuất hiện trong vùng mà không vượt qua đường vùng và ở lại trong một khoảng thời gian nhất định hoặc khi một đối tượng tồn tại bên trong vùng biến mất, sự kiện sẽ được tạo. Bạn có thể đặt thời gian quan sát tối thiểu cho từng vùng, là yếu tố cần thiết để tạo sự kiện sau khi cảm biến chuyển động.
 - Ngang qua: Tạo sự kiện khi phát hiện chuyển động của một đối tượng ngang qua vùng ảo. Bạn có thể đặt thời gian quan sát tối thiểu cho từng vùng, là yếu tố cần thiết để tạo sự kiện sau khi cảm biến chuyển động.
- Vùng không cảm biến: Đặt khu vực không kích hoạt phân tích video trong đường ảo và vùng ảo.
- Thêm: Sau khi chọn mục vùng bạn muốn, hãy đặt vùng trên màn hình xem trước.
- Khởi tạo vùng: Bạn có thể xóa tất cả các vùng đã đặt.
- Độ nhạy: Bạn có thể đặt độ nhạy phát cảm biến chuyển động cho đường ảo và vùng ảo.
- Hiển thị kết quả phát hiện: Bạn có thể chồng (overlay) vùng phát hiện lên video.
- Thời gian kích hoạt: Bạn có thể đặt thời gian kích hoạt để nhận biết phân tích chuyển động.
 - Luôn luôn: Phát hiện phân tích chuyển động bất kể thời gian.
 - Lịch: Chỉ phát hiện phân tích chuyển động trong khoảng thời gian đã đặt. Nhấp vào <**Thiết lập**> để đặt lịch phát hiện.
- Kích thước đối tượng: Bạn có thể đặt kích thước của đối tượng để nhận biết chuyển động.
 - Nhấp vào <**Thiết lập**> để chọn kích thước tối thiểu/tối đa và đặt kích thước đối tượng trên màn hình xem trước.
- Đối tượng: Bạn có thể đặt đối tượng để kích hoạt phân tích video.
 - Các đối tượng chỉ hiển thị khi camera AI được kết nối.
 - Chi tiết đối tượng có thể khác nhau tùy thuộc vào model thiết bị lưu trữ.

 ■ Mỗi sản phẩm camera hỗ trợ các tính năng khác nhau. Để biết thêm thông tin, hãy xem hướng dẫn sử dụng camera hoặc trợ giúp.

Giả mạo

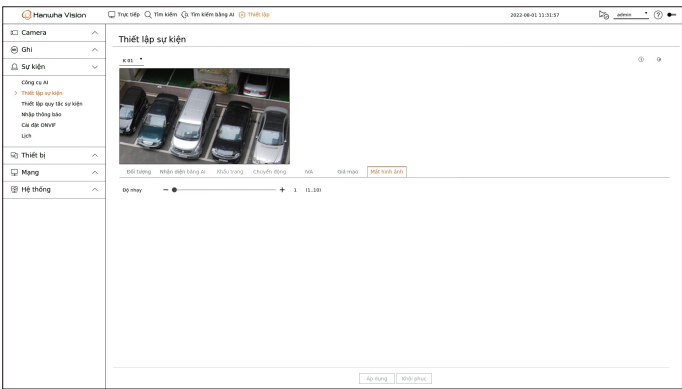
Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > Giả mạo



- Cảm biến giả mạo: Bạn có thể đặt sử dụng cảm biến phát hiện giả mạo.
- Độ nhạy: Đặt độ nhạy của cảm biến giả mạo.
-  Do tính năng cảm biến giả mạo được thiết kế để đạt hiệu suất tối ưu dựa trên mức độ nhạy do người dùng đặt, nên có thể không có thay đổi đáng kể về hiệu suất cảm biến giả mạo, tùy thuộc vào mức độ nhạy trong điều kiện giám sát bình thường.

Mất hình ảnh

Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > Mất hình ảnh

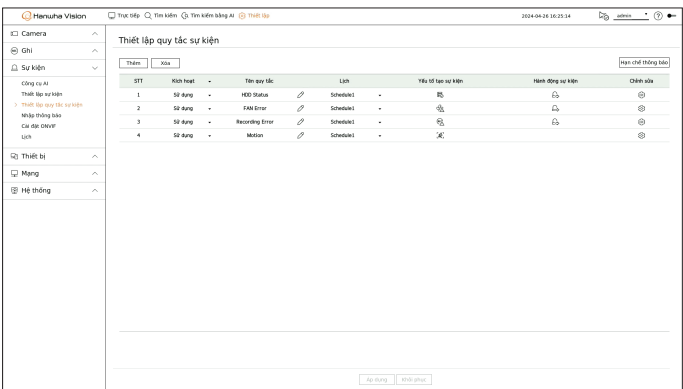



- Độ nhạy: Bạn có thể đặt độ nhạy phát hiện mất video. Tùy thuộc vào mức độ nhạy (khoảng thời gian 5 giây), bạn có thể trì hoãn sự kiện xảy ra từ 15 giây (mức 1) đến 60 giây (mức 10) sau đó.




Thiết lập quy tắc sự kiện

Bạn có thể đặt yếu tố tạo sự kiện và quy tắc hành động để đưa ra báo động khi xảy ra sự kiện.











Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập quy tắc sự kiện










- Thêm: Thêm quy tắc sự kiện mới bằng cách chọn từ tạo quy tắc hoặc sao chép quy tắc.
- Xóa: Xóa quy tắc sự kiện đã chọn.
- Hạn chế thông báo: Khi cảm biến cảnh báo hoạt động, việc xuất hiện các hành động sự kiện <E-Mail>, <FTP> và <Thông báo đẩy trên di động> bị hạn chế.
 - Hạn chế thông báo qua E-mail/FTP/Di động: Chọn <Kích hoạt> để kích hoạt hạn chế thông báo.
 - Đầu vào báo động: Chọn đầu vào báo động để sử dụng. Chỉ có thể chọn một đầu vào báo động.
 - Có thể đặt loại đầu vào báo động trong "Thiết lập > Sự kiện > Đầu vào báo động".
- Kích hoạt: Chỉ định xem có kích hoạt quy tắc sự kiện tương ứng hay không.
- Tên quy tắc: Hiển thị tên của quy tắc sự kiện. Bạn có thể thay đổi tên của quy tắc sự kiện bằng cách nhấp vào .
- Lịch: Hiển thị lịch trình đã đặt trong quy tắc sự kiện.
- Yếu tố tạo sự kiện: Hiển thị yếu tố tạo sự kiện được đặt trong quy tắc sự kiện.
 - Yếu tố tạo sự kiện sẽ hiển thị trong cửa sổ video trực tiếp khi nhận được sự kiện và sẽ được lưu dưới dạng bản ghi nhật ký sự kiện.

Mục	Mô tả
	Cảm biến chuyển động
	IVA
	Cảm biến khuôn mặt
	Theo dõi tự động
	Cảm biến giả mạo
	Phát hiện mất tiêu điểm
	Cảm biến sương mù

thiết lập

Mục	Mô tả
	Cảm biến audio
	Phân loại nguồn âm thanh
	Đầu vào báo động (camera), Đầu vào báo động (Thiết bị lưu trữ)
	Phát hiện mất video
	Thẻ SD
	Sự kiện động Ví dụ: DigitalAutoTracking (Theo dõi tự động kỹ thuật số), Queue (Hàng đợi), ShockDetection (Phát hiện rung), MaskDetection (Phát hiện khẩu trang)
	Phát hiện đối tượng
	Lấy thủ công
	Đã khôi phục mất hình ảnh
	Sự kiện hệ thống (Thay đổi mật khẩu, Nâng cấp, Trạng thái HDD, Lỗi quạt, Bật/Tắt nguồn, Bắt đầu ghi thủ công, Kết thúc ghi thủ công, Lỗi ghi, Tài khoản bị khóa)

- Hành động sự kiện: Hiển thị hành động sự kiện đã đặt trong quy tắc sự kiện.

Mục	Mô tả
	Ghi/Chuyển đến thiết lập sẵn
	Đầu ra báo động
	E-mail
FTP	Truyền các hình ảnh sang máy chủ FTP
	Thông báo đẩy trên di động
	Giám sát sự kiện
	Tắt máy
	Mã hóa người dùng

- Chỉnh sửa: Thay đổi quy tắc sự kiện đã đăng ký.

Đăng ký quy tắc sự kiện mới

Tên quy tắcMotion

Yếu tố tạo sự kiện

Chọn cảm biến chuyển động

1	2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31	32
33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48
49	50	51	52	53	54	55	56
57	58	59	60	61	62	63	64

IVA

1	2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23	24

Thời gian tiến hành3 s(3...5)

Hành động sự kiện

Đầu ra báo động

1	2	3	4	BIP	Thời gian tiến hành
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Ko.sđ

Giám sát sự kiện

Thời gian tiến hành5 giây

Thêm hành động

OkHủy

- Nhấp vào <Thêm> trong trường <Thiết lập quy tắc sự kiện>.
- Nhấp vào <Tạo quy tắc>.
 - Sao chép quy tắc: Khi bạn chọn một trong các quy tắc sự kiện đã tạo, quy tắc đó sẽ được thêm vào danh sách sự kiện.
Bạn có thể nhấp vào <✎> để sửa đổi tên quy tắc.
- Đặt chi tiết khi cửa sổ cài đặt quy tắc sự kiện hiển thị.
 - Tên quy tắc: Nhập tên quy tắc sự kiện.
 - Yếu tố tạo sự kiện: Nhấp vào <+ Thêm yếu tố tạo sự kiện> để đặt yếu tố tạo sự kiện và kênh.
 - Có thể thêm tối đa ba yếu tố tạo sự kiện.
 - Tùy chọn yếu tố tạo sự kiện có thể khác nhau tùy thuộc vào model thiết bị lưu trữ.
 - Thời gian tiến hành là thời gian chờ để ghi nhận sự xuất hiện của một sự kiện đã chọn. Bạn phải chọn hai yếu tố tạo sự kiện trở lên để đặt tùy chọn này. Hành động sự kiện sẽ chỉ chạy khi tất cả các yếu tố tạo sự kiện đã chọn xảy ra trong thời gian thông báo.
 - Yếu tố tạo sự kiện sẽ hiển thị trên màn hình trực tiếp khi sự kiện xảy ra và được sử dụng để ghi nhật ký sự kiện.
 - Để chọn kênh nhằm phát hiện yếu tố tạo sự kiện, hãy nhấp hoặc kéo kênh mong muốn trong bảng kênh. Kênh sẽ có màu cam khi được chọn.
 - Lịch: Chọn lịch để chạy hành động sự kiện.
 - Hành động sự kiện: Nhấp vào <+ Thêm hành động> để đặt hành động sự kiện.
 - Ghi/Chuyển đến thiết lập sẵn: Đặt thiết lập sẵn PTZ sẽ hiển thị khi một sự kiện xảy ra. Nhấp vào <⚙> để đặt thiết lập sẵn của camera cho từng kênh.
 - Lấy <Sự kiện hệ thống> không hỗ trợ <Ghi/Chuyển đến thiết lập sẵn>.
 - Đầu ra báo động: Đặt báo động sẽ được tạo khi sự kiện xảy ra. Chọn thiết bị đầu cuối đầu ra theo số lượng thiết bị đầu cuối kết nối báo động trên thiết bị để đặt thời gian báo động.
 - E-mail: Thiết lập người dùng nhận e-mail khi sự kiện xảy ra. Nhấp vào <⚙> để chọn người dùng nhận e-mail.
 - Đặt khoảng thời gian để gửi sự kiện trong "Thiết lập > Mạng > E-mail > Sự kiện".
 - FTP: Khi một sự kiện xảy ra, các hình ảnh được truyền đến máy chủ FTP được chỉ định. Các sự kiện chống chéo xảy ra trong khoảng thời gian phân phối đã đặt sẽ được gửi dưới dạng văn bản trong tệp định dạng html.
 - Đặt kết nối FTP và khoảng thời gian phân phối trong menu "Thiết lập > Mạng > FTP".

60_ thiết lập

- Thông báo đẩy trên di động: Khi một sự kiện xảy ra, thông báo đẩy sự kiện sẽ hiển thị trên điện thoại thông minh được kết nối.
- Giám sát sự kiện: Khi một sự kiện xảy ra, màn hình của kênh tương ứng sẽ hiển thị bằng cách chuyển sang màn hình trực tiếp. Khi chọn giám sát sự kiện, hãy đặt thời gian báo động căn cứ vào điều kiện mạng.
- Tắt máy: Khi một sự kiện xảy ra, cửa sổ bật lên sẽ xuất hiện. Bạn có thể chọn <**Tắt máy**> hoặc <**Hủy**>.
- Mã hóa người dùng: Có thể chọn khi đặt <**Lấy thủ công**>. Bạn có thể đặt camera WISENET để thực thi lệnh SUNAPI đã nhập trong <**Mã hóa người dùng**> khi một sự kiện xảy ra. Nhấp vào <**Kiểm tra**> để kiểm tra việc thực thi lệnh SUNAPI đã nhập.

 Chỉ có thể đặt <**Mã hóa người dùng**> khi <**Lấy thủ công**> được chọn.

- Hành động sự kiện sẽ chỉ chạy khi tất cả các yếu tố tạo sự kiện đã đặt xảy ra. Nếu chỉ một trong nhiều sự kiện đã đặt xảy ra, hành động sự kiện sẽ không chạy.
- Chỉ đặt hành động sự kiện khi cần thiết.

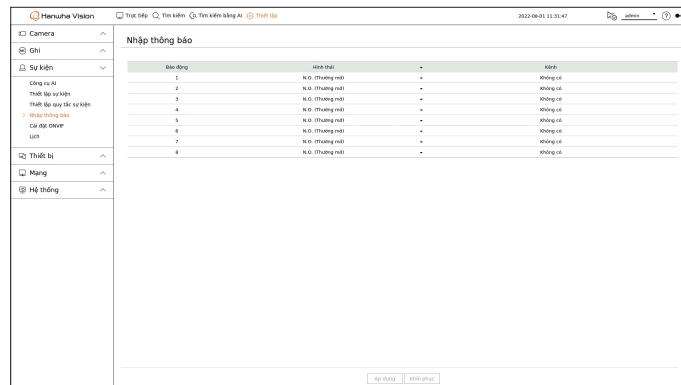
4. Nhấp vào <**Ok**> ở cuối cửa sổ cài đặt để đăng ký quy tắc sự kiện.

Nhập thông báo

Bạn có thể đặt hoạt động của cảm biến báo động.

 Chức năng này không được hỗ trợ trong một số model.

Thiết lập > Sự kiện > Nhập thông báo

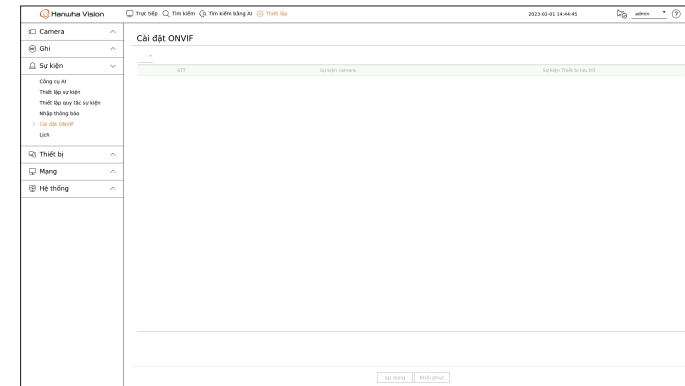


- Hình thái: Đặt chế độ mà cảm biến báo động sẽ hoạt động.
 - Tắt: Cảm biến báo động bị vô hiệu hóa. Không sử dụng báo động.
 - N.O. (Thường mở): Cảm biến được mở. Nếu cảm biến đóng, thiết bị sẽ tạo báo động.
 - N.C. (Thường đóng): Cảm biến bị đóng. Nếu cảm biến mở, thiết bị sẽ tạo báo động.
- Kênh: Bạn có thể đặt kênh để thực hiện một hành động sự kiện khi tín hiệu được đưa vào báo động đã chọn. Việc này có thể thực hiện khi <**Đầu vào báo động (Thiết bị lưu trữ)**> lấy và hành động sự kiện được thiết lập trong menu "<**Sự kiện**> <**Thiết lập quy tắc sự kiện**>".

Cài đặt ONVIF

Bạn có thể đặt các chi tiết liên quan đến sự kiện camera được đăng ký với giao thức mạng ONVIF.

Thiết lập > Sự kiện > Cài đặt ONVIF

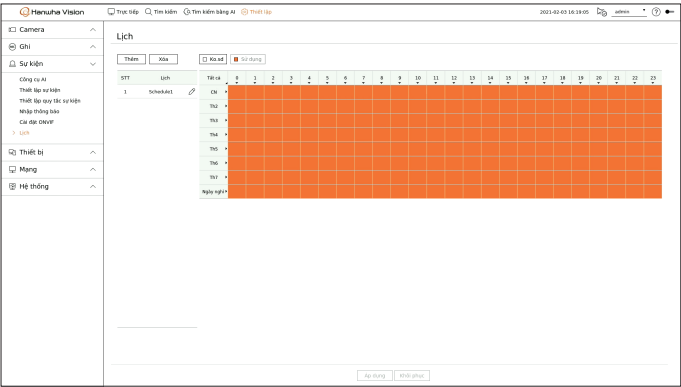


- STT: Chọn kênh mà camera ONVIF được đăng ký.
- Sự kiện camera: Hiển thị danh sách tất cả các sự kiện được camera hỗ trợ bằng cách sử dụng giao thức ONVIF.
- Sự kiện Thiết bị lưu trữ: Bạn có thể ánh xạ danh sách các sự kiện được camera hỗ trợ với các sự kiện mà Thiết bị lưu trữ có thể phát hiện. Không có giá trị mặc định. Chỉ hiển thị giá trị do camera gửi.

Lịch

Khi đặt quy tắc sự kiện, bạn có thể đặt thời gian hoạt động của hành động sự kiện.

Thiết lập > Sự kiện > Lịch



- Thêm: Thêm lịch bằng cách đặt ngày và giờ bạn muốn.
 - Ko.sd: Hiển thị bằng màu trắng và không phát báo động ngay cả khi có sự kiện xảy ra.
 - Sử dụng: Hiển thị bằng màu cam và báo động sẽ chỉ phát khi có sự kiện xảy ra.
 - Nhấp vào <✎> để thay đổi tên lịch.
- Xóa: Xóa lịch đã chọn.

- ✎ ■ Bạn không thể xóa lịch đang sử dụng.
- Khi báo động được tạo vào thời gian đã lên lịch, bạn có thể dừng báo động bằng cách hủy lịch.

CÀI ĐẶT THIẾT BỊ

Bạn có thể thực hiện cài đặt chi tiết cho các thiết bị như thiết bị lưu trữ và màn hình.

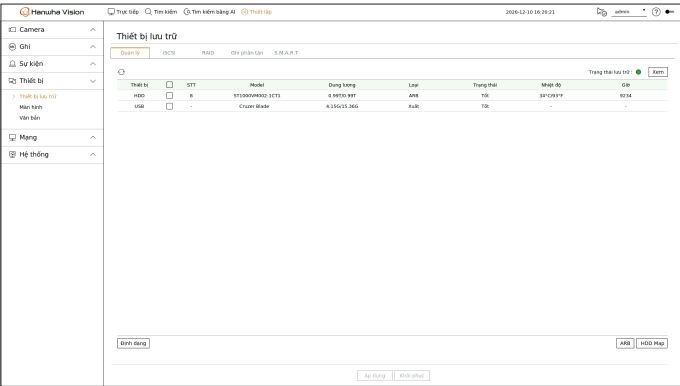
Thiết bị lưu trữ

Bạn có thể đặt mức sử dụng thiết bị lưu trữ và kiểm tra trạng thái cài đặt.

Kiểm tra và định dạng thiết bị

Bạn có thể kiểm tra các thiết bị lưu trữ cũng như dung lượng, mức sử dụng và trạng thái của chúng. Các thiết bị lưu trữ có thể kết nối là HDD và USB.

Thiết lập > Thiết bị> Thiết bị lưu trữ > Quản lý



- Thiết bị: Hiển thị loại thiết bị lưu trữ.
- STT: Bạn có thể kiểm tra số được chỉ định cho HDD tích hợp sẵn.
 - Nếu bạn muốn tìm hiểu về vị trí tương ứng với số HDD, hãy tham khảo <HDD Map>.
- Model: Hiển thị tên model của thiết bị lưu trữ.
- Dung lượng: Hiển thị dung lượng sử dụng thiết bị lưu trữ và dung lượng đầy đủ.
- Loại: Hiển thị loại sử dụng của thiết bị lưu trữ.
- Trạng thái: Hiển thị tình trạng hoạt động hiện tại của thiết bị lưu trữ.
 - Nếu Trạng thái được đặt là <Không xác định>, hãy định dạng thiết bị lưu trữ trước khi sử dụng.
- Nhiệt độ: Bạn có thể kiểm tra nhiệt độ của HDD gắn trong Thiết bị lưu trữ.
- Giờ: Hiển thị thời gian sử dụng của HDD.
- Định dạng: Chọn một thiết bị và nhấp vào định dạng, sau đó cửa sổ xác nhận định dạng sẽ xuất hiện. Nhấp vào nút <Ok> để định dạng thiết bị lưu trữ đã chọn.
 - ! ■ Việc định dạng sẽ xóa tất cả dữ liệu ghi đã được lưu. Hãy cẩn thận.
 - Trong khi đang tiến hành định dạng, bạn không thể ghi video.
 - Không tháo thiết bị đang định dạng cho đến khi hoàn tất quy trình định dạng.
 - Sau khi lắp đặt HDD, nếu tình trạng sử dụng của HDD là <Không xác định>, hãy định dạng HDD trước khi sử dụng. (Nếu thông báo cảnh báo vẫn tồn tại sau khi định dạng, hãy thay thế HDD mới)

- Trạng thái lưu trữ: Hiển thị trạng thái làm việc của thiết bị lưu trữ. Nhấp vào <**Xem**> để hiển thị cửa sổ trạng thái lưu trữ.
 - Màu đỏ: Thể hiện tình trạng mất hình ảnh.
 - Màu xanh lục: Thể hiện tình trạng bình thường, không mất bản ghi video.
 - Xem: Nhấp vào <**Xem**> để xem thông tin chi tiết.

Trạng thái lưu trữ					
Thiết bị	STT	Model	Ghi HDD	Sụt áp suất	Mất nhiều nhất
HDD	8	ST1000V/M002-1CT1	13Mbps	0%(0Mbps)	0%(0Mbps)
USB	-	Cruzer Blade	0Mbps	0%(0Mbps)	0%(0Mbps)

- Ghi HDD: Hiển thị tốc độ ghi hiện tại.
 - Sụt áp suất: Hiển thị tỷ lệ mất bản ghi hiện tại.
 - Mất nhiều nhất: Hiển thị số lượng mất tối đa cho đến thời điểm hiện tại.
 - Nếu tổn thất liên tục xảy ra, hãy kiểm tra những điều sau.
Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo mục "**Khắc phục sự cố (Câu hỏi thường gặp)**" trong Phụ lục.
 - Khi dữ liệu bị mất do lỗi hệ thống (đặt lại tốc độ truyền dữ liệu từ camera)
 - Khi có vấn đề trong hiệu suất ghi HDD do HDD bị trục trặc (kiểm tra lỗi HDD hoặc thay thế HDD)
- ARB: Video không được ghi lại do camera bị ngắt kết nối có thể được sao lưu sau khi thiết lập lại kết nối với camera. Nhấn vào nút và cửa sổ <**Tự động khôi phục sao lưu**> sẽ mở.
 - Chọn HDD: Chọn thiết bị lưu trữ để đặt thành ARB.
 - Dung lượng: Hiển thị dung lượng của thiết bị lưu trữ được đặt làm ARB.
 - Chọn kênh: Chọn kênh để chạy ARB.
 - Bạn có thể chọn nhiều kênh. Nếu bạn chọn <**Tất cả các kênh**>, tất cả các kênh sẽ được chọn.
 - Bảng thông ARB: Chọn bảng thông cho chức năng ARB.
- Tính năng ARB chỉ sẵn có khi video của bạn được lưu trong thẻ SD sau khi bạn đăng ký camera Wisenet bằng giao thức mạng Wisenet. Tính năng này chỉ được hỗ trợ trong SUNAPI 2.3.2 trở lên.
 - Đặt tỉ lệ bit của hồ sơ được sử dụng để quay video trong thẻ SD của camera thành 6144 kbps trở xuống.
Để biết thêm thông tin về cách đặt hồ sơ ghi thẻ SD, hãy xem hướng dẫn sử dụng camera của bạn.
 - Kích hoạt chức năng ARB khi cài đặt thiết bị lưu trữ lần đầu tiên. Nếu được đặt trong quá trình sử dụng, một phần video có thể bị xóa để đảm bảo dung lượng cho ARB.
 - Để sử dụng chức năng ARB đúng cách, cả camera và Thiết bị lưu trữ phải được đồng bộ thời gian với máy chủ thời gian.
Tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt hệ thống > Ngày/Giờ/Ngôn ngữ**" trong Mục lục.
 - Chức năng ARB được kích hoạt khi Thiết bị lưu trữ khởi động/khi camera kênh đã đặt được kết nối lại/khi phần bị thiếu khi ghi Thiết bị lưu trữ lặp lại đều đặn sau khi Thiết bị lưu trữ khởi động.
 - Phần bị thiếu khi ghi Thiết bị lưu trữ có thể được khôi phục bằng chức năng ARB trong 24 giờ kể từ thời điểm chức năng ARB được kích hoạt.
 - Bạn có thể kiểm tra kênh nào đã kích hoạt chức năng ARB thông qua thông báo trên mỗi màn hình kênh hiển thị khi chọn kênh.
Tham khảo trang "**Trực tiếp > Chế độ màn hình trực tiếp > Hiển thị thông tin kênh**" trong Mục lục.
 - Đối với các tệp được khôi phục tự động thông qua ARB, hãy tham khảo trang "**Tìm kiếm > Tìm kiếm ARB**" trong Mục lục.
 - Dung lượng lưu trữ ARB được khuyến nghị là ít nhất một ngày.
Ví dụ: Nếu bạn đã lưu 64 kênh với mỗi kênh 1 Mbps, dung lượng ARB phải được đặt thành 0,7 TB hoặc cao hơn.

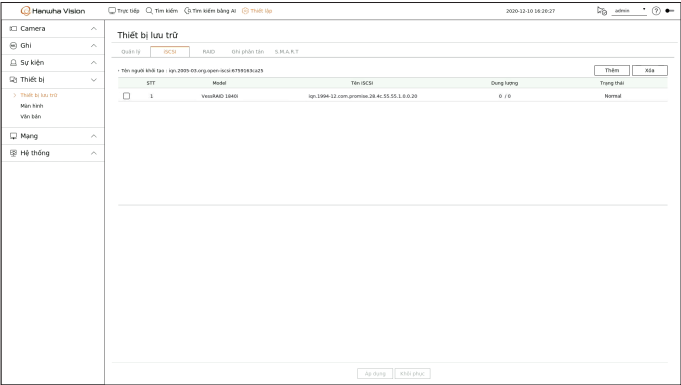
- HDD Map: Bạn có thể kiểm tra vị trí theo số được chỉ định cho các HDD lắp đặt bên trong.
 - Tham khảo mục này khi bảo dưỡng hoặc lắp đặt thêm HDD.
- Không thêm hoặc tháo HDD khi Thiết bị lưu trữ đang chạy.

Kết nối iSCSI

Chức năng này chỉ sẵn có với các sản phẩm hỗ trợ iSCSI. Đối với các sản phẩm hỗ trợ iSCSI, hãy tham khảo trang **"Các chức năng được model hỗ trợ"**.

Khi kết nối thiết bị iSCSI với thiết bị lưu trữ, bạn có thể tìm kiếm thiết bị iSCSI và kết nối, ngắt kết nối iSCSI.

Thiết lập > Thiết bị> Thiết bị lưu trữ > iSCSI



- Thêm: Thêm thiết bị iSCSI.
- Xóa: Xóa thiết bị iSCSI được đăng ký.
- Model: Hiển thị tên model iSCSI.
- Tên iSCSI: Hiển thị tên của iSCSI theo định dạng giao thức mạng iSCSI.
- Dung lượng: Hiển thị dung lượng hiện đang sử dụng/tổng dung lượng của các thiết bị iSCSI.
- Trạng thái: Hiển thị trạng thái của thiết bị iSCSI đã cài đặt.

Danh sách sản phẩm được hỗ trợ

Promise Technology vessRAID 1740i / 1840i / 2600i 1ea JBOD 3ea / SRB-160S

Thêm thiết bị iSCSI

Thêm iSCSI

Địa chỉ IP192.168.11.11

Tìm kiếm

Cổng3260

STT	Tên iSCSI
<input type="checkbox"/> 1	iqn.2015-10.com.wisenet:SRB-160S:200508T151642
<input type="checkbox"/> 2	iqn.2015-10.com.wisenet:SRB-160S:200508T151649
<input type="checkbox"/> 3	iqn.2015-10.com.wisenet:SRB-160S:200508T151655

ID

Mật khẩu

Áp dụng

Hủy

1. Trong cửa sổ iSCSI, nhấp vào nút **<Thêm>**.
 2. Trong cửa sổ **<Thêm iSCSI>**, nhập địa chỉ IP và số cổng của bạn và nhấp vào **<Tìm kiếm>**.
 3. Trong danh sách **<Tên iSCSI>**, nhấp vào một thiết bị để thêm.
 4. Sau khi nhập ID/mật khẩu, nhấp vào nút **<Áp dụng>**.
- Thiết bị iSCSI yêu cầu cổng độc lập. Sử dụng cổng chung thay vì cổng camera.
 - Khi sử dụng hub để kết nối thiết bị iSCSI với thiết bị lưu trữ, hãy đảm bảo sử dụng hub GIGA và sử dụng mạng độc lập để lưu dữ liệu bình thường.
 - Khi Thiết bị lưu trữ kết nối với thiết bị iSCSI, nếu bạn thay đổi cài đặt thiết bị iSCSI, sự cố có thể xảy ra.
 - HDD gắn trong vessRAID phải được liệt kê trong danh sách tương thích RAID.
 - Mỗi phần dung lượng của thiết bị iSCSI được khuyến nghị là bằng 16 HDD.
 - Khi bạn đăng ký thiết bị iSCSI trong Thiết bị lưu trữ lần đầu tiên, trước tiên bạn cần định dạng thiết bị đó.
 - Chức năng ánh xạ iSCSI lun được hỗ trợ.
 - Nếu bạn kích hoạt chức năng ánh xạ LUN trong thiết bị iSCSI, LUN chỉ có thể kết nối với Thiết bị lưu trữ được ánh xạ.
 - Cần có nhiều lun được ánh xạ để kết nối với bộ khởi tạo khi sử dụng ánh xạ lun.
 - HDD gắn trong phải được gắn vào Thiết bị lưu trữ trước khi kết nối thiết bị iSCSI.
 - Để truyền dữ liệu lớn ổn định, chỉ đăng ký một thiết bị iSCSI với Thiết bị lưu trữ để sử dụng.

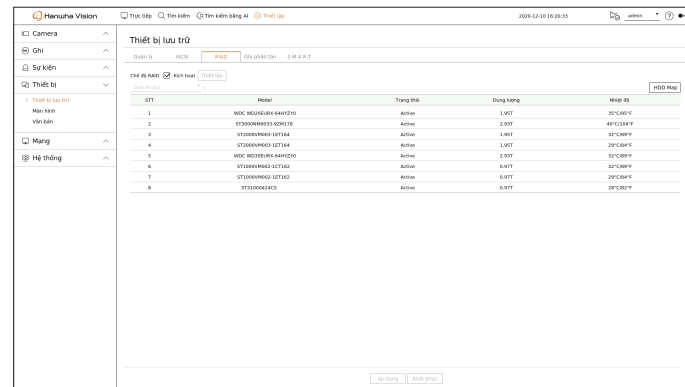
Cài đặt chế độ RAID

Chức năng này chỉ sẵn có với các sản phẩm hỗ trợ RAID. Đối với các sản phẩm hỗ trợ RAID, hãy tham khảo trang "**Các chức năng được model hỗ trợ**".

Nếu kích hoạt chế độ RAID (Mảng dự phòng của đĩa đọc lập), bạn có thể phục hồi dữ liệu một cách an toàn ngay cả khi HDD hệ thống bị hỏng.

- **RAID cho từng sản phẩm**
 - Model 8 HDD: Hỗ trợ Mảng 1
 - Model 16 HDD: Hỗ trợ Mảng 1 và 2

Thiết lập > Thiết bị > Thiết bị lưu trữ > RAID



- **Trạng thái RAID:** Hiển thị trạng thái hoạt động của RAID.
 - Hoạt động: Báo hiệu rằng RAID đang hoạt động bình thường.
 - Phân tích: Hiển thị khi một hoặc nhiều HDD tạo nên RAID bị trục trặc. Khi số lượng HDD tối đa được phép trong mức RAID bị trục trặc, nếu có thêm một HDD bị trục trặc, bạn sẽ không thể sử dụng hoặc khôi phục RAID. Hãy thay thế HDD ngay lập tức và tiến hành khôi phục.
 - Ở chế độ xuống cấp, có thể có nguy cơ mất dữ liệu ghi.
 - Để biết thêm thông tin về cách thay thế HDD và phục hồi mảng RAID, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt thiết bị > Thiết bị lưu trữ**" trong Mục lục.
 - Tái thiết lập: Cho biết mảng RAID đang trong quá trình phục hồi. Ở mức RAID 1, 5 hoặc 6, nếu số lượng HDD tối đa mà RAID cho phép bị thiếu do lỗi HDD và một HDD khác bị trục trặc trong quá trình dựng lại, bạn sẽ không thể khôi phục hoặc sử dụng mảng RAID.
 - Không thành công: Điều này có nghĩa là không thể sử dụng hoặc khôi phục RAID.
- **Model:** Hiển thị model RAID đã đăng ký.
- **Trạng thái:** Hiển thị tình trạng hoạt động hiện tại của HDD được lắp đặt trong RAID.
 - Hoạt động: Cho biết HDD đang hoạt động bình thường.
 - Hỏng: Cho biết HDD bị trục trặc. Bạn cần thay ngay HDD để quá trình phục hồi RAID diễn ra suôn sẻ.
 - Kiểm tra: Có vấn đề xảy ra trên HDD, yêu cầu thay thế hoặc kiểm tra.
 - Sẵn sàng: Nếu cần sửa chữa một ổ đĩa cứng ở mức RAID 5 hoặc cần sửa chữa hai ổ đĩa cứng ở mức RAID 6, nó sẽ hiển thị các ổ đĩa cứng đang chờ được dựng lại.
- **Dung lượng:** Hiển thị tổng dung lượng của các HDD trong RAID.
- **Nhiệt độ:** Bạn có thể kiểm tra nhiệt độ của (các) HDD trong RAID.

Cài đặt chế độ RAID

1. Nhấp vào nút **<Kích hoạt>** hoặc **<Thiết lập>**.
2. Trong cửa sổ sử dụng RAID, chọn cài đặt RAID và nhấp vào nút **<Ok>**.
 - Kích hoạt: Bạn có thể chọn sử dụng hoặc không sử dụng chế độ RAID.
 - Hiển thị các loại RAID được hỗ trợ bởi từng sản phẩm.
3. Cửa sổ sẽ hiển thị danh sách các HDD trong RAID. Trong màn hình RAID, nhấp vào **<Ok>**.
4. Cửa sổ thông báo xóa dữ liệu và khởi động lại hệ thống sẽ xuất hiện. Bạn có thể nhấp vào nút **<Ok>** để khởi động lại hệ thống nhằm cài đặt chế độ RAID.
5. Khi quá trình thiết lập RAID hoàn tất, hãy chọn "**Thiết lập > Thiết bị > Thiết bị lưu trữ > RAID**" để kiểm tra bản dựng.

- Nếu bạn vô hiệu hóa chế độ RAID ở mức RAID 5 hoặc 6 thì mọi mảng RAID sẽ bị hủy. Nếu bạn chỉ muốn hủy một trong các mảng RAID đang sử dụng, hãy chuyển đến cửa sổ thiết lập và vô hiệu hóa mảng RAID cụ thể đó.
- Nếu Trạng thái của HDD trong **<Quản lý>** hiển thị là Kiểm tra hoặc Thay thế, bạn không thể sử dụng HDD đó khi định cấu hình RAID.
- Khi sử dụng chế độ RAID, bạn nên sử dụng các HDD có cùng dung lượng lưu trữ từ cùng một nhà sản xuất.
- Nếu bạn kích hoạt hoặc vô hiệu hóa chế độ RAID, dữ liệu hiện tại sẽ bị xóa. Nếu bạn cần giữ lại dữ liệu cũ của mình, hãy xuất dữ liệu đó trước.
- Tính toán công suất mảng RAID
 - Khi bạn thiết lập RAID ở mức 5, dung lượng sẵn có của RAID là (dung lượng HDD thấp nhất) x (tổng số HDD - 1).
 - Khi bạn thiết lập RAID ở mức 6, dung lượng sẵn có của RAID là (dung lượng HDD thấp nhất) x (tổng số HDD - 2).
- Nếu bạn sử dụng HDD có dung lượng khác nhau, HDD có dung lượng nhỏ nhất sẽ được sử dụng để thiết lập RAID.

Phục hồi mảng RAID

1. Nếu số HDD có **<Trạng thái>** là Hỏng hoặc Kiểm tra được nhận dạng, hãy kiểm tra vị trí của HDD cần thay thế trên HDD Map.
2. Thay thế HDD hỏng trong thiết bị lưu trữ bằng HDD mới.
3. Khi quá trình khôi phục bắt đầu, đèn LED của đĩa cứng thay thế sẽ sáng màu vàng. Bạn có thể kiểm tra tiến trình phục hồi trong menu "**Thiết lập > Thiết bị > Thiết bị lưu trữ > RAID**".

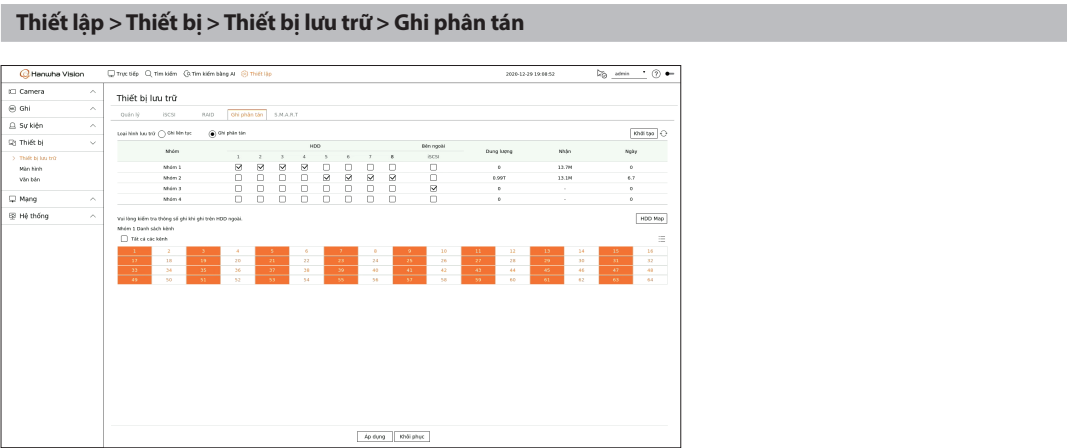
- Thay thế HDD đó bằng HDD cùng model hoặc HDD có cùng dung lượng từ cùng nhà sản xuất.
- HDD được sử dụng để thiết lập RAID phải là một trong những model được đề xuất. Nếu không thể sử dụng cùng một model HDD thì nên sử dụng HDD có cùng dung lượng từ cùng một nhà sản xuất.
- Thiết bị có thể bị hỏng nếu bạn tháo dây nguồn trong khi sử dụng RAID nên hãy cẩn thận. Để có nguồn điện đáng tin cậy, bạn nên sử dụng UPS.
- HDD mới dùng để thay thế phải là HDD chưa được định cấu hình RAID.
- Tốc độ phục hồi của ổ đĩa cứng phụ thuộc vào khả năng tải của hệ thống và dung lượng.


thiết lập

Ghi phân tán

Chức năng này chỉ sẵn có với các sản phẩm hỗ trợ ghi phân tán. Đối với các sản phẩm hỗ trợ ghi phân tán, hãy tham khảo trang "**Các chức năng được model hỗ trợ**".

Bạn có thể lưu bản ghi theo cách phân tán bằng cách phân phối HDD của mỗi nhóm.

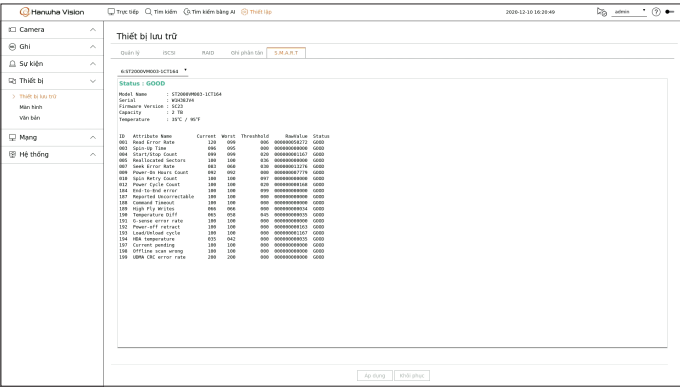


- Loại hình lưu trữ: Chọn loại lưu trữ từ <**Ghi liên tục**> hoặc <**Ghi phân tán**>.
- Khởi tạo: Cài đặt được cung cấp khi <**Ghi phân tán**> đã chọn được định cấu hình làm cài đặt mặc định.
- ↺↻ : Cập nhật các giá trị như dung lượng đĩa cứng, đầu vào và ngày lưu trữ lên dữ liệu mới nhất.
- Nhóm: Chọn một nhóm để phân phối bản ghi. Nếu bạn chọn nhóm, danh sách chọn camera để gán sẽ mở ra bên dưới.
- HDD: Số lượng và loại HDD hiện sẵn có được kích hoạt.
- Bên ngoài: Chọn thiết bị lưu trữ bên ngoài sẽ lưu trữ bản ghi.
- Dung lượng: Hiển thị dung lượng hiện được sử dụng và toàn bộ dung lượng của HDD được chọn trong nhóm.
- Nhận: Hiển thị lượng dữ liệu ghi của kênh được chọn trong nhóm.
 - Nếu giá trị đầu vào vượt quá 200 Mbps, giá trị đó sẽ được hiển thị bằng màu đỏ.
- Ngày: Hiển thị số ngày có thể lưu trữ cho đầu vào từ kênh đã chọn trong nhóm trên HDD.
 - Ví dụ:** 3 ngày và 12 giờ được hiển thị là 3,5.
- HDD Map: Bạn có thể kiểm tra vị trí theo số được chỉ định cho các HDD lắp đặt bên trong.
- Danh sách kênh: Trạng thái nút của danh sách kênh như sau.
 - 1** : Kênh được chọn trong nhóm hiện tại.
 - 2** : Kênh được chọn trong nhóm khác.
 - 7** : Kênh hiện không được chọn. Vui lòng thêm kênh này vào nhóm.
- 
 - Không thể ghi trong khi lưu các thay đổi trong cài đặt ghi phân tán.
 - Để thêm nhiều HDD nhằm ghi phân tán, hãy lắp đặt chúng theo thứ tự 1, 5, 2, 6, 3, 7, 4 và 8.

S.M.A.R.T

Bạn có thể kiểm tra trạng thái kết nối và chi tiết về đĩa cứng gắn trong thiết bị lưu trữ.

Thiết lập > Thiết bị> Thiết bị lưu trữ > S.M.A.R.T



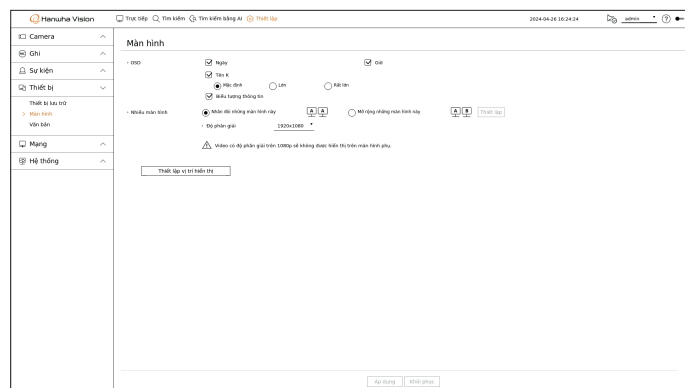
Màn hình

Bạn có thể đặt thông tin hiển thị trên màn hình cũng như hệ thống đầu ra.

Thiết lập > Thiết bị > Màn hình

Cài đặt màn hình

Bạn có thể đặt màn hình hiển thị liên quan đến đầu ra màn hình, thời gian chuyển đổi, hiển thị video, v.v.



- OSD: Chỉ các mục được chọn trong ngày, giờ, tên kênh và biểu tượng thông tin mới được hiển thị trên màn hình giám sát.
 - Bạn có thể điều chỉnh kích thước của tên kênh được hiển thị trên màn hình trực tiếp. Chọn trong số <**Mặc định**>, <**Lớn**>, <**Rất lớn**>.
 - Nhiều màn hình: Đặt độ phân giải hiển thị video.

Đối với các sản phẩm hỗ trợ màn hình mở rộng, bạn có thể đặt độ phân giải sau khi chọn chế độ <**Nhân đôi những màn hình này**> hoặc <**Mở rộng những màn hình này**> để hiển thị video.

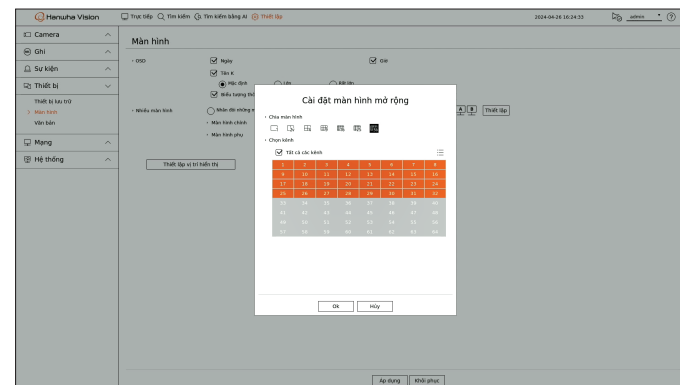
 - Nhân đôi những màn hình này: Bạn có thể đặt độ phân giải hiển thị video của màn hình chính và màn hình phụ giống nhau.


Nếu bạn đặt độ phân giải vượt quá 1920 x 1080 khi đang hoạt động ở chế độ bản sao, video sẽ không hiển thị trên màn hình phụ.
 - Mở rộng những màn hình này: Bạn có thể đặt độ phân giải hiển thị video tương ứng cho màn hình chính và màn hình phụ.
 - Màn hình chính hỗ trợ độ phân giải 4K (hoặc 1080p), và Màn hình thứ hai hỗ trợ độ phân giải 1080p.
-  ■ Nếu độ phân giải mới chọn không phù hợp với màn hình, màn hình sẽ không hoạt động bình thường. Trong trường hợp này, hãy đợi cho đến khi độ phân giải gốc được khôi phục rồi chuyển sang độ phân giải khác mà bạn chọn.
- Đầu ra video cho Màn hình chính và Màn hình phụ có thể khác nhau tùy thuộc vào model thiết bị lưu trữ.
 - Màn hình chính: HDMI
 - Màn hình phụ: HDMI hoặc VGA

Cài đặt màn hình mở rộng

Chức năng này chỉ sẵn có với các sản phẩm hỗ trợ sử dụng màn hình mở rộng.

Đối với các sản phẩm hỗ trợ màn hình mở rộng, hãy tham khảo trang "[Các chức năng được model hỗ trợ](#)".

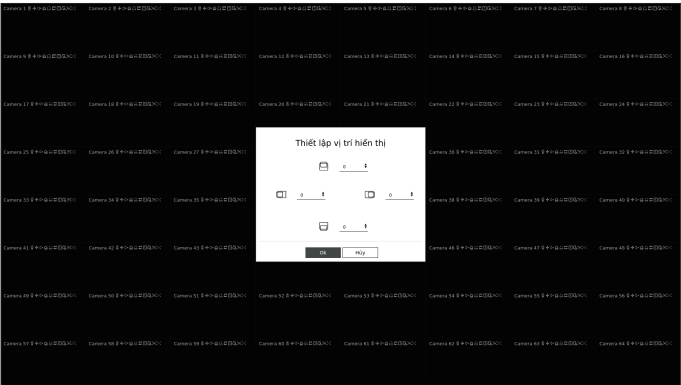


1. Chọn <**Mở rộng những màn hình này**> để hiển thị video và nhấp vào <**Thiết lập**>. Bạn có thể thay đổi cách bố cục của màn hình mở rộng.
 2. Chọn cách Chia màn hình bạn muốn.
 3. Chọn số kênh trong bảng kênh bằng với số kênh Chia màn hình đã chọn để xem video trên màn hình giám sát.
-  ■ Khi chọn chế độ mở rộng, độ phân giải tối đa của tín hiệu ra hình ảnh trên màn hình chính (HDMI) được giới hạn ở mức 1920 x 1080.
- Nếu độ phân giải mới chọn không phù hợp với màn hình, màn hình sẽ không hoạt động bình thường. Trong trường hợp này, hãy đợi cho đến khi độ phân giải gốc được khôi phục rồi chuyển sang độ phân giải khác mà bạn chọn.
 - Khi thiết lập Thời gian Hiển thị Sự kiện và Thời gian Chuyển đổi Tình tự, hãy xem xét thời gian của môi trường mạng.
 - Hồ sơ được dùng trong đầu ra trực tiếp của màn hình mở rộng sử dụng hồ sơ từ xa. Nếu người dùng thay đổi hồ sơ từ xa, đầu ra video của màn hình mở rộng có thể bị ảnh hưởng.
 - Nếu màn hình đang ở chế độ bản sao, bạn có thể chỉ định tối đa đến chế độ chia được thiết bị lưu trữ hỗ trợ. Khi màn hình được đặt ở chế độ mở rộng, bạn có thể chia màn hình của Màn hình phụ lên đến chế độ chia 36, tùy thuộc vào model thiết bị lưu trữ.
 - Chỉ có thể đặt chức năng bố cục động trên màn hình chính.

thiết lập

Thiết lập vị trí hiển thị

Một số màn hình không hiển thị thông tin (tên camera, biểu tượng, thông tin thời gian, v.v.) về hoạt động ghi, tùy thuộc vào điều kiện. Nếu vậy, bạn có thể thay đổi vị trí hiển thị của dữ liệu.



1. Từ menu thiết lập màn hình, chọn <Thiết lập vị trí hiển thị>.
2. Sử dụng nút <◀▶> để điều chỉnh màn hình bị cắt.
3. Nhấp vào <Ok>.

 ■ Sản phẩm này chỉ hỗ trợ 30Hz ở độ phân giải 4K.

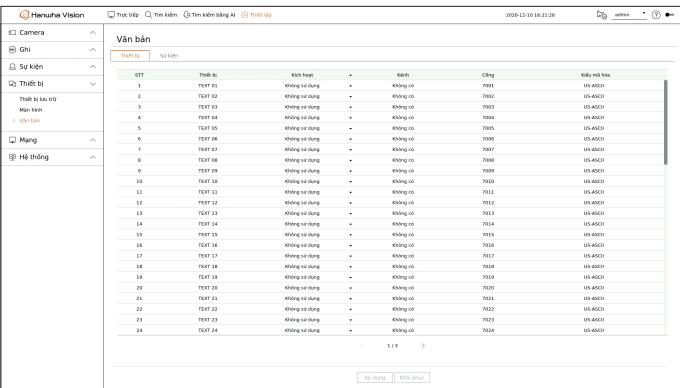
Văn bản

Bạn có thể đặt cài đặt thiết bị POS để gửi thông tin văn bản và thông tin văn bản sự kiện.

Cài đặt thiết bị

Bạn có thể thực hiện cài đặt chi tiết cho thiết bị POS được kết nối với thiết bị lưu trữ.

Thiết lập > Thiết bị > Văn bản > Thiết bị



- Thiết bị: Hiển thị tên thiết bị nhắn tin mà người dùng đã đăng ký.
- Kích hoạt: Chỉ định có kích hoạt thiết bị nhắn tin hay không.
- Kênh: Chọn kênh để thêm thiết bị từ bảng kênh.
- Cổng: Hiển thị số cổng được đặt.
- Kiểu mã hóa: Chọn kiểu mã hóa để sử dụng từ danh sách.

 ■ Các giao thức mạng Epson, Wincor Nixdorf, Axiohom, Hệ thống Radiant, thiết bị POS IBM và ANPR đều được hỗ trợ.

 ■ Thiết bị kết nối với Thiết bị lưu trữ sử dụng giao thức mạng truyền thông TCP/IP.

CÀI ĐẶT MẠNG

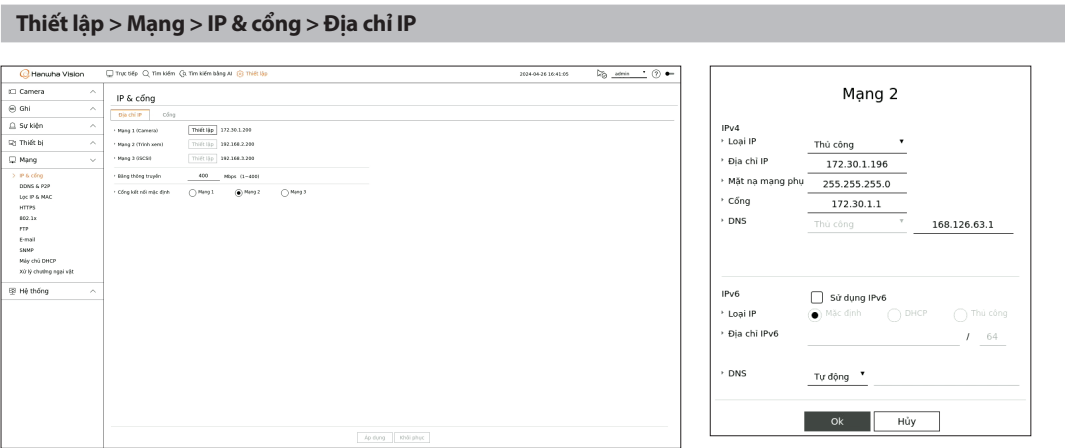
Bạn có thể đặt các chức năng mạng khác nhau, chẳng hạn như giám sát video trực tiếp bằng cách kết nối với mạng từ vị trí từ xa và nhận sự kiện qua e-mail.

IP & cổng

Bạn có thể đặt lộ trình mạng và giao thức kết nối mạng.

Cài đặt kết nối mạng

Đặt giao thức mạng và môi trường mạng.



- **Mạng:** Mỗi sản phẩm hỗ trợ một số cổng mạng khác nhau. Nếu sản phẩm hỗ trợ hai cổng mạng trở lên, bạn có thể đặt mạng cho từng chức năng như sau.
- **Mạng 1 (Camera):** Có thể sử dụng làm cổng kết nối camera. Nếu bạn kết nối camera thì video của camera sẽ được truyền. Sử dụng thông tin mạng, bạn có thể truy cập trình xem web.
- **Mạng 2 (Trình xem):** Có thể được sử dụng như một cổng chung cho kết nối camera và trình xem web.
- **Mạng 3 (iSCSI):** Có thể sử dụng làm cổng dành riêng cho kết nối iSCSI.
 - Chỉ được cung cấp cho các sản phẩm hỗ trợ Mạng 3.
- **Mạng (Tất cả):** Có thể sử dụng làm cổng chung để kết nối camera, trình xem web và iSCSI.
 - **Loại IP:** Chọn loại truy cập mạng.
 - **Địa chỉ IP, Mặt nạ mạng phụ, Cổng, DNS**
 - **Thủ công:** Có thể nhập trực tiếp địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ, cổng và DNS.
 - **DHCP:** Có thể đặt tự động địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ, cổng và DNS.
- **Bảng thông truyền:** Nhập dung lượng dữ liệu tối đa cho tốc độ truyền.
- **Cổng kết nối mặc định:** Chọn cổng kết nối mặc định. Nếu có nhiều cổng mạng, hãy đặt một trong số chúng làm cổng mặc định.

 ■ Chỉ có thể nhập trực tiếp giá trị DNS của DHCP nếu bạn đã chọn <**Thủ công**>.

Kết nối và cài đặt mạng


Hoạt động kết nối mạng có thể khác với phương thức kết nối, hãy kiểm tra môi trường của bạn trước khi đặt chế độ kết nối.

Khi không sử dụng bộ định tuyến

- **Chế độ thủ công**
 - **Kết nối Internet:** IP tĩnh, đường dây thuê riêng và môi trường LAN cho phép kết nối giữa Thiết bị lưu trữ và người dùng từ xa.
 - **Cài đặt mạng:** Đặt <**Loại IP**> của thiết bị lưu trữ kết nối thành <**Thủ công**>.
 - Tham khảo ý kiến người quản lý mạng của bạn về IP, Cổng và Mặt nạ mạng phụ.
- **Chế độ DHCP**
 - **Kết nối Internet:** Kết nối Thiết bị lưu trữ trực tiếp với modem cáp, modem ADSL DHCP hoặc mạng FTTH.
 - **Cài đặt mạng:** Đặt <**Loại IP**> của thiết bị lưu trữ kết nối thành <**DHCP**>.

Khi sử dụng bộ định tuyến

 ■ Để tránh xung đột địa chỉ IP với IP tĩnh của Thiết bị lưu trữ, hãy kiểm tra những điều sau:

- **Cài đặt Thiết bị lưu trữ với IP tĩnh**
 - **Kết nối Internet:** Kết nối thiết bị lưu trữ với bộ định tuyến IP kết nối modem cáp hoặc kết nối thiết bị lưu trữ trong môi trường mạng cục bộ (LAN).
- **Cài đặt mạng thiết bị lưu trữ**
 1. Đặt <**Loại IP**> của thiết bị lưu trữ kết nối thành <**Thủ công**>.
 2. Kiểm tra xem địa chỉ IP đã đặt có nằm trong phạm vi IP tĩnh do Bộ định tuyến bằng thông rộng cung cấp hay không.
Địa chỉ IP, Cổng và Mặt nạ mạng phụ: Tham khảo ý kiến người quản lý mạng của bạn.
 ■ Nếu máy chủ DHCP được định cấu hình với địa chỉ bắt đầu (192.168.0.100) và địa chỉ kết thúc (192.168.0.200), bạn nên đặt địa chỉ IP ngoài phạm vi DHCP đã định cấu hình (192.168.0.2 ~ 192.168.0.99 và 192.168.0.201 ~ 192.168.0.254).
 3. Kiểm tra xem Địa chỉ cổng và mặt nạ mạng phụ có bằng với thông số được đặt trong Bộ định tuyến bằng thông rộng hay không.

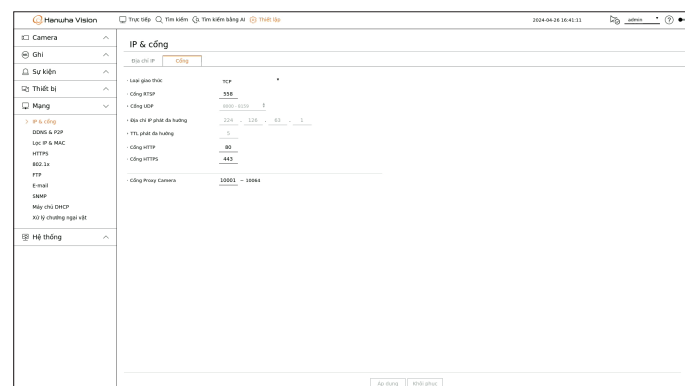
• Đặt địa chỉ IP DHCP của Bộ định tuyến bằng thông rộng

- Để truy cập cấu hình của Bộ định tuyến bằng thông rộng, hãy mở trình duyệt web trên PC cục bộ được kết nối với Bộ định tuyến bằng thông rộng và nhập địa chỉ của bộ định tuyến (ví dụ: http://192.168.1.1).
- Ở giai đoạn này, hãy định cấu hình mạng windows của PC cục bộ theo ví dụ dưới đây:
Ví dụ: IP: 192.168.1.2
Mặt nạ mạng phụ: 255.255.255.0
Cổng: 192.168.1.1
 - Sau khi kết nối với Bộ định tuyến bằng thông rộng, thiết bị sẽ nhắc nhập mật khẩu. Hãy bỏ trống trường Tên người dùng, nhập **“admin”** vào trường mật khẩu và nhấn **<Ok>** để truy cập cấu hình bộ định tuyến.
 - Truy cập menu cấu hình DHCP của bộ định tuyến và đặt kích hoạt máy chủ DHCP, đồng thời cung cấp địa chỉ bắt đầu và địa chỉ kết thúc.
 - Địa chỉ bắt đầu: 192.168.0.100
 - Địa chỉ kết thúc: 192.168.0.200

■ Các bước trên có thể khác nhau trên các thiết bị bộ định tuyến, tùy thuộc vào nhà sản xuất.

Cài đặt cổng

Thiết lập > Mạng > IP & cổng > Cổng



- Loại giao thức: Chọn loại giao thức mạng trong số TCP, Phát đơn hướng UDP và Phát đa hướng UDP.
- Cổng RTSP: Được sử dụng để truyền video qua mạng. Giá trị ban đầu là **<558>**.
- Cổng UDP: Được kích hoạt khi chọn các mục UDP trong loại giao thức. Giá trị ban đầu là **<8000-8159>** và giá trị cài đặt thay đổi trong 160 đơn vị.
 - UDP: Có độ ổn định kém hơn và tốc độ nhanh hơn so với TCP, được đề xuất cho môi trường mạng cục bộ (LAN).
- Địa chỉ IP phát đa hướng: Nhập trực tiếp địa chỉ IP khi chọn Phát đa hướng UDP.
- TTL phát đa hướng: Nhập giá trị TTL khi chọn Phát đa hướng UDP. Giá trị ban đầu được đặt thành **<5>** và nhập giá trị từ 0 đến 255.
- Cổng HTTP: Nhập giá trị cổng cho trình xem web HTTP. Giá trị ban đầu được đặt thành **<80>**.
- Cổng HTTPS: Nhập giá trị cổng cho trình xem web HTTPS. Giá trị ban đầu được đặt thành **<443>**.
 - HTTPS là phiên bản nâng cao của giao thức mạng truyền thông web HTTP. Nếu bảo mật là yếu tố quan trọng khi truy cập trình xem web, hãy kích hoạt cổng HTTPS.
- Cổng proxy camera: Đặt cổng proxy camera. Giá trị ban đầu được đặt thành **<10001>**.

DDNS & P2P

Người dùng từ xa có thể sử dụng địa chỉ DDNS để nối mạng một thiết bị lưu trữ trong hệ thống IP động. Nếu không thể kết nối với IP động, bạn có thể truy cập dễ dàng bằng cách sử dụng dịch vụ P2P.

Truy cập bằng địa chỉ DDNS trong môi trường IP động

Trong môi trường IP động như modem xDSL/Cáp, IP WAN của bộ định tuyến có thể thay đổi. Vì vậy, chúng tôi cung cấp dịch vụ DDNS (Máy chủ tên miền động) để bạn luôn có thể truy cập thiết bị lưu trữ chỉ có địa chỉ DDNS ngay cả trong môi trường IP động.

Trước khi sử dụng DDNS & P2P Wisenet, vui lòng thiết lập kết nối mạng và DDNS trước.

Cài đặt DDNS

Cài đặt DDNS trong thiết bị lưu trữ

Đặt **<Loại giao thức>** thành **<TCP>** trong menu **"Thiết lập > Mạng > IP & cổng > Cổng"** của thiết bị lưu trữ kết nối.

Cài đặt DDNS của bộ định tuyến

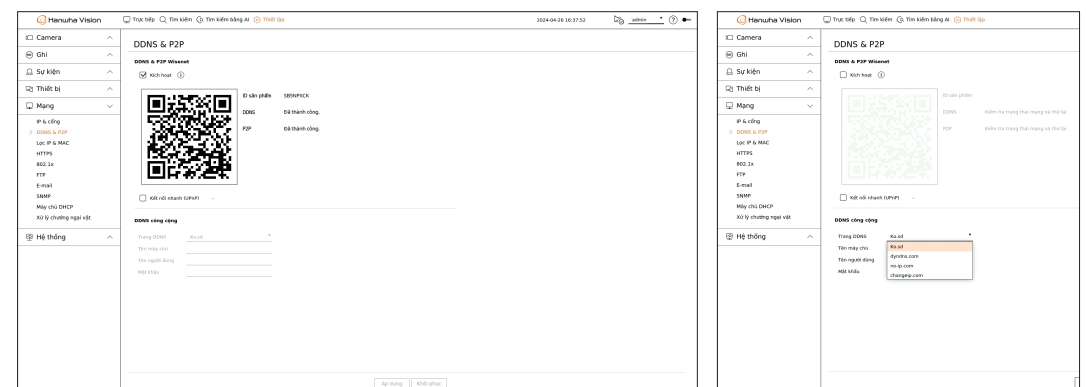
Chọn menu tương ứng cho giao thức truyền mạng của bộ định tuyến.

Thiết lập UPnP của bộ định tuyến

Tham khảo tài liệu của bộ định tuyến để bật chức năng UPnP của bộ định tuyến.

Cài đặt DDNS & P2P Wisenet

Thiết lập > Mạng > DDNS & P2P



- Kích hoạt : Nhấp vào **<Kích hoạt>** để kiểm tra kết nối xem liệu có thể kết nối thiết bị lưu trữ hiện tại từ xa hay không.
 - Khi kết nối thành công, mã QR sẽ được tạo.
 - Nó kết nối với Wisenet DDNS trước tiên. Nếu không kết nối với DDNS, nó sẽ tự động kết nối với P2P.

thiết lập



- Trong môi trường NAT kép hoặc trường hợp không cấu hình cổng của bộ định tuyến, trạng thái DDNS sẽ được hiển thị là <Thành công>, nhưng kết nối DDNS từ trình xem đến thiết bị lưu trữ có thể thất bại.
- Để kết nối DDNS, bạn phải kết nối được với một mạng bên ngoài. (Nếu có hai mạng trở lên, hãy chắc chắn bạn kết nối một mạng bên ngoài với mạng được đặt là <Cổng kết nối mặc định>.)
- Nếu bạn thiết lập cổng đã được sử dụng thì kết nối có thể không thành công. Kiểm tra thiết lập cổng của bộ định tuyến của bạn.
- Khi kết nối với một thiết bị lưu trữ, nếu trình xem được kết nối qua P2P thay vì DDNS thì hiệu suất có thể thấp hơn hiệu suất khi kết nối DDNS. Bạn có thể kiểm tra phương thức kết nối hiện tại (DDNS hoặc P2P) trong mỗi trình xem.
- DDNS là viết tắt của Hệ thống đặt tên miền động.
DNS (Hệ thống tên miền) là dịch vụ định tuyến tên miền gồm các ký tự thân thiện với người dùng (ví dụ: www.google.com) tới địa chỉ IP bao gồm các số (64.233.189.104).
DDNS (DNS động) là dịch vụ đăng ký tên miền và địa chỉ IP nối với máy chủ DDNS để tên miền có thể được định tuyến đến địa chỉ IP ngay cả khi IP bị thay đổi trong hệ thống IP động.

- Kết nối nhanh (UPnP) : Để sử dụng chức năng này, hãy đặt chức năng thành <Kích hoạt> sau khi kết nối Thiết bị lưu trữ với bộ định tuyến UPnP.
Thông báo về tiến trình xuất hiện khi kết nối với Kết nối nhanh (UPnP).
 - **Kết nối nhanh thành công:** Thông báo kết nối thành công.
 - **Cấu hình mạng không hợp lệ:** Thông báo xuất hiện nếu cấu hình mạng không hợp lệ. Kiểm tra cấu hình.
 - **Vui lòng bật chức năng UPnP của bộ định tuyến:** Thông báo xuất hiện nếu bộ định tuyến yêu cầu bật chức năng UPnP.
 - **Không thể tìm thấy bộ định tuyến.:** Thông báo xuất hiện nếu không tìm thấy bộ định tuyến. Kiểm tra cấu hình của bộ định tuyến.
 - **Vui lòng khởi động lại bộ định tuyến.:** Thông báo xuất hiện nếu bộ định tuyến cần được khởi động lại.
 - **Kết nối nhanh không được hỗ trợ trong chế độ UDP.** : Đặt <Loại giao thức> thành <TCP> trong menu "Thiết lập > Mạng > IP & cổng > Cổng" của thiết bị lưu trữ được kết nối.
 - **Kết nối thất bại.** : Sẽ có thông báo hiển thị nếu kết nối thất bại do một lỗi không xác định.



- Nếu có xung đột cổng, nó sẽ tự động chuyển sang cổng khác. Bạn có thể kiểm tra thông tin cổng đã thay đổi trong menu "Thiết lập > Mạng > IP & cổng > Cổng" của thiết bị lưu trữ được kết nối.
- Nếu có xung đột cổng, hãy kiểm tra cài đặt chuyển tiếp cổng hoặc cài đặt UPnP trong hướng dẫn sử dụng của bộ định tuyến được kết nối.

Cài đặt DDNS công cộng

- Trang DDNS: Chọn sử dụng DDNS hay không và trang đã đăng ký khi sử dụng nó.
- Tên máy chủ: Nhập tên máy chủ đã đăng ký với trang DDNS.
- Tên người dùng: Nhập tên người dùng đã đăng ký với trang DDNS.
- Mật khẩu: Nhập mật khẩu người dùng đã đăng ký với trang DDNS.

Kết nối với Trình xem

Để kết nối với Wisenet mobile từ điện thoại thông minh của bạn

1. Cài đặt và chạy ứng dụng "**Wisenet mobile**" trên điện thoại thông minh của bạn.
Bạn có thể quét mã QR của thiết bị lưu trữ trên màn hình <Add device> (Thêm thiết bị).
2. Khi quét mã QR, <Product ID> (ID sản phẩm) hiển thị trong thiết bị lưu trữ sẽ tự động được phản ánh trong trình xem di động và bạn có thể sử dụng trình xem di động bằng cách nhập ID/mật khẩu của thiết bị lưu trữ.
3. Sau đó, khi bạn chạy ứng dụng "**Wisenet mobile**", nó sẽ được tự động kết nối với thiết bị lưu trữ và bạn có thể theo dõi dễ dàng bằng điện thoại thông minh của bạn.

Để kết nối với Wisenet Viewer từ PC của bạn

1. Đi đến www.HanwhaVision.com trên PC của bạn.
Cài đặt và chạy ứng dụng "**Wisenet Viewer**".
2. Chọn <IP type> (Loại IP) thành <DDNS/P2P> trong menu "**Settings** (Thiết lập) > **Device** (Thiết bị) > **Device list** (Danh sách thiết bị) > **Add** (Thêm) > **Manual** (Thủ công)".
3. Nhập ID/mật khẩu của thiết bị lưu trữ và <Product ID> (ID sản phẩm), sau đó nhấp vào <Register> (Đăng ký).
Thông tin của thiết bị lưu trữ hiện tại sẽ được hiển thị và bạn có thể sử dụng ứng dụng "**Wisenet Viewer**".

Để kết nối với WebViewer từ PC của bạn

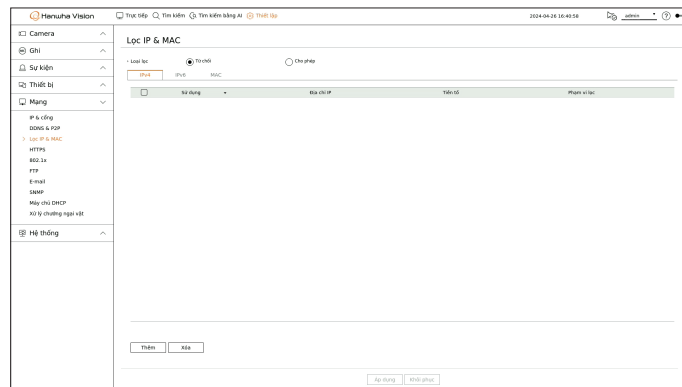
Màn hình trình xem web của thiết bị lưu trữ sẽ xuất hiện nếu bạn kết nối với **ddns.hanwha-security.com/ product ID** bao gồm <ID sản phẩm> trong thanh địa chỉ của PC cục bộ.



Lọc IP & MAC

Bạn có thể chuẩn bị danh sách để cho phép hoặc từ chối truy cập vào một địa chỉ IP hoặc MAC cụ thể.

Thiết lập > Mạng > Lọc IP & MAC



- Loại lọc
 - Từ chối: Quyền truy cập vào địa chỉ IP hoặc MAC đã đăng ký bị hạn chế.
 - Cho phép: Chỉ địa chỉ IP hoặc MAC đã đăng ký mới được phép truy cập.

Trong trường hợp lọc IPv4 hoặc IPv6

- Kích hoạt: Chọn có kích hoạt chức năng lọc IP đã đăng ký hay không.
- Địa chỉ IP: Hiển thị địa chỉ IP đã đăng ký. Nhấp đúp vào địa chỉ IP để thay đổi cài đặt.
- Tiến tố: Hiển thị tiến tố sẽ được lọc. Nhấp đúp vào tiến tố để thay đổi cài đặt.
- Phạm vi lọc: Nếu bạn nhập địa chỉ IP hoặc tiến tố thì phạm vi địa chỉ IP bị chặn hoặc được phép sẽ hiển thị.



- Nếu địa chỉ IP của camera không có trong danh sách Cho phép hoặc nằm trong danh sách Từ chối, quyền truy cập vào camera sẽ bị từ chối.
- Đối với IPv4, tính năng lọc IP của camera qua cổng PoE không được áp dụng ngay lập tức. (Các kết nối trước đó được duy trì và tính năng lọc được áp dụng vào lần đăng nhập tiếp theo.)

Cách đăng ký địa chỉ IP để lọc

- Chọn tab tương ứng với loại IP bạn muốn đăng ký từ IPv4 hoặc IPv6.
- Nhấp vào <Thêm> ở cuối màn hình.
- Khi cửa sổ bổ sung hiển thị, hãy đặt chi tiết.
 - Kích hoạt: Chọn có kích hoạt lọc IP hay không.
 - Địa chỉ: Nhập địa chỉ để kích hoạt lọc IP.
 - Khi nhập địa chỉ IP, phải nhập giá trị trong phạm vi 0-255 để đăng ký.
 - Tiến tố: Nhập giá trị tiến tố.
- Nhấp vào <Ok> để hoàn tất.



- Để xóa mục đã đăng ký, hãy chọn hộp kiểm của mục cần xóa và nhấp vào <Xóa> ở cuối màn hình.

Trong trường hợp lọc MAC

- Kích hoạt: Chọn kích hoạt tính năng lọc MAC đã đăng ký hay không.
- Địa chỉ MAC: Hiển thị địa chỉ MAC đã đăng ký. Nhấp đúp vào địa chỉ IP để thay đổi cài đặt.



- Nếu địa chỉ MAC của thiết bị mạng nằm trong danh sách từ chối hoặc không nằm trong danh sách cho phép, giao tiếp với thiết bị mạng sẽ bị chặn.

Để đăng ký các địa chỉ MAC để lọc

- Chọn tab MAC.
 - Nếu bạn nhấp vào <Tự động tìm kiếm>, địa chỉ MAC của thiết bị mạng đã đăng ký sẽ tự động được thêm vào danh sách.
- Nhấp vào <Thêm> ở cuối màn hình.
- Hãy đặt các chi tiết khi cửa sổ thêm được hiển thị.
 - Kích hoạt: Chọn kích hoạt tính năng lọc MAC hay không.
 - Địa chỉ: Nhập địa chỉ để kích hoạt tính năng lọc MAC.
- Nhấp vào <Ok> để hoàn thành.

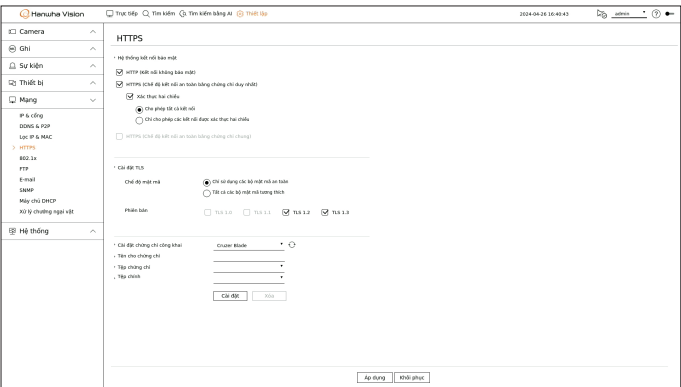


- Để xóa một mục đã đăng ký, hãy chọn hộp kiểm của mục cần xóa và nhấp vào <Xóa> ở cuối màn hình.

HTTPS

Bạn có thể chọn hệ thống kết nối bảo mật hoặc cài đặt chứng chỉ.

Thiết lập > Mạng > HTTPS



- Hệ thống kết nối bảo mật: Bạn có thể chọn một loại hệ thống kết nối an toàn dựa trên môi trường dịch vụ và mức độ bảo mật.
HTTPS (Bảo mật giao thức truyền tải siêu văn bản) là một phiên bản HTTP bảo mật hơn, có chức năng trao đổi dữ liệu thông qua việc mã hóa và giải mã yêu cầu trang của người dùng tại TLS (Bảo mật tầng giao vận).
 - HTTP (Kết nối không bảo mật): Truyền dữ liệu mà không mã hóa.
 - HTTPS (Chế độ kết nối an toàn bằng chứng chỉ duy nhất): Thiết lập kết nối an toàn bằng chứng chỉ duy nhất được cung cấp bởi thiết bị lưu trữ.
 - Xác thực hai chiều: Có thể thực hiện xác thực hai chiều để tăng cường bảo mật. Nếu chọn <Cho phép tất cả kết nối>, bạn có thể truy cập thiết bị lưu trữ kể cả khi không thực hiện xác thực hai chiều. Nếu chọn <Chỉ cho phép các kết nối được xác thực hai chiều>, bạn chỉ có thể truy cập thiết bị lưu trữ khi xác thực hai chiều thành công.
 - HTTPS (Chế độ kết nối an toàn bằng chứng chỉ chung): Thiết lập kết nối an toàn bằng chứng chỉ công khai. Bạn có thể chọn tùy chọn này sau khi cài đặt chứng chỉ công khai.
 - Cài đặt TLS: Bạn có thể chọn Chế độ mật mã hoặc phiên bản TLS để sử dụng cho giao tiếp được mã hóa.
 - Chế độ mật mã: Các bộ mật mã được cung cấp bằng cách kết hợp những thuật toán khác nhau để sử dụng trong các giao tiếp được mã hóa bằng TLS, chẳng hạn như trao đổi khóa, xác thực và mã hóa.
<Chỉ sử dụng các bộ mật mã an toàn> chỉ sử dụng các bộ mật mã có độ bảo mật cao.
Chọn <Tất cả các bộ mật mã tương thích> cho tương thích ngược. Tuy nhiên, tính bảo mật có thể kém, vì nó bao gồm tất cả các bộ mật mã dù có an toàn hay không.
 - Phiên bản: Bạn có thể chọn phiên bản giao thức TLS để sử dụng cho giao tiếp được mã hóa.
 - Nếu đặt <Chế độ mật mã> thành <Chỉ sử dụng các bộ mật mã an toàn>, bạn chỉ có thể chọn <TLS 1.2> hoặc <TLS 1.3>.
- !

 - Nếu Thiết bị lưu trữ được kết nối với internet bên ngoài hoặc được lắp đặt trong môi trường có mức độ ưu tiên cao về bảo mật thì bạn nên tạo kết nối an toàn.
- Cài đặt chứng chỉ công khai: Bạn có thể quét và đăng ký chứng chỉ công khai để cài đặt. Để cài đặt chứng chỉ, bạn phải cài đặt tệp chứng chỉ hoặc tệp chính do tổ chức phát hành chứng chỉ cấp. Nhấp vào <Cài đặt> để đăng ký chứng chỉ.
 - Ở chế độ <HTTPS (Chế độ kết nối an toàn bằng chứng chỉ chung)>, bạn không thể cài đặt hoặc xóa chứng chỉ công khai. Hãy đổi sang chế độ <HTTP (Kết nối không bảo mật)> hoặc <HTTPS (Chế độ kết nối an toàn bằng chứng chỉ duy nhất)> trước khi tiếp tục.
 - Cài đặt đuôi mở rộng tệp chứng chỉ là .crt và đuôi mở rộng tệp khóa là .key.
 - Đối với các tệp chứng chỉ và tệp khóa, hãy sử dụng định dạng PEM được tạo bởi RSA (khuyến cáo 2048 trở lên) hoặc ECC.

■ Đối với các tệp chứng chỉ và tệp khóa, hãy sử dụng PKCS#1 hoặc PKCS#8 mà không cần mật khẩu.

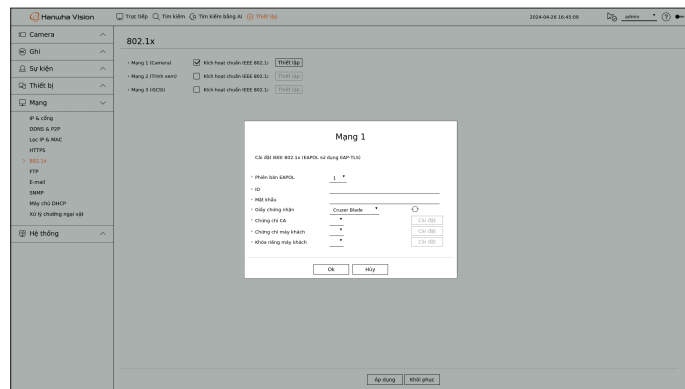
802.1x

Khi kết nối với mạng, bạn có thể chọn có sử dụng giao thức mạng 802.1x hay không và cài đặt chứng chỉ tương ứng.

802.1x là hệ thống xác thực giữa máy chủ và máy khách, hệ thống này ngăn chặn việc tấn công, lây nhiễm vi rút và rò rỉ thông tin trong dữ liệu mạng truyền và nhận.

802.1x có thể được sử dụng để chặn truy cập trái phép của máy khách và tăng cường bảo mật bằng cách chỉ cho phép những người dùng đã xác thực giao tiếp.

Thiết lập > Mạng > 802.1x



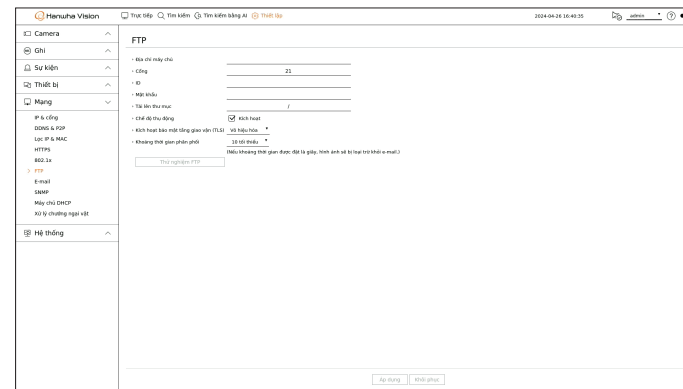
- Phiên bản EAPOL: Chọn phiên bản EAPOL sẽ được sử dụng làm giao thức mạng.
 - Một số hub chuyển mạch sẽ không hoạt động nếu bạn đặt ở phiên bản <2>. Chọn phiên bản <1>, là thông số mặc định của EAPOL.
- ID: Nhập ID do quản trị viên máy chủ RADIUS cung cấp.
 - Nếu ID đã nhập không khớp với ID của chứng chỉ máy khách, ID đó sẽ không được xử lý đúng cách.
- Mật khẩu: Nhập mật khẩu do quản trị viên máy chủ RADIUS cung cấp.
 - Nếu mật khẩu bạn đã nhập không khớp với mật khẩu của khóa cá nhân của máy khách, mật khẩu đó sẽ không được xử lý đúng cách.
- Giấy chứng nhận: Tìm kiếm thiết bị. Nhấp vào <↺> để tìm kiếm lại thiết bị.
- Chứng chỉ CA: Chỉ chọn tùy chọn này nếu chứng chỉ công khai của bạn bao gồm khóa công khai.
- Chứng chỉ máy khách: Chọn xem chứng chỉ công khai có bao gồm khóa xác thực của khách hàng hay không.
- Khóa riêng máy khách: Chọn mục này nếu chứng chỉ công khai chứa khóa riêng máy khách.

- Để triển khai thành công môi trường hoạt động 802.1x, quản trị viên phải sử dụng máy chủ RADIUS. Ngoài ra, hub chuyển mạch kết nối với máy chủ phải là thiết bị hỗ trợ 802.1x.
- Nếu cài đặt thời gian của máy chủ RADIUS, hub chuyển mạch và Thiết bị lưu trữ không khớp, giao tiếp giữa chúng có thể không thành công.
- Nếu mật khẩu được gán cho khóa riêng của máy khách, quản trị viên máy chủ phải xác nhận ID và mật khẩu. Mỗi ID và mật khẩu cho phép tối đa 30 ký tự. (Nhưng chỉ hỗ trợ chữ cái, chữ số và các ký tự đặc biệt (3 loại "-", "_", ".")). Được phép truy cập các tệp không được bảo vệ bằng mật khẩu mà không cần nhập mật khẩu.
- Giao thức mạng 802.1x được Thiết bị lưu trữ tiếp nhận là EAP-TLS.
- Bạn cần cài đặt cả ba chứng chỉ để sử dụng 802.1x.

FTP

Khi một sự kiện xảy ra, có thể cấu hình để gửi hình ảnh sự kiện đến máy chủ FTP.

Thiết lập > Mạng > FTP



- Địa chỉ máy chủ: Nhập địa chỉ máy chủ FTP để kết nối.
- Cổng: Nhập cổng kết nối. Giá trị ban đầu được đặt thành <21>. Nhập một giá trị từ 1 đến 65535.
- ID: Nhập ID người dùng để xác thực khi kết nối với máy chủ FTP.
- Mật khẩu: Nhập mật khẩu người dùng để xác thực khi kết nối với máy chủ FTP.
- Tải lên thư mục: Nhập đường dẫn của máy chủ FTP nơi sẽ lưu hình ảnh sự kiện được truyền.
- Chế độ thụ động: Chọn <Kích hoạt> nếu yêu cầu chế độ thụ động do cài đặt tường lửa hoặc máy chủ FTP.
- Kích hoạt bảo mật tầng giao vận (TLS): Chọn giữa <Vô hiệu hóa> và <TLS (nếu có)>.
- Khoảng thời gian phân phối: Chọn khoảng thời gian phân phối cho sự kiện của bạn.
 - Nếu một chuỗi sự kiện xảy ra, nó sẽ được gửi vào thời gian đã đặt, không phải trên từng sự kiện. Các sự kiện bị chống chéo xảy ra trong khoảng thời gian phân phối đã đặt được gửi dưới dạng văn bản trong tệp định dạng html.
- Thử nghiệm FTP: Tiến hành thử nghiệm truyền với cài đặt máy chủ FTP đã nhập.

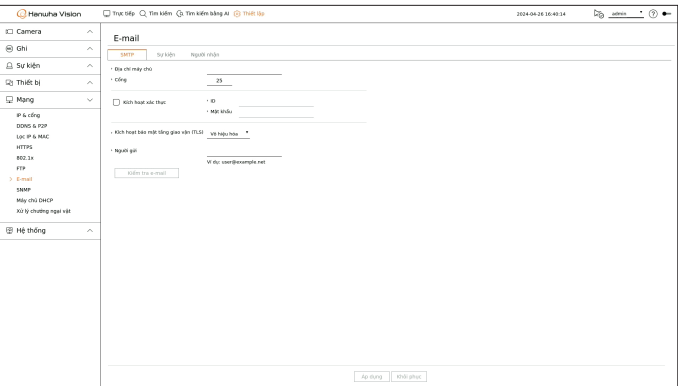
E-mail

Bạn có thể gửi e-mail đến người dùng đã đăng ký Thiết bị lưu trữ vào khoảng thời gian cụ thể hoặc khi sự kiện xảy ra.

Cài đặt SMTP

Đặt máy chủ thư SMTP.

Thiết lập > Mạng > E-mail > SMTP

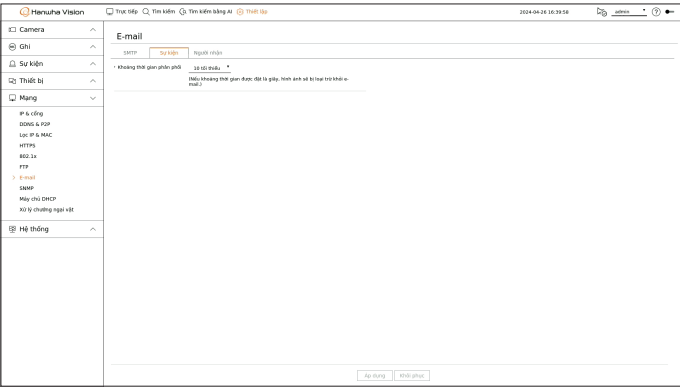


- Địa chỉ máy chủ: Nhập địa chỉ máy chủ SMTP để kết nối.
- Cổng: Nhập cổng kết nối.
- Kích hoạt xác thực: Chọn mục này nếu máy chủ SMTP sử dụng xác thực người dùng. Các trường ID và mật khẩu sẽ được kích hoạt khi kích hoạt xác thực.
 - ID: Nhập ID để sử dụng xác thực khi kết nối với máy chủ SMTP.
 - Mật khẩu: Nhập mật khẩu người dùng máy chủ SMTP.
- Kích hoạt bảo mật tầng giao vận (TLS): Chọn một trong các mục <**Vô hiệu hóa**> và <**TLS (nếu có)**>.
- Người gửi: Sử dụng bàn phím ảo để nhập địa chỉ e-mail của người gửi.
- Kiểm tra e-mail: Tiến hành kiểm tra cài đặt máy chủ.

Cài đặt sự kiện

Bạn có thể đặt khoảng thời gian và loại sự kiện sẽ được gửi đến người dùng.

Thiết lập > Mạng > E-mail > Sự kiện

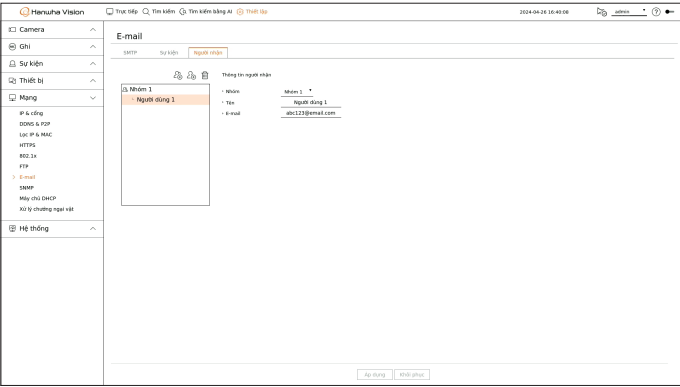




- Khoảng thời gian phân phối: Đặt khoảng thời gian sự kiện.
 - Nếu một loạt các sự kiện xảy ra, e-mail sẽ được gửi theo khoảng thời gian xác định, không phải theo từng sự kiện.

Cài đặt người nhận

Bạn có thể tạo nhóm và thêm người dùng vào nhóm hoặc xóa người dùng và thay đổi nhóm.

Thiết lập > Mạng > E-mail > Người nhận

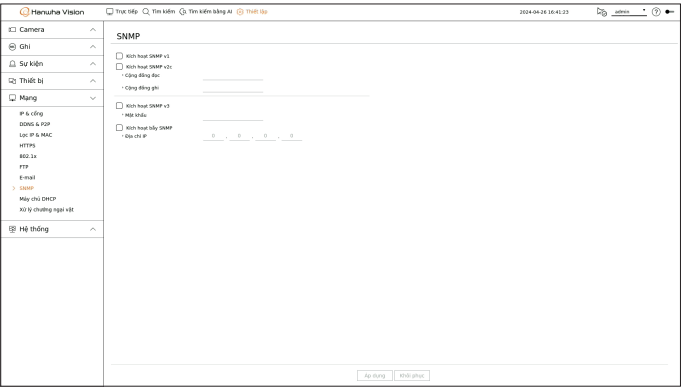


- Nhấp vào <  > để thêm nhóm. Nhập tên nhóm.
- Chọn một nhóm người nhận để nhận email. Nếu được thêm, nhóm sẽ xuất hiện trong danh sách nhóm.
- Nhấp vào <  > để thêm người nhận. Chọn nhóm và nhập tên và địa chỉ email. Nếu nhóm được tạo, bạn có thể thêm người nhận.

SNMP

Giao thức mạng SNMP cho phép quản trị viên hệ thống hoặc quản trị viên mạng giám sát và định cấu hình từ xa cho thiết bị mạng.

Thiết lập > Mạng > SNMP



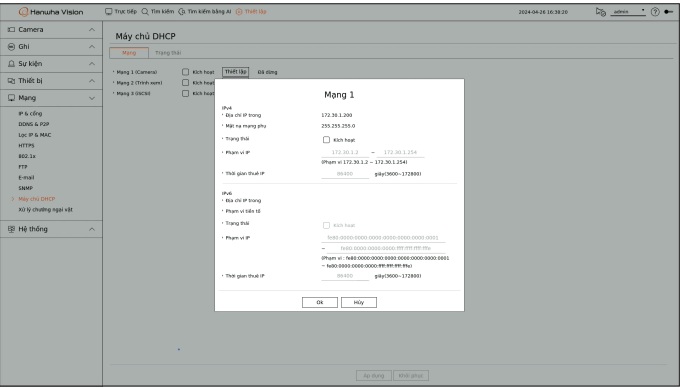
- Kích hoạt SNMP v1: Sử dụng SNMP v1.
- Kích hoạt SNMP v2c: Sử dụng SNMP v2c.
 - Cộng đồng đọc: Nhập tên của cộng đồng chỉ đọc để truy cập thông tin SNMP.
 - Cộng đồng ghi: Nhập tên của cộng đồng chỉ ghi để truy cập thông tin SNMP.
- Kích hoạt SNMP v3: Sử dụng SNMP v3.
 - Mật khẩu: Đặt mật khẩu người dùng ban đầu cho SNMP phiên bản 3.
- Kích hoạt máy chủ DHCP: Máy chủ DHCP được sử dụng để gửi các sự kiện và điều kiện quan trọng tới Hệ thống quản trị.
 - Địa chỉ IP: Nhập địa chỉ IP mà tin nhắn sẽ được gửi đến.

Máy chủ DHCP

Bạn có thể đặt máy chủ DHCP nội bộ và gán địa chỉ IP cho camera mạng.

Cài đặt mạng

Thiết lập > Mạng > Máy chủ DHCP > Mạng



- Mạng: Bạn có thể đặt phạm vi IP và thời gian để kích hoạt với tư cách máy chủ DHCP của thiết bị lưu trữ.

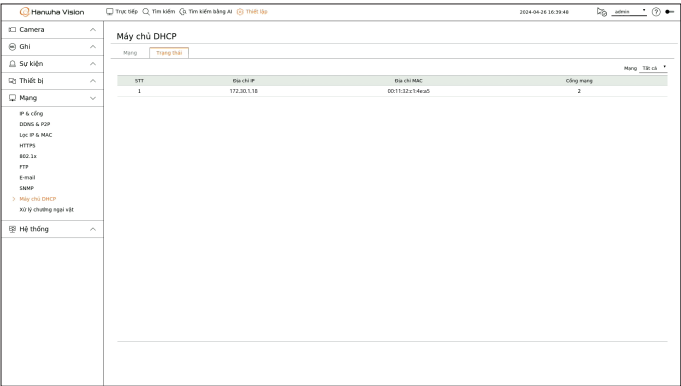
Cách đặt máy chủ DHCP

1. Nhấp vào <Thiết lập> của mạng bạn muốn đặt làm máy chủ.
2. Khi cửa sổ cài đặt mạng hiển thị, hãy chọn <Chạy> cho <Trạng thái>.
3. Nhập IP bắt đầu và IP kết thúc vào trường <Phạm vi IP>.
4. Điền vào trường <Thời gian thuê IP>.
5. Nhấp vào <Ok>.
Phạm vi IP đã nhập được đặt làm địa chỉ máy chủ DHCP của mạng.

Kiểm tra trạng thái

Bạn có thể kiểm tra địa chỉ IP được gán cho máy chủ DHCP hiện tại, địa chỉ MAC và thông tin cổng mạng được kết nối.

Thiết lập > Mạng > Máy chủ DHCP > Trạng thái



Xử lý chương ngại vật

Chức năng này chỉ sẵn có với các sản phẩm hỗ trợ xử lý chương ngại vật. Đối với các sản phẩm hỗ trợ xử lý chương ngại vật, hãy tham khảo trang "**Các chức năng được model hỗ trợ**".

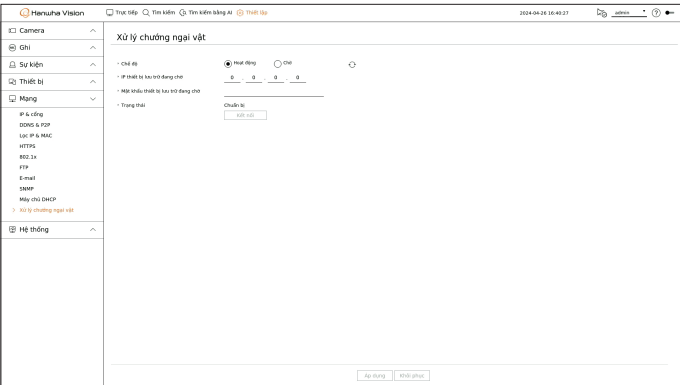
Nếu thiết bị lưu trữ không thể ghi do lỗi mạng, các thiết bị lưu trữ khác đã được chuẩn bị có thể ghi thay thế. Bạn có thể kết nối 32 thiết bị lưu trữ 'Hoạt động' với một thiết bị lưu trữ 'Chờ'.

-
- Thiết bị lưu trữ mà bạn muốn định cấu hình để xử lý chương ngại vật cần được kết nối với cả camera và cổng trình xem vào mạng cục bộ.
 - Chỉ có thể đặt cấu hình xử lý chương ngại vật với thiết bị lưu trữ có cùng model.
 - Chức năng khắc phục sự cố giao diện mạng chỉ hỗ trợ IPv4.
 - Tất cả các thiết bị lưu trữ đều phải được đồng bộ hóa thời gian. Để biết thêm thông tin về cài đặt đồng bộ hóa thời gian, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt hệ thống > Ngày/Giờ/Ngôn ngữ**" trong Mục lục.
 - Bảng tần IP mạng trong thiết bị lưu trữ phải được đặt thành bảng tần khác.
 - Ví dụ về IP ở bảng thông khác**
Ví dụ 1: IP: 192.168.1.200, mạng phụ 255.255.255.0
Trong Ví dụ 1 phía trên, do 255 của mạng phụ tương ứng với 192.168.1 nên bất kỳ IP nào ở định dạng 192.168.1.x đều sẽ có cùng bảng thông.
IP ở định dạng 192.168.2.x có bảng thông khác với IP ở định dạng 192.168.1.x.
Ví dụ 2: IP: 172.16.1.200, mạng phụ 255.255.0.0
Trong Ví dụ 2 phía trên, do 255 của mạng phụ tương ứng với 172.16 nên bất kỳ IP nào ở định dạng 172.16.x.x đều sẽ có cùng bảng thông.
IP ở định dạng 172.17.x.x có bảng thông khác với IP ở định dạng 172.16.x.x.
 - Để biết thêm thông tin về cài đặt mạng, tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt mạng**" trong mục lục.

Cách đặt xử lý sự cố

- Đặt một thiết bị lưu trữ ở chế độ <**Chờ**> và một thiết bị lưu trữ khác ở chế độ <**Hoạt động**>.
- Trong thiết bị lưu trữ được đặt ở chế độ <**Hoạt động**>, nhập ID cổng trình xem và mật khẩu quản trị viên của thiết bị lưu trữ <**Chờ**> mà bạn muốn kết nối và nhấp vào <**Kết nối**> bên dưới màn hình trạng thái.
- Kiểm tra IP và trạng thái của thiết bị lưu trữ <**Hoạt động**> đã kết nối trong thiết bị lưu trữ <**Chờ**>.

Thiết lập > Mạng > Xử lý chương ngại vật



- Chế độ: Chọn chế độ <**Hoạt động**> hoặc <**Chờ**>.
 - Hoạt động: Thiết bị lưu trữ đang được ghi. Được giám sát bởi thiết bị lưu trữ <**Chờ**>.
 - Chờ: Thiết bị lưu trữ đang ở trạng thái chuẩn bị mà không ghi. Thiết bị này sẽ ghi thay cho thiết bị lưu trữ <**Hoạt động**> nếu sự cố xảy ra.

Trong trường hợp ở chế độ hoạt động

- IP thiết bị lưu trữ đang chờ: Nhập ID cổng trình xem của thiết bị chờ để truy cập.
- Mật khẩu thiết bị lưu trữ đang chờ: Nhập mật khẩu quản trị viên của thiết bị đang chờ.
- Trạng thái: Hiển thị trạng thái kết nối hiện tại.
- Kết nối/Ngắt kết nối: Nhấp vào nút để truy cập hoặc ngắt kết nối truy cập.

Trong trường hợp ở chế độ chờ

- Trạng thái & danh sách thiết bị: Hiển thị trạng thái của thiết bị lưu trữ chung hiện đang kết nối với thiết bị lưu trữ chờ. Để xóa thiết bị lưu trữ chung được kết nối, hãy nhấp vào <Xóa> ở bên phải thiết bị lưu trữ.

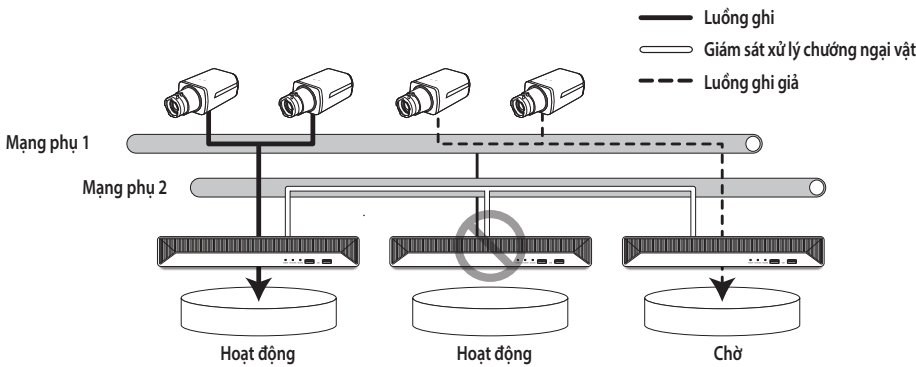


- Thiết bị lưu trữ ở chế độ chờ chỉ có thể kích hoạt một số chức năng trong menu <Hệ thống>, <Thiết bị> và <Mạng>. Bạn không thể sử dụng menu <Ghi> và <Sự kiện>.
- Trong thiết bị lưu trữ ở chế độ chờ, hoạt động trước đó sẽ dừng khi thực hiện xử lý chương ngại vật trong quá trình phát lại hoặc xuất phần và màn hình sẽ chuyển sang màn hình trực tiếp.

Tên trạng thái	Mô tả
Chuẩn bị	Sẵn sàng kết nối
Đã kết nối	Thiết bị chung và thiết bị chờ được kết nối (sẵn sàng xử lý chương ngại vật)
Xử lý chương ngại vật	Đang thực hiện xử lý sự cố
Kết nối không thành công	Đã thử kết nối nhưng không thành công
Lỗi xác thực	Xác thực thất bại do nhập sai mật khẩu chờ khi cố gắng kết nối
Kết nối (Yêu cầu thời gian khớp)	Kết nối mà không cần đồng bộ hóa thời gian với thiết bị lưu trữ ở chế độ chờ
Kết nối (kiểm tra IP cổng camera)	Ngay cả khi cổng camera của thiết bị lưu trữ chung được kết nối với cổng trình xem của thiết bị lưu trữ ở chế độ chờ hoặc kết nối với cùng một cổng trình xem thì cổng IP của cổng camera cũng không khớp.
Kết nối không thành công (kiểm tra IP cổng camera)	Kết nối từ cổng camera của thiết bị lưu trữ chung sang cổng camera của thiết bị lưu trữ ở chế độ chờ không thành công.
Kết nối không thành công (Model sai.)	Không kết nối được do đang kết nối các thiết bị thuộc các model khác nhau.

Ví dụ về việc thiết lập xử lý chương ngại vật

- Mạng phụ 1 ; Mạng 1 (Camera)
- Mạng phụ 2 ; Mạng 2 (Trình xem)
- Mạng phụ 3 ; Mạng 3 (iSCSI)



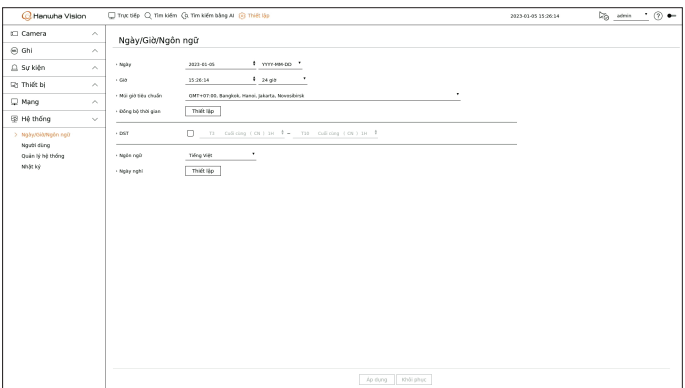
CÀI ĐẶT HỆ THỐNG

Bạn có thể đặt ngày, ngôn ngữ, quyền, v.v. được hiển thị khi sử dụng hệ thống và truy vấn thông tin hệ thống hoặc thông tin nhật ký.

Ngày/Giờ/Ngôn ngữ

Bạn có thể kiểm tra và thiết lập Ngày/Giờ hiện tại và các thuộc tính liên quan đến thời gian, cũng như ngôn ngữ được sử dụng cho giao diện trên màn hình.

Thiết lập > Hệ thống > Ngày/Giờ/Ngôn ngữ



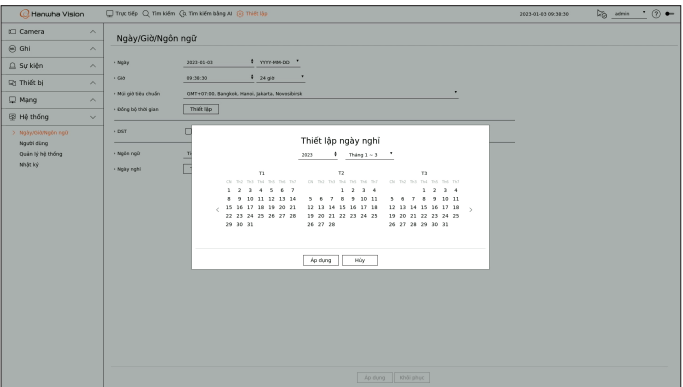
- Ngày: Đặt ngày và định dạng ngày sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Giờ: Đặt giờ và định dạng giờ sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Múi giờ tiêu chuẩn: Đặt múi giờ tiêu chuẩn cho vùng của bạn dựa trên Giờ chuẩn Greenwich (GMT).
 - GMT (Giờ chuẩn Greenwich) là Giờ thế giới chuẩn và là cơ sở cho múi giờ thế giới.
- Đồng bộ thời gian: Chỉ định việc sử dụng chức năng đồng bộ với máy chủ thời gian. Nhấp vào nút <Thiết lập> để hiển thị màn hình thiết lập đồng bộ hóa thời gian. Nếu bạn kích hoạt <Đồng bộ với máy chủ NTP>, giờ hiện tại của thiết bị lưu trữ sẽ được đồng bộ bởi máy chủ được chỉ định trong <Địa chỉ máy chủ NTP> và thông tin thời gian sẽ không thể thay đổi được theo cách thủ công.
 - Đồng bộ với máy chủ NTP: Chỉ định việc sử dụng đồng bộ với máy chủ thời gian.
 - Địa chỉ máy chủ NTP: Nhập địa chỉ IP hoặc URL của máy chủ thời gian.
 - Lẫn đồng bộ cuối cùng: Hiển thị thời gian đồng bộ gần đây nhất từ máy chủ thời gian đã chọn.
 - Kích hoạt dưới dạng máy chủ NTP: Nếu bạn chọn <Kích hoạt>, thiết bị lưu trữ này sẽ hoạt động như một máy chủ thời gian cho thiết bị lưu trữ hoặc camera mạng khác.
- DST: Thiết lập Thời gian tiết kiệm ánh sáng trong khoảng thời gian áp dụng để chỉnh thời gian lên sớm hơn 1 giờ so với giờ GMT của múi giờ tiêu chuẩn đó trong khoảng thời gian đã đặt.
- Ngôn ngữ: Chọn ngôn ngữ của bạn. Đặt ngôn ngữ cho giao diện.



- Tùy thuộc vào vị trí phát hành sản phẩm, ngôn ngữ và thiết lập thời gian tiêu chuẩn có thể khác nhau.

thiết lập

- Ngày nghỉ: Người dùng có thể chọn các ngày cụ thể làm ngày nghỉ theo sở thích của riêng họ. Chọn ngày nghỉ từ lịch được hiển thị bằng cách nhấp vào <Thiết lập>.
 - Áp dụng tương tự cho cài đặt ngày nghỉ trong <Lịch ghi> hoặc <Lịch>.



Ngày nghỉ

☐ T1 6Ngày

☐ Lần 1 Thứ sáu | T1

Ok

Hủy

Ví dụ: Nếu bạn chọn ngày 6 tháng 1 và đánh dấu vào <T1 6Ngày>, ngày 6 tháng 1 sẽ được đặt làm ngày nghỉ hàng năm, còn nếu bạn đánh dấu vào <T1 6Ngày> và <Lần 1 Thứ sáu | T1> thì ngày 6 tháng 1 hàng năm và tất cả các ngày Thứ sáu của tuần đầu tiên của tháng 1 sẽ được đặt là ngày nghỉ.

Cách sử dụng lịch

Thiết lập ngày nghỉ

2023

Tháng 1 ~ 3

T1							T2							T3						
CN	Th2	Th3	Th4	Th5	Th6	Th7	CN	Th2	Th3	Th4	Th5	Th6	Th7	CN	Th2	Th3	Th4	Th5	Th6	Th7
1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4				1	2	3	4			
8	9	10	11	12	13	14	5	6	7	8	9	10	11	5	6	7	8	9	10	11
15	16	17	18	19	20	21	12	13	14	15	16	17	18	12	13	14	15	16	17	18
22	23	24	25	26	27	28	19	20	21	22	23	24	25	19	20	21	22	23	24	25
29	30	31					26	27	28					26	27	28	29	30	31	

Áp dụng

Hủy

1. Chọn năm và tháng

- Nhấp vào <◆> ở bên phải của năm để thay đổi từng năm một.
- Nhấp vào <▼> ở bên phải của tháng để thay đổi 3 tháng một lần.

2. Chọn ngày và nhấp vào nút <Áp dụng>.

Người dùng

Bạn có thể quản lý người dùng, chẳng hạn như thêm hoặc xóa người dùng và cấp các quyền khác nhau cho mỗi người dùng.

Cài đặt quản trị viên

Bạn có thể đặt và thay đổi ID và mật khẩu của Quản trị viên. Quản trị viên có thể sử dụng và thiết lập tất cả các mục và chức năng của menu.

Thiết lập > Hệ thống > Người dùng > Quản trị viên

Người dùng

Quản trị viên

Người dùng

Cài đặt tập chế

Vui lòng tham khảo một khóa tại hướng dẫn cài đặt mật khẩu (i).

• ID

admin

• Mật khẩu tại

• Mật khẩu mới

• Xác nhận mật khẩu mới

☐ Hiển thị mật khẩu

- ID: Thay đổi ID quản trị viên.
- MK hiện tại: Nhập mật khẩu hiện tại.
- Mật khẩu mới: Nhập mật khẩu mới.
- Xác nhận mật khẩu mới: Nhập lại mật khẩu mới.
 - Nếu chọn <Hiện thị mật khẩu>, mật khẩu sẽ không còn bị ẩn trên màn hình khi bạn nhập.

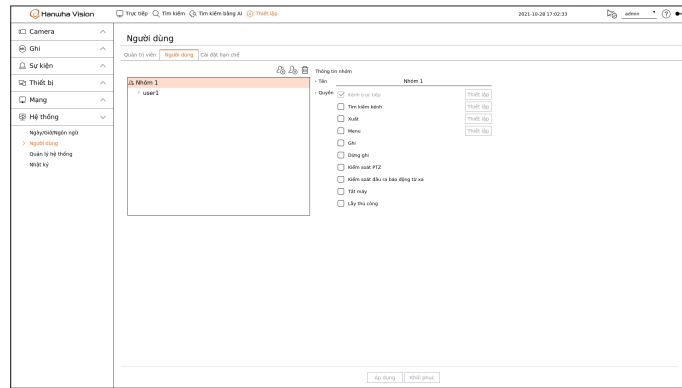
- ID quản trị viên ban đầu được đặt là “admin” và bạn sẽ cần định cấu hình mật khẩu trong trình hướng dẫn cài đặt.
- Vui lòng thay đổi mật khẩu ba tháng một lần để bảo vệ thông tin cá nhân an toàn và ngăn chặn thiệt hại do trộm cắp thông tin. Lưu ý rằng người dùng chịu trách nhiệm về việc bảo mật và mọi vấn đề khác xảy ra do quản lý mật khẩu không đúng cách.
- Nếu bạn nhấp vào <i>, hướng dẫn cài đặt mật khẩu cơ bản sẽ hiển thị.

80_ thiết lập


Cài đặt người dùng

Bạn có thể tạo nhóm người dùng và đặt quyền cho từng nhóm. Bạn có thể quản lý thông tin người dùng như đăng ký và xóa người dùng trong nhóm người dùng đã tạo.

Thiết lập > Hệ thống > Người dùng > Người dùng



Nếu bạn muốn thêm nhóm

1. Nhấp vào nút <  > để khởi chạy cửa sổ mới Thêm nhóm.
Nếu bạn muốn thêm nhóm, nhấp vào <Ok>.
2. Nếu bạn nhấp vào mục tên nhóm ở bên phải, bàn phím ảo để nhập tên nhóm sẽ xuất hiện.
Nhập tên nhóm để đăng ký.
 - Bạn có thể thêm tối đa 10 nhóm.

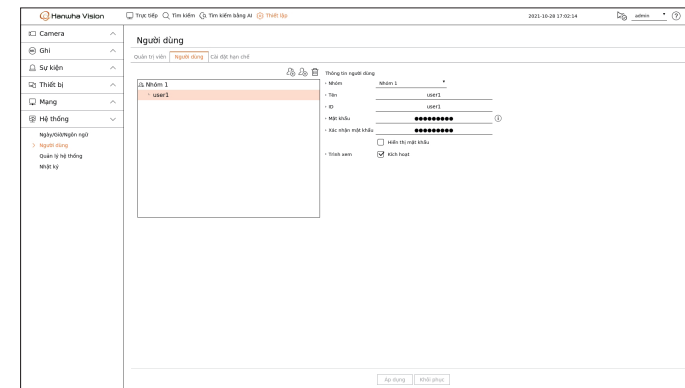
Nếu bạn muốn đặt quyền cho nhóm


Đặt quyền truy cập cho nhóm.

Người dùng trong nhóm chỉ có thể kích hoạt menu mà họ đã được cấp quyền.


1. Chọn menu để đặt quyền nhóm.
Đặt menu và nhấp vào <Thiết lập> ở bên phải để hiển thị cửa sổ cài đặt chi tiết.
 - Kênh trực tiếp: Bạn có thể đặt quyền truy cập màn hình trực tiếp cho từng kênh.
 - Tìm kiếm kênh: Bạn có thể đặt quyền truy cập menu tìm kiếm cho từng kênh.
 - Xuất: Bạn có thể đặt quyền truy cập menu xuất cho từng kênh.
 - Menu: Bạn có thể chọn và đặt menu cài đặt cho phép truy cập. Người dùng trong nhóm chỉ có thể truy cập menu được chọn. Nếu bạn chọn một menu thì màn hình cài đặt quyền truy cập menu đó sẽ hiển thị.
 - Kể cả khi bạn chọn "Hệ thống > Quản lý hệ thống > Quản lý thông tin cài đặt" trong cửa sổ thiết lập <Quyền truy cập menu>, các quyền truy cập <Cài đặt gốc mặc định> và <Tắt nguồn> vẫn bị loại trừ.
 - Ghi, Dừng ghi, Kiểm soát PTZ, Kiểm soát đầu ra báo động từ xa, Tắt máy: Bạn có thể đặt menu để cấp quyền truy cập cho người dùng trong nhóm.
 - Menu quyền đã đặt sẽ hiển thị trong menu Trực tiếp khi người dùng của nhóm đăng nhập.
2. Chọn <Áp dụng>.
Người dùng trong nhóm sẽ được cấp quyền truy cập vào các mục đã đặt.

Nếu bạn muốn đăng ký người dùng



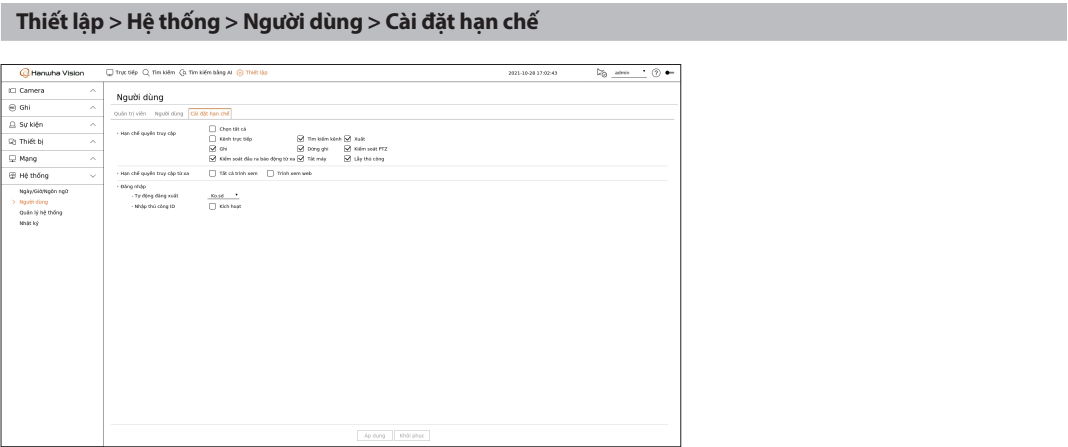
1. Nhấp vào nút <  > để khởi chạy cửa sổ mới cho phép thêm người dùng.
Để thêm người dùng, nhấp vào <Ok>.
2. Chọn nhóm.
Khi đăng ký người dùng, nhóm đã chọn sẽ được đăng ký tự động.
 - Bạn có thể thay đổi nhóm sau khi nhập tất cả thông tin người dùng.
3. Nhập tên, ID và mật khẩu (xác nhận mật khẩu) và kích hoạt hoặc vô hiệu hóa tùy chọn trình xem.
Nếu bạn kích hoạt việc sử dụng <Trình xem>, bạn sẽ có quyền sử dụng trình xem web và trình xem mạng.
 - Nếu chọn <Hiển thị mật khẩu>, mật khẩu sẽ không còn bị ẩn trên màn hình khi bạn nhập.
4. Nhấp vào <Áp dụng>.
Thông tin người dùng đã đăng ký sẽ được lưu.

Khi bạn muốn xóa nhóm và thông tin người dùng

1. Chọn nhóm hoặc người dùng để xóa và nhấn nút <  >.
2. Cửa sổ xác nhận xóa sẽ xuất hiện và nhấp vào <Ok>.

Cài đặt hạn chế

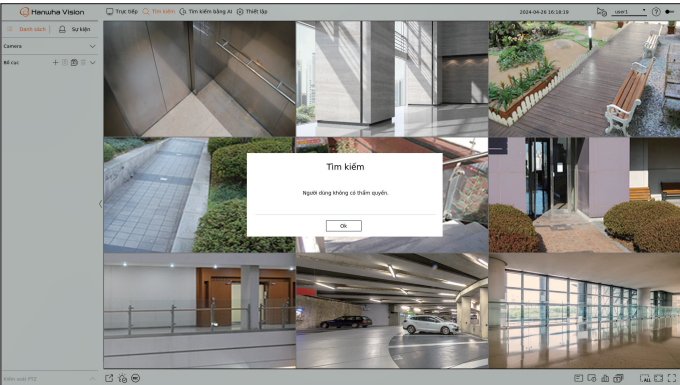
Đặt quyền truy cập hạn chế của người dùng hoặc giới hạn mạng.
Người dùng sẽ được yêu cầu đăng nhập để sử dụng các mục bị hạn chế.



- Hạn chế quyền truy cập: Bạn có thể đặt menu thành hạn chế quyền truy cập cho người dùng.
 - Được đánh dấu (☒): Hạn chế
 - Chỉ những người dùng được cấp Quyền đối với menu trong <Người dùng> mới có thể truy cập menu.
 - Không được đánh dấu (☐): Có thể truy cập
 - Tất cả người dùng đều có thể truy cập menu, bất kể cài đặt Quyền cho menu trong <Người dùng>.
- Hạn chế quyền truy cập từ xa: Bạn có thể hạn chế quyền truy cập từ xa cho người dùng.
 - Tất cả trình xem: Đặt để tất cả người dùng không thể truy cập mạng và trình xem web.
 - Trình xem web: Đặt để tất cả người dùng không thể truy cập trình xem web.
- Tự động đăng xuất: Người dùng sẽ tự động đăng xuất nếu không có hoạt động nào trên Thiết bị lưu trữ trong khoảng thời gian đã định.
- Nhập thủ công ID: Trong cửa sổ đăng nhập, chọn có nhập ID hay không.

Nếu người dùng có quyền truy cập hạn chế

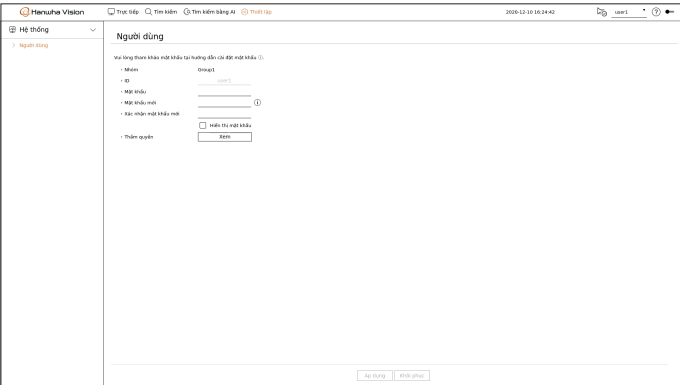
Nếu người dùng thông thường chọn menu mà họ không có quyền truy cập, cửa sổ xác nhận hạn chế quyền truy cập sẽ hiển thị. Nếu tất cả các quyền đều bị hạn chế thì chỉ menu có thể truy cập của menu màn hình trực tiếp sẽ hiển thị và người dùng chỉ có thể thay đổi mật khẩu của chính mình.



Cách thay đổi mật khẩu người dùng

Nếu bạn đăng nhập bằng tài khoản người dùng của một nhóm bị hạn chế quyền truy cập, bạn chỉ có thể thay đổi mật khẩu của chính mình.

Thiết lập > Hệ thống > Người dùng



- Cung cấp thông tin đăng nhập.
- Chọn <Người dùng> trong <Hệ thống>.
- Vui lòng nhập mật khẩu hiện tại của bạn.
- Cung cấp mật khẩu mới. Nhập lại mật khẩu bạn muốn thay đổi vào ô xác nhận mật khẩu.
- Chọn <Áp dụng>.
Mật khẩu cũ sẽ được thay đổi thành mật khẩu mới.

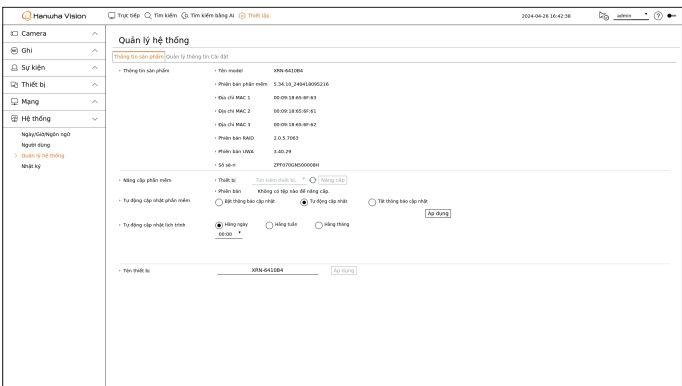
Quản lý hệ thống

Bạn có thể kiểm tra phiên bản hệ thống hiện tại và cập nhật lên phiên bản mới, xuất dữ liệu, cài đặt khởi tạo và hơn thế nữa.

Kiểm tra thông tin hệ thống

Bạn có thể kiểm tra phiên bản phần mềm hiện tại và địa chỉ MAC trước khi tiến hành nâng cấp.

Thiết lập > Hệ thống > Quản lý hệ thống > Thông tin sản phẩm



- Thông tin sản phẩm: Hiển thị thông tin hệ thống hiện tại.
 - Tên model: Hiển thị tên model sản phẩm.
 - Phiên bản phần mềm: Phiên bản phần mềm của sản phẩm hiện đang sử dụng sẽ hiển thị. Bạn có thể kiểm tra phiên bản phần mềm và nâng cấp lên phiên bản mới nhất.
 - Địa chỉ MAC: Hiển thị địa chỉ Mac của sản phẩm.
 - Phiên bản RAID: Hiển thị phiên bản RAID cho các sản phẩm hỗ trợ RAID.
 - Phiên bản AI: Hiển thị phiên bản AI của sản phẩm hỗ trợ AI.
 - Phiên bản UWA: Hiển thị phiên bản UWA của sản phẩm.
 - Số sê-ri: Hiển thị số sê-ri của sản phẩm.
- Nâng cấp phần mềm: Cập nhật phần mềm mới nhất cho Thiết bị lưu trữ.
 - Nếu đĩa cứng không khả dụng hoặc không được kết nối đúng cách, các bản nâng cấp phần mềm sẽ không xuất hiện.
 - Nhấn nút <↺> để tìm kiếm phần mềm trong USB hoặc trên mạng.
 - Khi cập nhật hoàn thành, đĩa cứng tự động khởi động lại. Hãy đảm bảo không tắt nguồn trong khi nâng cấp.
- Tự động cập nhật phần mềm: Khi mạng được kết nối với một thiết bị lưu trữ, bạn có thể nhận được thông báo về phần mềm mới. Sau khi chọn cài đặt mà bạn muốn, hãy nhấp vào <Áp dụng>.
 - Bật thông báo cập nhật: Bạn sẽ nhận được thông báo khi có phần mềm mới.
 - Tự động cập nhật: Kiểm tra xem có phần mềm mới vào ngày tháng, ngày hoặc giờ đã đặt hay không và tự động cập nhật nếu có.
 - Tắt thông báo cập nhật: Không kiểm tra sự hiện diện của phần mềm mới.
- Tự động cập nhật lịch trình: Kích hoạt khi bạn chọn <Tự động cập nhật> trong phần <Tự động cập nhật phần mềm>.
Chọn ngày tháng, ngày hoặc giờ để tự động cập nhật khi có phần mềm mới.

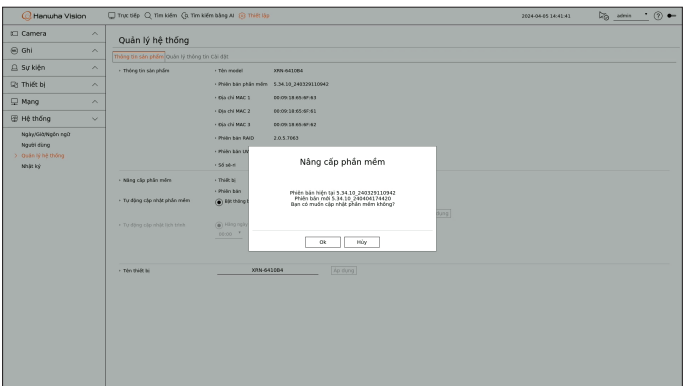
- Tên thiết bị: Bạn có thể nhập tên thiết bị cho sản phẩm của mình. Để phân biệt nhiều thiết bị lưu trữ trong VMS, Trình quản lý thiết bị, v.v., bạn nên nhập tên thiết bị khác nhau cho từng thiết bị.



- Thông tin hệ thống được hiển thị có thể khác nhau tùy thuộc vào model thiết bị lưu trữ.

Để nâng cấp phiên bản phần mềm hiện tại

Thiết lập > Hệ thống > Quản lý hệ thống > Thông tin sản phẩm



1. Kết nối thiết bị lưu trữ phần mềm cần cập nhật.
 - Có thể mất khoảng 10 giây để nhận dạng thiết bị.
 - Các thiết bị có thể nâng cấp bao gồm bộ nhớ USB và thiết bị mạng.
 - Nếu bạn muốn nâng cấp sản phẩm trên mạng, sản phẩm phải được kết nối với mạng bên ngoài. Chức năng nâng cấp qua máy chủ proxy có thể không được kích hoạt do quyền truy cập bị hạn chế.
2. Khi thiết bị được nhận dạng xuất hiện, hãy chọn <Nâng cấp>.
 - Nếu bạn kết nối thiết bị trong cửa sổ menu nâng cấp, bạn có thể nhấn nút <↺> để tìm kiếm phần mềm sẵn có.
 - Nếu có phiên bản nâng cấp trên mạng, cửa sổ mới sẽ xuất hiện.
 - <Nâng cấp> sẽ chỉ được kích hoạt khi có phiên bản cao hơn phiên bản phần mềm hiện tại.
3. Trong cửa sổ <Nâng cấp phần mềm>, chọn <Ok>.
 - Trong khi cập nhật, thiết bị sẽ hiển thị tiến trình.
4. Khi cập nhật xong, thiết bị sẽ tự động khởi động lại.
Không tắt nguồn cho đến khi thiết bị khởi động lại xong.



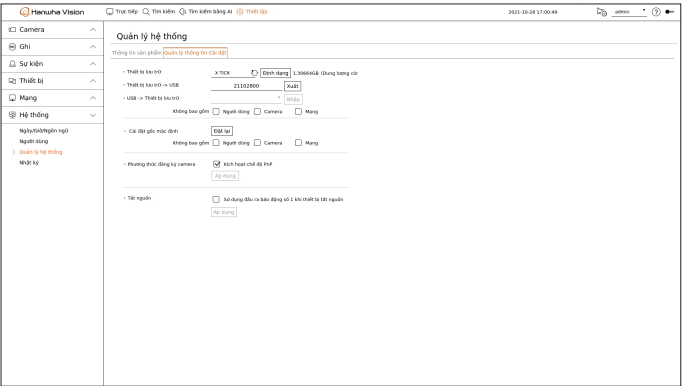
- Nếu thông báo “**Nâng cấp thất bại**” xuất hiện, hãy thử lại từ bước 2. Khi bạn tiếp tục gặp lỗi, hãy tham khảo ý kiến trung tâm dịch vụ để được hỗ trợ.

thiết lập


Cài đặt

Bạn có thể xuất thông tin đã đặt trong thiết bị lưu trữ này sang thiết bị lưu trữ và áp dụng thông tin tương tự cho các thiết bị lưu trữ khác.

Thiết lập > Hệ thống > Quản lý hệ thống > Quản lý thông tin Cài đặt



- Thiết bị lưu trữ: Hiển thị thiết bị lưu trữ kết nối.
 - Nhấn nút <↺> để xem danh sách thiết bị lưu trữ.
 - Nếu bạn nhấp vào <Định dạng>, cửa sổ xác nhận định dạng sẽ xuất hiện. Nhấp vào <Có> để định dạng thiết bị lưu trữ đã chọn.
- Thiết bị lưu trữ ➡ USB: Lưu thông tin được đặt trong thiết bị lưu trữ này vào thiết bị lưu trữ.
 - Nếu bạn chọn <Xuất>, cửa sổ xác nhận sẽ xuất hiện. Nếu bạn chọn <Ok>, thông tin thiết bị lưu trữ sẽ được lưu dưới dạng tệp.
- USB ➡ Thiết bị lưu trữ: Áp dụng thông tin cài đặt được lưu trữ trong thiết bị lưu trữ cho thiết bị lưu trữ này.
 - Nếu chọn hạng mục ngoại lệ, bạn có thể nhập tất cả thông tin trừ thông tin đã chọn.
 - Nếu chọn <Nhập>, bạn có thể gọi lại thông tin cài đặt được lưu trữ trong thiết bị lưu trữ. Chọn <Ok> để áp dụng thông tin đã tải vào thiết bị lưu trữ.
 - Cài đặt <Xuất> và <Nhập> chỉ có thể được sử dụng trong cùng một phiên bản phần mềm.
- Cài đặt gốc mặc định: Đặt lại sản phẩm về cài đặt gốc mặc định của nhà sản xuất. Tuy nhiên, nhật ký sẽ không được đặt lại. Mọi mục được chọn trong Hạng mục ngoại lệ sẽ không nằm trong quá trình khôi phục cài đặt gốc. Cửa sổ xác nhận mới sẽ xuất hiện khi bạn nhấn nút <Đặt lại>. Chọn nút <Ok> để đặt lại các mục đã chọn.
- Phương thức đăng ký camera: Đặt phương thức đăng ký camera. Chức năng này chỉ sẵn có với các sản phẩm hỗ trợ PoE. Đối với các sản phẩm hỗ trợ PoE, hãy tham khảo trang "Các chức năng được model hỗ trợ".
 - Kích hoạt chế độ PnP: Camera kết nối với cổng PoE của sản phẩm sẽ tự động được đăng ký cho từng kênh theo thứ tự số cổng.
 - Khi camera được đặt lại về cài đặt gốc, ID và mật khẩu mặc định của thiết bị là ID và mật khẩu được đặt trong menu "**Thiết lập > Camera > Mật khẩu camera**". Nếu ID và mật khẩu camera không được đặt thì ID và mật khẩu thiết bị lưu trữ sẽ được đặt tự động.
 - Nếu ID và mật khẩu của camera đã được đặt, thông tin khớp với ID và mật khẩu được đặt trong menu "**Thiết lập > Camera > Mật khẩu camera**" sẽ được đăng ký (tối đa 3 bộ).
 - Bạn có thể thay đổi mật khẩu của tất cả camera được đăng ký cùng lúc trong menu "**Thiết lập > Camera > Mật khẩu camera**".
 - Nếu sử dụng chế độ thủ công, bạn có thể đăng ký các camera được kết nối với cổng PoE của thiết bị lưu trữ và các camera được kết nối với một nguồn riêng trong menu <Thiết lập kênh>. Để biết thêm chi tiết về việc đăng ký camera, xem trang "**Thiết lập > Cài đặt camera > Cài đặt kênh**" trong Mục lục.

- Tắt nguồn: Nếu nguồn điện bị tắt, báo động đầu tiên sẽ được tạo. Chọn hộp kiểm <Sử dụng đầu ra báo động số 1 khi thiết bị tắt nguồn> và nhấp vào <Áp dụng> để xóa tất cả các báo động đã đặt cho báo động đầu ra 1, sau đó bạn không thể chọn báo động 1 với đầu ra báo động khác.
 - Chức năng này chỉ được cung cấp cho sản phẩm hỗ trợ đầu ra báo động.
 - Nếu chức năng đó được đặt, hộp kiểm đầu ra báo động đầu tiên và tất cả các báo động trong màn hình cài đặt báo động sẽ bị hủy kích hoạt, thành Tắt.
- 
 - Nếu bạn xuất thông tin thiết lập, dữ liệu sẽ được lưu dưới dạng tệp trong thư mục thiết bị lưu trữ trên thiết bị lưu trữ của bạn.
 - Nếu bạn muốn nhập thông tin thiết lập, trước tiên bạn phải đảm bảo rằng tệp thông tin thiết lập nằm trong thư mục thiết bị lưu trữ của thiết bị lưu trữ.

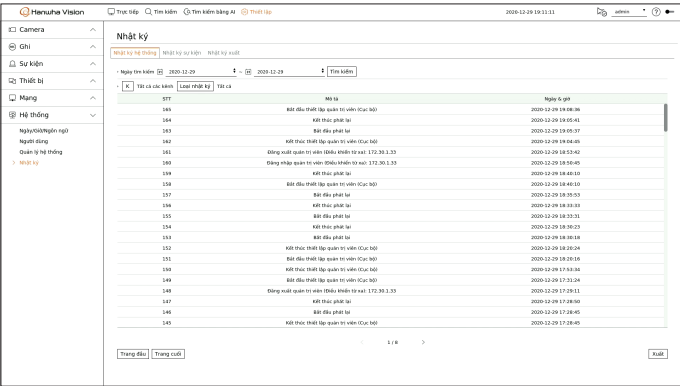
Nhật ký

Bạn có thể kiểm tra thông tin nhật ký liên quan đến hệ thống, sự kiện và hoạt động xuất.

Kiểm tra nhật ký hệ thống

Nhật ký hệ thống hiển thị nhật ký và dấu thời gian cho mọi lần khởi động hệ thống, tắt hệ thống và các thay đổi về cài đặt hệ thống.

Thiết lập > Hệ thống > Nhật ký > Nhật ký hệ thống

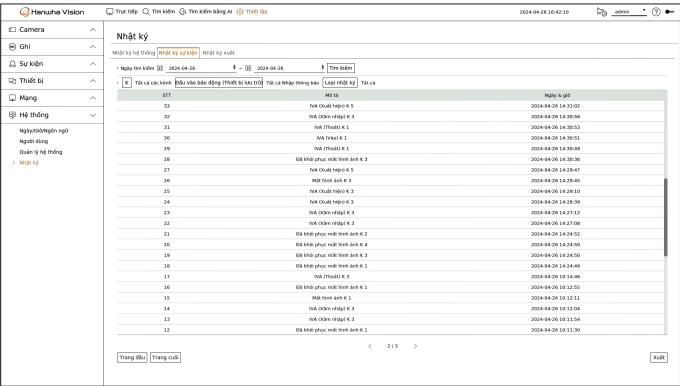


- Ngày tìm kiếm: Nhấp vào biểu tượng Lịch để hiển thị của sổ lịch hoặc sử dụng các nút hướng để chỉ định khoảng thời gian tìm kiếm nhật ký hệ thống.
- Tìm kiếm: Chỉ định ngày và nhấn nút này để hiển thị kết quả tìm kiếm trong danh sách nhật ký.
- K: Chọn kênh để tìm kiếm.
- Loại nhật ký: Khi có quá nhiều nhật ký, bạn có thể hiển thị nhật ký ở định dạng mong muốn bằng cách chọn loại. Chọn loại mong muốn và nhấp vào <Áp dụng>.
- Trang đầu/Trang cuối: Di chuyển đến trang đầu/trang cuối khi có nhiều kết quả tìm kiếm.
- Xuất: Lưu tất cả thông tin ghi nhật ký được ghi trong Thiết bị lưu trữ vào phương tiện lưu trữ.

Kiểm tra nhật ký sự kiện

Bạn có thể tìm kiếm các sự kiện đã ghi bao gồm báo động, sự kiện camera và mất hình ảnh. Mục này cũng hiển thị nhật ký và dấu thời gian tương ứng.

Thiết lập > Hệ thống > Nhật ký > Nhật ký sự kiện

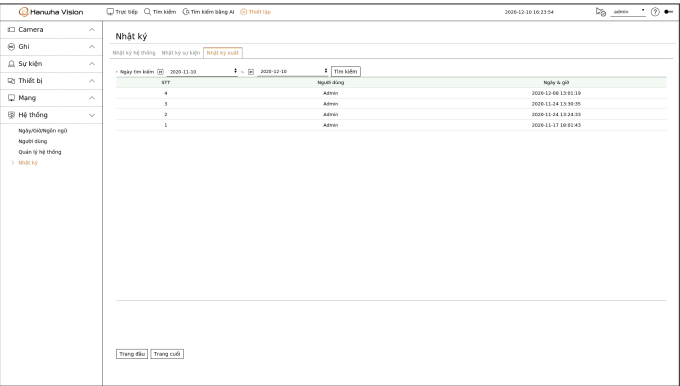


- Ngày tìm kiếm: Chọn ngày để tìm kiếm nhật ký sự kiện bằng cách sử dụng cửa sổ lịch xuất hiện khi chọn biểu tượng lịch hoặc bằng cách sử dụng các nút mũi tên.
- Tìm kiếm: Chỉ định ngày và nhấn nút này để hiển thị kết quả tìm kiếm trong danh sách nhật ký.
- K: Chọn kênh để tìm kiếm.
- Đầu vào báo động (Thiết bị lưu trữ): Chọn báo động của thiết bị lưu trữ cần tìm kiếm.
- Loại nhật ký: Khi có quá nhiều nhật ký, bạn có thể hiển thị nhật ký ở định dạng mong muốn bằng cách chọn loại. Chọn loại mong muốn và nhấp vào <Áp dụng>.
- Trang đầu/Trang cuối: Di chuyển đến trang đầu/trang cuối khi có nhiều kết quả tìm kiếm.
- Xuất: Lưu tất cả thông tin ghi nhật ký được ghi trong Thiết bị lưu trữ vào phương tiện lưu trữ.

Kiểm tra nhật ký xuất

Bạn có thể tìm kiếm người dùng đã thực hiện việc xuất, thời gian thực thi và chi tiết (thời gian, kênh, thiết bị và loại tệp).

Thiết lập > Hệ thống > Nhật ký > Nhật ký xuất

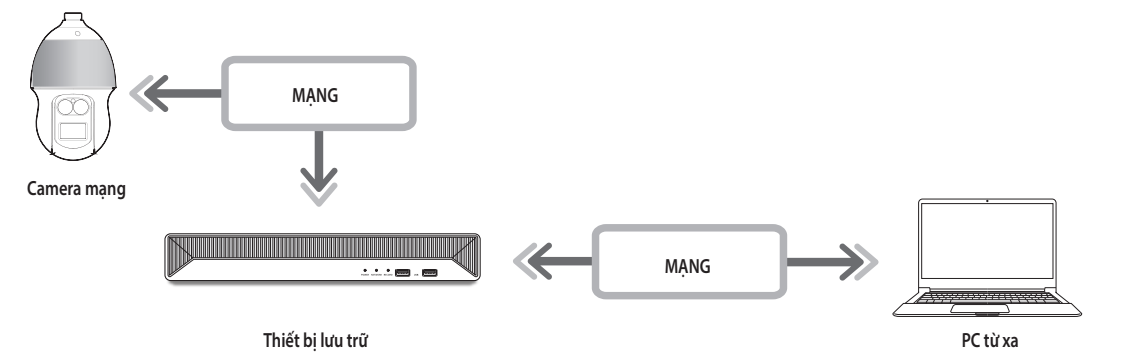


- Ngày tìm kiếm: Chọn ngày để tìm kiếm nhật ký xuất bằng cách sử dụng cửa sổ lịch xuất hiện khi chọn biểu tượng lịch hoặc bằng cách sử dụng các nút mũi tên.
- Tìm kiếm: Chỉ định ngày và nhấn nút này để hiển thị kết quả tìm kiếm trong danh sách nhật ký.
- Trang đầu/Trang cuối: Di chuyển đến trang đầu/trang cuối khi có nhiều kết quả tìm kiếm.

trình xem web khởi đầu

TRÌNH XEM WEB LÀ GÌ?

Trình xem web là chương trình phần mềm cho phép người vận hành truy cập Thiết bị lưu trữ từ xa để giám sát trong thời gian thực, kiểm soát PTZ (nếu được định cấu hình) hoặc tìm kiếm.



Tính năng sản phẩm

- Kết nối từ xa bằng trình duyệt
- Hỗ trợ kiểm soát camera PTZ
- Hỗ trợ chế độ chia
 - Màn hình dọc chia 2, màn hình ngang chia 2, màn hình chia 3, màn hình chia 4, màn hình chia 6, màn hình chia 1+5, màn hình chia 1+7, màn hình chia 9

 Tùy theo số lượng kênh được sản phẩm hỗ trợ, số lượng chế độ chia màn hình có thể khác nhau.

- Chụp ảnh màn hình và lưu hình ảnh ở định dạng PNG
- Quay video ở định dạng AVI, tương thích với các thiết bị phát phương tiện phổ biến. (Cần có codec tích hợp)

Yêu cầu hệ thống


- Dưới đây là các yêu cầu được đề xuất tối thiểu về phần cứng và hệ điều hành cần để chạy Trình xem web.
- Sử dụng trình duyệt được hệ điều hành khuyến cáo.
Ví dụ Trình duyệt được Microsoft khuyến cáo: Microsoft Edge
 - Trình duyệt được hỗ trợ: Chrome, Edge và Safari
 - HĐH được hỗ trợ: Hoạt động trên tất cả các môi trường Windows, Linux và OS X do tính chất độc lập với nền tảng của web.
 - Môi trường thử nghiệm: Được thử nghiệm và chứng nhận để chạy trên Windows® 10 với Edge 91, Google Chrome™ 91 và bộ xử lý Intel® Core™ i7-7700 3,60 Ghz với NVIDIA® GeForce® GTX™ 1050 hoặc Intel™ HD Graphics 630.
 - Các hạn chế về hiệu suất: Hiệu suất CPU/GPU của người dùng có thể ảnh hưởng đến hiệu suất phát lại video của trình xem web. Chất lượng video có thể giảm khi phát video H.265 trong Chrome tùy thuộc vào cài đặt, chẳng hạn như độ phân giải cao hoặc băng thông truyền.

KẾT NỐI TRÌNH XEM WEB

1. Mở trình duyệt web và nhập địa chỉ IP hoặc URL của Thiết bị lưu trữ vào ô địa chỉ URL.
2. Người dùng có quyền quản trị viên cần cung cấp ID và mật khẩu quản trị viên.
Người dùng đã đăng ký cần cung cấp ID và mật khẩu người dùng.

The screenshot shows a web browser window with the address bar displaying 'http://172.30.1.196'. Below the address bar, a message states: 'Kết nối của bạn tới trang web này không ở chế độ riêng tư' (Your connection to this website is not in private mode). The main content area contains a login form with the title 'Đăng nhập' (Login). It has two input fields: 'Tên người dùng' (Username) and 'Mật khẩu' (Password). At the bottom of the form, there are two buttons: 'Đăng nhập' (Login) and 'Hủy' (Cancel).

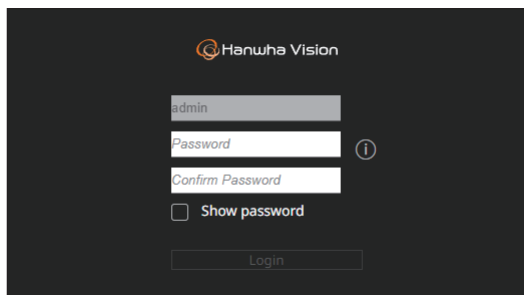
3. Sau khi bạn đăng nhập, màn hình chính Trình xem trực tiếp sẽ xuất hiện.

- ! Tất cả cài đặt đều được áp dụng theo cài đặt Thiết bị lưu trữ.
- ! Nếu bạn thay đổi cổng web khi kết nối với Trình xem web, bạn có thể không truy cập được vì cổng áp dụng bị chặn. Trong trường hợp này, hãy đổi cổng này thành một cổng khác.
- ! Vui lòng thay đổi mật khẩu ba tháng một lần để bảo vệ thông tin cá nhân an toàn và ngăn chặn thiệt hại do trộm cắp thông tin. Lưu ý rằng người dùng chịu trách nhiệm về việc bảo mật và mọi vấn đề khác xảy ra do quản lý mật khẩu không đúng cách.
-  Trình xem này cho phép tối đa 10 người truy cập đồng thời, bao gồm quản trị viên và người dùng thông thường.
- ! Có thể thay đổi mật khẩu của quản trị viên và người dùng thông thường trong menu <Người dùng> của Thiết bị lưu trữ.
- ! Người dùng bình thường cần đặt <Trình xem web> trong <Hạn chế quyền truy cập từ xa> thành Sử dụng trước khi kết nối với Trình xem web. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "Thiết lập > Cài đặt hệ thống > Người dùng" trong Mục lục.
- ! Tất cả cài đặt đều được áp dụng theo cài đặt Thiết bị lưu trữ.

ĐẶT MẬT KHẨU THIẾT BỊ LƯU TRỮ

Sau khi khôi phục cài đặt gốc, phải đặt mật khẩu cho thiết bị lưu trữ để truy cập trình xem web.

Nhập mật khẩu của tài khoản quản trị viên và nhấp vào <Login>.



- Nhấp vào < ⓘ > để xem hướng dẫn cơ bản về cách đặt mật khẩu. Tham khảo quy tắc cài đặt mật khẩu.

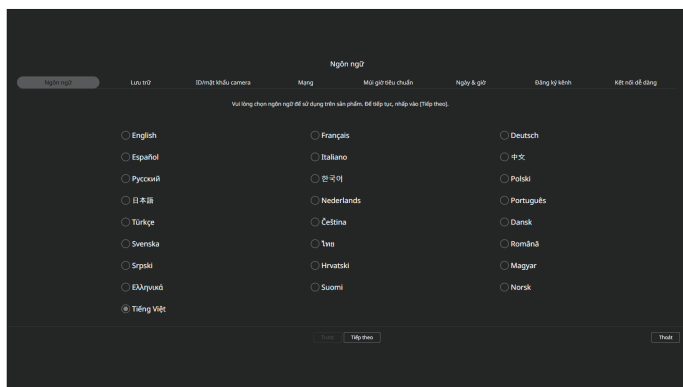
TRÌNH HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT

Như minh họa bên dưới, hãy tiến hành từng bước của <Trình hướng dẫn cài đặt>.

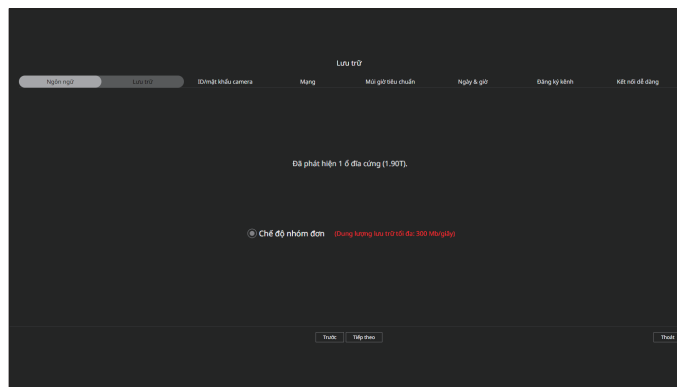
Chỉ có thể truy cập Trình hướng dẫn Cài đặt khi khôi phục cài đặt gốc. Nếu bạn không muốn tiếp tục, nhấp vào <Thoát>.

- Khi bạn hoàn thành việc cài đặt trên thiết bị lưu trữ bằng trình hướng dẫn cài đặt, trình hướng dẫn cài đặt sẽ không xuất hiện trên trình xem web.

1. Trên màn hình <Ngôn ngữ>, chọn ngôn ngữ rồi nhấn vào nút <Tiếp theo>.



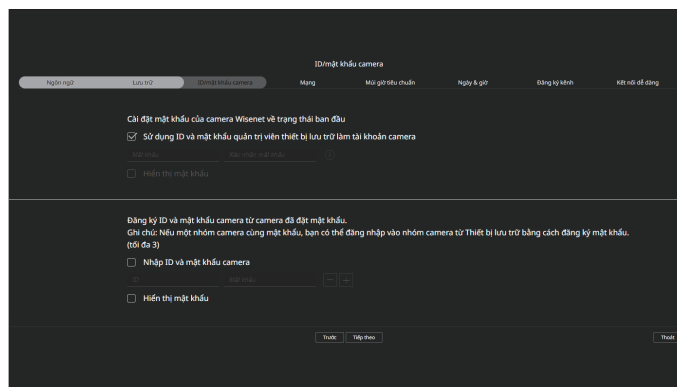
2. Đặt phương thức ghi video trên màn hình <Lưu trữ>, sau đó nhấp vào <Tiếp theo>.



- Chế độ phân tán: Chức năng này chỉ khả dụng cho các sản phẩm hỗ trợ ghi phân tán. Có thể chọn <Chế độ phân tán> khi có hai ổ đĩa cứng trở lên. Chế độ này phân tán và lưu dữ liệu sau khi ổ đĩa cứng được định dạng.
- Chế độ RAID: Chức năng này chỉ khả dụng cho các sản phẩm hỗ trợ RAID. <Chế độ RAID> lưu dữ liệu bằng cách cấu hình ổ đĩa cứng ở định dạng RAID.
- Chế độ nhóm đơn: Lưu dữ liệu trên một ổ đĩa cứng. Nếu ổ đĩa cứng được nhận dạng là không sử dụng được trong thiết bị lưu trữ, có thể lưu dữ liệu sau khi định dạng ổ đĩa cứng.

3. Đặt mật khẩu camera khi khôi phục cài đặt gốc trên màn hình <ID/mật khẩu camera>.

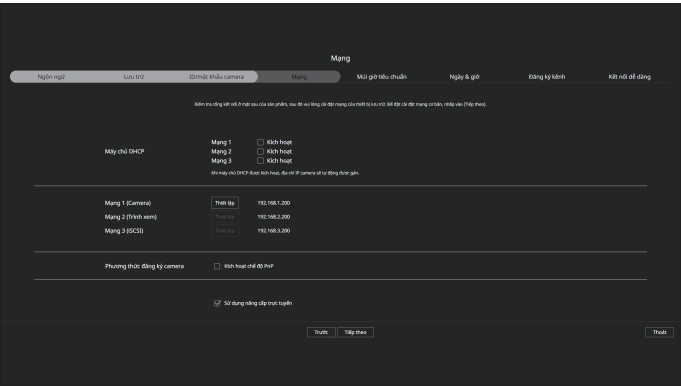
Nếu ID/mật khẩu đã được đặt trong camera, hãy đăng ký ID/mật khẩu rồi nhấp vào <Tiếp theo>.



- Khi mật khẩu ở dạng khôi phục cài đặt gốc, bạn có thể thay đổi và quản lý mật khẩu hàng loạt.
- Có thể đăng ký tối đa 3 bộ ID camera có mật khẩu và mật khẩu.
- Bạn có thể thay đổi mật khẩu của tất cả camera được đăng ký cùng lúc trong menu "Thiết lập > Camera > Mật khẩu camera".
- Bạn không thể thay đổi mật khẩu cho các camera được đăng ký bằng ONVIF và RTSP.

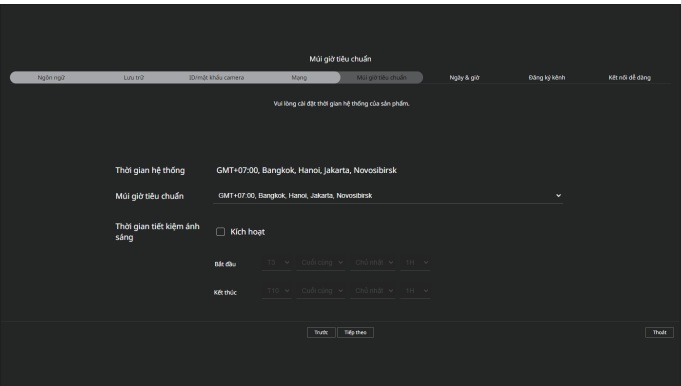
trình xem web khởi đầu

4. Đặt loại kết nối mạng và môi trường kết nối trên màn hình <Mạng>, sau đó nhấp vào nút <Tiếp theo>.

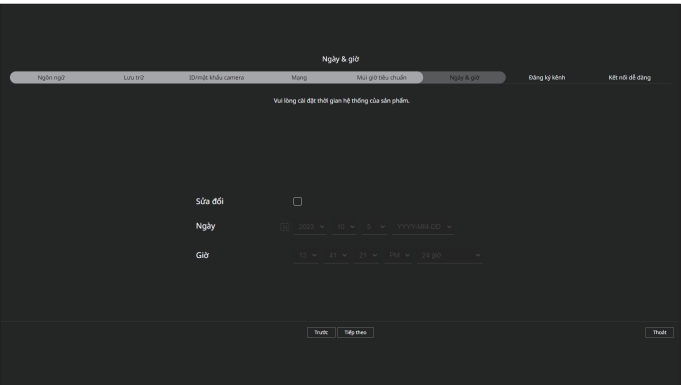


Để biết chi tiết về cài đặt mạng, hãy tham khảo trang "**Bắt đầu > Trình hướng dẫn cài đặt**" trong Mục lục.

5. Đặt múi giờ tiêu chuẩn trên màn hình <Múi giờ tiêu chuẩn>, sau đó nhấp vào <Tiếp theo>. Để đặt <Thời gian tiết kiệm ánh sáng>, chọn hộp kiểm <Kích hoạt>.

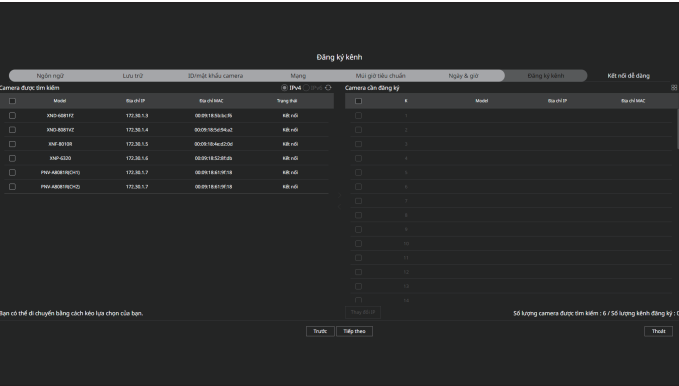


6. Để sửa đổi ngày và giờ trên màn hình <Ngày & giờ>, chọn hộp kiểm <Sửa đổi>. Cài đặt ngày và giờ, sau đó nhấp vào <Tiếp theo>.



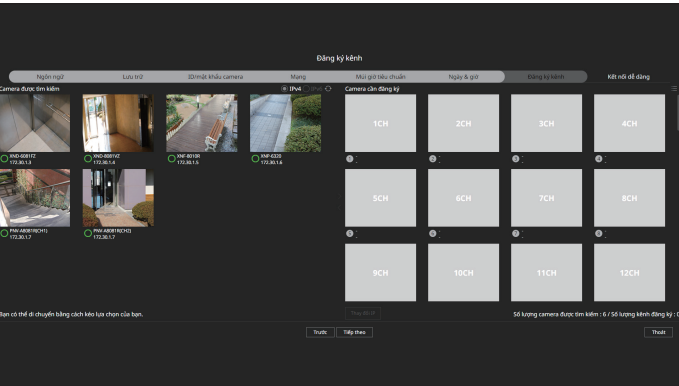
7. Trên màn hình <Đăng ký kênh>, chọn camera cần đăng ký từ danh sách camera được tìm kiếm rồi nhấp vào <Đăng ký>.

Chọn camera cần đăng ký từ danh sách, sau đó nhấp vào <Thay đổi IP>. Sau khi đăng ký camera, nhấp vào <Tiếp theo>.

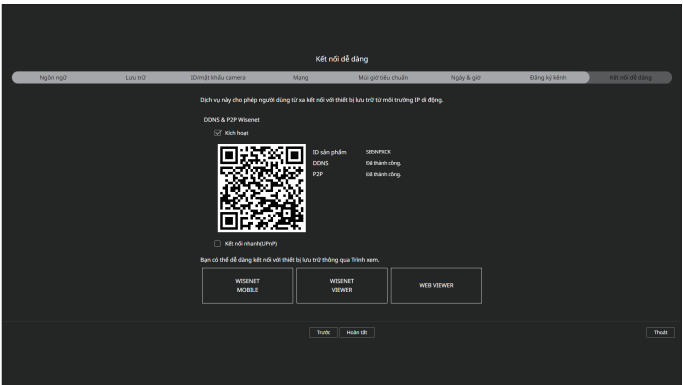


Sau khi nhập ID và mật khẩu đã đặt trong camera, phải hoàn tất việc kiểm tra kết nối để đăng ký thành công.

8. Nhấp vào <📺> để xem các video camera đã đăng ký cho mỗi kênh trong màn hình phân chia có hình thu nhỏ. Để thay đổi vị trí video camera, hãy chọn một video rồi kéo và thả video đó vào vị trí bạn muốn. Sau khi thiết lập kênh, nhấp vào <Tiếp theo>.



9. Trên màn hình <**Kết nối dễ dàng**> người dùng từ xa có thể nối mạng một thiết bị lưu trữ trong hệ thống IP động. Nhấp vào <**Kích hoạt**> để kiểm tra kết nối xem liệu có thể kết nối thiết bị lưu trữ hiện tại từ xa hay không. Khi kết nối thành công, mã QR sẽ được tạo. Để kết nối một thiết bị lưu trữ qua trình xem, hãy chọn trình xem bạn muốn sử dụng. Bạn có thể kiểm tra phương thức kết nối của trình xem đã chọn trong cửa sổ bật lên.



- Nó kết nối với Wisenet DDNS trước tiên. Nếu không kết nối với DDNS, nó sẽ tự động kết nối với P2P.

10. Nhấp vào nút <**Hoàn tất**> để hoàn thành Trình hướng dẫn cài đặt.

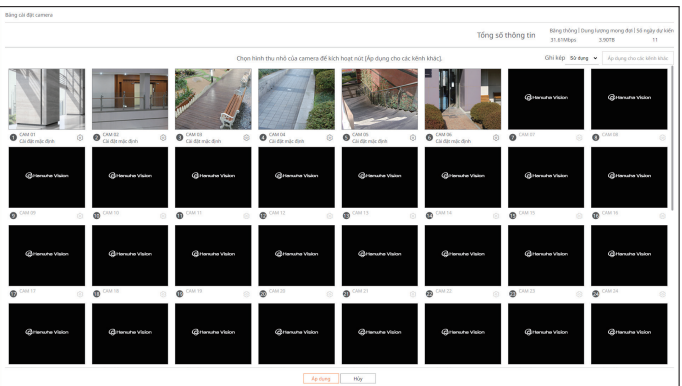
BẢNG CÀI ĐẶT CAMERA

Khi trình hướng dẫn cài đặt đóng, màn hình bảng cài đặt camera tự động xuất hiện.

Dựa trên thông tin hồ sơ ghi của camera đã đăng ký, bạn có thể kiểm tra tổng bảng thông, dung lượng mong đợi và số ngày dự kiến.

Bạn có thể thay đổi cài đặt camera và lịch ghi, đồng thời áp dụng cài đặt tương tự cho các kênh khác.

Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "**Bắt đầu > Bảng cài đặt camera**" của mục lục.

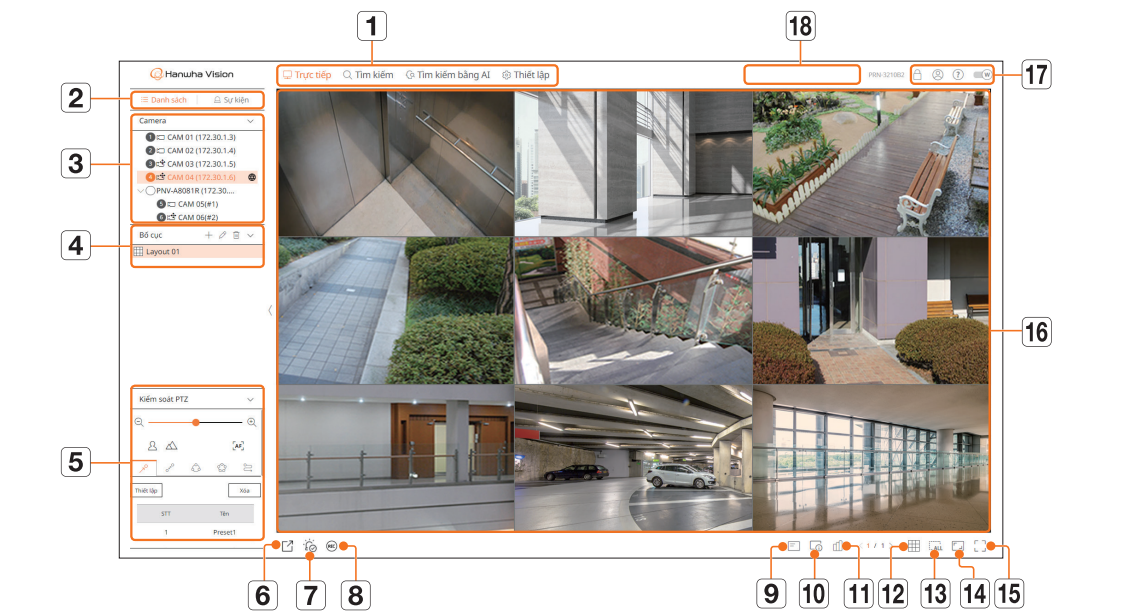


- Màn hình bảng cài đặt camera cũng được hiển thị khi đăng ký camera lần đầu tiên trong menu "**Thiết lập > Camera > Thiết lập kênh**".

trình xem trực tiếp

Bạn có thể xem video từ camera được đăng ký trong Thiết bị lưu trữ kết nối từ PC từ xa. Ngoài ra, bạn có thể điều chỉnh camera và kiểm tra trạng thái truyền mạng.

BỐ CỤC MÀN HÌNH TRÌNH XEM TRỰC TIẾP







Menu		Mô tả
1	Menu	Nhấp vào từng menu để truy cập vào màn hình menu tương ứng.
2	Danh sách/Sự kiện	<ul style="list-style-type: none">Danh sách: Chọn để kiểm tra danh sách camera.Sự kiện: Chọn để kiểm tra danh mục sự kiện
3	Danh sách camera	<p>Hiển thị danh sách các camera được đăng ký trong thiết bị lưu trữ.</p> <ul style="list-style-type: none">Biểu tượng <globe> được hiển thị khi bạn di chuột qua danh sách camera. Nhấp vào biểu tượng để truy cập trang web camera. <p>Để truy cập trang web camera, bạn phải có quyền đặt camera, hồ sơ và sự kiện và đặt <Video> thành <Sử dụng> trong menu "Thiết lập > Camera > Thiết lập kênh".</p>
	Danh mục sự kiện	Hiển thị danh sách các sự kiện đã xảy ra trên thiết bị này.
4	Danh sách bố cục	Hiển thị bố cục mặc định và danh sách các bố cục đã tạo.

Menu		Mô tả
5	Kiểm soát PTZ	Kiểm soát camera PTZ kết nối.
6		Lưu video đã lưu trong thời gian quy định của kênh được chọn trong PC ở định dạng AVI.
7		Xóa báo động trong danh sách sự kiện và dừng âm thanh báo động/bíp cho trạng thái hệ thống khi nó phát ra.
8	REC	Kích hoạt chức năng Ghi thủ công của thiết bị lưu trữ.
9		Hiển thị thông tin về màn hình OSD trong cửa sổ video.
10		Hiển thị Thông tin kênh đã chọn.
11		Hiển thị trạng thái của tất cả camera kết nối với thiết bị lưu trữ.
12		Đặt màn hình chia của cửa sổ video.
13		Xóa tất cả màn hình khỏi cửa sổ video.
14		Hiển thị video theo tỷ lệ thực tế.
15		<p>Video sẽ chuyển từ Chế độ chia hiện tại sang toàn màn hình.</p> <p>Để thoát khỏi chế độ toàn màn hình, nhấn vào phím ESC trên bàn phím.</p> <p>■ Trình duyệt Safari của MAC không hỗ trợ chế độ toàn màn hình.</p>
16	Cửa sổ video	Hiển thị video của camera kết nối với thiết bị lưu trữ.
17		Hiển thị địa chỉ IP và trạng thái xác thực hai chiều của trình xem nhận video từ thiết bị lưu trữ. <ul style="list-style-type: none">: Kết nối Xác thực hai chiều sử dụng các chứng chỉ thiết bị WISENET: Kết nối Xác thực hai chiều không sử dụng chứng chỉ thiết bị WISENET—: Kết nối mà không có xác thực hai chiềuKhông có kết nối trình xem: Hiển thị khi không có trình xem được kết nối với thiết bị lưu trữ.
		Hiển thị ID của người dùng kết nối.
		Bạn đang kết nối trực tiếp với trang chủ Hanwha Vision (www.HanwhaVision.com).
		Thay đổi chủ đề màu của Trình xem web.
18	Khu vực hiển thị trạng thái hệ thống	Hiển thị trạng thái hệ thống, đĩa cứng và mạng.

Kiểm tra trạng thái hệ thống

Biểu tượng ở đầu màn hình cho biết trạng thái của hệ thống.

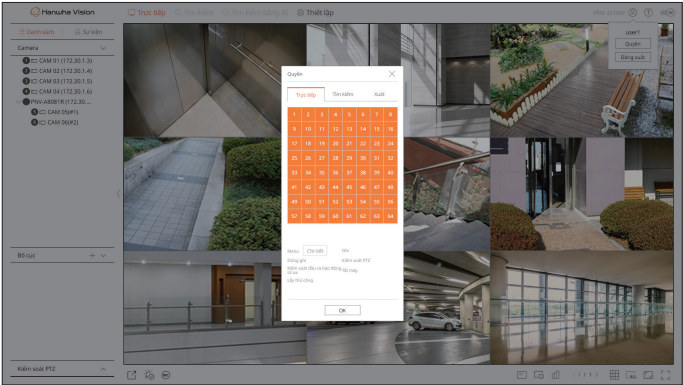
Tên	Mô tả
	Hiển thị khi xảy ra vấn đề với trạng thái lia hoặc trạng thái ghi. Hiển thị khi xảy ra lỗi ở nguồn điện. Hiển thị khi lượng dữ liệu đầu vào theo kênh vượt quá giới hạn số lượng dữ liệu đã đặt.
	Hiển thị khi đĩa cứng đầy trong quá trình ghi và công suất ghi không đủ. Hiển thị khi đĩa cứng không tồn tại hoặc cần được thay thế. Hiển thị khi có bất thường trong RAID hoặc không sử dụng được. Hiển thị khi RAID đang được xây dựng lại. <ul style="list-style-type: none">Chỉ được cung cấp cho các sản phẩm hỗ trợ RAID. (Tham khảo trang "Các chức năng được model hỗ trợ".) Hiển thị khi xảy ra lỗi trong kết nối thiết bị iSCSI. <ul style="list-style-type: none">Chỉ được cung cấp cho các sản phẩm hỗ trợ iSCSI. (Tham khảo trang "Các chức năng được model hỗ trợ".)
	Được hiển thị khi dung lượng của pin cài sẵn trong thiết bị lưu trữ không đủ. Sau khi thay pin, hãy đặt lại thời gian hệ thống. Hiển thị khi xảy ra quá tải mạng. <ul style="list-style-type: none">Sự cố này xảy ra trong trường hợp quá tải CPU vì vượt quá hiệu suất tiếp nhận. Sự cố biến mất khi bạn sửa đổi mục Xóa camera hoặc Đặt camera để giảm tốc độ dữ liệu.Giới hạn số lượng người dùng giám sát từ xa qua Trình xem web hoặc VMS hoặc kiểm soát số lượng kênh được phát bởi điều khiển từ xa hoặc thiết bị lưu trữ.
	Hiển thị khi cần cập nhật phần mềm điều khiển cho máy chủ.

Kiểm tra ID người dùng

Hiển thị ID người dùng và quyền của người dùng kết nối với Trình xem web.

Nhấp vào <Đăng xuất> để đăng xuất người dùng đã đăng nhập.

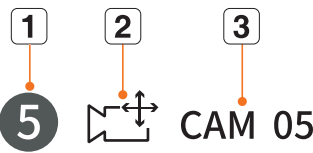
- Nếu bạn đã đăng nhập bằng tài khoản quản trị viên, cửa sổ cài đặt quản lý quyền sẽ không xuất hiện.






Kiểm tra danh sách camera

Hiển thị loại, trạng thái và tên camera đã đăng ký trong thiết bị lưu trữ.

Trực tiếp > Danh sách



Tên		Mô tả
1	Thông tin kênh	Hiển thị thông tin kênh (số kênh, chỉ định của số video và chỉ báo màu).
2	Loại camera	 Hiển thị camera thường.
		 Hiển thị một camera hỗ trợ tính năng PTZ.
	Trạng thái camera	 Hiển thị trạng thái lỗi camera.
3	Tên camera	Hiển thị tên đã đặt cho camera.


- Nếu xảy ra lỗi kết nối camera, camera này sẽ bị vô hiệu hóa trong danh sách này.
- Thông tin hiển thị trạng thái camera thay đổi theo trạng thái và cài đặt kết nối mạng.
- Đối với các camera đa kênh được đăng ký với giao thức Wisenet, thông tin kênh sẽ được hiển thị dưới tên model của camera đa kênh.
- Đối với camera đa kênh, bạn chỉ có thể đăng ký một kênh chính để ghi.
Bạn không cần phải đăng ký các kênh phụ không yêu cầu ghi trên thiết bị lưu trữ vì chúng có thể được giám sát theo thời gian thực. Tuy nhiên, tính năng tiếp nhận sự kiện, ghi và cài đặt camera không khả dụng.

trình xem trực tiếp

KIỂM TRA TRẠNG THÁI CỦA TẤT CẢ CAMERA

Bạn có thể kiểm tra trạng thái của tất cả camera kết nối với thiết bị lưu trữ.

Trạng thái trực tiếp

Nhấp vào nút <  >. Bạn có thể kiểm tra trạng thái và thông tin truyền của camera kết nối với từng kênh.

- Để thay đổi thiết lập hồ sơ, nhấp vào nút <**Thiết lập hồ sơ**>. Để biết chi tiết về cách thiết lập hồ sơ, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt camera > Cài đặt hồ sơ**" trong Mục lục.

Trạng thái

Trực tiếp

Ghi

Mạng


Thời gian cập nhật cuối cùng 04:06:51 PM

K	Model	Trạng thái	Địa chỉ IP	Codec	Độ phân giải	Tốc độ khung hình
1	XND-6081FZ	Kết nối	172.30.1.3	H.264	640x360	15 fps
2	XND-8081VZ	Kết nối	172.30.1.4	H.264	640x360	15 fps
3	XNF-8010R	Kết nối	172.30.1.5	H.264	640x640	15 fps
4	XNP-6320	Kết nối	172.30.1.6	H.264	1920x1080	30 fps
5	PNV-A8081R	Kết nối	172.30.1.7	H.264	640x480	15 fps
6	PNV-A8081R	Kết nối	172.30.1.7	H.264	640x480	15 fps
7						
8						
9						
10						


Thiết lập hồ sơ

Ok

Trạng thái ghi

Nhấp vào nút <  >, rồi vào tab <**Ghi**>.

Bạn có thể kiểm tra hồ sơ, loại hình lưu trữ, tốc độ khung hình (Đầu vào/Ghi) và tốc độ bit (Giới hạn/Đầu vào/Ghi) cho mỗi kênh.

- Sử dụng <Hiện tại  Tối đa> để kiểm tra trạng thái ghi hiện tại và giá trị cài đặt ghi tối đa.
- Để thay đổi thiết lập hồ sơ, hãy nhấp vào nút <**Thiết lập ghi**>.

Trạng thái

Trực tiếp

Ghi

Mạng

Thời gian cập nhật cuối cùng 11:34:36 AM


Tổng tốc độ bit (Ghi/Tối đa): 14.1/150 Mbps


Xem tất cả


Hiện tại

Tối đa

K	Hồ sơ	Ghi		Tốc độ khung hình (fps)			Tốc độ bit (bps)		
		Hình thái	Khung hình	Nhận	Ghi	Giới hạn	Nhận	Ghi	Nhận/giới hạn
1	H.264		Toàn bộ	0.0 fps	0.0 fps	2.3 M	0.0 M	0.0 M	0.0 %
2	H.264	Liên tục	Toàn bộ	30.0 fps	30.0 fps	2.3 M	0.6 M	0.6 M	26.0 %
3	FisheyeView	Liên tục	Toàn bộ	25.0 fps	25.0 fps	2.3 M	6.8 M	6.8 M	295.0 %
4	H.264	Liên tục	Toàn bộ	30.0 fps	30.0 fps	2.3 M	6.7 M	6.7 M	291.0 %
5	H.264		Toàn bộ	0.0 fps	0.0 fps	2.3 M	0.0 M	0.0 M	0.0 %
6	Live4NVR		Toàn bộ	0.0 fps	0.0 fps	2.3 M	0.0 M	0.0 M	0.0 %

 Vượt quá cỡ dữ liệu nhận

 Lỗi hồ sơ

 Vượt quá dung lượng HDD

Thiết lập ghi


Dung lượng HDD (trống/tổng) 930 / 1946 GB

Ghi (trống/tổng) 5 Ngày 19 Giờ / 12 Ngày 4 Giờ

Ghi đề : Chưa ghi đề vì bạn còn đủ dung lượng HDD.

Ok

Trạng thái mạng

Nhấp vào nút <  >, rồi vào tab <**Mạng**>.

Bạn có kiểm tra trạng thái của bảng thông mạng hiện đang được nhận/truyền.

Trạng thái

Trực tiếp

Ghi

Mạng


Thời gian cập nhật cuối cùng 05:35:23 PM

Mạng	Nhận (bps)	Gửi (bps)
Mạng 1	0.0 M	0.0 M
Mạng 2	14.0 M	0.6 M
Mạng 3	0.0 M	0.0 M

Ok

-  ■ Mỗi sản phẩm hỗ trợ một số cổng mạng khác nhau.

Trạng thái PoE

Nhấp vào nút <  >, sau đó nhấp vào <**PoE**>.

Bạn có thể kiểm tra trạng thái PoE hiện tại của từng cổng.

Trạng thái

Trực tiếp

Ghi

Mạng

PoE

Thời gian cập nhật cuối cùng 01:20:23 PM

Cổng	Lượng tiêu thụ (W)	Kích hoạt	Thông tin chi tiết
1	0.0	<input checked="" type="checkbox"/>	-
2	0.0	<input checked="" type="checkbox"/>	-
3	0.0	<input checked="" type="checkbox"/>	-
4	0.0	<input checked="" type="checkbox"/>	-
5	0.0	<input checked="" type="checkbox"/>	-
6	0.0	<input checked="" type="checkbox"/>	-
7	0.0	<input checked="" type="checkbox"/>	-
8	0.0	<input checked="" type="checkbox"/>	-

Tổng điện năng tiêu thụ (W): 0.0 W

Thiết lập kênh

Ok

- Chức năng này chỉ sẵn có với các sản phẩm hỗ trợ PoE. (Tham khảo trang "**Các chức năng được model hỗ trợ**".)

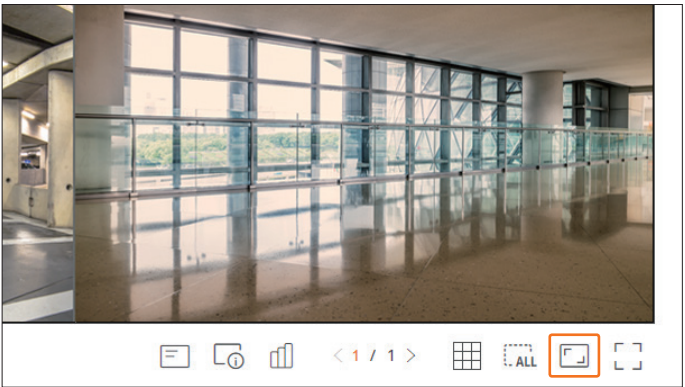
THAY ĐỔI MẪU MÀN HÌNH CHIA

Nhấp vào nút <[icon]> và chọn màn hình chia bạn muốn.
Màn hình chia đã chọn được áp dụng cho cửa sổ video.

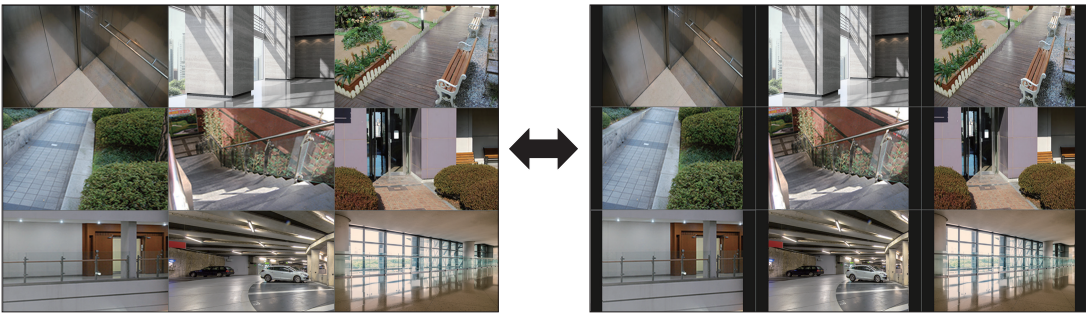


THAY ĐỔI TÙY CHỌN CỐ ĐỊNH TỈ LỆ HÌNH ẢNH KÊNH TỔNG THỂ

Bạn có thể thay đổi tỷ lệ màn hình video của tất cả các kênh trong chế độ chia trực tiếp.
Nhấp vào <[icon]> ở cuối màn hình. Tỷ lệ sẽ thay đổi thành tỷ lệ thực tế của video.



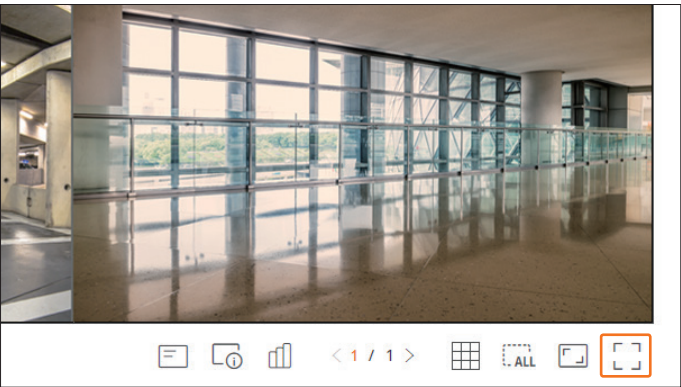
Nếu bạn muốn quay lại tỷ lệ màn hình trước đó, nhấp lại vào <[icon]>.



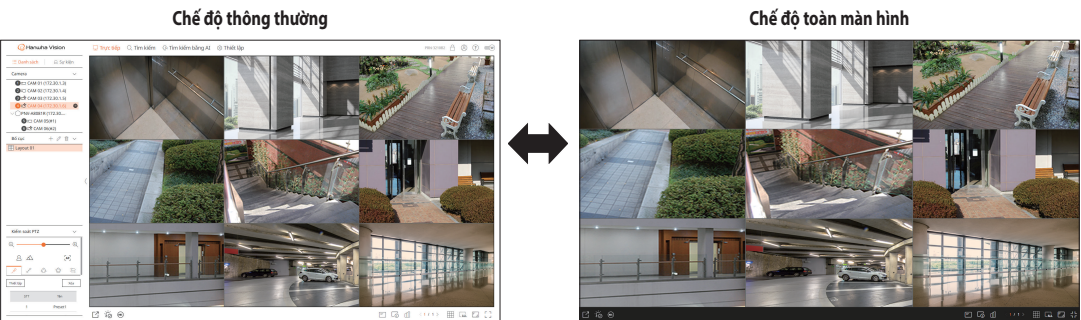
trình xem trực tiếp

CHẾ ĐỘ TOÀN MÀN HÌNH

Bạn có thể chuyển sang chế độ toàn màn hình, không có vùng trên/dưới/trái/phải của màn hình trực tiếp.
Nhấp vào <[]> ở cuối màn hình.



Để thoát khỏi chế độ toàn màn hình, hãy nhấn vào phím **ESC** trên bàn phím hoặc nhấp vào <[]> ở cuối chế độ toàn màn hình.



THIẾT LẬP BỐ CỤC TRỰC TIẾP

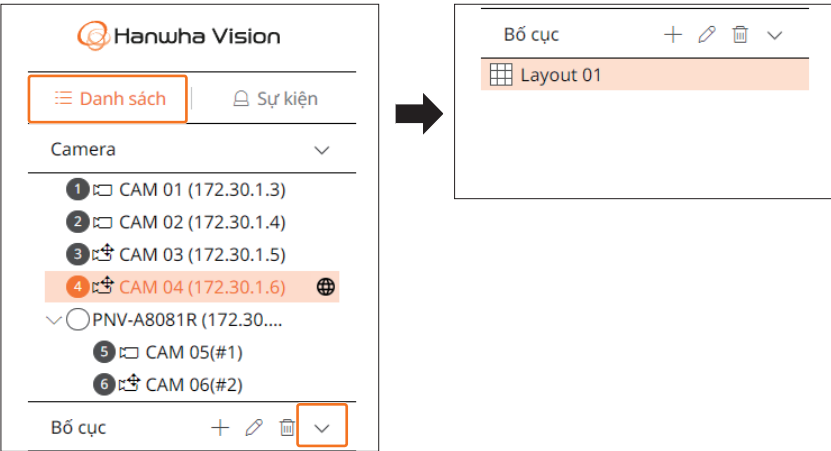
Phần này trình bày cách chọn một loạt kênh dựa trên mục đích/khả năng tiếp cận của chúng và cách giám sát chúng trong một bố cục duy nhất.

Trực tiếp > Danh sách

Kiểm tra danh sách bố cục

Nhấp vào <[]> **Danh sách** > ở trên cùng bên trái của màn hình trực tiếp, rồi nhấp vào <[]> để hiển thị danh sách bố cục.

- Thông số kỹ thuật hoạt động có thể khác nhau tùy thuộc vào model thiết bị lưu trữ.





- + : Tạo bố cục mới.
- [Pencil icon] : Thay đổi kênh hoặc tên của bố cục.
- [Save icon] : Lưu bố cục đã thay đổi.
- [Trash icon] : Xóa bố cục đã thêm.
- [Chevron icon] : Mở hoặc đóng danh sách bố cục.

Thêm bố cục và đặt tên


- Nhấp vào nút <+>.
- Đặt tên cho bố cục.
- Nhấp đúp vào một kênh để hiển thị trên màn hình bố cục từ danh sách thiết bị.
- Nhấp vào <[]> để lưu bố cục đã đặt.

- [Icon] : Bố cục mặc định của trình xem trực tiếp bao gồm màn hình chia 4.
- [Icon] : Mỗi bố cục được lưu riêng theo người dùng.

Thay đổi kênh và tên của bố cục

1. Nhấp vào <  > sau khi chọn bố cục.
2. Thêm hoặc xóa kênh hoặc đổi tên bố cục.
3. Nhấp vào <  > để lưu cài đặt đã thay đổi.

Xóa bố cục

Nhấp vào <  > sau khi chọn bố cục cần xóa.

GIÁM SÁT SỰ KIỆN THỜI GIAN THỰC


Bạn có thể kiểm tra các sự kiện thời gian thực đã xảy ra trên thiết bị trong cửa sổ video trực tiếp và danh mục sự kiện.



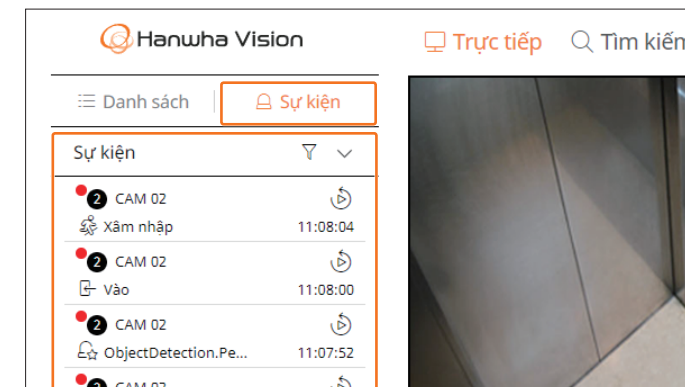
- Chức năng này không được hỗ trợ trong một số model.
- Các sự kiện tìm kiếm AI chỉ sẵn có với các sản phẩm hỗ trợ AI.
- Các sự kiện AI chỉ hiển thị sau khi đặt các quy tắc sự kiện. Chức năng tìm kiếm sự kiện AI có thể có các cài đặt và thông số kỹ thuật hoạt động khác nhau tùy thuộc vào thiết bị lưu trữ hoặc camera.
- Giám sát sự kiện trực tiếp chỉ có thể nhận dữ liệu trên một kênh và chỉ có thể nhận dữ liệu từ camera đang được giám sát trực tiếp.




Trực tiếp > Sự kiện

Kiểm tra danh mục sự kiện

Nhấp vào <  **Sự kiện** > ở phía bên trái của màn hình trực tiếp để hiển thị danh mục sự kiện thời gian thực.

- Khi xảy ra sự kiện mới, danh mục sự kiện sẽ được cập nhật tương ứng.
- Các kênh và sự kiện đã chỉ định sẽ hiển thị trong danh sách theo cách thiết lập quy tắc sự kiện.
Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt sự kiện > Thiết lập quy tắc sự kiện**" trong Mục lục.



-  : Duyệt sự kiện theo điều kiện mong muốn.
-  /  : Mở hoặc đóng Danh mục sự kiện.




- Khi xuất hiện dấu ra báo động, nếu có đặt ghi sự kiện, thời gian trước sự kiện và thời gian sau sự kiện, thì sẽ tiến hành ghi sự kiện trước hoặc sau sự kiện theo phương thức ghi đã đặt. Để biết thêm thông tin về cài đặt ghi sự kiện, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt ghi > Thiết lập ghi**" trong Mục lục.



- Video có thể bị trì hoãn tùy thuộc vào điều kiện mạng.
- Đầu ra sự kiện có thể bị trì hoãn do việc chuyển sự kiện báo động từ mạng mà camera mất thời gian.
- Trình duyệt Safari không hỗ trợ tính năng này.

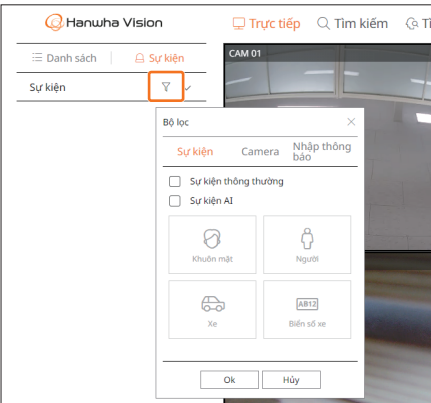
trình xem trực tiếp

Tìm kiếm sự kiện

Bạn có thể tìm kiếm các sự kiện theo camera, đầu vào báo động (thiết bị lưu trữ) và loại sự kiện.
Để tìm kiếm sự kiện cụ thể, hãy nhấp vào <  > để chọn loại sự kiện, camera và đầu vào báo động cần tìm kiếm.

Bộ lọc sự kiện

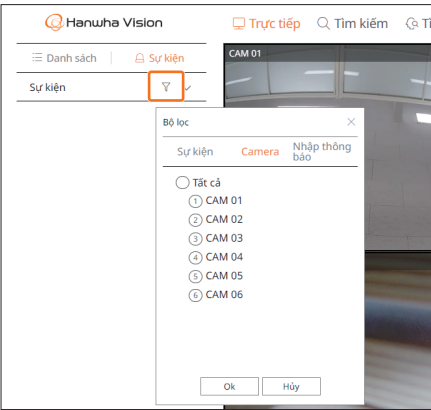
Chỉ hiển thị các sự kiện đã chọn trong danh mục sự kiện.



- Sự kiện thông thường: Tìm kiếm các loại sự kiện đã xảy ra trong camera nói chung, chẳng hạn như cảm biến chuyển động và IVA.
- Sự kiện AI: Tìm kiếm các loại sự kiện AI như khuôn mặt, người và xe.
 - Sự kiện AI chỉ được kích hoạt khi kết nối camera AI.
 - Các sự kiện AI chỉ hiển thị sau khi đặt các quy tắc sự kiện. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Đặt sự kiện > Công cụ AI**" trong Mục lục.

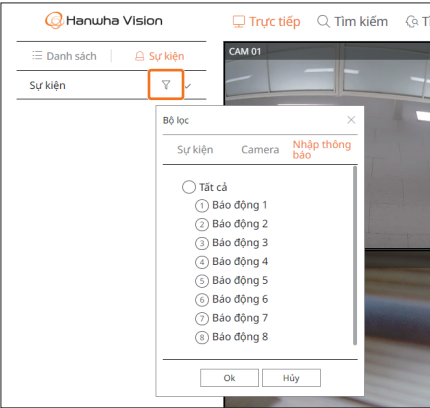
Bộ lọc camera

Chỉ hiển thị sự kiện từ camera đã chọn.



Bộ lọc đầu vào báo động

Hiển thị các sự kiện duy nhất cho các số đầu vào báo động của thiết bị lưu trữ đã chọn.

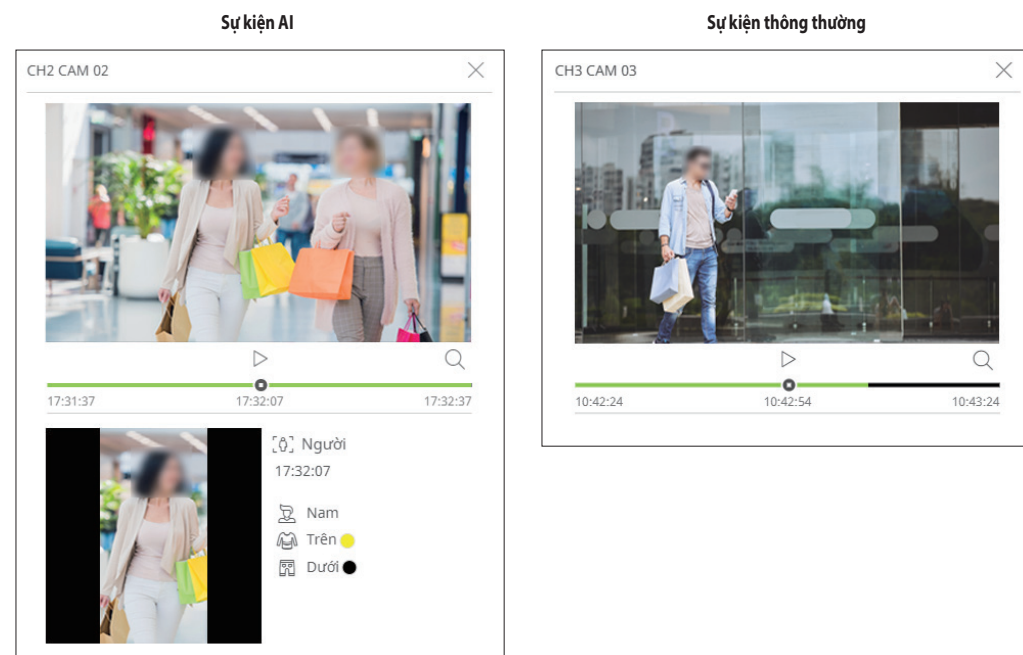


Trình xem sự kiện tức thì

Chọn một sự kiện để kiểm tra từ danh mục sự kiện, rồi nhấp vào <🔍> để phát video đã ghi tại thời điểm sự kiện xảy ra.

- Trình xem tức thì có thể phát video sự kiện trong 1 phút.
- Đối với các sự kiện AI, hình ảnh rõ nét nhất và chi tiết của sự kiện đã xảy ra sẽ hiển thị.

- Chức năng nhận diện sự kiện AI có thể có các cài đặt và thông số kỹ thuật hoạt động khác nhau tùy thuộc vào model thiết bị lưu trữ hoặc camera.
- Để xem các sự kiện AI, hãy đặt bất kỳ tùy chọn nào sau đây nếu cần: Xem trang liên quan để biết phương thức thiết lập chi tiết.
 - Thiết lập > Sự kiện > Công cụ AI
 - Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > Đối tượng
 - Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > Nhận diện bằng AI
 - Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > Khẩu trang
 - Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập sự kiện > IVA
 - Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập quy tắc sự kiện



- ▷/||: Phát/tạm dừng video.
- Q: Chuyển đến menu Tìm kiếm.
- X: Dừng phát lại Trình xem tức thì.

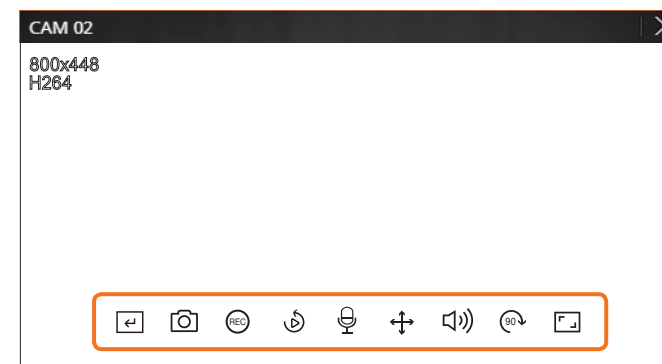
Dừng thông báo đầu ra

Khi xảy ra sự kiện, có thể có báo động. Nhấp vào <🔔> ở cuối màn hình để dừng đầu ra báo động nếu cần. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "Thiết lập > Cài đặt sự kiện > Thiết lập quy tắc sự kiện" trong Mục lục.

MENU MÀN HÌNH TRỰC TIẾP

Sau khi chọn kênh bạn muốn trên chế độ chia, hãy lăn con trỏ chuột trên màn hình để xem menu màn hình trực tiếp. Nội dung hiển thị của menu màn hình trực tiếp sẽ khác nhau tùy thuộc vào trạng thái hoạt động của thiết bị lưu trữ hoặc loại camera được đăng ký.

- Mỗi chức năng có thể bị hạn chế tùy thuộc vào loại camera và quyền của người dùng.



Menu	Mô tả
	Lấy thủ công Nếu hành động sự kiện cho <Lấy thủ công> được thiết lập cho kênh đã chọn, tên quy tắc sự kiện sẽ hiển thị khi bạn di chuột qua <🔍>. Nhấp vào <🔍> để kích hoạt sự kiện đã thiết lập.
	Chụp Bạn có thể chụp ảnh màn hình kênh đã chọn.
	GHI PC Hình ảnh có thể được lưu trên PC.
	Trình xem tức thì Trong khi giám sát, bạn có thể tua lại 1 phút trước khi phát lại.
	Micro Bật hoặc tắt micro trên PC.
	Kiểm soát PTZ Nếu camera mạng kết nối với kênh đã chọn hỗ trợ chức năng PTZ, chế độ sẽ chuyển thành kiểm soát PTZ.
	Âm thanh Bật hoặc tắt âm thanh khi có kết nối âm thanh.
	Xoay ảnh Xoay video cần hiển thị.
	Cố định tỉ lệ hình ảnh kênh Hiển thị video theo tỷ lệ thực tế.

trình xem trực tiếp

KIỂM SOÁT VIDEO CAMERA

Bằng cách sử dụng biểu tượng chức năng trong cửa sổ video, bạn có thể dễ dàng kích hoạt các chức năng như chụp ảnh màn hình, xoay video và kiểm soát PTZ.

Lấy thủ công

Nếu hành động sự kiện cho <Lấy thủ công> được thiết lập cho kênh đã chọn trong menu "**Thiết lập** > **Sự kiện** > **Thiết lập quy tắc sự kiện**", tên quy tắc sự kiện sẽ hiển thị khi bạn di chuột qua <🖱️>. Nhấp vào <🖱️> để kích hoạt sự kiện đã thiết lập.



Chụp

Chọn một kênh để quay video và nhấp vào nút <📷>.
Hình ảnh chụp được lưu dưới dạng tệp .png trong thư mục tải xuống.

Ghi PC

- Bạn có thể quay video trên PC trong khi giám sát.
1. Chọn kênh bạn muốn rồi nhấp vào nút <Ⓡ️> để bắt đầu ghi PC.
 2. Để kết thúc ghi PC, nhấp vào nút <Ⓡ️>.
Quá trình ghi kết thúc, video quay sẽ được lưu dưới dạng tệp .avi trong thư mục tải xuống.

Trình xem tức thì

Bạn có thể tua video quay lại 30 giây và phát video trong khi giám sát trực tiếp. Trình xem tức thì phát video từ 30 giây đến 1 phút tính từ thời điểm hiện tại.
Chọn kênh bạn muốn rồi nhấp vào <🕒>.
Màn hình Trình xem tức thì sẽ xuất hiện.



- ⏮️/⏸️/⏭️: Phát/tạm dừng video.
- 🔍: Chuyển đến màn hình phát lại.
- ⏮️: Dừng phát lại Trình xem tức thì.

Đầu ra micro

Bạn có thể bật hoặc tắt micro của kênh đã chọn trong màn hình trực tiếp.
Chọn kênh bạn muốn và nhấp vào <🎤>.

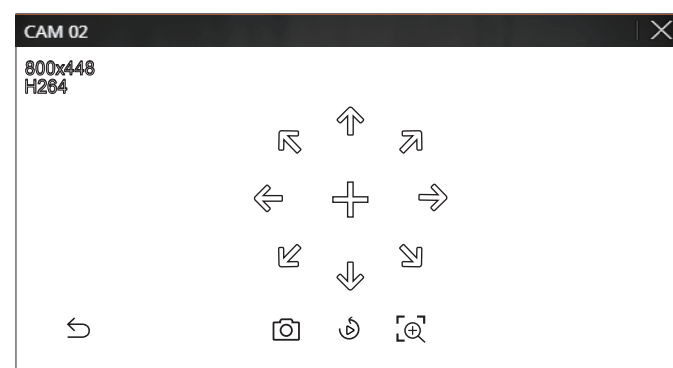
Chế độ PTZ





Bạn có thể chạy kiểm soát PTZ của kênh đã chọn.

Chọn kênh bạn muốn và nhấp vào <  >.


Vào chế độ kiểm soát PTZ.


-  Tùy thuộc vào camera, chức năng kiểm soát PTZ và tốc độ có thể khác nhau.



- : Đóng chế độ PTZ.
- : Quay video ở trạng thái hiện tại.
- : Truy cập trình xem tức thì.
- : Nhấp vào biểu tượng Thu phóng kỹ thuật số và sử dụng con lăn chuột để thu phóng video. Thu phóng kỹ thuật số sẽ kết thúc khi màn hình video giảm về kích thước gốc.

Điều chỉnh hướng camera


Khi bạn di chuột đến <  >, phím 8 chiều sẽ xuất hiện và khi chuột rời khỏi khu vực của phím hướng, phím hướng sẽ biến mất. Bạn có thể tinh chỉnh hướng camera bằng cách nhấp vào phím 8 hướng một lần. Tiếp tục nhấp vào các phím mũi tên để di chuyển theo hướng bạn muốn và thả chuột để dừng.

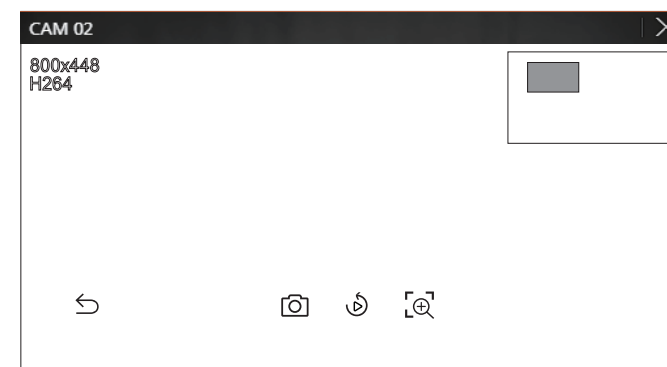
Để nhanh chóng điều chỉnh hướng của camera, hãy nhấp vào <  > và kéo. Màn hình sẽ di chuyển nhanh chóng theo hướng bạn muốn. Bạn có thể điều chỉnh tốc độ di chuyển của màn hình theo khoảng cách kéo.

Phóng to

Bạn có thể phóng to hoặc thu nhỏ bằng con lăn chuột.

Nếu bạn dùng con lăn chuột để cuộn lên, màn hình video đã chọn sẽ được phóng lớn thêm 10% và cửa sổ hình thu nhỏ sẽ hiển thị.

- Việc dùng con lăn chuột để cuộn lên/xuống sẽ phóng to/thu nhỏ màn hình video 10%.
- Thu phóng kỹ thuật số kết thúc khi màn hình video trở về kích thước gốc.
- Ở chế độ PTZ, hãy nhấp vào nút <  > để thực hiện thu phóng kỹ thuật số.





Âm thanh

Bạn có thể bật/tắt âm thanh tương ứng với kênh ở Chế độ trực tiếp.

Chọn kênh bạn muốn rồi nhấp vào <  >.

Đầu ra âm thanh chỉ có thể bật trong một kênh. Đầu ra âm thanh các kênh khác sẽ tự động tắt.

-  Nếu bạn đã định cấu hình cài đặt đầu ra âm thanh đúng cách nhưng âm thanh hoặc giọng nói không được phát ra, hãy kiểm tra xem camera mạng được kết nối có hỗ trợ tín hiệu âm thanh hay không và liệu bạn đã định cấu hình cài đặt âm thanh phù hợp hay chưa. Biểu tượng âm thanh có thể hiển thị nếu tín hiệu âm thanh không phát ra mà chỉ có tiếng ồn.
- Chỉ kênh đặt < **Âm thanh** > thành < **Sử dụng** > trong phần “**Thiết lập** > **Camera** > **Thiết lập kênh**” mới hiển thị biểu tượng âm thanh () ở chế độ Trực tiếp. Bạn có thể sử dụng biểu tượng này để bật/tắt âm thanh.

Xoay ảnh

Bạn có thể xoay màn hình video trực tiếp.

Chọn kênh bạn muốn rồi nhấp vào <  >.

Mỗi lần nhấp, nút sẽ xoay video 90 độ theo chiều kim đồng hồ.

trình xem trực tiếp

Cố định tỉ lệ hình ảnh kênh

Bạn có thể thay đổi tùy chọn tỉ lệ khung hình của từng kênh.


Chọn kênh bạn muốn và nhấp vào <  >.

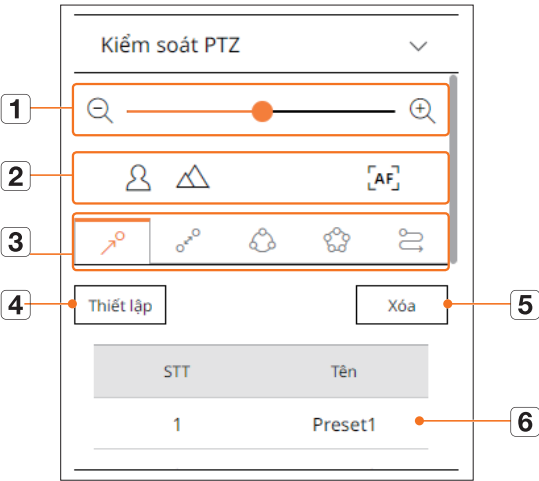
Tỷ lệ sẽ chuyển thành tỷ lệ thực tế của video.











KIỂM SOÁT PTZ

Menu kiểm soát PTZ

Nếu camera mạng kết nối là camera PTZ, biểu tượng <  > sẽ hiển thị trong danh sách camera. Khi kênh camera được chọn, bạn có thể kiểm soát PTZ.



Tên			Mô tả
1		Thu nhỏ/Phóng to	Kích hoạt hoạt động Thu phóng của camera PTZ.
2		Gán/Xa	Bạn có thể điều chỉnh tiêu điểm theo cách thủ công.
		Điều chỉnh tiêu điểm tự động	Bạn có thể điều chỉnh tiêu điểm theo cách tự động.
3		Thiết lập sẵn	Đặt vị trí thiết lập sẵn để di chuyển camera, sau đó chọn vị trí thiết lập sẵn bạn muốn để di chuyển đến vị trí đã đặt.
		Xoay	Xoay là chức năng giám sát di chuyển giữa hai điểm thiết lập sẵn và cho phép bạn dôi vết chuyển động.
		Nhóm	Chức năng nhóm cho phép bạn nhóm các giá trị thiết lập sẵn khác nhau trước khi gọi chúng theo trình tự.
		Tour	Lần lượt giám sát tất cả các nhóm do người dùng tạo.
		Dõi vết	Hoạt động theo dõi sẽ ghi nhớ dấu vết của các chuyển động mà bạn đã hướng dẫn và tái tạo để tham chiếu.
4	Thiết lập		Thiết lập sẵn bạn đã đặt sẽ được lưu và hiển thị trong danh sách.
5	Xóa		Xóa danh sách thiết lập sẵn đã chọn.
6	Danh sách thiết lập sẵn		Hiển thị danh sách các thiết lập sẵn đã lưu.



Sử dụng chức năng PTZ kỹ thuật số (D-PTZ)

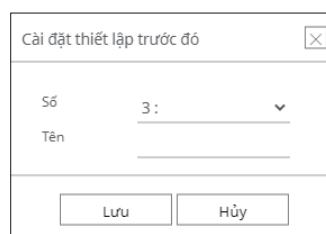
- Đăng ký camera hỗ trợ hồ sơ D-PTZ.
 - Đối với các camera hỗ trợ hồ sơ D-PTZ, bạn có thể sử dụng chức năng D-PTZ.
- Cả camera hỗ trợ PTZ thông thường và camera hỗ trợ D-PTZ đều có thể kiểm soát hình ảnh trực tiếp bằng cách sử dụng một số menu chức năng <**Kiểm soát PTZ**>.
 - Để biết thêm thông tin về các chức năng được hỗ trợ, vui lòng tham khảo hướng dẫn sử dụng camera.


Thiết lập sẵn

Thiết lập sẵn là một tập hợp dữ liệu đã lưu chỉ định vị trí của camera PTZ. Một camera PTZ có thể lưu tối đa 300 vị trí.

Cách thêm thiết lập sẵn

- Chọn kênh bạn muốn và nhấp vào <>.
 - Màn hình kiểm soát PTZ xuất hiện.
- Sử dụng các phím mũi tên để điều chỉnh camera hướng tới điểm.
- Nhấp vào <>.
- Nếu bạn nhấp vào <**Thiết lập**>, cửa sổ <**Cài đặt thiết lập trước đó**> sẽ xuất hiện.




- Nhấp vào <> để chọn đặt Thứ tự thiết lập sẵn.
- Nhập tên Thiết lập sẵn.
- Nhấp vào <**Lưu**>.

Cài đặt thiết lập sẵn sẽ được lưu.

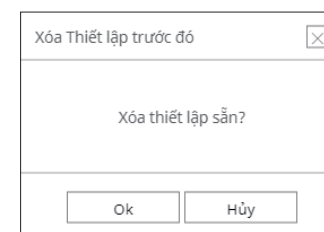


- Nếu bạn thay thế camera lưu cài đặt thiết lập sẵn của bạn bằng một camera khác, bạn phải định cấu hình lại cài đặt thiết lập sẵn.


Cách xóa thiết lập sẵn đã đăng ký

- Nhấp vào <>.
- Chọn thiết lập sẵn cần xóa, rồi nhấp vào <**Xóa**>.
- Cửa sổ <**Xóa thiết lập trước đó**> sẽ xuất hiện. Nhấp vào <**Ok**>.

Thiết lập sẵn đã chọn sẽ bị xóa.



Chạy thiết lập sẵn

- Nhấp vào <>.
- Nhấp đúp vào thiết lập sẵn mà bạn muốn chạy từ danh sách.

Ống kính camera sẽ di chuyển đến vị trí đã đặt.

Chạy Xoay (xoay tự động), Nhóm (quét), Tour hoặc Dõi vết (mẫu hình)

Phương thức chạy của mỗi chức năng tương tự như phương thức hoạt động của thiết lập sẵn. Để biết chi tiết về cách sử dụng, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng của camera.



- Tùy thuộc vào chức năng của camera, có thể chỉ một số tính năng sẵn có với người dùng.

trình xem trực tiếp

XUẤT VIDEO

Bạn có thể xuất video đã quay bằng cách nhập thủ công kênh, ngày và giờ bạn muốn.

1. Nhấp vào nút <🔗>.

Xuất

Mặc định

Tất cả các kênh

1	2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31	32
33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48
49	50	51	52	53	54	55	56
57	58	59	60	61	62	63	64

Ngày & giờ

2024-10-28 00:00:00 ~ 2024-10-28 23:59:59

Thiết lập

DL chống chéo

Trùng lặp 0

Loại tệp

AVI

Cài đặt mật khẩu

Tên tệp

Tổng: 0%

K: 0%

Ok

Hủy

2. Chọn bố cục để xuất và chọn kênh bạn muốn.

3. Nhấp vào <Thiết lập> để đặt ngày và giờ xuất.

- Sau khi đặt có kích hoạt DST hay không, hãy chọn phần chống chéo. Phần này sẽ hiển thị khi có dữ liệu chống chéo ở một kênh do có thay đổi về thời gian hoặc múi giờ tiêu chuẩn tại thời điểm đã chọn.

4. Chọn **AVI** hoặc **ZIP** làm phần mở rộng của tệp sẽ được lưu.

Khi bạn chọn phần mở rộng **ZIP**, cửa sổ <Cài đặt mật khẩu> xuất hiện và bạn có thể mã hóa tệp bằng cách nhập mật khẩu.

- Sử dụng trình giải mã ZIP có hỗ trợ AES-256.

5. Nhập tên tệp để lưu, sau đó nhấp vào nút <Ok>.

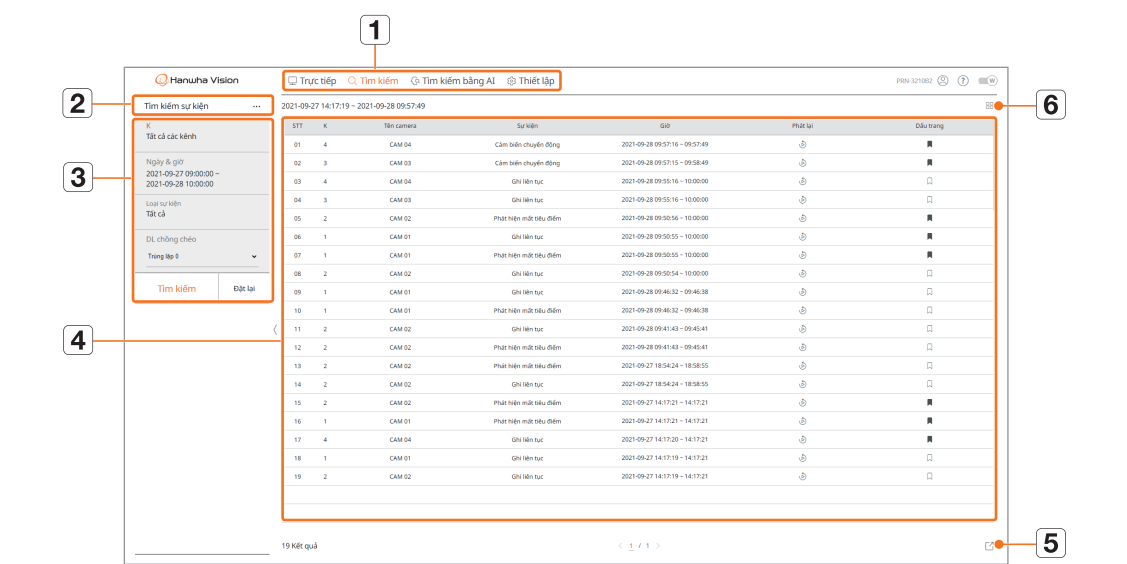
6. Khi xuất xong, cửa sổ xác nhận sẽ xuất hiện.

- Tệp video đã xuất được lưu trong thư mục tải xuống.
- Nếu bạn nhấp vào nút <Dừng> trong khi đang xuất, quá trình xuất sẽ dừng lại.

trình xem tìm kiếm

Bạn có thể tìm kiếm và phát video đã quay được lưu trữ trong thiết bị lưu trữ bằng cách kết nối từ xa với thiết bị lưu trữ.

BỐ CỤC MÀN HÌNH TRÌNH XEM TÌM KIẾM



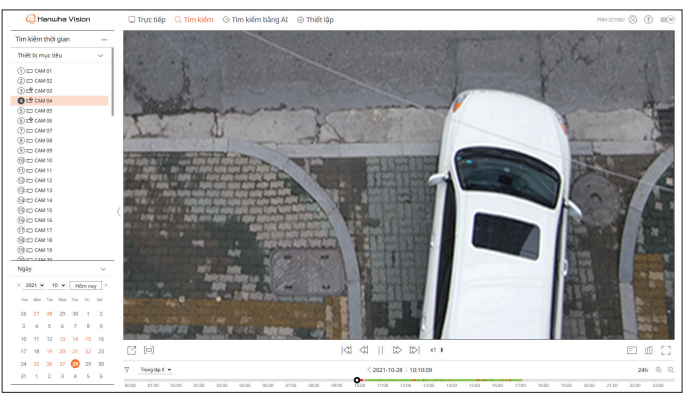
Tên		Mô tả
1	Menu	Nhấp vào từng menu để đi đến màn hình menu tương ứng.
2	Tab menu tìm kiếm	Nhấp vào tab menu để hiển thị menu tìm kiếm chi tiết. Nhấp vào menu Tìm kiếm để đi đến màn hình Tìm kiếm tương ứng.
3	Điều kiện tìm kiếm	Bạn có thể đặt các điều kiện tìm kiếm khác nhau, chẳng hạn như ngày/giờ/sự kiện.
4	Kết quả tìm kiếm	Hiển thị kết quả tìm kiếm.
5		Xuất kết quả tìm kiếm sang tệp .avi. ■ Trong kết quả < Tìm kiếm văn bản >, bạn cũng có thể nhấp vào < > để xuất sang tệp .csv.
6		Hiển thị kết quả tìm kiếm dưới dạng danh sách hoặc hình thu nhỏ.

- Nhấp vào <**Đặt lại**> để khởi tạo các điều kiện và kết quả tìm kiếm.
- Khi bạn nhấp vào **Phát lại** () , video sẽ được phát trong trình xem tức thì.
- Bạn có thể chỉ định một dấu trang bằng cách nhấp vào dấu trang () trong danh sách kết quả tìm kiếm. Bạn có thể kiểm tra video được chỉ định trong menu tìm kiếm dấu trang.
- Nếu kết quả tìm kiếm nằm trong nhiều trang, bạn có thể nhấp vào </> để đi đến trang trước/sau. Hoặc, bạn có thể nhấp vào số trang hiện tại và nhập trang mà bạn muốn chuyển đến.

TÌM KIẾM THỜI GIAN

Bạn có thể tìm kiếm dữ liệu đã ghi theo điều kiện ngày và giờ bạn muốn.

- Thời gian được hiển thị sẽ dựa trên múi giờ tiêu chuẩn và múi giờ áp dụng thời gian tiết kiệm ánh sáng (DST), do đó, thời gian có thể hiển thị khác nhau tùy thuộc vào việc có ghi đồng thời múi giờ dữ liệu và có áp dụng thời gian tiết kiệm ánh sáng (DST) hay không.



1. Chọn <**Tìm kiếm thời gian**> trong menu <**Tìm kiếm**>.
2. Chọn kênh để tìm kiếm.
3. Chọn năm tháng để tìm kiếm.
Ngày cùng với dữ liệu sẽ hiển thị bằng màu cam và ngày hiện tại sẽ hiển thị trong vòng tròn màu cam.
4. Chọn ngày để tìm kiếm từ lịch.
Video đã ghi cho ngày đó sẽ được phát lại từ đầu và dữ liệu sẽ được hiển thị trong dòng thời gian.
 - Nhấp vào <**Hôm nay**> để tìm kiếm ngày hôm nay. Ngày hôm nay sẽ được chọn.
 - Màu hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại dữ liệu ghi.
 - Màu xanh lục nhạt: Video ghi thường
 - Màu đỏ: Quay video sự kiện
 - : Bạn có thể lọc các mục sự kiện để xem dòng thời gian.
 - Trùng lặp: Bạn có thể kiểm tra dòng thời gian bằng cách đặt phần trùng lặp do thay đổi thời gian.

TÌM KIẾM DẤU TRANG

Bạn có thể tìm kiếm dữ liệu được đánh dấu trang.

Hemube Vision						
Trực tiếpTìm kiếmTìm kiếm bằng AIThiết lập						
2021-09-27 10:52:49 - 2021-09-28 10:53:36						
Tìm kiếm dấu trang						
K	STT	Tên dấu trang	Sự kiện	K	Giờ	Phát lại
Tất cả các kênh	01	CAM 02_2021-09-28 10:52:14	Cảm biến chuyển động	3	2021-09-28 10:52:14 - 10:53:36	
Ngày & giờ	02	CAM 04_2021-09-28 10:52:56	Cảm biến chuyển động	4	2021-09-28 10:52:56 - 10:53:35	
2021-09-27 10:53:00 -	03	CAM 04_2021-09-28 10:53:22	Cảm biến chuyển động	3	2021-09-28 10:53:22 - 10:53:52	
2021-09-28 10:53:00	04	CAM 04_2021-09-28 09:37:16	Cảm biến chuyển động	4	2021-09-28 09:37:16 - 09:37:49	
Tìm kiếm	05	CAM 02_2021-09-28 09:37:15	Cảm biến chuyển động	3	2021-09-28 09:37:15 - 09:38:49	
Đặt lại	06	CAM 02_2021-09-28 09:32:58	Phát hiện mặt cầu điện	2	2021-09-28 09:32:58 - 10:53:36	
	07	CAM 01_2021-09-28 09:50:55	Ghi liên tục	1	2021-09-28 09:50:55 - 10:53:36	
	08	CAM 01_2021-09-28 09:50:55	Phát hiện mặt cầu điện	1	2021-09-28 09:50:55 - 10:53:36	
	09	CAM 01_2021-09-27 14:17:21	Phát hiện mặt cầu điện	1	2021-09-27 14:17:21	
	10	CAM 02_2021-09-27 14:17:21	Phát hiện mặt cầu điện	2	2021-09-27 14:17:21	
	11	CAM 04_2021-09-27 14:17:28	Ghi liên tục	4	2021-09-27 14:17:28 - 14:17:31	
	12	CAM 04_2021-09-27 11:08:19	Cảm biến chuyển động	4	2021-09-27 11:08:19 - 11:09:56	
	13	CAM 05_2021-09-27 11:08:19	Kiểm nhập	5	2021-09-27 11:08:19 - 11:08:44	
	14	CAM 02_2021-09-27 11:08:38	Ghi liên tục	5	2021-09-27 11:08:38 - 11:08:56	
	15	CAM 02_2021-09-27 11:05:55	Shoosdomon	2	2021-09-27 11:05:55 - 11:06:28	
	16	CAM 02_2021-09-27 11:05:49	Cảm biến chuyển động	5	2021-09-27 11:05:49 - 11:06:52	
	17	CAM 02_2021-09-27 11:05:48	Shoosdomon	5	2021-09-27 11:05:48 - 11:06:59	
	18	CAM 01_2021-09-27 10:52:49	Ghi liên tục	1	2021-09-27 10:52:49 - 11:52:49	
	19	CAM 02_2021-09-27 10:52:49	Phát hiện mặt cầu điện	2	2021-09-27 10:52:49 - 11:52:49	
	19 kết quả					

1. Chọn <Tìm kiếm dấu trang> trong menu <Tìm kiếm>.

2. Chọn kênh để tìm kiếm.

3. Chọn ngày và giờ để tìm kiếm.

4. Nhấp vào nút <Tìm kiếm>.

Danh sách kết quả tìm kiếm sẽ được hiển thị.

- Tên dấu trang: Hiển thị tên dấu trang mà bạn đã đặt.
- Sự kiện: Hiển thị loại sự kiện của video đã ghi.
- K: Hiển thị kênh đã ghi.
- Giờ: Hiển thị thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc của video đã ghi.
- Phát lại: Phát video đã ghi bằng trình xem tức thì.
- Dấu trang: Hiển thị xem dấu trang có được chỉ định hay không.

- Hình ảnh đã đánh dấu sẽ được lưu trữ và không bị ghi đè trong quá trình ghi lặp lại. Tuy nhiên, khi cài đặt xóa tự động, hình ảnh đó sẽ bị xóa dựa theo khoảng thời gian đã đặt.
- Khi dấu trang được gỡ bỏ, video sẽ không được lưu. Nếu cần, bạn hãy xuất video trước khi gỡ bỏ dấu trang.
- Bạn có thể chỉ định tối đa 100 dấu trang.

XUẤT KẾT QUẢ TÌM KIẾM

Kết quả tìm kiếm sự kiện, văn bản và dấu trang có thể được xuất thành tệp.

Ví dụ: Xuất kết quả tìm kiếm dấu trang

1. Nhấp vào <📄> trong danh sách kết quả tìm kiếm.

Xuất

STT	Tên dấu trang	Sự kiện	K	Giờ	
<input type="checkbox"/>	1	CAM 04_2024-09-19 11:39:34	Cảm biến chuyển động	4	2024-09-19 11:39:34 - 11:40:09
<input type="checkbox"/>	2	CAM 04_2024-09-19 11:39:09	Ghi liên tục	4	2024-09-19 11:39:09 - 11:44:08
<input checked="" type="checkbox"/>	3	CAM 02_2024-09-19 11:22:38	Xuất hiện	2	2024-09-19 11:22:38 - 11:23:09
<input type="checkbox"/>	4	CAM 02_2024-09-19 11:22:30	Vào	2	2024-09-19 11:22:30 - 11:23:01
<input type="checkbox"/>	5	CAM 05_2024-09-19 11:22:16	Cảm biến chuyển động	5	2024-09-19 11:22:16 - 11:22:55
<input type="checkbox"/>	6	CAM 01_2024-09-19 11:20:16	Ghi liên tục	1	2024-09-19 11:20:16 - 11:44:03

Kênh

2

Thời gian trước

30

s (0 - 999)

Thời gian sau

30

s (0 - 999)

Loại tệp

AVI

Cài đặt mật khẩu

Tổng: 0%

STT: 0%

Ok

Hủy

2. Chọn mục mong muốn.

3. Chọn AVI hoặc ZIP làm phần mở rộng của tệp sẽ được lưu.

Khi bạn chọn phần mở rộng ZIP, cửa sổ <Cài đặt mật khẩu> xuất hiện và bạn có thể mã hóa tệp bằng cách nhập mật khẩu.

- Sử dụng trình giải mã ZIP có hỗ trợ AES-256.

4. Nhấp vào <Ok>.


Một cửa sổ xác nhận sẽ xuất hiện khi quá trình xuất hoàn tất.

- Tệp video đã xuất được lưu trong thư mục tải xuống.
- Nếu bạn nhấp vào nút <Dừng> trong khi đang xuất, quá trình xuất sẽ dừng lại.

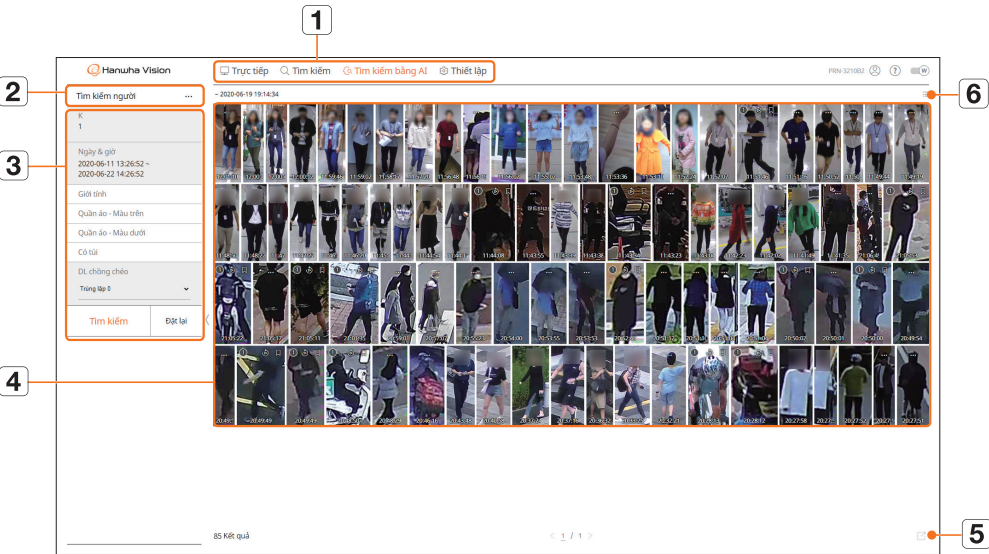
- Trong kết quả <Tìm kiếm văn bản>, bạn cũng có thể nhấp vào <📄> để xuất sang tệp .csv.



Trình xem tìm kiếm AI

Nếu có dữ liệu AI được camera quay lại, bạn có thể tìm kiếm hình ảnh trong các điều kiện khác nhau như người, khuôn mặt và xe.

- 
- Chức năng này không được hỗ trợ trong một số model.
 - Đối với các sản phẩm hỗ trợ chức năng Tìm kiếm bằng AI, hãy tham khảo trang "[Các chức năng được model hỗ trợ](#)".

BỐ CỤC MÀN HÌNH TRÌNH XEM TÌM KIẾM BẰNG AI

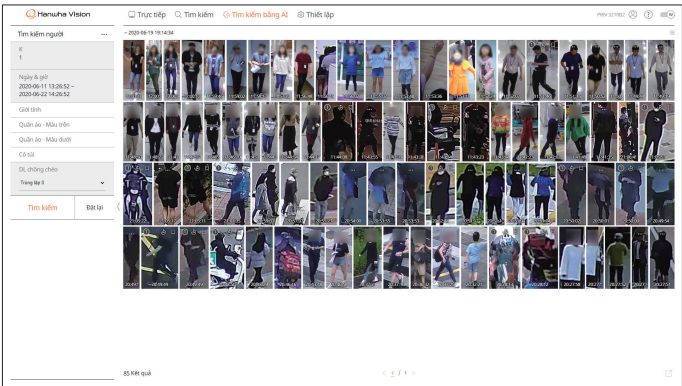


Tên		Mô tả
1	Menu	Nhấp vào từng menu để truy cập vào màn hình menu tương ứng.
2	Tab menu tìm kiếm	Nhấp vào tab menu để hiển thị menu tìm kiếm chi tiết. Nhấp vào menu Tìm kiếm để chuyển đến màn hình Tìm kiếm tương ứng.
3	Điều kiện tìm kiếm	Bạn có thể đặt các điều kiện tìm kiếm khác nhau, chẳng hạn như ngày/giờ/giới tính.
4	Kết quả tìm kiếm	Hiển thị kết quả tìm kiếm
5		Xuất kết quả tìm kiếm thành tệp.
6		Hiển thị kết quả tìm kiếm dưới dạng danh sách hoặc hình thu nhỏ.

- 
- Nhấp vào <Đặt lại> để khởi tạo các điều kiện và kết quả tìm kiếm.
 - Bạn có thể chỉ định dấu trang bằng cách nhấp vào dấu trang () trong danh sách kết quả tìm kiếm. Bạn có thể kiểm tra video được chỉ định đó trong menu tìm kiếm dấu trang.

TÌM KIẾM NGƯỜI

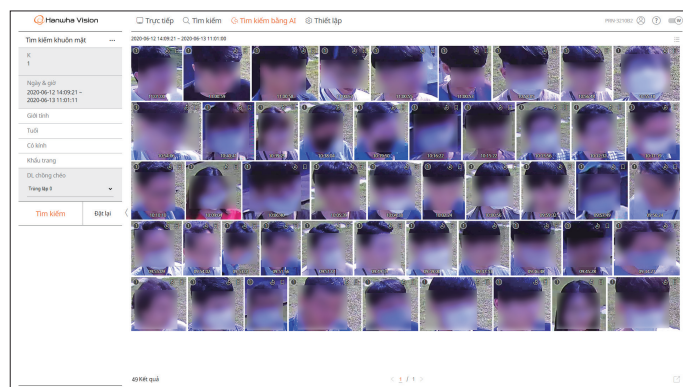
Trong dữ liệu đã ghi, bạn có thể tìm kiếm một người theo bất kỳ điều kiện nào bạn muốn, chẳng hạn như giới tính, màu sắc trên/dưới.



- Chọn <Tìm kiếm người> trong menu <Tìm kiếm bằng AI>.
- Chọn kênh để tìm kiếm.
- Chọn ngày và giờ để tìm kiếm.
- Chọn tùy chọn tìm kiếm chi tiết.
 - Các tùy chọn tìm kiếm người: **Giới tính, Quần áo - Màu trên, Quần áo - Màu dưới, Có túi**
 - Nhấp vào tùy chọn để hiển thị của số lựa chọn tùy chọn. Chọn tùy chọn tìm kiếm bạn muốn.
 - Nếu không có chi tiết nào được đặt, tất cả các điều kiện sẽ được chọn và tìm kiếm.
- Chọn phần DL chống chéo.
Phần chống chéo sẽ hiển thị khi có dữ liệu chống chéo trong một kênh do có thay đổi về thời gian hoặc múi giờ tiêu chuẩn tại thời điểm đã chọn.
- Nhấp vào nút <Tìm kiếm>.
Danh sách kết quả tìm kiếm sẽ được hiển thị.
 - Để dừng tìm kiếm, nhấp vào <Dừng> trong cửa sổ tìm kiếm bật lên. Bạn có thể kiểm tra kết quả tìm kiếm cho đến lúc này.
 - K: Hiển thị kênh đã ghi.
 - Tên camera: Hiển thị tên camera.
 - Thuộc tính: Hiển thị các thuộc tính kết quả tìm kiếm được ghi nhận.
 - Giờ: Hiển thị thời gian bắt đầu của video đã quay.
 - Phát lại: Phát video đã quay bằng trình xem tức thì.
 - Dấu trang: Chỉ định dấu trang cho video đã quay.
- Nhấp vào <🔍> trong danh sách tìm kiếm để hiển thị trình xem tức thì.
- Nhấp vào <🔍> để đi đến màn hình phát lại.

TÌM KIẾM KHUÔN MẶT

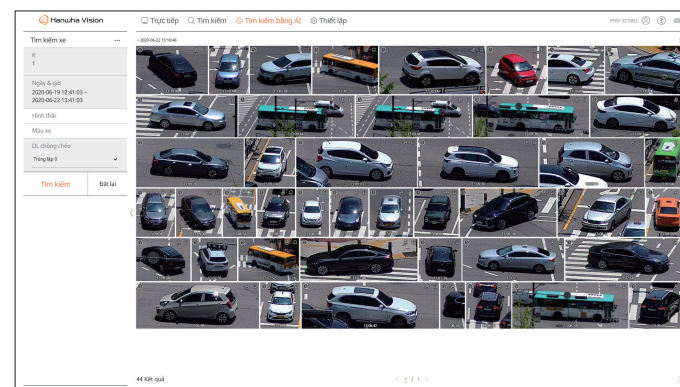
Từ dữ liệu đã ghi, bạn có thể tìm kiếm khuôn mặt theo các điều kiện bạn muốn như giới tính và tuổi tác.



1. Chọn **<Tìm kiếm khuôn mặt>** trong menu **<Tìm kiếm bằng AI>**.
2. Chọn kênh để tìm kiếm.
3. Chọn ngày và giờ để tìm kiếm.
4. Chọn tùy chọn tìm kiếm chi tiết.
 - Các tùy chọn tìm kiếm người: **Giới tính, Tuổi, Có kính, Khẩu trang**
 - Nhấp vào tùy chọn để hiển thị cửa sổ lựa chọn tùy chọn. Chọn tùy chọn tìm kiếm bạn muốn.
 - Nếu không có chi tiết nào được đặt, tất cả các điều kiện sẽ được chọn và tìm kiếm.
5. Chọn phần DL chống chéo.
Phần chống chéo sẽ hiển thị khi có dữ liệu chống chéo trong một kênh do có thay đổi về thời gian hoặc múi giờ tiêu chuẩn tại thời điểm đã chọn.
6. Nhấp vào nút **<Tìm kiếm>**.
Danh sách kết quả tìm kiếm sẽ được hiển thị.
 - Để dừng tìm kiếm, nhấp vào **<Dừng>** trong cửa sổ tìm kiếm bật lên. Bạn có thể kiểm tra kết quả tìm kiếm cho đến lúc này.
 - K: Hiển thị kênh đã ghi.
 - Tên camera: Hiển thị tên camera.
 - Thuộc tính: Hiển thị các thuộc tính kết quả tìm kiếm được ghi nhận.
 - Giờ: Hiển thị thời gian bắt đầu của video đã quay.
 - Phát lại: Phát video đã quay bằng trình xem tức thì.
 - Dấu trang: Chỉ định dấu trang cho video đã quay.
7. Nhấp vào **<🔍>** trong danh sách tìm kiếm để hiển thị trình xem tức thì.
8. Nhấp vào **<🔍>** để đi đến màn hình phát lại.

TÌM KIẾM XE

Bạn có thể tìm kiếm xe bằng cách đặt điều kiện loại xe và màu sắc từ dữ liệu đã ghi.

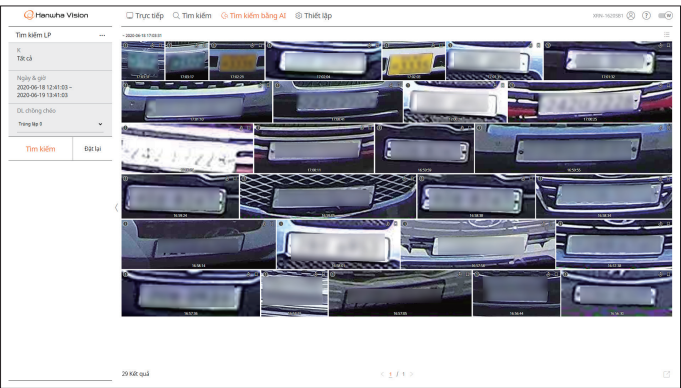


1. Chọn **<Tìm kiếm xe>** trong menu **<Tìm kiếm bằng AI>**.
2. Chọn kênh để tìm kiếm.
3. Chọn ngày và giờ để tìm kiếm.
4. Chọn tùy chọn tìm kiếm chi tiết.
 - Tùy chọn tìm kiếm xe: **Hình thái, Màu xe**
 - Nhấp vào tùy chọn để hiển thị cửa sổ lựa chọn tùy chọn. Chọn tùy chọn tìm kiếm bạn muốn.
 - Nếu không có chi tiết nào được đặt, tất cả các điều kiện sẽ được chọn và tìm kiếm.
5. Chọn phần DL chống chéo.
Phần chống chéo sẽ hiển thị khi có dữ liệu chống chéo trong một kênh do có thay đổi về thời gian hoặc múi giờ tiêu chuẩn tại thời điểm đã chọn.
6. Nhấp vào nút **<Tìm kiếm>**.
Danh sách kết quả tìm kiếm sẽ được hiển thị.
 - Để dừng tìm kiếm, nhấp vào **<Dừng>** trong cửa sổ tìm kiếm bật lên. Bạn có thể kiểm tra kết quả tìm kiếm cho đến lúc này.
 - K: Hiển thị kênh đã ghi.
 - Tên camera: Hiển thị tên camera.
 - Thuộc tính: Hiển thị các thuộc tính kết quả tìm kiếm được ghi nhận.
 - Giờ: Hiển thị thời gian bắt đầu của video đã quay.
 - Phát lại: Phát video đã quay bằng trình xem tức thì.
 - Dấu trang: Chỉ định dấu trang cho video đã quay.
7. Nhấp vào **<🔍>** trong danh sách tìm kiếm để hiển thị trình xem tức thì.
8. Nhấp vào **<🔍>** để đi đến màn hình phát lại.

Trình xem tìm kiếm AI

TÌM KIẾM LP

Bạn có thể tìm kiếm biển số xe trong dữ liệu đã ghi.

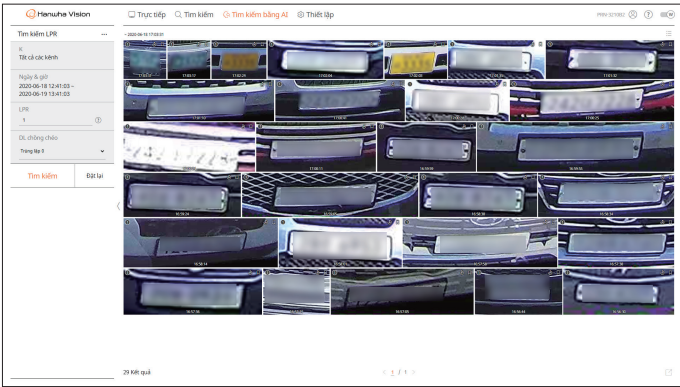


1. Chọn <Tìm kiếm LP> trong menu <Tìm kiếm bằng AI>.
2. Chọn kênh để tìm kiếm.
3. Chọn ngày và giờ để tìm kiếm.
4. Chọn phần DL chống chéo.
Phần chống chéo sẽ hiển thị khi có dữ liệu chống chéo trong một kênh do có thay đổi về thời gian hoặc múi giờ tiêu chuẩn tại thời điểm đã chọn.
5. Nhấp vào nút <Tìm kiếm>.
Danh sách kết quả tìm kiếm sẽ được hiển thị.
 - Để dừng tìm kiếm, nhấp vào <Dừng> trong cửa sổ tìm kiếm bật lên. Bạn có thể kiểm tra kết quả tìm kiếm cho đến lúc này.
 - K: Hiển thị kênh đã ghi.
 - Tên camera: Hiển thị tên camera.
 - Giờ: Hiển thị thời gian bắt đầu của video đã quay.
 - Phát lại: Phát video đã quay bằng trình xem tức thì.
 - Dấu trang: Chỉ định dấu trang cho video đã quay.
6. Nhấp vào <🔍> trong danh sách tìm kiếm để hiển thị trình xem tức thì.
7. Nhấp vào <🔍> để đi đến màn hình phát lại.

TÌM KIẾM LPR

Bạn có thể tìm kiếm biển số xe được nhận diện trong dữ liệu đã ghi.

- Tìm kiếm bằng LPR chỉ sẵn có trên các model thiết bị lưu trữ hỗ trợ nhận diện bằng AI.



1. Chọn <Tìm kiếm LPR> trong menu <Tìm kiếm bằng AI>.
2. Chọn kênh để tìm kiếm.
3. Chọn ngày và giờ để tìm kiếm.
4. Nhập số xe để tìm kiếm.
 - Nhấp vào <?> để xem hướng dẫn tìm kiếm số xe.
 - Tùy chọn của trường nhập số xe chỉ có trong các model thiết bị lưu trữ có hỗ trợ tìm kiếm LPR.
5. Chọn phần DL chống chéo.
Phần chống chéo sẽ hiển thị khi có dữ liệu chống chéo trong một kênh do có thay đổi về thời gian hoặc múi giờ tiêu chuẩn tại thời điểm đã chọn.
6. Nhấp vào nút <Tìm kiếm>.
Danh sách kết quả tìm kiếm sẽ được hiển thị.
 - Để dừng tìm kiếm, nhấp vào <Dừng> trong cửa sổ tìm kiếm bật lên. Bạn có thể kiểm tra kết quả tìm kiếm cho đến lúc này.
 - K: Hiển thị kênh đã ghi.
 - Tên camera: Hiển thị tên camera.
 - LPR: Hiển thị số xe đã xác định.
 - Giờ: Hiển thị thời gian bắt đầu của video đã quay.
 - Phát lại: Phát video đã quay bằng trình xem tức thì.
 - Dấu trang: Chỉ định dấu trang cho video đã quay.
7. Nhấp vào <🔍> trong danh sách tìm kiếm để hiển thị trình xem tức thì.
8. Nhấp vào <🔍> để đi đến màn hình phát lại.

XUẤT KẾT QUẢ TÌM KIẾM

Các kết quả tìm kiếm, chẳng hạn như người, khuôn mặt và xe có thể được xuất thành tệp.

Ví dụ: Xuất kết quả tìm kiếm người

1. Nhấp vào trong danh sách kết quả tìm kiếm.

Xuất						
<input type="checkbox"/>	STT	K	Tên camera	Thuộc tỉnh	Ghi	
<input type="checkbox"/>	01	1	CAM 01			2024-08-20 09:03:01
<input type="checkbox"/>	02	10	CAM 10	●		2024-08-20 06:46:18
<input type="checkbox"/>	03	10	CAM 10	●		2024-08-19 04:02:16
<input type="checkbox"/>	04	10	CAM 10	●		2024-08-19 01:44:20
<input type="checkbox"/>	05	10	CAM 10			2024-08-18 09:00:26
<input type="checkbox"/>	06	10	CAM 10	●		2024-08-18 08:14:13
<input type="checkbox"/>	07	10	CAM 10			2024-08-18 07:43:33
<input type="checkbox"/>	08	10	CAM 10	●		2024-08-18 05:22:22
<input type="checkbox"/>	09	10	CAM 10			2024-08-18 04:10:57
<input type="checkbox"/>	10	10	CAM 10			2024-08-18 04:09:52

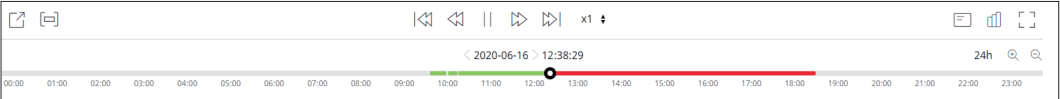
2. Chọn mục mong muốn.
3. Chọn **AVI** hoặc **ZIP** làm phần mở rộng của tệp sẽ được lưu.
Khi bạn chọn phần mở rộng **ZIP**, cửa sổ **<Cài đặt mật khẩu>** xuất hiện và bạn có thể mã hóa tệp bằng cách nhập mật khẩu.
 - Sử dụng trình giải mã ZIP có hỗ trợ AES-256.
4. Nhấp vào **<Ok>**.
Một cửa sổ xác nhận sẽ xuất hiện khi quá trình xuất hoàn tất.
 - Tệp video đã xuất được lưu trong thư mục tải xuống.
 - Nếu bạn nhấp vào nút **<Dừng>** trong khi đang xuất, quá trình xuất sẽ dừng lại.

PHÁT KẾT QUẢ TÌM KIẾM

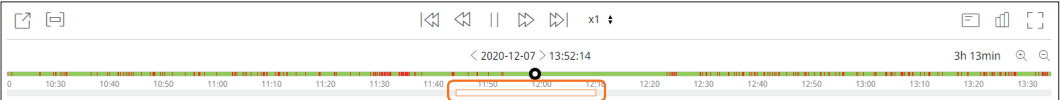
Bạn có thể phát dữ liệu đã ghi và xuất video bạn muốn trong khi phát lại.

Cách điều chỉnh dòng thời gian

Bạn có thể di chuyển vị trí phát lại và phóng to/thu nhỏ dòng thời gian.



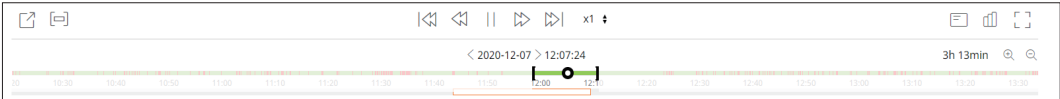
- Nhấp vào vị trí phát bạn muốn trong dòng thời gian.
Vị trí bắt đầu phát lại sẽ được di chuyển.
 - Nhấp vào điểm bắt đầu ở bên trái dòng thời gian để di chuyển vị trí phát lại đến điểm bắt đầu của video đầu tiên.
 - Di chuột lên dòng thời gian để xem hình thu nhỏ tương ứng của video đã quay.
- Nhấp vào <🔍>, <🔍> để phóng to hoặc thu nhỏ độ phóng đại hiển thị thời gian. Khi dòng thời gian được phóng lớn, thanh cuộn sẽ xuất hiện ở dưới cùng.
 - Bạn có thể sử dụng con lăn chuột trên dòng thời gian để phóng to hoặc thu nhỏ thang thời gian.
 - Độ phóng đại dòng thời gian sẽ được hiển thị ở trên cùng bên phải của dòng thời gian.
- Để xem dòng thời gian trước hoặc sau khi phóng to, hãy phóng to và kéo dòng thời gian sang trái hoặc sang phải.



XUẤT VIDEO BẰNG CÁCH THIẾT LẬP KHOẢNG

Bạn có thể chọn phần mình muốn từ dòng thời gian hoặc danh sách tìm kiếm trong khi phát video và xuất video thành tệp.

- Nhấp vào nút <📺>.
- Chọn điểm bắt đầu và kết thúc của phần bạn muốn trong dòng thời gian bằng chuột.



- Nhấp vào nút <📺>.

Xuất

Mặc định

☐ Tất cả các kênh

1	2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31	32
33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48
49	50	51	52	53	54	55	56
57	58	59	60	61	62	63	64

Ngày & giờ2024-10-28 00:00:00 – 2024-10-28 23:59:59

Thiết lập

DL chồng chéoTrùng lặp 0

Loại tệpAVI

Cài đặt mật khẩu

Tên tệp

Tổng: 0%

KC: 0%

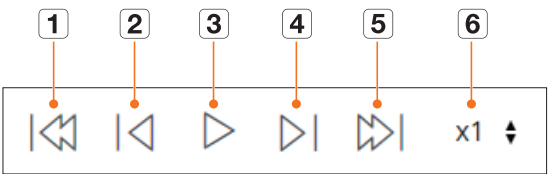
Ok

Hủy

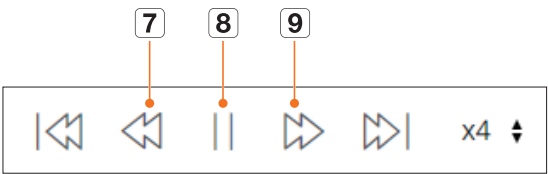
- Chọn bố cục để xuất và chọn kênh bạn muốn.
- Nhấp vào <Thiết lập> để đặt ngày và giờ xuất.
- Chọn **AVI** hoặc **ZIP** làm phần mở rộng của tệp sẽ được lưu.
Khi bạn chọn phần mở rộng **ZIP**, cửa sổ <Cài đặt mật khẩu> xuất hiện và bạn có thể mã hóa tệp bằng cách nhập mật khẩu.
 - Sử dụng trình giải mã ZIP có hỗ trợ AES-256.
- Nhập tên tệp để lưu, sau đó nhấp vào nút <Ok>.
- Khi xuất xong, cửa sổ xác nhận sẽ xuất hiện.
 - Tệp video đã xuất được lưu trong thư mục tải xuống.
 - Nếu bạn nhấp vào nút <Dừng> trong khi đang xuất, quá trình xuất sẽ dừng lại.

Tên và chức năng của nút phát

Trạng thái tạm dừng



Trạng thái phát lại

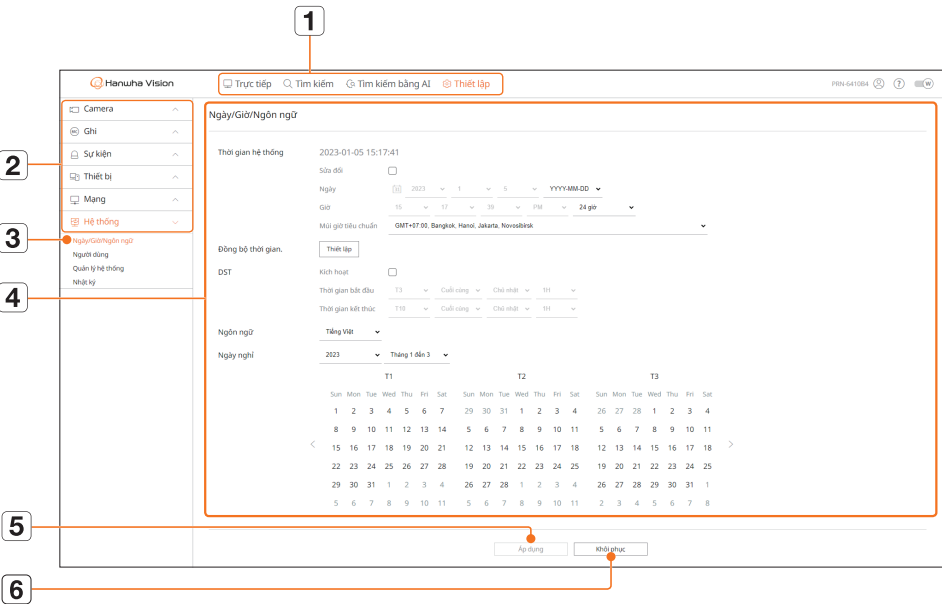


Tên		Mô tả
1	Sự kiện trước	Đi đến video sự kiện trước.
2	Khung hình trước	Di chuyển lùi về khung hình chính (I-frame).
3	Phát lại	Phát video.
4	Khung hình tiếp theo	Di chuyển về phía trước một hoặc nhiều khung hình.
5	Sự kiện tiếp theo	Đi đến video sự kiện tiếp theo.
6	Tốc độ	Chọn tốc độ phát lại video. Tốc độ: x1/8, x1/4, x1/2, x1, x2, x4, x8, x16, x32, x64, x128, x256
7	Lùi nhanh	Nút này được sử dụng để phát ngược lại. Tốc độ: -x1/8, -x1/4, -x1/2, -x1, -x2, -x4, -x8, -x16, -x32, -x64, -x128, -x256 ■ Tùy thuộc vào màn hình chia, tốc độ tối đa có thể bị giới hạn.
8	Tạm dừng	Tạm dừng video.
9	Tiến nhanh	Nút này được sử dụng để tua nhanh. Tốc độ: x1/8, x1/4, x1/2, x1, x2, x4, x8, x16, x32, x64, x128, x256 ■ Tùy thuộc vào màn hình chia, tốc độ tối đa có thể bị giới hạn.

trình xem thiết lập

Bạn có thể định cấu hình cài đặt Thiết bị lưu trữ từ xa trên mạng.

BỐ CỤC MÀN HÌNH TRÌNH XEM THIẾT LẬP



	Tên	Mô tả
1	Menu	Nhấp vào từng menu để chuyển đến màn hình menu.
2	Danh sách menu trên cùng	Định cấu hình cài đặt hoặc chọn mục gốc để thay đổi cài đặt hiện tại.
3	Danh sách menu phụ	Trong các menu phụ của menu gốc đã chọn, hãy chọn mục bạn muốn đặt.
4	Menu chi tiết	Nhấp vào trường nhập của mục bạn muốn thay đổi và nhập giá trị bạn muốn.
5	Áp dụng	Áp dụng cài đặt đã sửa đổi.
6	Khôi phục	Khôi phục về cài đặt đã sử dụng trước khi thay đổi.

CÀI ĐẶT CAMERA

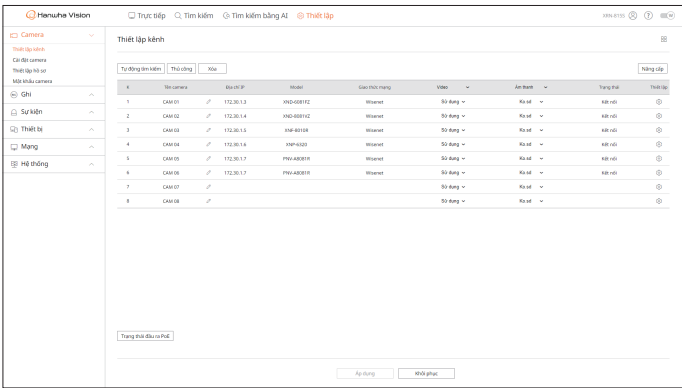
Bạn có thể kiểm tra danh sách camera kết nối với Thiết bị lưu trữ và ddinhj cấu hình cài đặt cần thiết. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt camera**" trong Mục lục.

Thiết lập kênh

Bạn có thể đăng ký một camera mạng cho từng kênh và kết nối chúng.

- Khi bạn đăng ký camera lần đầu tiên trong menu "**Thiết lập > Camera > Thiết lập kênh**", màn hình cài đặt camera sẽ được hiển thị. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "**Bắt đầu > Bảng cài đặt camera**" của mục lục.

Thiết lập > Camera > Thiết lập kênh

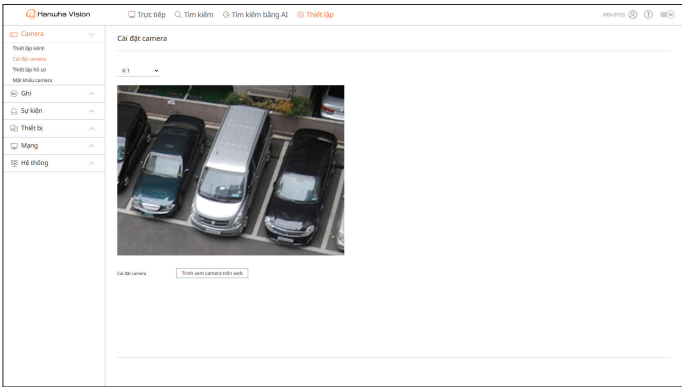


- Khi nhấp vào nút <**Nâng cấp**>, bạn có thể kiểm tra phiên bản, phiên bản nâng cấp, trạng thái của camera và nâng cấp nó.

Cài đặt camera

Bạn có thể thay đổi cài đặt video của camera mạng đã đăng ký cho từng kênh bằng cách truy cập trình xem web.

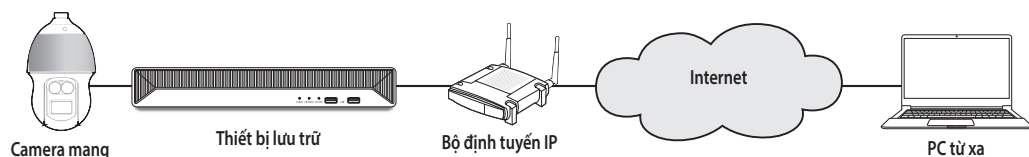
Thiết lập > Camera > Cài đặt camera



- Khi bạn nhấp vào nút <**Trình xem camera trên web**>, cửa sổ trình duyệt web camera mới sẽ mở.
 - Tính năng này không được hỗ trợ nếu camera kết nối với giao thức mạng RTSP.
 - Việc này không được hỗ trợ nếu camera được kết nối với DDNS hoặc một URL.
 - Tính năng này hỗ trợ phiên bản được chỉ định bên dưới và các phiên bản sau đó cho từng camera dòng Q/P/X.
(Dòng QND-7010R: 1.04, Dòng QND-7080R: 1.02, Dòng QND-6010R: 1.02, Dòng QND-6070R: 1.01, Dòng P: 1.01)
 - Khi bạn đang kết nối với trang web camera trên mạng kín, camera không hỗ trợ web phổ quát sẽ không thể xuất hình ảnh.
 - Cài đặt mặc định của cổng proxy camera sẽ tự động được đặt trong trình tự theo số lượng kênh được hỗ trợ bởi Thiết bị lưu trữ. Nếu bạn muốn thay đổi cổng proxy, hãy chọn menu thiết lập cổng.
 - 4 kênh (10001-10004), 8 kênh (10001-10008), 16 kênh (10001-10016), 32 kênh (10001-10032), 64 kênh (10001-10064)

Ví dụ: Giá trị mặc định của cổng proxy camera cho từng sản phẩm

- Model 4 kênh: 10001-10004
- Model 8 kênh: 10001-10008
- Model 16 kênh: 10001-10016
- Model 32 kênh: 10001-10032
- Model 64 kênh: 10001-10064
- Khi kết nối bên ngoài mạng kín như minh họa trong hình, cài đặt chuyển tiếp cổng của cổng proxy camera là bắt buộc đối với bộ định tuyến.



- Nếu có nhiều Thiết bị lưu trữ trong mạng kín, cần đặt từng cổng proxy camera bằng một cổng khác.
- Nếu kích hoạt DDNS và Kết nối nhanh, quá trình chuyển tiếp cổng sẽ tự động được đặt.
- Trình duyệt Chrome, Edge và Safari (Mac OS) được hỗ trợ.

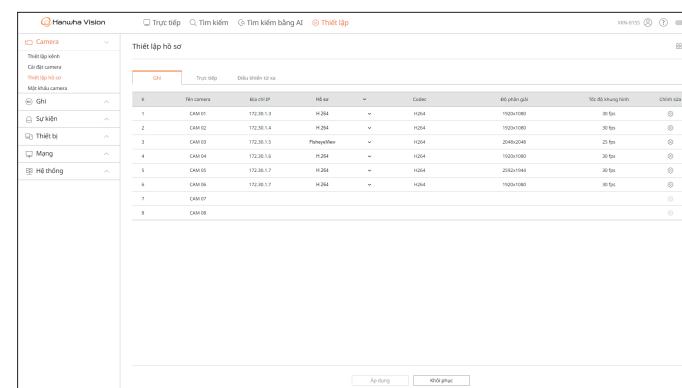
Thiết lập hồ sơ

Bạn có thể đặt hồ sơ cho camera mạng.

Thiết lập > Camera > Thiết lập hồ sơ

Ghi

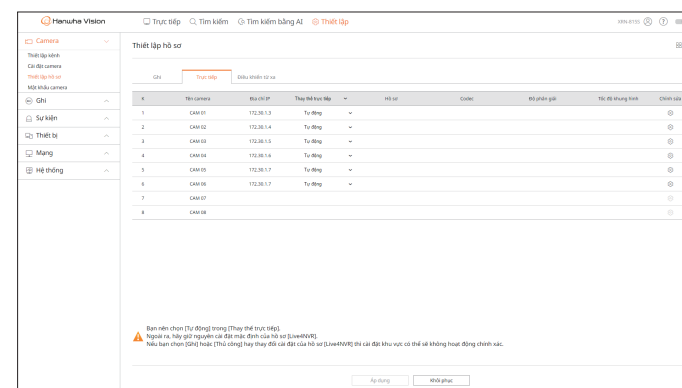
Bạn có thể đặt hồ sơ ghi cho camera mạng.



- Nhấp vào <⚙️> để thay đổi cài đặt hồ sơ. Bạn có thể thêm hoặc xóa hồ sơ và thay đổi cài đặt bằng cách truy cập Trình xem web của camera.

Trực tiếp

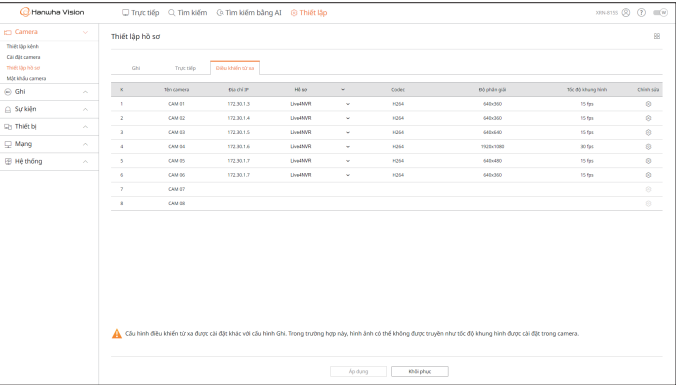
Bạn có thể thay đổi cài đặt truyền trực tiếp của camera mạng.



trình xem thiết lập

Điều khiển từ xa

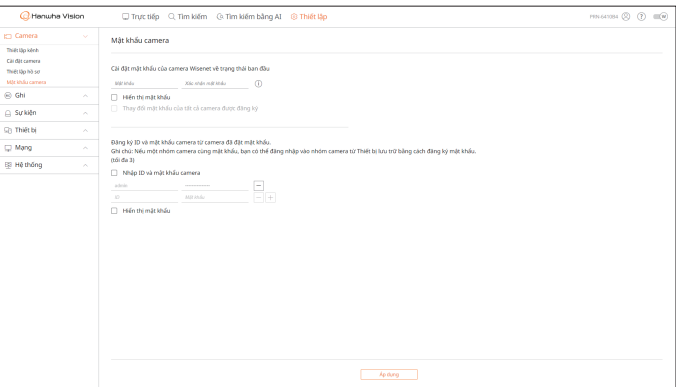
Bạn có thể đặt hồ sơ video được truyền tới mạng và màn hình mở rộng.



Mật khẩu camera

Bạn có thể thay đổi mật khẩu của tất cả camera được đăng ký cùng lúc.

Thiết lập > Camera > Mật khẩu camera



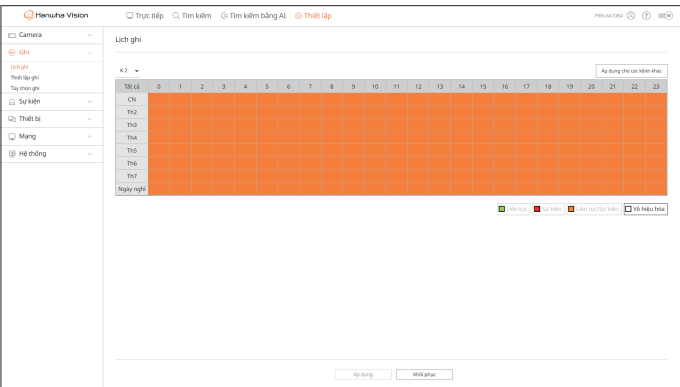
CÀI ĐẶT GHI

Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt ghi**" trong Mục lục.

Lịch ghi

Nếu bạn đặt lịch ghi vào một ngày và giờ cụ thể, quá trình ghi sẽ bắt đầu tại thời gian được chỉ định.

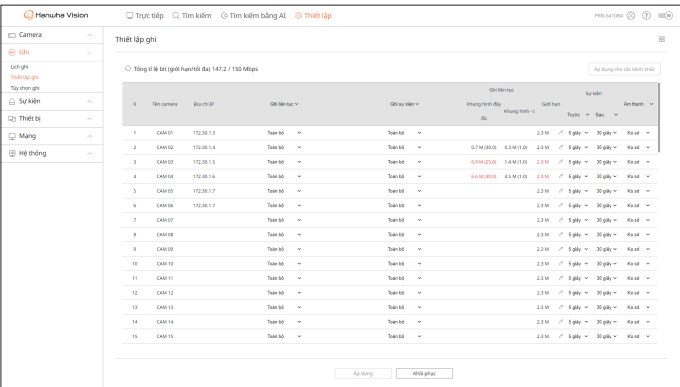
Thiết lập > Ghi > Lịch ghi



Thiết lập ghi

Chọn một loại tốc độ khung hình ghi chuẩn/ghi sự kiện cho từng kênh.

Thiết lập > Ghi > Thiết lập ghi

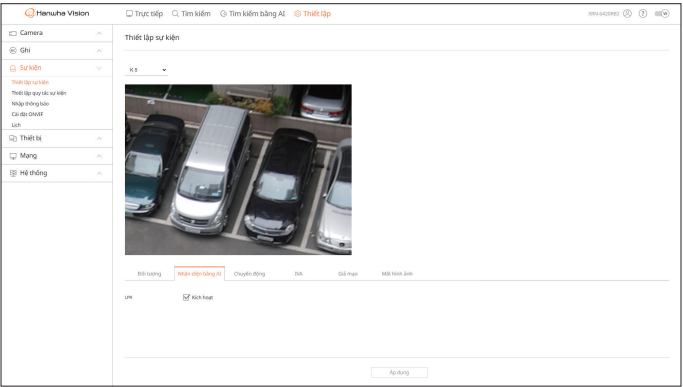


trình xem thiết lập

Nhận diện bằng AI

Bạn có thể thay đổi thiết lập sự kiện nhận diện bằng AI.

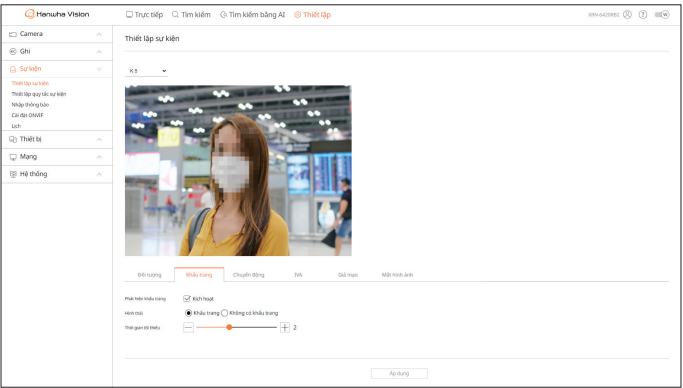
- 
- Cài đặt và thông số kỹ thuật hoạt động có thể khác nhau tùy thuộc vào model thiết bị lưu trữ và camera.



Phát hiện khẩu trang

Bạn có thể thay đổi thiết lập sự kiện phát hiện khẩu trang.

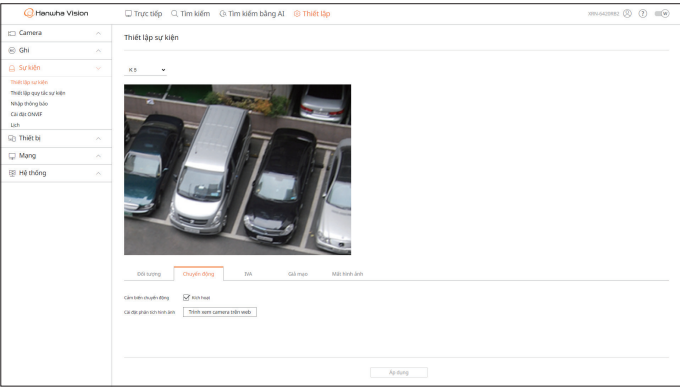
- 
- Cài đặt và thông số kỹ thuật hoạt động có thể khác nhau tùy thuộc vào model thiết bị lưu trữ và camera.



Cảm biến chuyển động

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho các sự kiện phát hiện chuyển động.

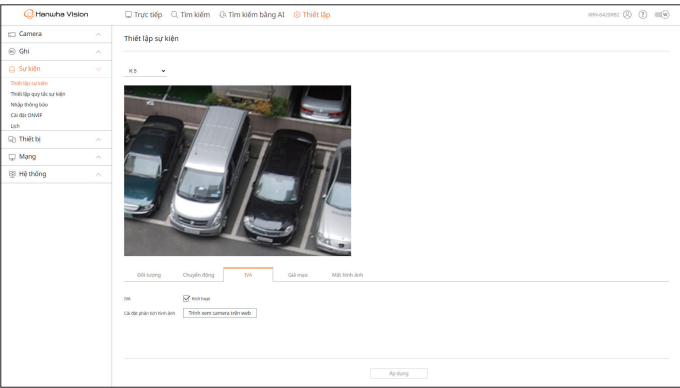
- 
- Bạn có thể truy cập Trình xem camera trên web để đặt phân tích video chi tiết.



IVA

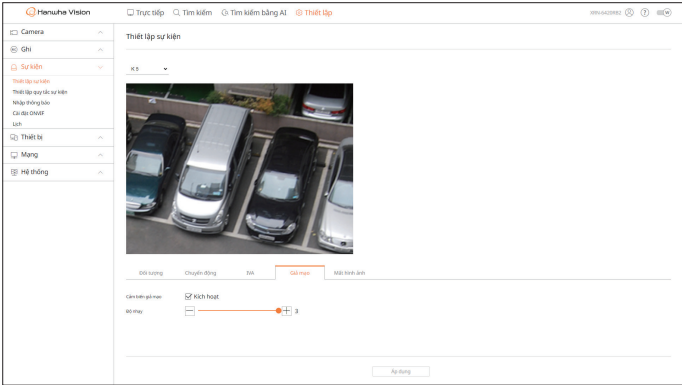
Bạn có thể thay đổi cài đặt cho các sự kiện Phân tích video thông minh (IVA).

- 
- Bạn có thể truy cập Trình xem camera trên web để đặt phân tích video chi tiết.



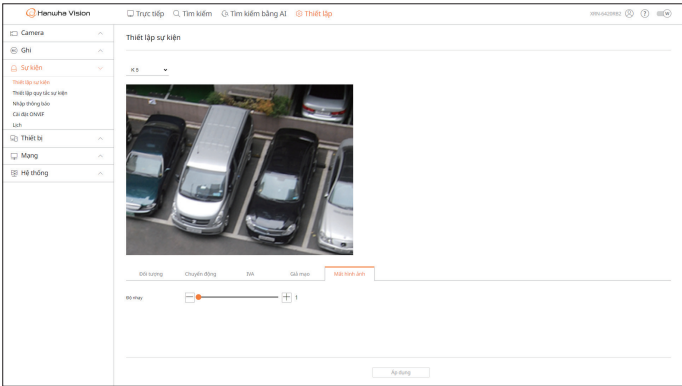
Cảm biến giả mạo

Bạn có thể thay đổi cách thiết lập sự kiện cảm biến giả mạo.



Phát hiện mất video

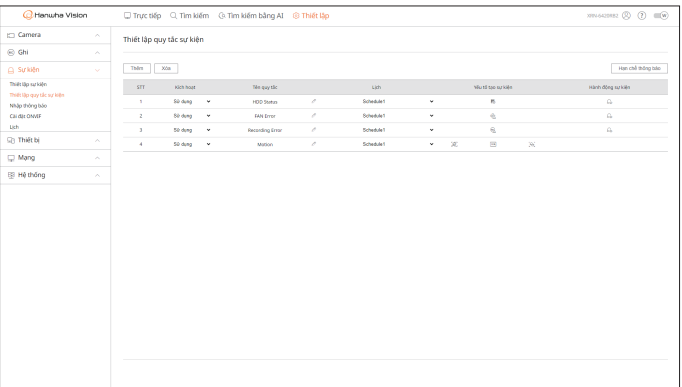
Bạn có thể thay đổi thiết lập sự kiện phát hiện mất video.



Thiết lập quy tắc sự kiện

Bạn có thể đặt yếu tố tạo sự kiện và quy tắc hành động để đưa ra báo động khi xảy ra sự kiện.

Thiết lập > Sự kiện > Thiết lập quy tắc sự kiện

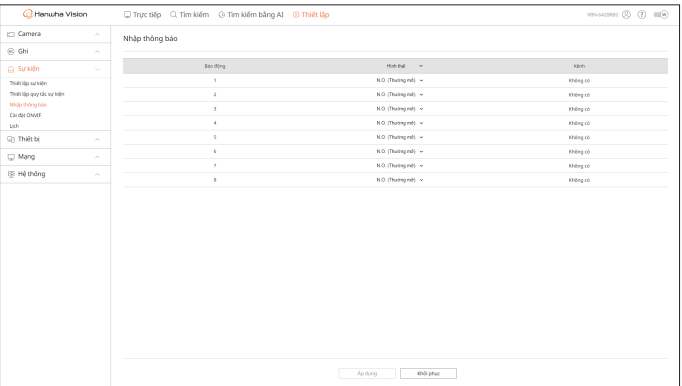


Nhập thông báo

Bạn có thể đặt hoạt động của cảm biến báo động.

- Chức năng này không được hỗ trợ trong một số model.

Thiết lập > Sự kiện > Nhập thông báo

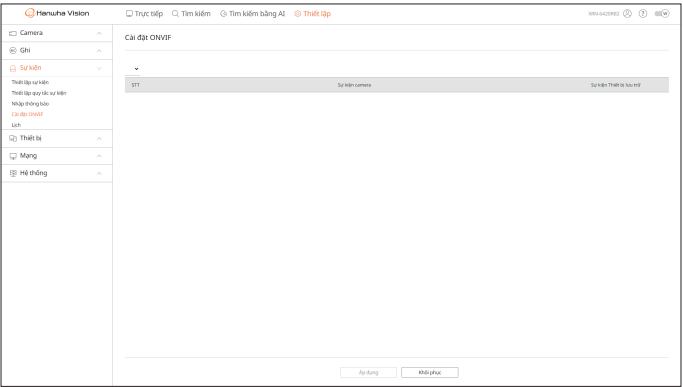


trình xem thiết lập

Cài đặt ONVIF

Bạn có thể đặt camera được đăng ký bằng giao thức mạng Onvif.

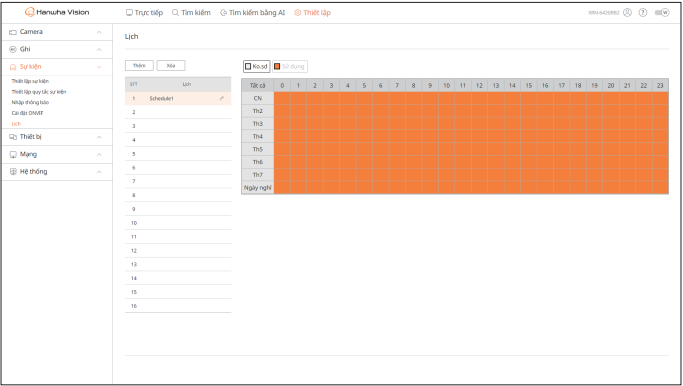
Thiết lập > Sự kiện > Cài đặt ONVIF



Lịch

Bạn có thể chọn đặt lên lịch phát báo động theo ngày và giờ tại đây.
Cài đặt ban đầu sẽ đồng bộ sự kiện và báo động sẽ chỉ được gửi khi xảy ra sự kiện.

Thiết lập > Sự kiện > Lịch



CÀI ĐẶT THIẾT BỊ

Bạn có thể kiểm tra danh sách các thiết bị kết nối với Thiết bị lưu trữ và định cấu hình cài đặt cần thiết.

Để biết chi tiết, tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt thiết bị**" trong Mục lục.

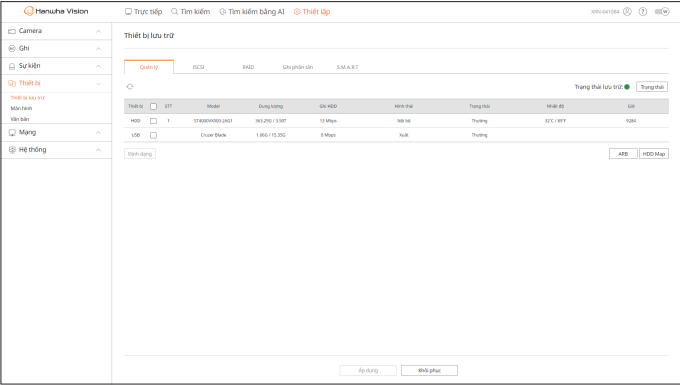
Thiết bị lưu trữ

Bạn có thể kiểm tra và thay đổi cài đặt liên quan đến thiết bị lưu trữ dữ liệu.

Thiết lập > Thiết bị > Thiết bị lưu trữ

Quản lý

Bạn có thể kiểm tra thiết bị lưu trữ, lượng sử dụng, loại sử dụng và trạng thái của thiết bị lưu trữ.

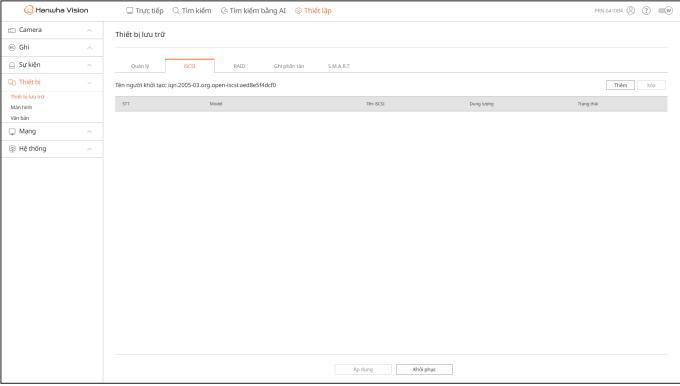


- ARB: Video không được ghi lại do ngắt kết nối với camera có thể được sao lưu sau khi thiết lập lại kết nối với camera.
Nhấn vào nút này và cửa sổ <**Tự động khôi phục sao lưu**> sẽ mở.
Để biết chi tiết, tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt thiết bị > Thiết bị lưu trữ**" trong Mục lục.

iSCSI

Chức năng này chỉ sẵn có với các sản phẩm hỗ trợ iSCSI. (Tham khảo trang "**Các chức năng được model hỗ trợ**".)

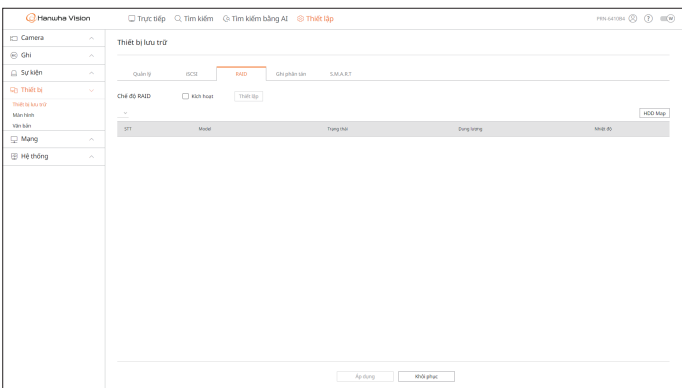
Khi kết nối thiết bị iSCSI với thiết bị lưu trữ, bạn có thể tìm kiếm thiết bị iSCSI và kết nối, ngắt kết nối iSCSI.



RAID

Chức năng này chỉ sẵn có với các sản phẩm hỗ trợ RAID. (Tham khảo trang "[Các chức năng được model hỗ trợ](#)".)

Bạn có thể đặt chế độ RAID (Array dự phòng của đĩa độc lập).

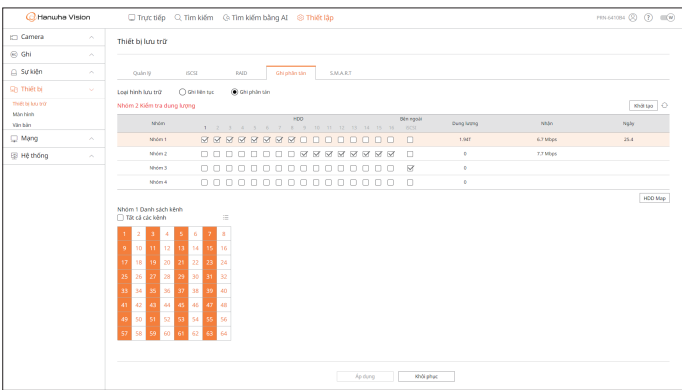


Ghi phân tán

Chức năng này chỉ sẵn có với các sản phẩm hỗ trợ ghi phân tán.

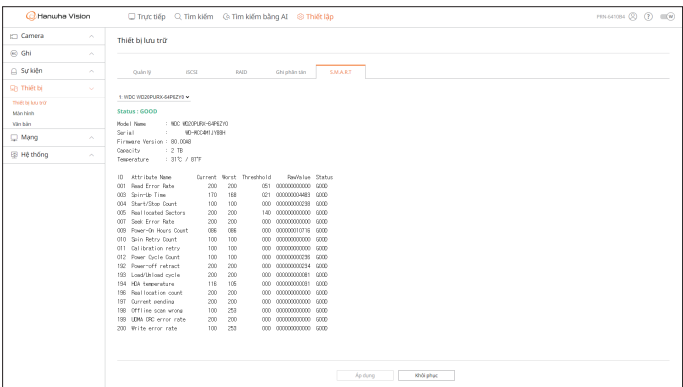
(Tham khảo trang "[Các chức năng được model hỗ trợ](#)".)

Bằng cách phân bổ một phần HDD nhất định cho mỗi nhóm, bạn có thể phân bổ lượng ghi để tiết kiệm tối ưu.



S.M.A.R.T

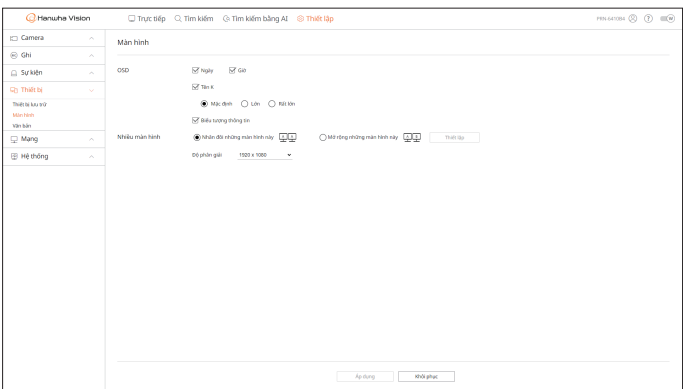
Bạn có thể kiểm tra trạng thái kết nối và chi tiết về đĩa cứng gắn trong thiết bị lưu trữ.



Màn hình

Bạn có thể đặt thông tin hiển thị trên màn hình cũng như hệ thống đầu ra.

Thiết lập > Thiết bị > Màn hình



- Nếu màn hình không hoạt động đúng, hãy xem phần "**Khắc phục sự cố (Câu hỏi thường gặp)**" trong Phụ lục.
- Cài đặt Thiết lập màn hình sẽ kiểm soát màn hình đã kết nối với Thiết bị lưu trữ.
- Video vượt quá độ phân giải 1080p sẽ không hiển thị từ màn hình phụ.

trình xem thiết lập

Văn bản

Bạn có thể đặt cài đặt hiển thị văn bản thiết bị và văn bản sự kiện.

Thiết lập > Thiết bị > Văn bản

Thiết bị

Có thể đặt các giá trị liên quan của thiết bị được kết nối với Thiết bị lưu trữ.

[illegible]

Sự kiện

Có thể đặt điều kiện tổng tiền và từ khóa để hiển thị các sự kiện của thiết bị nhắn tin.

Henshuo Vision

Trực tiếp

Tìm kiếm

Tìm kiếm bằng AI

Thiết lập

PRESS DATA

Camera

GHI

Sự kiện

Thiết bị

Thiết bị lưu trữ

Màn hình

Vpn thiết

Mạng

Hệ thống

Vấn bản

Thiết bị

Thiết bị

Tổng tiền

☒ 7000

Đơn vị

Từ khóa

Thêm

Xóa

QT

Đã xóa

1

7000

Áp dụng

Khôi phục

CÀI ĐẶT MẠNG

Để biết chi tiết, tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt mạng**" trong Mục lục.

IP & cổng

Người dùng từ xa có thể truy cập Thiết bị lưu trữ qua mạng để kiểm tra chế độ hiện tại và địa chỉ IP.

Thiết lập > Mạng > IP & cổng

Địa chỉ IP

Chỉ định đường dẫn kết nối mạng.

The screenshot shows the 'Thiết lập' (Setup) page for the Hanuwa Vision system. The page has a sidebar on the left with navigation options: Camera, Ghi (Record), Sự kiện (Events), Thiết bị (Devices), and the selected 'Mạng' (Network) option. The main content area is titled 'IP & cổng' (IP & Port). It features a table with the following data:

Thiết bị	IP	Cổng
Mạng 10(Camera)	172.20.1.200	
Mạng 20(Webcam)	192.168.2.200	
Mạng 30(SD)	192.168.3.200	

Below the table, there are two sections:

Bảng thông truyền (Transmission Table): A dropdown menu set to '400' and a range 'Mạng (1 - 400)'.

Cổng kết nối mặc định (Default Connection Port): Radio buttons for 'Mạng 1', 'Mạng 2' (selected), and 'Mạng 3'.

At the bottom of the page, there are two buttons: 'Áp dụng' (Apply) and 'Xóa phươ' (Delete).

Cổng

Bạn có thể định cấu hình cài đặt liên quan đến giao thức mạng.

The screenshot displays the 'Thiết lập' (Settings) page for the HanaHu Vision system. The left sidebar contains navigation options: Camera, Ghi (Record), Sự kiện (Events), Thiết bị (Devices), Mạng (Network), IP & cổng (IP & Port), DNS & POP, Lưu IP & MAC, HTTPS, Bật lại (Restart), FTP, E-mail, SOAP, Nâng cấp CHCP, and Hệ thống (System). The main area is titled 'IP & cổng' and features tabs for 'Danh sách IP' and 'Cổng' (Ports), with 'Cổng' being the active tab. Below the tabs are several configuration sections:

- Lưu giao thức**: A dropdown menu set to 'TCP'.
- Cổng RTSP**: A text input field containing '888'.
- Cổng UDP**: A text input field containing '5555-5555'.
- Bộ chỉ IP phát đa hướng**: A row of five spinners with values 220, 100, 50, 0, and 1.
- TTL phát đa hướng**: A spinner set to 5.
- Cổng HTTP**: A text input field containing '80'.
- Cổng HTTPS**: A text input field containing '443'.
- Cổng Proxy Camera**: A text input field containing '1001' followed by a minus sign and the value '10064'.

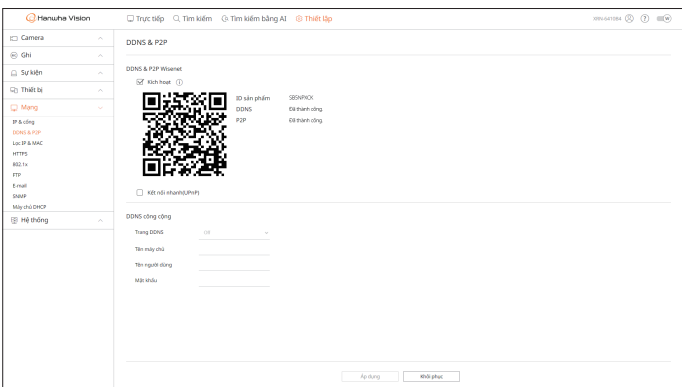
At the bottom right, there are two buttons labeled 'Áp dụng' (Apply) and 'Xóa phươ' (Clear).

DDNS & P2P

Người dùng từ xa có thể sử dụng địa chỉ DDNS để nối mạng một thiết bị lưu trữ trong hệ thống IP động. Nếu không thể kết nối với IP động, bạn có thể truy cập dễ dàng bằng cách sử dụng dịch vụ P2P.

Trước khi sử dụng DDNS & P2P Wisenet, vui lòng thiết lập kết nối mạng và DDNS trước.

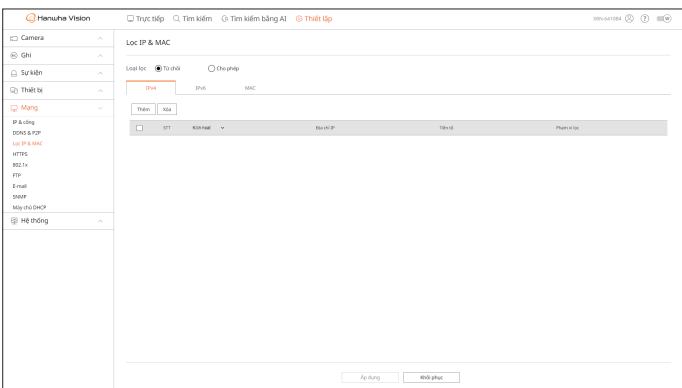
Thiết lập > Mạng > DDNS & P2P



Lọc IP & MAC

Bạn có thể chuẩn bị danh sách để cho phép hoặc từ chối truy cập vào một địa chỉ IP hoặc MAC cụ thể.

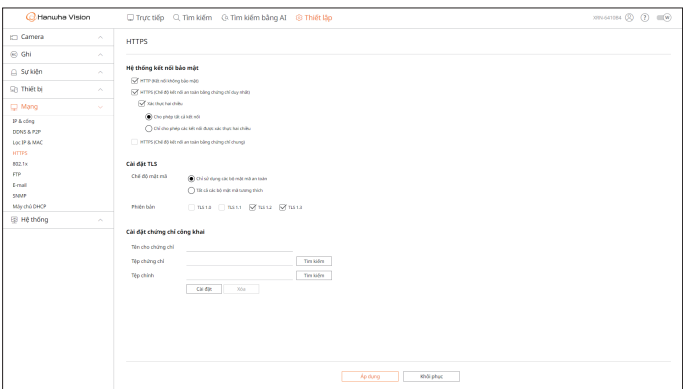
Thiết lập > Mạng > Lọc IP & MAC



HTTPS

Bạn có thể chọn hệ thống kết nối bảo mật hoặc cài đặt chứng chỉ công khai.

Thiết lập > Mạng > HTTPS

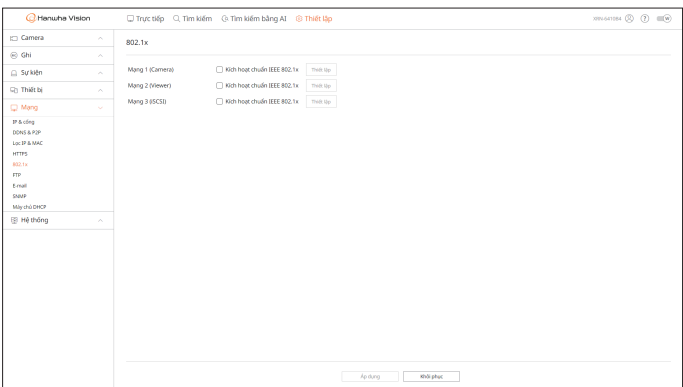


- Trong khi sử dụng HTTPS, nếu bạn muốn chuyển sang HTTP thì hoạt động bất thường có thể xảy ra do trình duyệt chứa các giá trị cài đặt. Bạn cần thay đổi URL thành HTTP và kết nối lại hoặc khởi tạo cài đặt cookie của trình duyệt.

802.1x

Khi kết nối với mạng, bạn có thể chọn có sử dụng giao thức mạng 802.1x hay không và cài đặt chứng chỉ tương ứng.

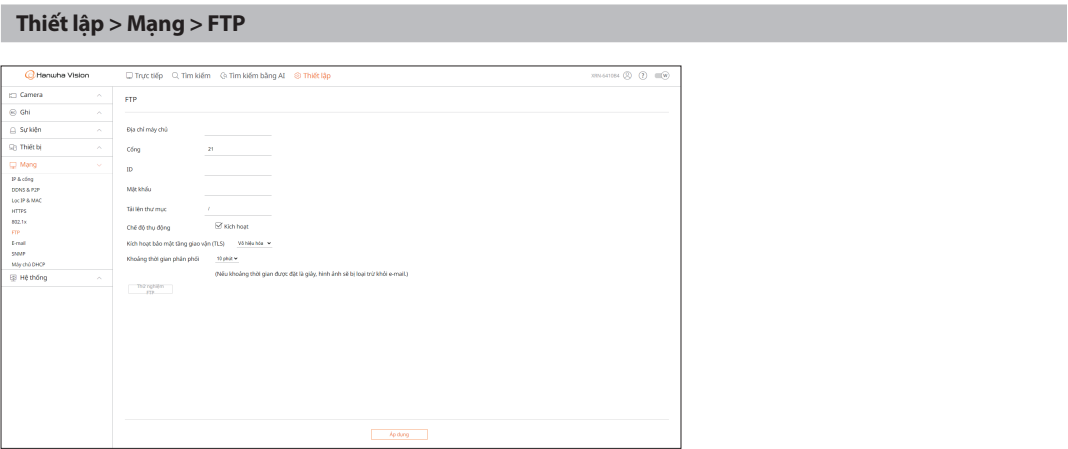
Thiết lập > Mạng > 802.1x



trình xem thiết lập

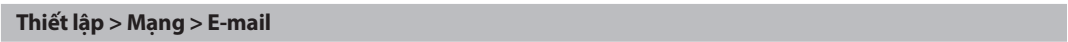
FTP

Khi một sự kiện xảy ra, bạn có thể tạo cài đặt liên quan đến máy chủ FTP mà hình ảnh sẽ được chuyển đến.



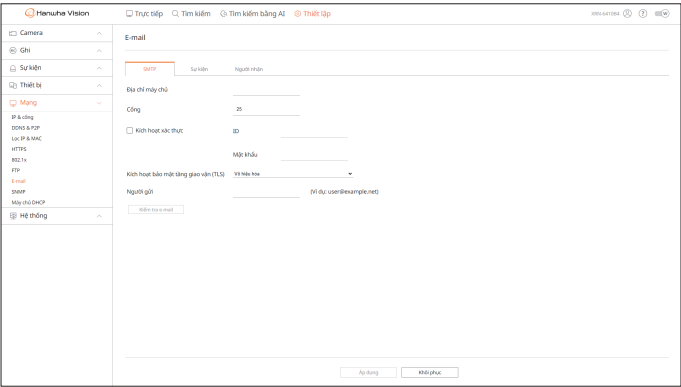
E-mail

Bạn có thể chỉ định máy chủ SMTP gửi thư nếu sự kiện xảy ra và đặt người dùng và nhóm nhận.



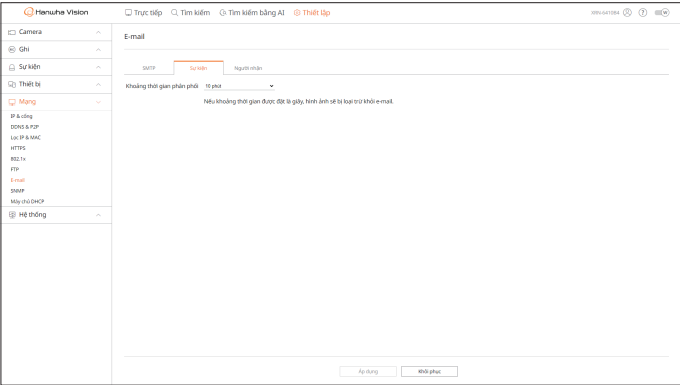
SMTP

Bạn có thể đặt máy chủ gửi thư và chỉ định xem bạn có sử dụng quy trình xác thực hay không.



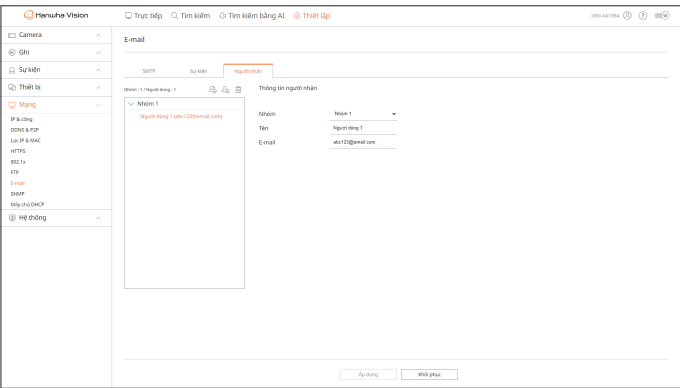
Sự kiện

Bạn có thể đặt khoảng thời gian sự kiện và chỉ định loại sự kiện cần máy chủ gửi thư.



Người nhận

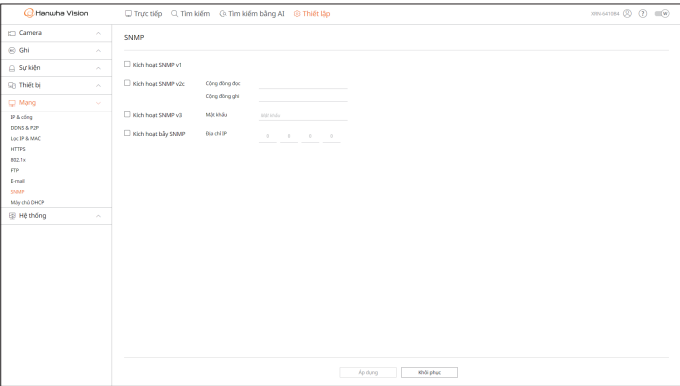
Bạn có thể đặt nhóm và người nhận email.



SNMP

Sử dụng giao thức mạng SNMP, quản trị viên mạng hoặc hệ thống có thể kiểm soát thiết bị mạng từ xa và đặt môi trường.

Thiết lập > Mạng > SNMP



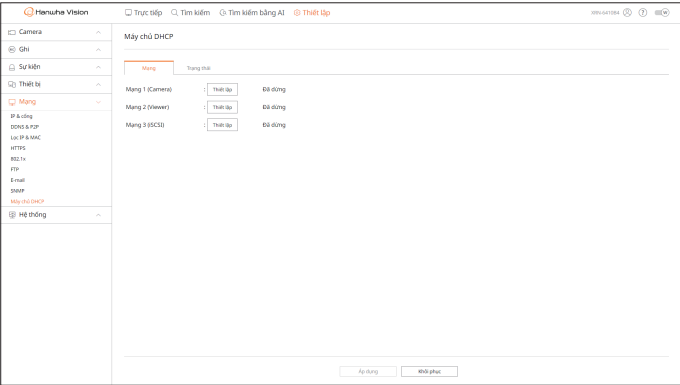
Máy chủ DHCP

Bạn có thể đặt địa chỉ IP camera mạng và kiểm tra chi tiết bằng cách thiết lập máy chủ DHCP.

Thiết lập > Mạng > Máy chủ DHCP

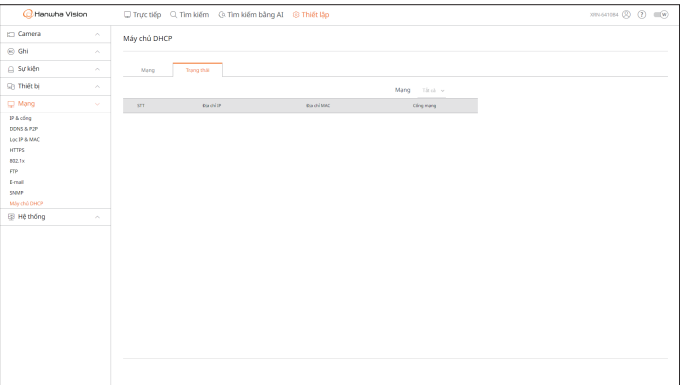
Mạng

Bạn có thể đặt máy chủ DHCP nội bộ và gán địa chỉ IP cho camera mạng.



Trạng thái

Bạn có thể kiểm tra IP và MAC hiện đang sử dụng thông qua máy chủ DHCP và cổng mạng kết nối.



trình xem thiết lập

CÀI ĐẶT HỆ THỐNG

Bạn có thể định cấu hình các cài đặt khác nhau của hệ thống Thiết bị lưu trữ.

Để biết chi tiết, tham khảo trang "**Thiết lập > Cài đặt hệ thống**" trong Mục lục.

Ngày/giờ/ngôn ngữ

Bạn có thể kiểm tra và thiết lập Ngày/Giờ hiện tại và các thuộc tính liên quan đến thời gian, cũng như ngôn ngữ được sử dụng cho giao diện trên màn hình.

Thiết lập > Hệ thống > Ngày/Giờ/Ngôn ngữ

[illegible]

Thời gian hệ thống

Đặt ngày và giờ.

Đồng bộ thời gian.

Đặt đồng bộ hóa thời gian.

DST

Trong mùa hè, Thời gian tiết kiệm ánh sáng (DST) sẽ sớm hơn một giờ đồng hồ so với múi giờ tiêu chuẩn tại địa phương.

Ngôn ngữ

Chọn ngôn ngữ ưu tiên cho Thiết bị lưu trữ.

Ngày nghỉ

Người dùng có thể chọn các ngày cụ thể làm ngày nghỉ theo sở thích của riêng họ.

Người dùng

Bạn có thể quản lý người dùng, chẳng hạn như thêm hoặc xóa người dùng và cấp các quyền khác nhau cho mỗi người dùng.

Thiết lập > Hệ thống > Người dùng

Quản trị viên

Bạn có thể thay đổi ID hoặc mật khẩu quản trị viên.

Hansuho Vision

Trực tiếp
Tìm kiếm
Tìm kiếm bằng AI
Thật là ập

10:23:30 AM

Camera

Ghi

Sự kiện

Thiết bị

Mạng

Hết thông báo

Ngày/Giờ/Ngày giờ
Ngày tháng
Quản lý tài khoản
Nhập lại

Người dùng

Quản lý mới

Người dùng

Cài đặt hạn chế

Vui lòng thêm ít nhất một người tại trường dân cá để một người.

ID

Mã nhân sự

Mặt khuôn mới

Kêu nhận mặt khuôn mới

☐ Nhận thức mặt khuôn

Áp dụng

Hủy phục


- ID chỉ được phép bao gồm ký tự chữ và số.
- Nếu ID quản trị viên không được dùng để truy cập, bạn không thể thay đổi ID.
- Nếu ID đang dùng bị thay đổi, bạn sẽ tự động đăng xuất.

Người dùng

Bạn có thể thêm, thay đổi hoặc loại bỏ một hoặc nhiều người dùng.

Cài đặt hạn chế

Bạn có thể đặt quyền người dùng.

 Hanaube Vision

Trực tiếp

Tìm kiếm

Tìm kiếm bằng AI

Thiết lập

Camera

Ghi

Sự kiện

Thiết bị

Mạng

Hiệ thống

Người dùng

Quản lý thiết bị

Thiết bị

PHI SÀO (0)

1

Người dùng

Quản lý việc

Người dùng

Cài đặt hạn chế

Hạn chế quyền truy cập

☐ Chọn tất cả

☐ Hạn chế truy cập

☒ Tìm kiếm kênh

☒ Ghi

☒ Kiểm soát đầu ra báo động từ xa

☒ Lưu trữ

☒ Kiểm soát PTZ

☒ Lấy thủ công

Hạn chế quyền truy cập từ xa

☐ Tắt cả trình xem

☐ Trình xem web

Đồng nhập

Tự đồng đồng xuất

Hiệp thủ đồng ID

☐ Kích hoạt

Áp dụng

Khôi phục

Quản lý hệ thống

Bạn có thể kiểm tra phiên bản hệ thống hiện tại và cập nhật lên phiên bản mới, xuất dữ liệu, cài đặt khởi tạo và hơn thế nữa.

Thiết lập > Hệ thống > Quản lý hệ thống

Thông tin sản phẩm

Bạn có thể thấy thông tin của hệ thống hiện tại.

Kiểm tra tên model, phiên bản phần mềm và địa chỉ MAC.

Bạn có thể tìm kiếm tệp từ thiết bị lưu trữ kết nối với PC để thực hiện nâng cấp.

Hanvivo Vision

- Camera
- GHI
- Tự kiểm
- Thiết bị
- Mạng
- Hệ thống**

Người/Gười quản trị
ngừng dùng
Quản lý thiết bị thông minh
Nhà máy

Trực tiếp > Tìm kiếm
Tìm kiếm bằng AI > **Thiết bị**

Quản lý hệ thống

Thống kê sản phẩm
Quản lý thông tin Các Dữ

Model	Y/N/A	Số SN
Phân lớp phân mềm	5.34.10.1	24401809216
Esp chip MAC 1	0009:0d:65:6f:61:63	
Esp chip MAC 2	0009:0d:65:6f:61:61	
Esp chip MAC 3	0009:0d:65:6f:61:62	
Phần bản-BSD	2.0.5.70613	
Phần bản-LINK	3.40.29	
Số phát	29F07D2CGG0000H	

[Open Source Announcement](#)

Năng cấp ngoại tuyến

Năng cấp trực tuyến

Tự động cập nhật phần mềm

☒ Bỏ không báo cấp mới
 ☐ Tự động cập nhật
 ☐ Không báo cấp mới

Xác thực

Tự động cập nhật lịch trình

☒ không ngày
 ☐ không tuần
 ☐ không tháng

<<
01
02
>>

Tên thiết bị:
KHNS-GA1004
Xả dòng

Quản lý thông tin Cài đặt

Sử dụng thiết bị lưu trữ, bạn có thể áp dụng cấu hình hiện tại của Thiết bị lưu trữ cho một Thiết bị lưu trữ khác.

Nhấn nút Khởi tạo để đưa cài đặt mạng về trạng thái cài đặt gốc ban đầu. Các mục trong danh mục **<Không bao gồm>** sẽ bị loại trừ khỏi quá trình khởi tạo.

[illegible]

Nhật ký

Bạn có thể kiểm tra thông tin nhật ký liên quan đến hệ thống, sự kiện và hoạt động xuất.

Thiết lập > Hệ thống > Nhật ký

Nhật ký hệ thống

Thông tin nhật ký liên quan đến hệ thống, chẳng hạn như khởi động hệ thống, tắt hệ thống và thay đổi cài đặt menu có thể được truy xuất.

Trực tiếp
Tìm kiếm
Tìm kiếm bằng AI
Thiết bị
PHÂN DẠNG
THIẾT BỊ

Camera

Ghi

Sự kiện

Thiết bị

Mạng

Hệ thống

Nghĩa vụ quân sự

Ngày tìm kiếm: 2022-08-01 - 2022-08-01

Kênh

Tên có các kênh

Lưu nhận từ

Tên là

Thiết bị

IDT	X	Model	Ngày ghi
52	6	Camera kết nối	2022-08-01 10:21:40
51	6	Camera ngก์ hể nội	2022-08-01 10:21:29
50	4	Camera ngก์ hể nội	2022-08-01 10:21:29
48	3	Camera ngก์ hể nội	2022-08-01 10:21:29
48	2	Camera ngก์ hể nội	2022-08-01 10:21:29
47	9	Camera ngก์ hể nội	2022-08-01 10:21:29
46	1	Camera ngก์ hể nội	2022-08-01 10:21:29
Đã đưa thành lập quân vị viên (Đầu tiên từ: IP:172.26.1.42) (MSS)			
44			2022-08-01 10:19:44
Đã đưa thành lập quân vị viên (Cục họ)			
40			2022-08-01 09:54:20
Đồng nhập quân vị viên (Cục họ)			
43			2022-08-01 09:54:19

<

1 / 14

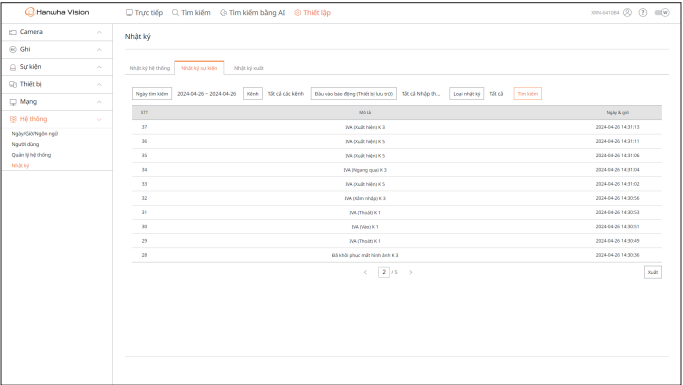
>

Thêm

trình xem thiết lập

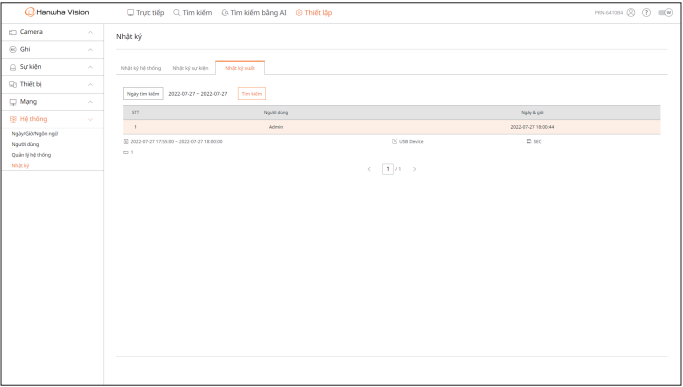
Nhật ký sự kiện

Nhật ký sự kiện sẽ liệt kê các sự kiện đã ghi, chẳng hạn như sự kiện cảm biến, sự kiện camera hoặc mất hình ảnh.



Nhật ký xuất

Bạn có thể tìm kiếm người dùng đã thực hiện việc xuất, thời gian thực thi và chi tiết (thời gian, kênh, thiết bị và loại tệp).



trình xem xuất

TRÌNH XEM SAO LƯU SEC

Bạn có thể phát tệp đã được sao lưu ở định dạng SEC.
Bản sao lưu ở định dạng SEC sẽ tạo ra tệp dữ liệu sao lưu, tệp thư viện và tệp tự thực thi của trình xem.
Nếu bạn chạy trình xem tệp sao lưu, tệp dữ liệu sao lưu sẽ được phát.

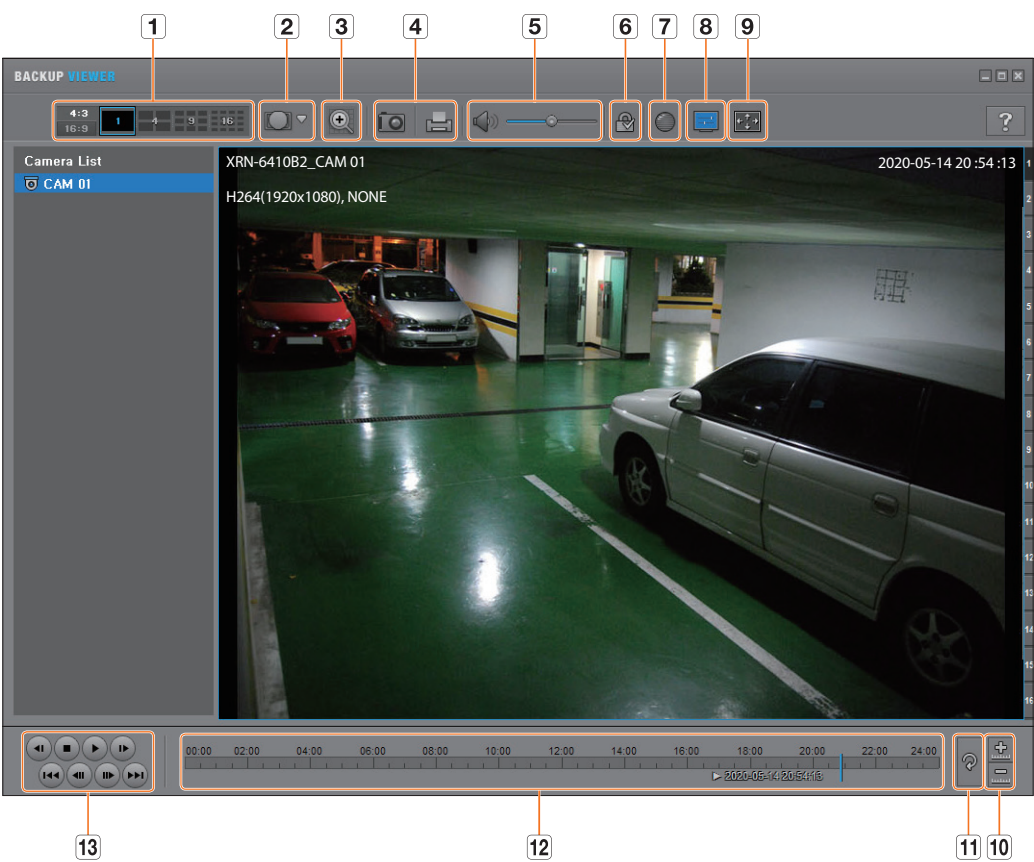
Yêu cầu hệ thống đề xuất

Các PC có thông số kỹ thuật thấp hơn khuyến nghị bên dưới có thể không hỗ trợ đầy đủ tính năng phát lại tiến/lùi và phát lại tốc độ cao.

Thông số kỹ thuật của PC














Tên	Yêu cầu tối thiểu	Đề xuất
CPU	Intel Pentium 2.5GHz trở lên	Intel i7(3.5GHz) trở lên
RAM	4 GB trở lên	8 GB trở lên
HDD	200 GB trở lên	500 GB trở lên
Bộ nhớ VGA	512 MB trở lên	1 GB trở lên
Độ phân giải màn hình	1280x1024 trở lên	1920x1080 trở lên
HĐH	Windows 7, 8, 10	

Bố cục màn hình Trình xem sao lưu



Tên		Mô tả
1	Màn hình chia	Chọn tỷ lệ màn hình để hiển thị.
		Màn hình đã chuyển thành màn hình chia.
2	Chế độ xem mắt cá	Có thể ấn vào < > để thay đổi loại cài đặt mắt cá. Có thể chọn chế độ tường/mặt đất/trần nhà tùy theo nơi lắp đặt.
		Chế độ xem mắt cá trên màn hình hiện tại có thể được thay đổi độc lập trong mỗi màn hình chia.
3	Thu phóng kỹ thuật số	Phóng lớn hình ảnh lên tới 100 lần sao cho lớn như hình ảnh hiện tại. Nhấn vào nút Phóng to () để phóng to hình ảnh, nhấn vào nút Thu nhỏ () để thu nhỏ hình ảnh. Bạn cũng có thể sử dụng thanh trượt () trong cửa sổ mới để phóng to/thu nhỏ. Nhấn vào () trên video đã thay đổi kích thước để khôi phục hệ số thu phóng mặc định (100%). Nếu bạn phóng to hình ảnh hơn 200%, vùng phóng to sẽ được đánh dấu trên màn hình thu phóng kỹ thuật số. Nhấp vào vùng đánh dấu rồi di chuyển đến vị trí bạn muốn. Tính năng thu phóng kỹ thuật số được áp dụng cho toàn bộ trình xem sao lưu. Khi hủy thu phóng kỹ thuật số, kích thước video sẽ về lại tỷ lệ mặc định là 100%.

trình xem xuất

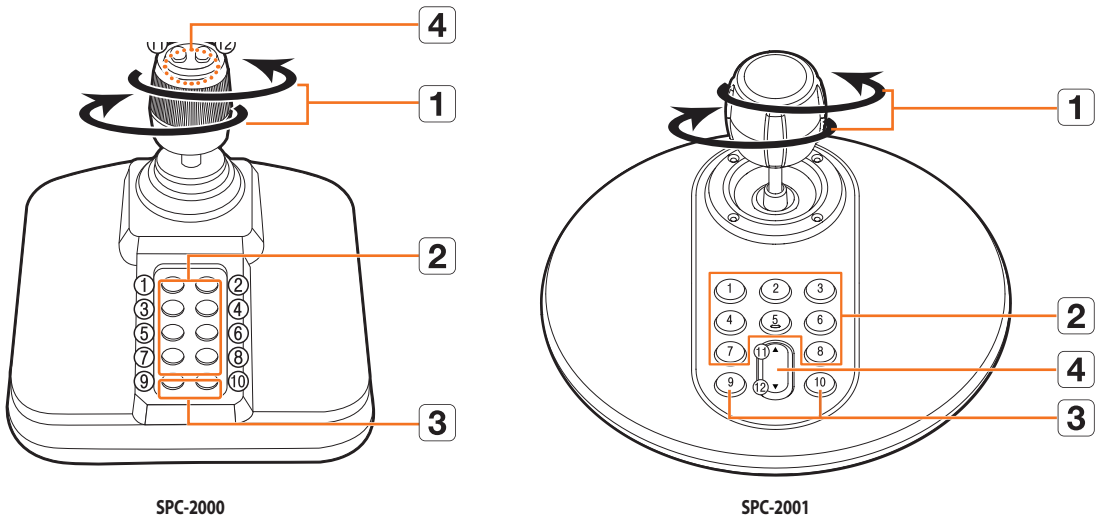
Tên			Mô tả
4	Bản in màn hình		Lưu hình ảnh video hiện tại dưới dạng tệp ảnh. Hỗ trợ định dạng tệp JPEG.
			In màn hình hiện tại. Bạn phải cài đặt trình điều khiển máy in thích hợp trước khi có thể in màn hình.
5	Âm thanh		Nút bật/tắt. Mỗi lần bạn nhấn nút này, đầu ra âm thanh sẽ chuyển đổi giữa trạng thái kích hoạt và hủy kích hoạt.
			Bạn có thể điều chỉnh mức âm lượng từ 0 đến 100.
6	Hình nền mờ		Nhấn nút này để kích hoạt cảm biến giả mạo tệp nhằm phát hiện việc giả mạo tệp dữ liệu.
7	Bỏ xen kẽ		Bạn có thể kích hoạt chức năng Bỏ xen kẽ.
8	Hiển thị OSD		Đánh dấu vào hộp kiểm OSD để hiển thị thông tin về OSD trên màn hình phát lại sao lưu. Thông tin như ngày sao lưu, ngày trong tuần, thời gian, tên model và số kênh sẽ hiển thị trên màn hình.
9	Duy trì tỷ lệ tỷ lệ/Toàn màn hình		Giữ tỷ lệ khung hình của màn hình phát lại.
			Phát video trên toàn màn hình.
10	Phóng lớn/thu gọn đồng thời gian		Thu gọn khoảng thời gian hiển thị trên thanh phạm vi thời gian lưu trữ. Bạn có thể thu gọn thanh phạm vi cho đến khi phạm vi chung bị rút ngắn về 24 giờ.
			Phóng lớn khoảng thời gian hiển thị trên thanh phạm vi thời gian lưu trữ. Bạn có thể phóng lớn thanh phạm vi cho đến khi phạm vi chung được phóng lớn đến 1 phút.
11	Khôi phục dòng thời gian		Khôi phục dòng thời gian về mặc định.
12	Hiển thị khoảng thời gian lưu trữ		Hiển thị khoảng thời gian lưu trữ tệp video. Bạn có thể di chuyển đường lưới của thanh phạm vi để chọn thời điểm cần phát.
13	Điều khiển phát lại		Bạn có thể điều chỉnh việc phát lại video của dòng thời gian.

phụ lục

SỬ DỤNG CẦN ĐIỀU KHIỂN

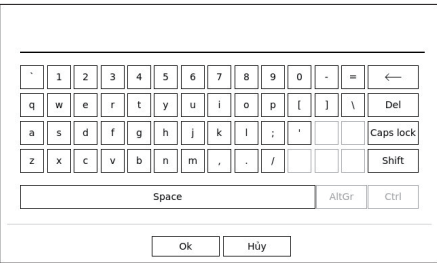
Chức năng này chỉ sẵn có với sản phẩm hỗ trợ cần điều khiển. Đối với các sản phẩm hỗ trợ cần điều khiển, hãy tham khảo trang "**Các chức năng được model hỗ trợ**".

Cần điều khiển SPC-2000/2001 hoạt động như sau:



Tên		Mô tả
1	Lên/Xuống/Trái/Phải	Ở chế độ PTZ, camera có thể lia, nghiêng và điều khiển theo 8 hướng. Ở chế độ màn hình, có thể chọn ô trên/dưới/trái/phải. ■ Khi bạn nhấn vào nút Gán/Xa trong khi kiểm soát bằng cần điều khiển, bạn có thể thực hiện kiểm soát đồng thời.
	Xoay	Ở chế độ PTZ, màn hình này được phóng to khi xoay theo chiều kim đồng hồ và thu nhỏ khi xoay ngược chiều kim đồng hồ.
2	1~8	Ở chế độ PTZ, thiết lập sẵn số 1~8 sẽ được chạy. Chế độ màn hình hoạt động như sau. 1: Thay đổi bố cục trực tiếp/2: Tìm kiếm 3: Xuất/4: Chế độ thu phóng 5: Vô hiệu hóa/6: Âm thanh 7: Bảo động/8: Ghi
3	9	Nút này cho phép thoát khỏi chế độ PTZ trong chế độ PTZ. Nút này được dùng để chuyển chế độ màn hình thành chế độ PTZ.
	10	Nút này cho phép thoát khỏi chế độ PTZ trong chế độ PTZ. Quay lại màn hình trước đó ở chế độ màn hình.
4	11,12	Ở chế độ PTZ, hoạt động Lấy nét gần/xạ được chạy. Khi sử dụng chế độ màn hình, bạn có thể thực hiện các hoạt động tương tự bằng cách di chuyển chuột.



SỬ DỤNG BÀN PHÍM ẢO



- Cửa sổ bàn phím ảo xuất hiện để nhập chữ và số.
- Dùng chuột, nhấp vào tab ký tự bạn muốn.
- Chọn **<Ok>**.
Từ đã nhập sẽ được áp dụng.
 - Nếu bạn muốn nhập ký tự đặc biệt hoặc chữ viết hoa, hãy chọn **<Caps lock>** hoặc **<Shift>**.
 - Việc sử dụng bàn phím ảo cũng giống như cách sử dụng bàn phím thông thường tại khu vực của bạn.
 - ID của bạn có thể kết hợp các chữ hoa/chữ thường và số bất kỳ.
 - Nếu mật khẩu dài 8 đến 9 ký tự, bạn có thể kết hợp ít nhất ba loại ký tự khác nhau sau đây: chữ hoa/chữ thường, số và ký tự đặc biệt.
 - Nếu mật khẩu dài 10 ký tự trở lên, bạn có thể kết hợp ít nhất hai loại ký tự khác nhau sau đây: chữ hoa/chữ thường, số và ký tự đặc biệt.


phụ lục

KHẮC PHỤC SỰ CỐ

Vấn đề	Hành động
Video trực tiếp bị chậm hoặc bị ngắt.	<ul style="list-style-type: none">Bộ số khung hình cho bộ truyền nhiều dữ liệu trong môi trường camera hoặc mạng có thể khác với tốc độ truyền thực tế. Nhấp vào <  > ở cuối màn hình để kiểm tra số khung hình đến/kênh và số khung hình thực tế đã phát. Khi bạn đăng ký một camera, hồ sơ Live4NVR sẽ được tạo theo mặc định. Nếu cần, hãy vào “Thiết lập > Camera > Thiết lập hồ sơ > Chỉnh sửa” và thay đổi số khung hình.Nếu bạn vẫn thấy video bị chậm hoặc bị ngắt, hãy kiểm tra môi trường mạng hoặc tình trạng camera.
Hệ thống không bật và chỉ báo trên bảng mặt trước hoàn toàn không hoạt động.	<ul style="list-style-type: none">Kiểm tra xem hệ thống nguồn điện đã được kết nối đúng chưa.Kiểm tra hệ thống cho điện áp đầu vào từ nguồn điện.Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn ngay cả khi bạn đã thực hiện các hành động trên, hãy kiểm tra với nhà cung cấp nguồn điện và thay thế nguồn mới nếu cần.Kiểm tra bên trong xem dây cáp đã được kết nối đúng cách chưa. (SMPS, FRONT)
Đầu vào video vẫn ổn, nhưng video trên một số kênh không hiển thị đúng hoặc hiển thị bất thường (ví dụ: màn hình đen, màn hình đen trắng).	<ul style="list-style-type: none">Kiểm tra xem camera có được cấp nguồn đúng cách không.Kiểm tra trạng thái cáp đã kết nối với camera và kết nối lại sau khi thay thế hoặc ngắt kết nối cáp.Kiểm tra đầu ra video kết nối với Trình xem web của camera.Kiểm tra xem cổng mạng có được kết nối đúng và cài đặt mạng đã được đặt đúng hay chưa.Việc thay đổi hub hỗ trợ Gigabit có thể giải quyết vấn đề này.
Màn hình liên tục hiển thị hình ảnh logo.	<ul style="list-style-type: none">Điều này có thể xảy ra do sự cố với bảng mạch chính hoặc phần mềm liên quan bị hỏng. Liên hệ với trung tâm dịch vụ gần nhất để biết thêm thông tin.
Nút Kênh không hoạt động trên màn hình Trực tiếp.	<ul style="list-style-type: none">Nút Kênh không hoạt động nếu màn hình hiện tại đang ở chế độ giám sát sự kiện.
Con trỏ không chuyển sang nút Bắt đầu khi tôi bắt đầu tìm kiếm lịch.	<ul style="list-style-type: none">Kiểm tra xem kênh này và ngày bạn muốn phát đã được đánh dấu V chưa. Cả kênh và ngày đều phải được đánh dấu thì bạn mới có thể bắt đầu phát bằng nút Bắt đầu.
Màn hình của máy hiển thị đã kết nối hiển thị không bình thường hoặc không hiển thị.	<ul style="list-style-type: none">Kiểm tra xem đã kết nối đúng cách cáp cần thiết với màn hình chưa.Một số màn hình không hỗ trợ đầu ra Thiết bị lưu trữ (HDMI1 hoặc HDMI2/VGA). Kiểm tra độ phân giải màn hình.<ul style="list-style-type: none">HDMI1: 3840x2160(30 Hz), 1080P, 720P, 1280x1024HDMI2/VGA: 1920x1080, 1280x720, 1280x1024, 1024x768Ngắt kết nối cáp máy hiển thị khỏi thiết bị lưu trữ và kết nối lại.
Màn hình logo trong phần khởi động ngừng ở trạng thái <  >.	<ul style="list-style-type: none">HDD có thể có vấn đề. Hãy đến trung tâm dịch vụ khách hàng gần nhất để kiểm tra HDD.
Không có phản hồi khi kiểm soát PTZ trong trình xem trực tiếp.	<ul style="list-style-type: none">Kiểm tra xem Camera được đăng ký có hỗ trợ chức năng PTZ không.

Vấn đề	Hành động
Camera không kết nối hoặc PC không thể kết nối với sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none">Kiểm tra xem đã kết nối cáp mạng đúng cách chưa.Đảm bảo rằng bạn đã đặt Mạng - Chế độ kết nối.Kiểm tra cài đặt IP của PC hoặc camera.Thử kiểm tra Ping.Kiểm tra xem có thiết bị nào khác gần sản phẩm sử dụng cùng IP không.
Tôi đã đăng ký camera, nhưng trình xem web không hiển thị video trực tiếp.	<ul style="list-style-type: none">Sau khi đăng ký camera, người dùng cần chỉnh sửa/lưu bố cục mình muốn, rồi chế độ chia màn hình và màn hình trực tiếp phù hợp với cài đặt mới xuất hiện.
Hình ảnh camera đầu vào quá sáng hoặc quá tối.	<ul style="list-style-type: none">Kiểm tra cài đặt camera được đăng ký trong “Thiết lập > Camera > Cài đặt camera”.
Cửa sổ thiết lập thời gian sẽ hiện lên.	<ul style="list-style-type: none">Thông báo này sẽ hiển thị nếu xảy ra vấn đề với cài đặt thời gian của đồng hồ bên trong hoặc lỗi trong chính đồng hồ. Liên hệ với đại lý hoặc trung tâm dịch vụ để biết thêm thông tin.
Thanh thời gian không hiển thị trong Chế độ tìm kiếm.	<ul style="list-style-type: none">Dòng thời gian có thể chuyển giữa chế độ bình thường và chế độ mở rộng. Ở chế độ mở rộng, thanh thời gian có thể không hiển thị trong dòng thời gian hiện tại. Chuyển sang chế độ bình thường hoặc dùng nút trái/phải để điều hướng qua thanh thời gian.
Biểu tượng “NO HDD” (KHÔNG CÓ HDD) và thông báo lỗi sẽ hiển thị.	<ul style="list-style-type: none">Nếu bạn hoàn toàn chưa định dạng HDD đã mua hoặc chưa định dạng HDD ở định dạng được Thiết bị lưu trữ hỗ trợ thì biểu tượng “NO HDD” (KHÔNG CÓ HDD) () sẽ hiển thị ở góc trên cùng bên trái. Khi biểu tượng “NO HDD” (KHÔNG CÓ HDD) hiển thị, vào phần “Thiết lập > Thiết bị > Thiết bị lưu trữ” và chọn trạng thái kết nối HDD, rồi định dạng HDD.Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn ở điều kiện bình thường, hãy liên hệ với trung tâm dịch vụ gần nhất để yêu cầu nhân viên bảo dưỡng kiểm tra HDD.
Tôi đã cài đặt HDD bổ sung trên Thiết bị lưu trữ nhưng không nhận dạng được HDD.	<ul style="list-style-type: none">Xem danh sách tương thích để kiểm tra xem HDD bổ sung có được Thiết bị lưu trữ hỗ trợ hay không. Để biết danh sách tương thích, hãy liên hệ với đại lý mà bạn mua Thiết bị lưu trữ.
Tôi đã kết nối thiết bị lưu trữ bên ngoài (Bộ nhớ USB, HDD USB) với Thiết bị lưu trữ nhưng có vẻ Thiết bị lưu trữ không nhận dạng được.	<ul style="list-style-type: none">Xem danh sách tương thích của các thiết bị lưu trữ bên ngoài để biết liệu Thiết bị lưu trữ có hỗ trợ thiết bị kết nối không. Để biết danh sách tương thích, hãy liên hệ với đại lý mà bạn mua Thiết bị lưu trữ.
Nếu tôi nhấn phím ESC ở chế độ toàn màn hình của Trình xem web, hệ thống không chuyển sang chế độ chia bình thường.	<ul style="list-style-type: none">Nhấn các phím ALT+TAB để chọn 'ACTIVE MOVIE' (PHIM HOẠT ĐỘNG) rồi nhấn lại vào phím ESC. Hệ thống này sẽ chuyển sang chế độ chia bình thường.
Rất khó có thể định cấu hình mạng để sử dụng tính năng tìm kiếm, xuất và bộ định tuyến mặc định.	<ul style="list-style-type: none">Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng.Nếu bạn muốn kiểm tra thông tin cơ bản về sản phẩm để bắt đầu nhanh, hãy tham khảo Hướng dẫn nhanh (xuất, tìm kiếm).Nếu bạn sử dụng bộ định tuyến này cho kết nối mạng, hãy tham khảo phần “Kết nối và cài đặt mạng” trong Hướng dẫn nhanh.
Tôi không nhớ mật khẩu.	<ul style="list-style-type: none">Liên hệ với quản trị viên Thiết bị lưu trữ để được trợ giúp.

Vấn đề	Hành động
Không thể phát dữ liệu đã xuất trên PC hoặc thiết bị lưu trữ.	<ul style="list-style-type: none"> Khi cài đặt định dạng tệp để xuất, trước tiên hãy quyết định xem thiết bị cần phát là PC hay thiết bị lưu trữ trước khi cài đặt. Khi phát trên PC, định dạng tệp xuất phải là SEC. Khi phát trên thiết bị lưu trữ, định dạng tệp xuất phải là thiết bị lưu trữ.
Tính năng ghi không hoạt động.	<ul style="list-style-type: none"> Nếu trình phát của bạn hoàn toàn không hiển thị Hình ảnh trực tiếp thì tính năng ghi không hoạt động, vì vậy trước tiên hãy kiểm tra xem bạn có thấy hình ảnh trên màn hình không. Tính năng ghi không hoạt động nếu cài đặt ghi không được định cấu hình đúng. Ghi theo lịch: Chỉ định thời gian bạn muốn trong "Thiết lập > Ghi > Lịch ghi". Quá trình ghi sẽ bắt đầu tại thời điểm quy định. <ul style="list-style-type: none"> Liên tục: Quá trình ghi sẽ tiếp tục trong mọi điều kiện tại thời điểm quy định. Sự kiện: Khi xảy ra sự kiện, việc ghi chỉ diễn ra khi sự kiện là báo động, cảm biến chuyển động và mất hình ảnh. Nếu không tìm thấy sự kiện nào, việc ghi sẽ không diễn ra. Liên tục/Sự kiện: Nếu không tìm thấy sự kiện nào, quá trình ghi liên tục sẽ diễn ra. Trong khi đó, nếu xảy ra một sự kiện, quá trình ghi sự kiện sẽ diễn ra.
Chất lượng hình ảnh của dữ liệu ghi không tốt.	<ul style="list-style-type: none"> Tăng độ phân giải và mức chất lượng trong "Thiết lập > Camera > Thiết lập hồ sơ > Ghi". <ul style="list-style-type: none"> Độ phân giải: Chọn kích thước lớn hơn khi chỉ định kích thước ghi. Hình ảnh ghi ở định dạng CIF cho thấy chất lượng kém hơn khi phóng lớn từ một hình ảnh có kích thước nhỏ. Tốc độ khung hình: Đặt mức tốc độ khung hình cao. Nếu bạn tăng độ phân giải và chất lượng ghi, kích thước dữ liệu sẽ tăng lên theo đó. Vì vậy, HDD sẽ được lấp đầy nhanh hơn. Hoạt động ghi đề sẽ ghi đè lên dữ liệu hiện tại để quá trình ghi diễn ra trong khoảng thời gian ngắn hơn.
Tốc độ khung hình của bản ghi thực tế không khớp với tốc độ khung hình được định cấu hình cho camera.	<ul style="list-style-type: none"> Nếu nhiều hồ sơ được áp dụng cho một camera để truyền video, camera có thể cung cấp luồng video thực tế ở tốc độ khung hình thấp hơn quy định. Định cấu hình camera để sử dụng một hồ sơ cho việc truyền dữ liệu, nếu có thể. Ví dụ: Nếu bạn đặt cùng một hồ sơ cho hồ sơ ghi và hồ sơ mạng thì quá trình ghi thực tế sẽ được thực hiện ở tốc độ khung hình đã chỉ định. Tuy nhiên, màn hình video trực tiếp sử dụng chế độ chia màn hình có thể áp dụng một hồ sơ khác cho camera theo chế độ màn hình đã sử dụng. Lưu ý rằng tỉ lệ bit giới hạn cho phép đối với việc ghi/cài đặt ghi phải có giá trị lớn hơn giá trị của nguồn cấp dữ liệu cho camera.
Trong màn hình cài đặt ghi, mức cho phép đối với một kênh cụ thể được hiển thị bằng màu cam.	<ul style="list-style-type: none"> Nếu dữ liệu đầu vào lớn hơn mức cho phép với mỗi kênh, dữ liệu sẽ hiển thị bằng màu cam. Hãy đặt giới hạn dữ liệu cho phép cao hơn lượng dữ liệu đầu vào. Nếu tổng dữ liệu đầu vào cho mỗi kênh vượt quá giới hạn, biểu tượng báo động sẽ hiển thị. Trong trường hợp này, kênh vượt quá giới hạn đầu vào sẽ không ghi lại toàn bộ khung hình mà chỉ ghi lại khung hình chính (một hoặc hai khung hình/giây).

Vấn đề	Hành động
Trong màn hình trực tiếp, biểu tượng <  > sẽ hiển thị và cửa sổ thông báo cho biết: "Kích thước dữ liệu ghi vượt quá giới hạn. Chỉ ghi các khung hình chính. Vui lòng kiểm tra cài đặt hồ sơ." sẽ hiển thị.	<ul style="list-style-type: none"> Nếu tổng dữ liệu đầu vào cho mỗi kênh vượt quá giới hạn, biểu tượng báo động và cửa sổ mới sẽ hiển thị. Trong trường hợp này, kênh vượt quá giới hạn đầu vào sẽ không ghi lại toàn bộ khung hình mà chỉ ghi lại khung hình chính (một hoặc hai khung hình/giây). Đặt giới hạn dữ liệu cho phép cao hơn lượng dữ liệu đầu vào được nhập trong menu "Thiết lập > Ghi > Thiết lập ghi".
Quá trình ghi sẽ không diễn ra theo cài đặt này.	<ul style="list-style-type: none"> Nếu trạng thái ghi hiển thị 'Vượt quá hiệu suất đĩa cứng tối đa', hãy đặt kích thước ghi theo thông số kỹ thuật về hiệu suất ghi cho từng điều kiện HDD. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "Thiết lập > Cài đặt ghi" trong Mục lục.
Màn hình ghi sẽ chậm lại.	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra xem thông số kỹ thuật hiệu suất ghi cho từng điều kiện HDD có khớp với cài đặt ghi thực tế hay không. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "Thiết lập > Cài đặt ghi" trong Mục lục. Nếu khối lượng dữ liệu của video vượt quá hiệu suất phát, chỉ khung hình chính được phát.
Nếu vẫn tiếp tục mất bản ghi	<ul style="list-style-type: none"> Đặt lại hồ sơ ghi camera để cho toàn bộ kích thước bps ghi phù hợp với hiệu suất ghi của từng điều kiện HDD. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "Thiết lập > Cài đặt ghi" trong Mục lục. Kiểm tra trạng thái HDD và xác định xem có cần kiểm tra kỹ hay thay thế không. Để biết chi tiết, hãy tham khảo trang "Thiết lập > Cài đặt thiết bị > Thiết bị lưu trữ" trong Mục lục.
Khi đăng ký camera ở chế độ PnP, nếu camera không được đăng ký nhưng logo vẫn tải khi cố gắng truy cập.	<ul style="list-style-type: none"> Nếu camera của bạn đang sử dụng IP thủ công, bảng thông IP có thể không khớp với bảng thông IP Mạng 1 của thiết bị lưu trữ. Vui lòng đặt bảng thông IP camera giống với bảng thông IP của thiết bị lưu trữ. Nếu camera của bạn đang ở chế độ DHCP, hãy xem cổng của Mạng 1 có đang hoạt động trong máy chủ DHCP của thiết bị lưu trữ không.

